Theravāda

Phật Giáo Nguyên Thủy

Đức Thế Tôn

Và

45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 5

Tỳkhưu Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-o-o-

A.	Aṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA.	Aṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap.	Apadāna (Ký sự).
ApA.	Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal.	Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Buv.	Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuvA.	Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
Cv.	Cūḷavaṃsa (Tiểu sử).
CvA.	Cūḷavaṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
S.	Dīghānikāya (Kinh Trương bộ).
DA.	Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp.	Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA.	Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv.	Dīpavaṃsa (Đảo sử).
DvA.	Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đảo sử).
Dvy.	Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ).
Iv.	Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA.	Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
S.	Jātaka (kinh Bổn sanh).
JA.	Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bổn sanh).
Lal.	Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
S.	Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA.	Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv.	Mahāvaṃsa (Đại sử).
Mil.	Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu.	Mahāvastu (Đại Sự).
Pv.	Petavatthu (Ngạquỷ sự).
PvA.	Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quỷ sự).
S.	Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA.	Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn .	Suttanipāta (Kinh Tiểu tụng)
SnA.	Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tiểu tụng).
Thag .	Theragāthā (Kệ Trưởng lão Tăng).
ThagA.	Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão tăng).
ThigA.	Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão ni).
Ud.	Udāna (Phật tự thuyết).
UdA.	Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin.	Vinaya (Luật Tạng).
Vv.	Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA.	Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu.
-o-o-o-

Mỗi mảnh đời là một khung trời nhỏ, có những khung trời diễm ảo, rộn tiếng chim ca, hoa nở rợp trời, đường đi trải hoa, lót gấm, đóng khung bằng nhung lụa tuyệt vời.

Có những khung trời lắm ngả rẽ bi thương, mỗi bước đi là tiếng hát đoạn trường, là những giòng suối lệ trào tuôn.

Đường đi sao lắm nẻo quanh co, gập ghềnh, trắc trở, có nhiều khung cửa hẹp chắn lối.

Có những bậc Thánh nhân tuy đức hạnh tròn đầy khi tuổi vừa lên bảy, như Ngài Sīvali, Ngài Saṅkicca, Ngài Paṇḍita, Ngài Sukha, Ngài Revata ... nhưng mảnh đời riêng khác nhau nhiều nổi.

Ngài Saṅkicca khi còn nằm trong thai bào, mẹ lại qua đời. Tuy ngọn lửa hồng không huỷ hoại thân xác hài nhi, nhưng đã huỷ diệt bóng hình người mẹ thân yêu, hài tử chưa một lần được nhìn thấy mẹ, chưa một lần được gọi lên hai tiếng "mẹ ơi", chưa một lần được nếm những giọt sữa ngọt ngào thắm đượm thâm tình mẫu tử.

Ngài Sīvali phải "bảy năm sống trong chiếc bình đầy máu, 7 ngày mê man trước khi chào đời", cả `mẹ lẫn con đều oằn oại trong làn gió lốc ác nghiệp duyên.

Ngược lại, Ngài Paṇḍita, Ngài Sukha từ trong danh gia vọng tộc với đại tài sản lại muốn xuất gia, sau 8 ngày đã không còn "mang nợ tín thí", là chủ nhân của 7 kho Thánh sản: Tín, giới, tàm, quý, văn, thí, tuệ; thong dong tự tại vượt ra khỏi bến nước tử sinh.

Ngài Rādha lại gặt lấy nổi buồn phiền, bị gia đình bỏ rơi. Bị vợ con xem "như người xa lạ" khi tuổi đã "bóng ngã về chiều", muốn xuất gia lại bị khước từ, buồn thay cho "thân già đơn lẻ".

Thê lương hơn là Ngài Losakatissa, từ buổi sơ sinh đế lúc lúc mệnh chung, chỉ được no lòng một bữa cuối cùng.

Một Thánh nữ Alahán tương lai với "trí nhạy bén" cao tột, lại "thương nhớ gã tử tù quay quắt", đến nỗi "chàng chết rồi, ta cũng chẳng tha thiết sống".

Nhưng rồi "chính kẻ nàng thương, lại muốn giết nàng để đoạt lấy những trang sức vô tri". Ôi !. Tình là đâu? Nghĩa là đâu? Thương yêu đó, giết nhau cũng đó.

Kinh sợ thay "nghiệp quả luân hồi", kinh cảm thay "phiền não luân hồi", cuốn hút chúng sinh rơi vào hố sâu sinh sinh tử tử triền miên.

Đọc những "mảnh đời riêng" của các bậc Thánh hiền, người có trí suy gẫm về "nhân quả và nghiệp báo", đưa tâm lánh xa việc ác, trau dồi thiện nghiệp, tích cực hành pháp, để đường an lạc rộng mở thênh thang, đó là hành trang giúp kẻ lữ hành nhanh chóng đạt "đỉnh cao an toàn tuyệt đối".

Tỳkhưu Chánh Minh cẩn bút.

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bậc Alahán Chánh Đẳng Giác.
-o-o-o-

C- Đệ tử của Đức Xálợiphất.

Đức Sāriptta (Xálợiphất) và Đức Moggallāna (Mụckiềnliên) có chung với nhau rất nhiều đệ tử, ngoài ra còn có nhiều vị Thánh Tăng nổi tiếng do Đức Xálợiphất là tế độ sư, như Trưởng lão Mahā Koṭṭhita (xem tập 4) ..., sau đây là một số vị Thánh Tăng đệ tử của Đức Xálợiphất.

1- Trưởng lão Rādha.

Theo Sớ giải "Kệ trưởng lão Tăng" (bản của Miến Điện), Ngài Rādha sinh ra trong một gia tộc Bàlamôn ở thành Vương Xá (Rājagaha). Khi về già không còn sức lực, Ngài bị gia đình xem là một gánh nặng, vì gia cảnh nghèo khó, thiếu thốn y phục, vật thực.

Như trong lời tự thuật của Ngài:

5976- Pacchimabhave sampatte giribbajjapuruttame;
Jāto vippakule'niddhe vikalacchā danāsane.

"Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi được sinh ra tại thành Giribbajja trong gia tộc Bàlamôn không được sung túc, bị thiếu thốn y phục và thức ăn"[1].

Bàlamôn Rādha bị vợ con bỏ rơi, không nuôi dưỡng, ông muốn xuất gia, nên đi đến Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra) xin các vị Tỳkhưu cho ông xuất gia, nhưng các vị Tỳkhưu không chấp nhận, vì không muốn có người học trò tuổi quá cao (khi ấy Ngài Rādha khoảng 80 tuổi).

Phiền muộn vì bị gia đình rẻ rúng, muốn xuất gia lại không được chấp thuận, Bàlamôn Rādha đã già còn già hơn trước tuổi.

Thân thể tựa như bộ xương được bọc bởi tấm lưới "gân xanh".

Có câu hỏi rằng. Vì sao các Ngài không muốn cho Bàlamôn Rādha xuất gia?

Đáp. Người đã cao tuổi, khi xuất gia trong Giáo pháp này có 5 điều khó khăn là:

a- *Khó dạy bảo* (nipuṇo).

Vì có những thói quen, tật xấu, khó bỏ được. Lại nữa, có tính ngã mạn, vì nghĩ là "ta đã già", so tuổi tác ta đáng cha, đáng chú của các vị Tỳkhưu trẻ, dù rằng các vị ấy xuất gia trước.

b- Khó có được hạnh kiểm trọn vẹn (akappasampanno).

Là cách đi đứng không được trang nghiêm, cách thức đắp y không tề chỉnh ...

c- Khó thuộc kinh điển (na bahusuto).

Vì trí nhớ kém, không còn nhạy bén như người trẻ tuổi.

d- Khó thành vị thuyết giảng đúng pháp (na dhammakathiko).

e- Khó gìn giữ Giới luật (na vinayadhato).

Là không chịu thu thúc mình vào khuôn khổ Giới luật.

Vào một buổi sáng nọ, Bàlamôn Rādha đi đến nơi ngụ của Đức Thế Tôn; sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn, ông ngồi vào nơi hợp lẽ.

Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thấy được được ước nguyện trong quá khứ của Bàlamôn Rādha, đồng thời thấy ông có khả năng chứng đắc Thánh quả Alahán, nên Đức Thế Tôn mở lời rằng:

- Này Bàlamôn, ông có được vợ con chăm sóc chu đáo không?

- Bạch Thế Tôn, họ đã rời xa con, không còn chăm sóc con nữa. Trong thực tế họ đối với con hoàn toàn xa lạ, vì con là một gánh nặng cho họ, con vô dụng quá.

- Này Bàlamôn, vậy sao ông không xuất gia? Xuất gia trở thành vị Tỳkhưu không tốt đẹp hơn sao?

---

[1]- ĐĐAp.ii, Kệ ngôn trưởng lão Rādha (Rādhttherāpadānaṃ) .

- Bạch Thế Tôn, con muốn được xuất gia, nhưng các vị Tỳkhưu không nhận con là đệ tử.

- Vậy chiều nay ông hãy đến Giảng pháp đường.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Vào buổi chiều hôm ấy, Đức Thế Tôn cho triệu tập chư Tăng đến Giảng Pháp đường, hỏi rằng:

- Này các Tỳkhưu, các thầy có biết vì sao Bàlamôn Rādha này hốc hác, xanh xao, thân thể như bộ xương khô được bọc bởi tấm lưới gân xanh như vầy chăng?

- Bạch Thế Tôn, Bàlamôn Rādha bị vợ con bỏ rơi, không nuôi dưỡng. Ông muốn xuất gia trong Giáo pháp này, nhưng các Tỳkhưu chưa chấp thuận, vì ông quá già?

- Vậy có Tỳkhưu nào nhớ được điều tốt đẹp nào của Bàlamôn Rādha này chăng?

Khi ấy, Đức Xálợiphất bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, con nhớ Bàlamôn Rādha có làm một việc tốt đẹp.

- Này Xálợiphất, đó là việc gì?

- Bạch Thế Tôn, có lần con đi khất thực trong thành Vương xá (Rājagaha), Bàlamôn Rādha có cúng dường đến con một muổng cơm.

- Lành thay, lành thay, này Xálợiphất, bậc trí (sappurisa) thường nhớ đến việc tốt người khác đã làm cho mình, và tìm cách đền đáp lại. Vậy này Xálợiphất, hãy cho Bàlamôn này xuất gia Tỳkhưu đi.

- Bạch Thế Tôn, con phải làm như thế nào để tế độ Bàlamôn Rādha trở thành vị Tỳkhưu.

Nhân lý do ấy, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp, rồi dạy rằng:

- Này các Tỳkhưu, việc cho xuất gia Tỳkhưu bằng cách "nương nhờ Tam bảo", kể từ hôm nay được hủy bỏ.

Ta cho phép xuất gia thọ giới Tỳkhưu bằng "cách thức thông báo đến lần thứ tư" (ñatti catuttha kamma vācā - Tứ tác bạch tuyên ngôn).

Rồi Đức Phật định ra nghi thức xuất gia Tỳkhưu[1], nghi thức "thọ giới Tỳkhưu bằng "tác bạch bốn bận" được giữ đến thời hiện tại này.

Nên lưu ý. Sự xuất gia Tỳkhưu của Ngài Rādha được diễn ra "khoảng giữa hai ngày trăng tròn của tháng Māgha và tháng Phagguna (là khoảng giữa ngày 15 tháng giêng và 15 tháng 2 âl, theo lịch VN).

Tăng đoàn được thành lập vào ngày trăng tròn tháng Māgha, khi ấy số lượng Thánh Tăng Alahán ở thành Vương Xá chưa vượt qua con số 1.500 vị, nhưng vào thời điểm xuất gia Tỳkhưu của Ngài Rādha, số lượng lên đến hơn 2.000 vị, từ đó dự đoán được thời điểm xuất gia của Ngài Rādha. Có khả năng, Ngài Rādha là đệ tử đầu tiên của Đức Xálợiphất.

Hỏi. Khi còn trong mùa an cư thứ 1, ở Migadāya (rừng Nai), nơi Isipatana (Tiên nhân rơi xuống) gần thành Bārāṇasī (Balanại), Đức Thế Tôn cho phép 60 vị Thánh Alahán lên đường hoằng pháp độ sinh.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn cho phép xuất gia Tỳkhưu bằng cách cho "nương nhờ Tam bảo", Đức Xálợiphất đã biết điều này, vì sao lại hỏi "cách thức cho Bàlamôn Rādha xuất gia Tỳkhưu"?

Đáp. Đây là trí "nhạy bén" của Đức Xálợiphất. Thường xuyên sống gần với Đức Phật, Đức Xálợiphất hiểu ý Đức Thế Tôn như hai người đồng hành hiểu ý nhau.

Trong thực tế, trong số những người đồng hành, Đức Xálợiphất là "người đồng hành thành thạo nhất của Đức Thế Tôn".

Đức Xálợiphất hiểu rằng: "Đức Thế Tôn muốn ban hành "nghi thức thọ giới Tỳkhưu" mới, nghiêm khắc hơn, trang trọng hơn, không còn đơn giản như buổi sơ khai.

---

[1]- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm I. Chương I. Trong yếu (Mahākhandhakaṃ), số 85. Nhưng trong trong Tạng luật không ghi nhân tên "vị Tỳkhưu" này.

Vì vào thời điểm ấy, nơi kinh thành Vương xá đã có đến hơn 2.000 vị Thánh Alahán. Ân đức Thánh Tăng đã tăng thịnh, sự chứng minh của chư Thánh Tăng là một ân điển cho vị tân Tỳkhưu, đồng thời tân Tỳkhưu nhận thức ra rằng: "Các Ngài là vị thầy chứng minh của ta", nên có sự cung kỉnh Tăng chúng.

Mặt khác, khi là vị chứng minh cho giới tử xuất gia Tỳkhưu, ngoài vị Tế độ sư, thầy nương nhờ, thầy dạy pháp, vị Tỳkhưu chứng minh phải ngầm hiểu rằng "chính ta cũng phải có trách nhiệm với vị Tỳkhưu này, vì ta đã đồng ý cho người này thọ giới Tỳkhưu".

Sự "nhạy bén" hiểu ý Đức Thế Tôn của Đức Xálợiphất còn được thể hiện trong lần cho "Rāhula (Lahầula) xuất gia sadi".

Lần lầu tiên trở về kinh thành Kapilavatthu (Catỳlavệ) sau 7 năm xa cách. Vào ngày thứ 7, Thái từ Rāhula vâng theo lời mẹ là bà Yasodharā (Daduđàla), đến xin Đức Phật "tài sản của cha", Đức Phật dạy:

-Này Xálợiphất, hãy cho Rāhula (Lahầula) xuất gia sadi.

- Bạch Thế Tôn, con sẽ cho Rāhula xuất gia sadi như thế nào?

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp, rồi dạy rằng:

- Này các Tỳkhưu, Ta cho phép xuất gia sadi bằng cách cho "nương nhờ Tam bảo".

Rồi Đức Phật dạy cách thức cho xuất gia sadi[1]. Và nghi thức xuất gia sadi được gìn giữ đến hôm nay.

Tuy nghi thức chỉ là "nương nhờ Tam bảo", nhưng sự xuất gia sadi của Thái tử Rāhula (Lahầula) được diễn ra trước Tăng chúng.

Đức Xálợiphất ngầm hiểu Đức Thế Tôn muốn Tăng chúng chấp thuận sự xuất gia của Ngài Rāhula, tức là được trang trọng hơn do tập thể đồng thuận.

Do vậy, Đức Xálợiphất hỏi thăm dò ý của Đức Thế Tôn (theo Sớ giải Tạng Luật, bộ Đại phẩm).

Đức Xálợiphất biết Đức Thế Tôn quan tâm đến Ngài Rādha, nên Đức Xálợiphất đưa Tỳkhưu Rādha vào trú ngụ trong rừng, vì là Tỳkhưu mới thọ giới phải ngồi cuối cùng trong Tăng chúng, nên vật thực rất khiêm tốn, còn Đức Xálợiphất là Thượng thủ thinh văn tay phải nên được ưu tiên khi nhận tứ sự.

Đức Xálợiphất san xẻ tứ sự ấy cho đệ tử, còn Ngài đi khất thực. Được thầy tế độ chăm sóc tận tình, thân của Ngài Rādha dần dần khoẻ mạnh.

Đức Xálợiphất thấy Rādha ở gần Veḷuvana (rừng Trúc) không được thuận lợi, vì cư dân thành Vương xá thường đến viếng Đức Thế Tôn nơi rừng Trúc, nhận diện được Ngài Rādha là "lão Bàlamôn nghèo khổ" trước đây, nên Đức Xálợiphất đưa Ngài Rādha cùng du hành với mình, chỉ một thầy một trò.

Chính thời gian này, Ngài Rādha là thị giả cho Đức Xálợiphất. Trên đường du phương, Đức Xálợiphất dạy Ngài Rādha rằng:

993- Nidhīnaṃ'va pavattāraṃ;
Yaṃ passe vajjadassinaṃ.
Niggayhavādiṃ medhāviṃ;
Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje.
Tādisaṃ bhajamānassa;
Seyyo hoti nā pāpiyo'ti.
"*Như kho tàng chôn dấu;*
Được người thấy chỉ cho.
Được bậc trí thấy lỗi khiển trách;
Hãy thân cận bậc trí.
Thân cận bậc như thế;
Tốt hơn, không ác xấu"[1].

[1]- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm I. Chương I. Trong yếu (Mahākhandhakaṃ), số 118.

Theo lời dạy này, Ngài Rādha giữ tâm nhu nhuyến, là người dễ dạy bảo. Rồi dưới sự hướng dẫn của Đức Xálợiphất, Ngài Rādha tinh cần hành pháp, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú có vài chi tiết khác biệt.

a- Kệ ngôn trên là do Đức Phật thuyết"[2]. Điều này có thể lý giải như sau: Đức Thế Tôn nghe Ngài Xálợiphất tường trình về "sự dễ dạy của Rādha" nhờ được nghe kệ ngôn trên, khi chư Tỳkhưu bàn luận về "sự dễ dạy" của Ngài Rādha, nhân đó Đức Phật lập lại kệ ngôn trên như xác nhận "chính là Phật ngôn", dù đó là kệ ngôn của Đức Xálợiphất.

b- Ngài Rādha là một Bàlamôn già, cư ngụ trong thành Sāvatthi (Xávệ)", ông muốn xuất gia nên đi đến Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), phục vụ chư Tăng, rồi xin được xuất gia, nhưng không được các Tỳkhưu chấp thuận.

Sau khi xuất gia trong Tăng đoàn, Tỳkhưu Rādha chán thực phẩm trong tự viện, Ngài bị Đức Xálợiphất khiển trách, nhưng về sau Đức Xálợiphất hài lòng về sự "dễ dạy" của Ngài Rādha.

Bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" y cứ vào Tạng Luật Đại phẩm, chương Trọng yếu (chương I).

Chương này mang tính chất lịch sử hình thành Luật Tạng, trong chương Trọng yếu có đề cập đến Bàlamôn nghèo khó ở thành Vương xá, nhưng không ghi nhận tên của vị Bàlamôn ấy.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú y cứ vào Tương ưng kinh. Trong Tương ưng kinh, có một chương nói về Ngài Rādha[3], gồm 4 phẩm là: Phẩm 1 (paṭhamavaggo), phẩm 2 (dutiyavaggo), phẩm Không tích lũy trước (ānācayavaggo) và phẩm thân cận (upanisinnavaggo).

Tất cả có 46 bài kinh, đồng thời "nhân duyên ở thành Sāvatthi (Xávệ)" (Sāvatthinidānaṃ).

Trong Sớ giải kinh Tăng chi với bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" (Theragāthā - atthakathā) ghi nhận: "Không bao lâu sau, Ngài Rādha chứng Thánh quả Alahán".

Nhưng trong phẩm "Không tích lũy trước" (Tương ưng kinh) có hai bài kinh, cho thấy khi sống gần Đức Phật trong thành Xávệ, Ngài Rādha chưa chứng Thánh quả Alahán. Như vầy:

a- Tôn giả Rādha có bạch với Đức Phật rằng:

-Bạch Đức Thế Tôn, lành thay, Đức Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần.

Đức Thế Tôn dạy: "Này Rādha, sắc, thọ, tưởng, hành thức là ác ma, là vô thường, là vô thường tánh, là khổ, là khổ tánh, là vô ngã, là vô ngã tánh, là đoạn tận, là đoạn diệt, là tập khởi tánh, là đoạn diệt tánh. Cần phải đoạn trừ dục và tham đối với sắc, thọ, tưởng, hành và thức"[4].

b-Tôn giả Rādha bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, lành thay, Đức Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, để con sau khi nghe pháp, có thể sống một mình, an tịnh không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần.

Đức Phật dạy: "Này Rādha, cái gì là vô thường? Mắt là vô thường, ở đấy ngươi phải đoạn tận lòng ước muốn (chanda). Các sắc là vô thường ... Nhãn thức là vô thường ... Nhãn xúc là vô thường... Do duyên nhãn xúc khởi lên các cảm thọ: Khổ, lạc và xả; các cảm thọ ấy là vô thường, ở đấy ngươi cần phải đoạn trừ lòng mong muốn.

---

[1]- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Xálợiphất (Sāriputtattheragāthā).

[2]- DhpA. Câu số 76.

[3]- S.iii. Chương II, Tương ưng Rādha (Rādhasaṃyuttaṃ).

[4]- S.iii, 198 và S.iii, 199.

Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân ...

Ý là vô thường, ở đấy ngươi phải đoạn trừ lòng mong muốn. Các pháp ... Ý thức ... Ý xúc ... Do duyên ý xúc khởi lên các cảm thọ: Khổ, lạc và xả; các cảm thọ ấy là vô thường, ở đấy ngươi cần phải đoạn trừ lòng mong muốn.

- Này Rādha, cái gì là khổ? Mắt là khổ ...

- Này Rādha, cái gì là vô ngã? Mắt là vô ngã ... [1].

Theo bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" ở trên, thì *"không bao lâu sau"* Ngài Rādha chứng quả Alahán.

Từ *"không bao lâu sau"* không xác định rõ ràng lắm về "thời gian".

Có thể hiểu, khi còn trú ngụ nơi thành Vương xá, Ngài Rādha chưa chứng Thánh quả Alahán.

Khi Đức Phật tiếp nhận Đại tự Kỳviên, Ngài Rādha cùng Tăng chúng về trú ngụ trong thành Xávệ, chính ở nơi này, Ngài Rādha hỏi pháp từ Đức Phật, rồi nỗ lực hành pháp chứng Thánh quả Alahán.

Cũng có thể hiểu: "Ngài Rādha không phải xuất gia vào mùa hạ đầu tiên của Đức Phật tại thành Vương xá, mà xuất gia tại thành Xávệ".

Có nhiều bài kinh do Đức Phật thuyết để trả lời những câu hỏi của Ngài Rādha, đều xuất phát từ Đại tự Kỳviên như:

a- Bạch Thế Tôn, *"sự chết, sự chết"* (māra), được nói đến như vậy.

Bạch Thế Tôn, ***cho đến như thế nào*** được gọi là "sự chết "?[2].

- Này Rādha, nếu có sắc thời có chết (māra), hay có "kẻ giết chết" (māretā), hay có bị chết (mīyati).

Do vậy, này Rādha, hãy thấy sắc "là chết, là kẻ giết chết, là bị chết", hãy thấy là bệnh, hãy thấy là ung nhọt, hãy thấy là mũi tên, hãy thấy là bất hạnh, hãy thấy tự tánh là bất hạnh.

Những ai thấy sắc như vậy là thấy chân chánh.

Thọ ... tưởng ... hành ... thức...

- Bạch Thế Tôn, *"thấy chân chánh với mục đích gì"*?.

- Này Rādha, thấy chân chánh với mục đích ***nhàm chán***.

- Bạch Thế Tôn, *nhàm chán với mục đích gì*?

- Này Rādha, nhàm chán với mục đích ***ly tham***.

- Bạch Thế Tôn, *ly tham với mục đích gì*?

- Này Rādha, ly tham với mục đích ***giải thoát***.

- Bạch Thế Tôn, *giải thoát với mục đích gì*?

- Này Rādha, giải thoát với mục đích ***Nípbàn.***

- Bạch Thế Tôn, *Nípbàn với mục đích gì*?

- Này Rādha, ngươi đã đi quá xa với câu hỏi này, không thể nắm bắt giới hạn câu hỏi. Này Rādha, Níp bàn là sự thực hành phạm hạnh, Nípbàn là mục tiêu cuối cùng, Nípbàn là cứu cánh [3].

b- Bạch Thế Tôn, *"chúng sinh, chúng sinh* (satta)", được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào được gọi là chúng sinh?.

- Này Rādha, đối với sắc nào, có ước muốn (chanda), có khát ái rāga), có hoan hỷ (nandī), có yêu thích (taṅhā) đối với sắc ấy. Ở đó có "trói buộc", ở đó có "cột trói", do đó gọi là chúng sinh (satto).

Đối với thọ nào ... đối với tưởng nào ... đối với hành nào ... đối với thức nào ...

Này Rādha, diệt trừ khát ái là Nípbàn[4].

c- Bạch Thế Tôn, *"ước muốn hữu chấm dứt, ước muốn hữu chấm dứt* (bhavanettinirodho)" được nói đến.

---

[1]- S.iv, 49. Kinh Rādha (1), (2), (3) (Rādhasutta).

[2]- Chữ *māra* ở đây mang ý nghĩa là "sự chết".

[3]- S.iii, 188. Tương ưng Rādha. Kinh Māra (Mārasuttaṃ).

[4]- S.iii,189. Tương ưng Rādha. Kinh Chúng sinh (Sattasuttaṃ).

Bạch Thế Tôn, thế nào là ***ước muốn hữu*** (bhavanetti)? Thế nào là ***"ước muốn hữu chấm dứt"***?

- Này Rādha, đối với sắc nào có ước muốn (chanda), có khát ái rāga), có hoan hỷ (nandī), có yêu thích (taṅhā), có nắm giữ vững chắc (upayupādānā), có tâm kiên định hướng về, có "ngủ ngầm" (anusaya); gọi là *"ước muốn hữu"*.

Đối với thọ ... tưởng ... hành ... thức ...

- Này Rādha, đối với sắc nào, có sự diệt trừ ước muốn, diệt trừ khát ái, diệt trừ hoan hỷ, diệt trừ yêu thích, diệt trừ nắm giữ vững chắc, diệt trừ "tâm kiên định hướng về", diệt trừ "ngủ ngầm"; gọi là *"ước muốn hữu diệt*".

Đối với thọ ... tưởng ... hành .... thức....[1].

Được biết mỗi khi Ngài Rādha đến đảnh lễ, Đức Thế Tôn thường giảng pháp đến Ngài Rādha, Đức Thế Tôn thường dùng ẩn dụ để hướng Ngài Rādha hiểu sâu, bén nhạy về những vấn đề tế nhị, vì Ngài Rādha có tầm hiểu biết sâu rộng (*diṭṭhisamudācāra*) và lòng tin bất thối chuyển (*okappaniyasaddhā*)[2].

Để nói lên sự thành đạt của mình, Ngài Rādha có nói lên hai kệ ngôn:

133- Yathā agāraṃ ducchannaṃ;
Vuṭṭhī samativijjhati.
Evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ;
Rāgo samativijjhati.
"Như ngôi nhà vụng lợp;
Nước mưa xâm nhập vào.
Cũng vậy, tâm không tu;
Khát ái xâm nhập vào".
134- Yathā agāraṃ succhannaṃ;
Vuṭṭhī na samativijjhati.
Evaṃ subhāvitaṃ cittaṃ;
Rāgo na samativijjhati.
"Như ngôi nhà khéo lợp;
Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy, tâm khéo tu;
Khát ái không xâm nhập"[3].

Vào lúc hợp thời, giữa đại chúng Tỳkhưu, Đức Phật tuyên bố:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ paṭibhāneyyakānaṃ yadidaṃ rādho:

"Này các Tỳkhưu, trong đệ tử Tỳkhưu của Ta, tối thắng về "năng khởi biện tài" là Rādha"[4].

Do đó, Ngài Rādha còn được gọi là Paṭibhāniya[5].

Đức Rādha làm thị giả cho Đức Phật một thời gian[6].

****Tiền sự của Đức Rādha***.

Tính từ hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời thế gian đang rực sáng với Phật quang Padumuttara (Liên Hoa).

Tiền thân của Đức Rādha là một Bàlamôn thông thạo ba tạng Vệđà (Veda) cùng chú thuật.

Một lần nọ, Bàlamôn thấy một vị Tỳkhưu được Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) ban cho địa vị là "đệ nhất năng khởi biện tài", ông mong ước địa vị ấy trong thời Đức Chánh giác vị lai.

---

[1]- S.iii, 190. Tương ưng Rādha. Kinh Ước muốn hữu (bhavanettisuttaṃ).
[2]- AA.i. 179; ThagA. i. 254: SA.ii, 246.
[3]- Thag. 7. Chương hai kệ, Kệ ngônTrưởng lão Rādha (Rādhattheragāthā).
[4]- A.i, 25. Chương một pháp. Phẩm Người tối thắng (etadaggavaggo).
[5]- SA. ii. 246.
[6]- AA.i, 163.

Bàlamôn ấy cúng dường đến Đức Phật Padumuttara trọn 7 ngày, vào ngày thứ 7 ông quỳ đảnh lễ dưới chân Đức Phật Padumuttara, ước nguyện đựac địa vị "đệ nhất năng khởi biện tài" trong thời Đức Chánh giác tương lai.

Đức Phât Padumuttara tiên tri rằng: "Sau 100 ngàn kiếp trái đất, kể từ kiếp trái đất này, ước nguyện của thiện gia tử này sẽ trở thành hiện thực trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác có hồng danh là Gotama (CồĐàm), thiện gia tử này có tên gọi là Rādha".

Được nghe lời tiên tri của Đức Phật Padumuttara, gia chủ Bàlamôn ấy hân hoan, từ đó ông tích cực làm việc thiện.

Mệnh chung sinh về cõi trời "Ba mươi ba" (Tāvatiṃsa), hậu thân vị ấy 300 lần làm vua cõi chư thiên, 500 lần làm vua Chuyển Luân[1].

Vào thời Đức Phật Vipassī (TỳBàThi), hậu thân gia chủ Bàlamôn ấy có cúng dường đến Đức Phật Vipassī một trái xoài, mệnh chung được sinh về Thiên giới.

Bổn sanh Alīnacitta (Tâm thu phục).

Trong Sớ giải kinh Bổn sanh, câu chuyện này được Đức Phật thuật lại, về một Tỳkhưu thối thất tinh tấn.

Trong bản Sớ giải kinh Tăng chi và bản Sớ giải kinh Pháp cú, ghi nhận: "Vì Đức Xálợiphất, Đức Phật thuyết lên bổn sự này".

Một hôm, tại Giảng đường trong Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra), các Tỳkhưu ngồi bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư hiền, Tướng quân Chánh pháp thật là người tri ân, tuy chỉ là một muổng cơm mà Ngài vẫn ghi nhớ, rồi đền ơn bằng cách cho Đại đức Rādha xuất gia. Đại đức Rādha cũng là người có sự kiên nhẫn cao, nhu nhuyến, mềm mỏng, dễ dạy.

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Phật nghe chư Tỳkhưu luận bàn như vậy, Ngài suy nghĩ: "Như Lai sẽ làm sáng tỏ vấn đề này cho các Tỳkhưu". Đức Phật ngự đến Giảng đường, ngồi vào ghế đã được soạn sẵn, Ngài hỏi:

- Này các Tỳkhưu, các người đang bàn về việc gì? Đề tài gì được khởi lên ở nơi đây?

Chư Tỳkhưu trình lên Đức Thế Tôn về việc đang bàn luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhưu, không phải hiện tại Xálợiphất là người tri ân, trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhưu, Đức Phật nói lên Bổn sự Alīnacitta.

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì vương quốc Kāsi, có kinh thành là Bārāṇasī (Balanại). Gần thành Balanại có ngôi làng của 500 người thợ rừng, những người thợ rừng thường đi thuyền ngược dòng sông, lên vùng thượng nguồn, đi vào rừng tìm những loại gỗ quý, đốn cây kết thành bè mang về kinh thành Balanại bán cho những nhà quyền quý để xây cất dinh thự hoặc các vật dụng như bàn, ghế ....

Trong rừng có con voi trắng, nó đạp phải thanh gỗ cứng, thanh gỗ nằm trong chân voi, vết thương sưng lên rồi làm mủ, khiến voi trắng đau nhức không thể chịu đựng được.

Nghe tiếng đốn gỗ của nhóm thợ rừng, voi trắng suy nghĩ: "Những người này có thể giúp ta trị hết vết thương nơi chân".

Voi trắng đi đến nơi những người thợ rừng làm việc, trông thấy voi đến, nhóm thợ rừng hoảng sợ bỏ chạy, voi dừng lại. Khi nhóm thợ rừng đứng lại, voi lại đi đến, nhóm thợ rừng bỏ chạy thì voi dừng lại.

Người trưởng đoàn nhóm thợ rừng là bậc có trí, sau vài lần thấy con voi như thế, người thợ rừng suy nghĩ:

- "Con voi không lộ vẽ hung dữ khi đi đến chúng ta. Khi chúng ta bỏ chạy thì nó đứng lại, khi chúng ta đứng yên thì nó lại đi đến.

Chắc nó đang cần chúng ta giúp đở một việc gì đấy".

---

[1]- Ap.ii, Ký sự trưởng lão Rādha (Rādhattherāpadānaṃ), số 5974.

Người trưởng đoàn ra hiệu cho cả nhóm leo lên cây, tìm chỗ ẩn náu an toàn, rồi chăm chú quan sát hành động của con voi.

Con voi đi đến trước nhóm thợ rừng, nằm xuống nhắm mắt lại, duỗi chân bị thương ra, nhóm người thợ rừng thấy chân voi sưng to lên, đang làm mủ.

Người trưởng đoàn hiểu ra rằng: "Con voi muốn chúng ta trị thương". Ông leo xuống đi đến bên con voi, thấy voi vẫn nằm yên lặng, mở mắt ra nhìn như van lơn, xin giúp đở. Hiểu được vấn đề, những người thợ rừng quan sát chân voi, thấy miếng dăm gỗ cứng cắm sâu vào bên trong chân voi, họ liền dùng dao bén khoét quanh miếng dăm gỗ, cột dây vào rồi kéo bật miếng dăm ra khỏi chân voi, sau đó, họ lấy nước rửa sạch mủ máu ở chân voi, tìm lá thuốc băng chân voi.

Khi mủ ở chân tuôn ra, voi bớt đau nhức, vài ngày sau vết thương dần dần lành lại, voi khoẻ mạnh, đi đứng bình thường.

Voi đền ơn nhóm thợ rừng bằng cách giúp nhóm thợ rừng nhổ bật gốc những cây gỗ trong rừng, hoặc kéo gỗ trong rừng ra bờ sông.

Vào giờ ăn, mỗi người thợ rừng mang đến cho voi trắng một phần ăn, voi trắng có được 500 phần ăn của nhóm thợ rừng.

Thời gian sau, voi trắng biết mình yếu sức sắp mệnh chung, đi vào rừng sâu, dẫn về một voi con toàn thân màu trắng thuộc giống voi chúa Gandha cho nhóm thợ rừng.

(Voi chúa Gandha có sức mạnh bằng một triệu người bình thường, như sau:

- Voi Kālāvaka mạnh bằng 10 người bậc trung.
- Voi Gañgeyya mạnh bằng 10 con voi Kālāvaka.
- Voi Paṇḍhara mạnh bằng 10 con voi Gañgeyya.
- Voi Tāmaba mạnh bằng 10 con voi Paṇḍhara.
- Voi Pīṅgala mạnh bằng 10 con voi Tāmaba.
- Voi Gandha mạnh bằng 10 con voi Pīṅgala.
- Voi Maṅgala mạnh bằng 10 con voi Gandha.
- Voi Hema mạnh bằng 10 con voi Maṅgala.
- Voi Uposatha mạnh bằng 10 con voi Hema.
- Voi Chaddanta mạnh bằng 10 con voi Uposatha[1]).

Khi voi trắng bỏ vào rừng sâu, nhóm thợ rừng thương nhớ con voi, khi thấy voi trắng trở lại họ rất vui mừng, con voi mang voi con đến, để biểu lộ ý "tặng voi con đến cho họ", voi trắng bỏ ra đi một mình, voi con chạy theo cha, voi cha dùng âm thanh loài voi dạy voi con quay trở lại, voi con quay trở lại với nhóm thợ rừng. Nhóm thợ rừng nói rằng:

- Này voi con, ở đây chúng ta không dùng ngươi làm gì cả, ngươi hãy trở về với cha ngươi đi.

Nhưng cả ba lần, voi cha đều mang voi con đến cho nhóm thợ rừng, nhóm thợ rừng đành nhận lấy "món quà" của voi cha tặng. Voi cha từ giả nhóm thợ rừng, đi vào nghĩa trang voi.

Voi con phụ giúp nhóm thợ rừng như voi cha từng làm và voi con cũng được 500 phần cơm như voi cha.

(Sớ giải kinh Tăng chi thuật chuyện này chỉ đến đây, để nói lên tính tri ân của Đức Xálợiphất, voi cha là tiền thân của Đức Xálợiphất. Chúng ta tiếp tục câu chuyện Bổn sanh này).

Từ khi ấy, voi trắng là một thành viên trong nhóm thợ rừng, vào cuối ngày làm việc voi con cùng nhóm thợ rừng đi tắm sông vui thích với nhau.

Những loài ngựa quý, voi quý không hề đại tiện trong nước, chúng tìm nơi khô ráo để đại tiện.

---

[1]- VibhA. 397; AA. ii. 822; UdA. 403

Một cơn mưa lớn nổi lên, rồi dòng nước lũ từ rừng đổ vào dòng sông, mang theo những bãi phân voi con.

Một miếng phân khô của voi vướng vào bụi cây ven sông gần bãi tắm công cộng trong thành Balanại.

Những người nài voi của Hoàng cung, mang những con voi ra sông tắm, ngửi mùi phân voi chúa, chúng kinh hoàng, không dám xuống nước tắm, cố gắng chạy khỏi nơi đó với cái đuôi cong dựng lên.

Những người nài voi báo lại cho người quản tượng, người huấn luyện voi suy nghĩ: "Chắc chắn trong nước đã có vật gì, chính vật ấy đã làm cho đàn voi trong Hoàng cung kinh sợ".

Người quản tượng cho tìm kiếm xung quanh bãi tắm công cộng, phát giác miếng phân khô của voi trắng. Người quản tượng báo cho vua Brahmadatta biết rằng: "Có dấu hiệu voi chúa xuất hiện, voi chúa này ở vùng thượng nguồn sông. Phân voi chúa theo nước lũ trôi xuống kinh thành Balanại này, khiến cho đàn voi trong Hoàng cung kinh sợ".

Các quan đại thần đề nghị:

- Thưa đại vương, chúng ta may mắn phát hiện được dấu tích của voi chúa trước tiên. Chắc chắn phân voi chúa sẽ trôi xuống vùng hạ nguồn, nếu như vua nước khác phát hiện, tìm thấy được voi chúa thì vương quốc của chúng ta khó giữ vững.

Chỉ là phân voi chúa mà còn làm cho 500 con voi của Hoàng gia kinh hoàng, thì còn nói gì đến voi chúa.

Đai vương nên tìm thấy voi chúa cho vương quốc Kāsi này.

Nghe theo lời đề nghị các đại thần, vua Brahmadatta cùng đại quân ngược dòng sông lên vùng thượng nguồn, đại quân đến vùng làm việc của nhóm thợ rừng.

Khi biết vua Brahmadatta đến, năm trăm người thợ rừng đi đến đảnh lễ Đức vua. Bấy giờ voi trắng đang tắm sông, nghe tiếng chiêng trống, nó chạy nhanh đến nhóm thợ rừng, nhóm thợ rừng thưa rằng:

- Thưa Đại vương, nếu đại vương cần gỗ, cứ cho chúng con biết, chúng con sẽ mang về kinh thành cho Đại vương, Đại vương không cần phải ngự đến rừng sâu này.

- Này các người thợ rừng, Ta đến đây không phải đi tìm gỗ quý, ta đến đây để tìm voi chúa.

- Thưa Đại vương, nơi rừng này không có voi chúa đâu, loài voi dường như không có nơi đây. Chỉ có con voi trắng cùng làm việc với chúng con thôi.

Nghe vậy, những đại thần có trí hiểu ngay rằng: "Chính voi trắng của nhóm thợ rừng này là voi chúa, vì có voi chúa ở đây các con voi khác không dám đến nơi này".

Các Đại thần thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, chính voi trắng của nhóm thợ rừng này là voi chúa. Có voi chúa thì các con voi khác không dám đến.

Bấy giờ voi trắng đi đến nhóm thợ rừng, voi trắng tựa như ngọn đồi nhỏ di chuyển nhẹ nhàng nhưng nhanh nhẹn.

Nhìn thấy voi trắng, cả triều thần vua Brahmadatta sững sờ, như chưa từng thấy một con voi xinh đẹp đầy uy mãnh như thế.

Đức vua Brahmadatta nói với nhóm thợ rừng rằng:

- Này các người thợ rừng, voi trắng này là chi của các ngươi.

- Thưa đại vương, là bạn của chúng con, là tăng vật của một voi cha, voi cha cho chúng con voi trắng này.

Rồi nhóm thợ rừng thưa đến Đức vua Brahmadatta chuyện "voi cha đền ơn". Nghe vậy, vua Brahmadatta nói:

- Này các người, hãy tặng ta con voi trắng này đi.

- Vâng thưa Đại vương.

Nhưng voi trắng không chịu đi theo Đức vua, voi trắng đứng yên không nhúc nhích, dù nhóm thợ rừng bảo: "Này voi trắng, hãy theo Đức vua về kinh thành Balanại đi".

Hiểu tính voi, nên người quản tượng thưa với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, Tương vương muốn Đại vương đền bù xứng đáng cho những người chủ cũ của mình.

Đức vua nói với Tượng vương rằng:

- Này bạn, có phải bạn muốn ta đền ơn những người chủ cũ của bạn một cách xứng đáng chăng?

Tượng vương biểu lộ cử chỉ đồng ý, vua Brahmadatta cho mang tiền vàng đặt ở 6 chỗ: 4 chân, đuôi và đầu; số tiền vàng cao đến khỏi đầu, nhưng Tương chúa vẫn đứng yên, người quản tượng thưa với vua Brahmadatta rằng:

- Tượng chúa muốn đại vương tặng quà cho gia đình 500 người thợ rừng này.

Những người vợ, người con của nhóm thợ rừng được Đức vua Brahmadatta ban tặng gấm, lụa quý cùng đồ chơi, trang sức, cho đến khi voi chúa hài lòng.

Tượng chúa đưa vòi vào miệng rống lên tiếng rống từ giả những người chủ cũ, sau khi đền ơn cho họ xứng đáng, tượng chúa theo vua Brahmadatta đến thành Balanại.

Đức vua Brahmadatta cho tổ chức "lễ rước Tượng chúa", kinh thành Balanại được trang hoàng xinh đẹp, một khu đất rộng thoáng được nhanh chóng kiến tao là nơi trú ngụ của Tượng chúa, nơi ấy hoành tráng, xinh đẹp như một hoàng cung thứ hai của vua Bramadatta.

Về đến kinh thành, Tượng chúa đi quanh thành 3 vòng, dáng đi uy nghi kiểu cách, tựa như Đức vua đi xem xét lãnh địa của mình.

Đức vua Brahmadatta làm lễ "phong vương cho tượng chúa", xem tượng chúa là bạn của mình, chia đôi giang san cho tượng chúa.

Từ khi có được Tượng chúa, các nước lân cận dần dần quy phục, vua Brahmadatta thống trị toàn cõi Ấn cổ.

Khi mệnh chung từ thiên giới, Bồtát sinh vào thai bào của Hoàng hậu xứ Kāsi, khi sắp đến ngày sinh Bồtát thì vua Brahmadatta mệnh chung.

Tang lễ của vua Brahmadatta không được tiết lộ cho Tượng chúa biết, vì các quan đại thần và hoàng tộc e ngại Tượng chúa sẽ bể tim chết.

Nhưng tin đó không giữ kín được lâu, lan đến quốc độ Kosala, nhân lúc dân thành Balanại mất chủ, vua xứ Kosala (Kiềutấtla) kéo đại binh đến vây chặt thành Balanại, gửi chiến thư rằng: "Giao chiến hay giao thành?". Các đại thần cử sứ giả đến điều đình với vua Kosala rằng:

- Hoàng hậu của chúng tôi sẽ sinh con trong vòng 7 ngày, nếu sinh ra Thái tử sẽ chiến tranh, nếu sinh ra Công chúa sẽ giao thành. Xin Đại vương hãy tạm ngưng chiến 7 ngày.

Vua Kosala đồng ý, vào ngày thứ 7, Hoàng hậu hạ sinh một Thái tử, tin Thái tử ra đời làm hân hoan dân thành Balanại, nên Ngài được đặt tên là Alīnacitta (người mang tin vui đến).

Thế là chiến tranh khởi lên, nhưng thành Balanại thiếu người chỉ huy, binh tướng suy nghĩ: "Chúng ta hăng hái chống lại kẻ nghịch, nhưng ai sẽ tưởng thưởng chúng ta khi thắng trận?", do vậy, nhuệ khí suy giảm. Dân thành Balanại thua luôn mấy trận.

Trước tình hình nguy cấp này, các Đại thần trình lên Hoàng hậu rằng:

- Thưa Hoàng hậu, giờ đây đành phải thông báo tin vua Brahmadatta đã mệnh chung, cùng tình hình nguy khổn của thành Balanại đến Tượng chúa, nhờ Tượng chúa bảo vệ Thái tử cùng vương quốc Kāsi này.

Hoàng hậu cho trang điểm Thái tử Alīnacitta thật xinh đẹp, cùng các Đại thần đến vương cung của Tượng chúa.

Hoàng hậu đặt Thái tử Alīnacitta dưới chân Tượng chúa, nói rằng:

- Thưa Tượng vương, đây là con trai của vua Brahmadatta bạn thân của Ngài, Thái tử cũng là con của Ngài. Thưa Tượng vương, chúng tôi giữ kín tin vua Brahmadatta bạn thân của Ngài đã mệnh chung, vì e ngại Ngài buồn khổ có thể vỡ tim chết.

Nhưng giờ đây, vua Kosala (Kiềutấtla) nhân lúc bạn thân của Ngài là vua Brahmadatta mệnh chung, kéo đại quân vây chặt thành Balanại, muốn chiếm đoạt vương quốc Kāsi của con trai Ngài, chúng tôi chiến đấu nhưng vì không có người chỉ huy nên thua luôn mấy trận.

Tình hình hiện nay rất nguy cấp, thành Balanại bị vây hãm, Thái tử còn bé nhỏ, mọi người trong thành mất tinh thần kháng cự.

Thưa Tượng vương, hoặc Ngài hủy diệt đứa bé này, hoặc Ngài bảo vệ nó cùng vương quốc, trao vương quyền cho nó, bằng cách chiến thắng những kẻ xâm lược.

Nghe vậy, Tượng chúa rống lên tiếng rống thảm thiết, đưa vòi cuốn lấy Thái tử Alīnacitta đưa lên đầu, rồi đặt vào tay Hoàng hậu.

Tượng chúa lại rống lên tiếng rống đầy uy mãnh, như nói rằng: "Ta sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ vương quốc của con trai ta, ta sẽ bắt sống vua xứ Kosala".

Tượng chúa ra khỏi vương cung của mình, các quan đại thần mặc áo giáp cho Tượng chúa, rồi mở cổng thành, cùng Tượng chúa ra trận.

Ra khỏi thành Balanại, Tương chúa rống lên tiếng rống của voi chúa đang hồi sung mãn, nghe tiếng rống voi chúa, những voi, ngựa của nghịch quân kinh hoàng, bứt phá chuồng trại để chạy tháo thân, đại binh của vua Kosala rối loạn.

Tượng chúa nhanh như cơn gió lốc xông vào trung quân, ngửi "mùi voi chúa" xuất hiện, đàn voi chiến của vua Kosala càng náo loạn kinh hoàng, kêu rống vang trời, cuống cuồng bỏ chạy trốn, đạp lên người những binh sĩ.

Tượng vương xông thẳng vào nơi trú ngụ của vua Kosala, dùng vòi bắt sống vua Kosala, rồi quay trở lại thành Balanại. Chỉ trong khoảnh khắc đại quân của vua Kosala tan rã, quân thành Balanại xung trận chiến thắng.

Tượng chúa đặt vua Kosala dưới chân Thái tử Alīnacitta, vua Kosala xin thần phục vương quốc Kāsi, Tượng chúa tha chết cho vua Kosala.

Nhận diện Bổn sanh: Voi cha là tiền thân Đức Xálợiphất, vua Brahmadatta là tiền thân vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu là tiền thân Hoàng hậu Māyā, Tượng chúa là tiền thân vị Tỳkhưu thối thất tinh tấn, Thái tử Alīnacitta là tiền thân của Đức Phật.

Đức Phật thuyết lên hai kệ ngôn về bổn sự Alīnacitta như sau:

a- Alīnacittaṃ nissāya;
Pahaṭṭhā mahatī camū.
Kosalaṃ senāsantuṭṭhaṃ;
Jīvaggāhaṃ agāhayi.
"Nương vào Alīnacitta;
Đại quân thêm hân hoan.
Vua Kosala không biết đủ;
Bị sinh cầm, nghịch quân tan"
b- Evaṃ nissāya sampanno;
Bhikkhu āraddhavīriyo.
Bhāvayaṃ kusalaṃ dhammaṃ;
Yogakkhemassa pattiyā.
Pāpuṇe anupubbena;
Sabbasaṃyojanakhayan'ti.
"Cũng vậy, đầy đủ (pháp) nương nhờ;
Tỳkhưu thích thú tinh cần.
Làm tăng trưởng thiện pháp;
Chứng đạt được an ổn.

Tuần tự đi đến nơi;
Mọi trói buộc diệt tận"[1].

**** Trưởng lão Surādha.***

Trưởng lão Rādha có người em trai là Surādha, theo gương anh Ngài Surādha xuất gia trong Tăng đoàn, tinh tấn hành pháp, không lâu sau Ngài Surādha thành tựu Thánh quả Alahán.

Trưởng lão Surādha nói lên Thánh trí của mình qua hai kệ ngôn:

135- Khīṇā hi mayhaṃ jāti;
Vusitaṃ jinasāsanaṃ.
Pahīno jālasaṅkhāto;
Bhavanetti samūhatā.
"Sinh nơi ta đã tận;
Lời dạy bậc Chiến thắng làm xong.
Lưới hữu vi không còn;
Nhổ lên gốc "ước muốn hữu".
136- Yassatthāya pabbajito;
Agārasmānagāriyaṃ.
So me attho anuppatto;
Sabbasaṃyojanakkhayo'ti.
"Mục đích nào xuất gia;
Bỏ nhà sống không nhà.
Mục đích ấy ta đạt được;
Diệt tận mọi trói buộc"[2].

**** Vua Brahmadatta.***

Theo Sớ giải kinh bổn sanh, Brahmadatta là vương hiệu chung của những vị vua trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), như Bồtát có thời là vua Udaya, vương hiệu là Brahmadatta[3].

Theo Mahāvaṃsa Ṭīkā, triều đại Mahāsammata gồm 36 vị vua, cai trị thành Hatthipura, vị đầu tiên là Brahmadatta, vị cuối cùng là Kambalavasabha[4].

Hatthipura là thành phố cổ do vương tử cả của vua Apacara xây dựng[5].

Nhưng vương hiệu Brahmadatta không hẳn chỉ dành cho các vị vua xứ Kāsi, thành Balanại. Brahmadatta còn là tên riêng, như:

a- Thanh niên Brahmadatta.

Thanh niên Brahmadatta là học trò của du sĩ Suppiya, cuộc đàm luận giữa hai thầy trò: Thầy phỉ báng Tam bảo, trái lại trò tán thán Tam bảo.

Cuộc đàm luận này là duyên sự để Đức Phật thuyết lên kinh Phạm võng (Brahmajālasutta)[6].

b-Trưởng lão Brahmadatta.

Ngài sinh ra trong thành Xávệ, là con của vua Kosala. Chứng kiến uy lực của Đức Phật vào ngày Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) cúng dường Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra), Ngài xin gia nhập Tăng đoàn, về sau chứng Thánh quả Alahán, cùng với Tuệ phân tích và 6 Thắng trí.

Một hôm Ngài đi khất thực trong thành Xávệ, một Bàlamôn nhiếc mắng Ngài, Ngài im lặng nghe rồi tiếp tục đi khất thực.

Bàlamôn ấy lại tiếp tục chửi mắng, Ngài vẫn giữ im lặng, cư dân thành Sāvatthi (Xávệ) phàn nàn về sự im lặng của Ngài, Ngài giải thích với cư dân thành Xávệ rằng:

---

[1]- JA. Chương hai kệ, Alīnacitta jātaka. Chuyện số 156.
[2]- Thag. 8. Chương hai kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Surādha (Surādhattheragāthā).
[3]- JA. Gaṅgamala jātaka (chuyện số 421).
[4]- MṬ. 127; Dpv.iii, 18.
[5]- JA. Cetiyajātaka (chuyện số 422).
[6]- D.i, kinh Phạm võng (Brahmajālasutta).

441-Akkodhassa kuto kodho;
Dantassa samajīvino.
Sammadaññā vimuttassa;
Upasantassa tādino.
"Phẫn nộ từ đâu, nơi mắng chữi;
Trong an tịnh sống yên lặng.
Được hiểu thấu nơi giải thoát;
Trước tiên từ chốn an tịnh.
442- Tasseva tena pāpiyo;
Yo kuddhaṃ paṭikujjhati.
Kuddhaṃ appaṭikujjhanto;
Saṅgāmaṃ jeti dujjayaṃ.
"*Như vậy, nhân ác xấu từ đó;*
Người mắng kẻ đang mắng.
Không mắng với kẻ mắng;
Chiến thắng được hai lần".
443- Ubhinnamatthaṃ carati;
Attano ca parassa ca.
Paraṃ saṅkupitaṃ ñatvā;
Yo sato upasammati.
"Thực hành này nảy sinh ích lợi;
Đến mình và đến người.
Đã biết sự phẫn nộ người khác;
Người nào ghi nhớ an tịnh".
444- Ubhinnaṃ tikicchantaṃ taṃ;
Attano ca parassa ca.
Janā maññanti bāloti;
Ye dhammassa akovidhā.
Lương y ấy nảy sinh;
Cho mình và cho người.
Đại chúng nghĩ là ngu;
Vì không thông đạt pháp".

Bàlamôn mắng chửi nghe được những lời dạy của Đức Brahmadatta, tâm xúc cảm mạnh, tìm đến Trưởng lão sám hối lỗi lầm, và xin được xuất gia dưới sự dạy bảo của Trưởng lão.

Trưởng lão Brahmadatta dạy tân Tỳkhưu đệ tử mình về "quán xét từ bi" để đối trị phẫn nộ, rằng:

445- Upajje te sace kodho;
Āvajja kakacūpamaṃ.
Upajje ce rase taṇhā;
Puttamaṃsūpamaṃ sara.
"Nếu ngươi sinh khởi phẫn nộ;
Hãy nghĩ đến ví dụ "cái cưa".
Nếu sinh khởi ái luyến vị;
Hãy nghĩ đến ví dụ "thịt đứa con".
446- Sace dhāyati cittaṃ te;
Kāmesu ca bhavesu ca.
Khippaṃ niggaṇha satiyā;
Kiṭṭhādaṃ viya duppasun'ti.
"Nếu tâm ngươi hướng về;
Trong dục và trong sinh hữu.
Nhanh chóng giữ sự ghi nhớ;

Bắt ác thú đang vào ruộng"[1].

c-Đức Phật Độc giác Brahmadatta.

Vào thời Giáo pháp của Đức Phật Kassapa (CaDiếp), có vị Tỳkhưu thực hành hạnh ẩn lâm trong 20 ngàn năm để bổ túc cho hạnh nguyện Độc giác (Pacceka) của mình.

Mệnh chung, vị ấy sinh về thiên giới một thời gian rất lâu, rồi tái sinh về nhân giới trong thai bào của Hoàng hậu xứ Kāsi, trong kinh thành Bārāṇasī (Balanại). Từ khi biết tin Hoàng hậu mang thai, Đức vua xứ Kāsi cho chăm sóc Hoàng hậu thật chu đáo.

Hoàng hậu sinh ra một thái tử rất tinh sạch và xinh đẹp như khối bảo ngọc được khéo mài giũa, khéo đáng bóng được đặt trên tấm lụa quý.

Khi được 16 tuổi, Thái tử được vua cha truyền ngôi, Ngài lấy vương hiệu là Brahmadatta.

Bấy giờ vươngh quốc Kāsi rất rộng lớn, có đến 20 ngàn thành phố trù phú, vương quốc Kāsi xem như rộng khắp cõi Ấn cổ, các nước trong cõi Ấn lúc bấy giờ là chư hầu của Vương quốc Kāsi.

Tương truyền Đức vua Brahmadatta tài sản rất sung mãn, mỗi thứ đều có đến 20 ngàn, như: 20 ngàn lâu đài, 20 ngàn vườn hoa, 20 ngàn ao sen, 20 ngàn cổ xe, 20 ngàn voi quý, 20 ngàn ngựa chiến ...

Tuy có đại tài sản như vậy, nhưng vua Brahmadatta không đắm say hưởng thụ, thích sống an tịnh. Nhờ duyên lành trong quá khứ, tuy còn phẩm mạo cư sĩ, nhưng Đức vua Brahmadatta chứng đạt được "ngũ thông". Đức vua thường lui vào trong cung điện riêng, an hưởng thiền lạc, giao việc triều chính cho vị Đại thần điều hành.

Vị Đại thần này cùng Hoàng hậu tư thông công khai, Đức vua Brahmadatta bắt quả tang sự phạm tội của hai người.

Các Đại thần yêu cầu nghiêm trị quan Đại thần bằng cách "xử tử", đồng thời tịch biên gia sản, nhưng vua Brahmadatta không làm thế, chỉ trục xuất vị Đại thần ra khỏi Vương quốc Kāsi, cho mang theo những tài sản mà ông có được.

Còn Hoàng hậu thì Đức vua truất phế xuống thành cung nhân.

Vị Đại thần vì say mê sắc đẹp của Hoàng hậu, không nhận ra ân đức của Đức vua Brahmadatta, ông đến thần phục một nước lân bang hùng mạnh. Nhân cơ hội thuận tiện, ông đề nghị "đánh chiếm vương quốc Kāsi", nhưng vua nước lân bang còn e ngại binh lực hùng hậu của Đức vua Brahmadatta, kẻ phản thần thưa rằng:

- Vua Brahmadatta rất nhút nhát, ông không chịu đựng nổi cảnh "chết chóc", hay cảnh "máu đổ". Kẻ phạm tội trong Vương quốc Kāsi, Đức vua không dùng hình phạt nặng nề, chỉ phủ dụ rồi tha.

Vua nước láng giềng cho người sang vương quốc Kāsi, cố tình là "người phạm tội", nhưng vẫn được vua Brahmadatta tha chết.

Sau đôi lần thử nghiệm, thấy đúng như lời của gã phản thần, vua nước láng giềng quyết định kéo đại quân sang xâm lấn vương quốc Kāsi.

Các quan đại thần xứ Kāsi phần lớn chủ trương chiến tranh, nhưng Đức vua Brahmadatta nói rằng:

- Ta không thích chiến tranh, có chiến tranh là có "chết chóc", có "máu đổ". Chúng ta cố thủ trong thành, rồi họ cũng rút đi thôi.

Quân giặc ngoài thành mỗi lúc càng hung hãn, vây chặc thành, khiến cư dân gặp nhiều khó khăn, hoang mang kinh sợ.

Trước tình hình này, Đức vua Brahmadatta nói với các đại thần rằng:

- Có lẽ chúng ta phải cho quân giặc biết sức mạnh của chúng ta, vì cư dân trong thành không còn sống an lạc nữa. Tuy nhiên, hãy tìm phương án nào ít gây cảnh "máu đổ xương phơi" nhất.

---

[1]- Thag. Chương 6 kệ. Kệ ngôn trưởng lão Brahmadatta (Brahmadattattheragāthā).

Một phương án tối ưu được đề ra, Đức vua Brahmadatta thông báo cư dân trong thành Balanại rằng: "Hãy chuẩn bị chiến tranh".

Vào đêm tối trời, quân thành Balanại âm thầm xuất kích trong yên lặng, những vó ngựa được bọc vải dày, lạc ngựa được tháo bỏ, người người đều im lặng.

Mỗi chiến binh mang theo một nồi lớn, bên trong là ngọn đèn hay bó đuốc sẵn sàng thắp sáng, đoàn quân âm thầm vây sát doanh trại nghịch quân. Tự thân Đức vua chỉ huy đoàn quân tiến thẳng vào trung quân, nơi nghỉ của vua nghịch.

Vào thời điểm đã định, lịnh tấn công phát lên, lập tức đèn đuốc bật sáng, tiếng la hét vang lên: "Hãy buông vũ khí thì sống, chống lại thì chết".

Đã bao ngày sống trong sự khinh thường, cho rằng vua Brahdatta nhu nhược, không dám động binh, nên quân tướng nghịch quân lơ là trong việc canh phòng. Lại nữa họ mãi vui say bên những tiệc rượu cùng những mỹ nữ, nên đang ngủ say, chợt nghe tiếng hét la vang trời, bàng hoàng tỉnh giấc, thì doanh trại đã bị bao vây, sự chuẩn bị chiến đấu của họ không có, đành phải buông vũ khí đầu hàng.

Đức vua Brahmadatta đến tận nơi ngủ của vua nghịch, bắt sống vua nghịch. Trận chiến kết thúc vào rạng sáng, đã hạn chế được sự sát hại. Vua nghịch quỳ lạy vua Brahmadatta xin tha chết.

Rồi giữa chốn chiến trường, Đức vua nhìn thấy "sự chiến thắng không có máu đổ" của mình, lòng quân vương dào dạt niềm hoan hỷ, Đức vua suy quán sự tốt đẹp của tâm Từ.

Thánh trí Độc giác hiện khởi đến Đức vua, ngay giữa chiến trận Ngài chứng quả vị Độc giác.

Các Đại tướng thỉnh Đức vua hồi cung, để ban thưởng cho tướng sĩ. Đức vua nói: "Ta không còn là vị đế vương, Ta là vị Độc giác Phật".

Cho rằng Đức vua buộc lòng phải chiến tranh, tâm tư Ngài ray rứt, nên giờ đây Ngài bị mất trí, các Đại thần thưa rằng:

- Thưa Đại vương, chư Phật Độc giác không có hình tướng như Đại vương đâu.
- Các Ngài có hình tướng như thế nào?
- Các Ngài có hình tướng là bậc xuất gia.

Đức Độc giác đưa tay sờ lên đầu, tóc rụng xuống lả tả, đồng thời trên mình bộ vương phục biến mất, thay vào đó là bộ Tam y với những vật dụng của bậc Samôn. Ngài bay lên hư không nói lên kệ ngôn:

Sabbesu bhūtesu nidhāya daṇḍaṃ;
Aheṭhayaṃ añn~ataramhi tesaṃ.
Na puttamiccheyya kuto sahāyaṃ;
Eko care khaggavisāna kappo.
"Bỏ đao trượng, giã từ vũ khí;
Không còn gây khổ luỵ quần sanh.
Không con, không bạn đồng hành,
Thà như Tê giác một mình ra đi" (ĐTL Pháp Minh dịch)[1].

Rồi theo đường hư không, Đức Phật Độc Giác Brahmadatta đến Gandhamādana (Hương sơn) hội kiến bvới các vị Độc giác Phật đang trú ngụ tại nơi ấy.

2- Trưởng lão Losaka.

Tiền sự.

Vào thời Giáo pháp của Đức Phật Kassapa (CaDiếp), có vị Tỳkhưu sống ở một tự viện trong ngôi làng.

Một vị trưởng giả là người hộ độ cho tự viện, vị Tỳkhưu ấy là người có tính tình thẳng thắn, giữ giới nghiêm trang, đồng thời tích cực thực hành thiền quán.

Có lần, một vị Thánh Tăng Alahán du hành đến làng ấy, Ngài đi khất thực trong làng, vi trưởng giả thấy cử chỉ nghiêm trang của Đức Alahán, phát sinh tâm kỉnh

[1]- SnA.i, 58; xem thêm ĐĐ Giác Nguyên (d). Độc giác truyện.

phục, thỉnh Đức Alahán vào bên trong nhà, ngồi vào nơi được soạn sẵn, cúng dường vật thực đến vị Thánh Alahán.

Sau khi thọ thực xong, Đức Alahán tuỳ hỷ phước bằng thời pháp thoại, được nghe pháp thoại, vị Trưởng giả hoan hỷ, nghĩ thầm: "Vị Trưởng lão mà ta hộ độ chỉ ưa thích tu thiền tịnh, ít khi giảng pháp đến ta. Nay có vị Trưởng lão này, ta sẽ thỉnh Ngài trú ở tự viện, ta sẽ có dịp được nghe pháp thoại của Đức Phật".

Trưởng giả thỉnh Đức Alahán rằng:

- Kính thỉnh Tôn giả hãy đến trú ngụ nơi tự viện trong làng này. Vào buổi chiều, chúng tôi sẽ đến viếng Ngài.

Vị Thánh Alahán đi đến tự viện, sau những lời thăm hỏi thân hữu, vị Thánh Tăng Alahán thấp hạ hơn Trưởng lão quản tự. Ngài đảnh lễ Trưởng lão quản tự, rồi ngồi xuống một bên.

Trưởng lão quản tự thân mật hỏi:

- Này hiền giả, hiền giả thọ thực chưa?

- Thưa Tôn giả, đã thọ thực rồi.

Rồi vị Trưởng lão quản tự sắp xếp nơi nghỉ cho vị khách Tăng.

Vào buổi chiều, Trưởng giả cùng cư dân trong làng đến cúng dường vị khách Tăng thuốc trị bịnh, cùng những nhu cầu như mền, gối ...

Đức Alahán tuỳ hỷ phước với thời pháp thoại, làm cư dân cùng vị Trưởng giả hoan hỷ. Trưởng giả bạch rằng:

- Kinh thỉnh Tôn giả nhận lời thọ thực vào ngày mai nơi tư gia của chúng tôi.

Rồi Trưởng giả đi đến vị Trưởng lảo quản tự bạch rằng:

- Kính thỉnh Tôn giả nhận lời thọ thực tại tư gia của tôi vào ngày mai.

- Này gia chủ, hãy thỉnh vị khách Tăng với.

- Thưa Tôn giả, tôi đã thỉnh vị ấy, rồi mới đến đây.

Vị Trưởng lão quản tự suy nghĩ: "Trưởng giả này không còn tôn trọng ta, ông đã bị vị khách Tăng quyến rủ. Nếu vị Tỳkhưu ấy trú nơi đây, trưởng giả sẽ không còn đếm xỉa gì đến ta nữa, ta hãy tìm cách không cho Tỳkhưu ấy trú ở nơi này".

Chỉ một chút ganh tỵ không đáng ganh tỵ ấy, vị Tỳkhưu quản tự đã tự tạo ra nghiệt ngã cho mình.

Với tâm mìnhvị Thánh Alahán biết được tâm vị Tỳkhưu quản tự, Ngài suy nghĩ: "Nếu ta trú lại nơi này, vị Tỳkhưu này sẽ tự tạo cho mình nhiều ác nghiệp".

Vào rạng sáng, Đức Alahán cầm lấy y bát theo đường hư không đến xứ khác. Đến giờ thọ thực, Tỳkhưu quản tự dùng móng tay đánh vào chuông ba cái, rồi đắp y tề chỉnh, tay cầm y bát đến nhà Trưởng giả hộ độ tự viện.

Vị Trưởng giả đảnh lễ vị Tỳkhưu, thỉnh vào bên trong ngồi vào chỗ được soạn sẵn, bạch hỏi rằng:

- Thưa Tôn giả, vị khách Tăng vì sao không thấy đến.

- Này gia chủ, trước khi đến đây, tôi đã đánh chuông thông báo, nhưng không thấy vị Tỳkhưu ấy. Tôi không thể đến gọi Tỳkhưu ấy dậy.

- Thưa Tôn giả, có lẽ vị ấy hôm qua đi đường xa, nên hôm nay mệt mỏi, không nghe chuông báo hiệu.

Sau khi vị Tỳkhưu quản tự thọ thực xong rồi, Trưởng giả xin thỉnh bát vị ấy, rữa sạch sẽ, đặt vào trong bát những thực phẩm cơm sữa thượng vị, bạch rằng:

-Thưa Tôn giả, đây là vật thực tôi cúng dường đến vị Tôn giả vừa đến hôm qua. Xin Tôn giả mang hộ về cho vị ấy".

Vị Tỳkhưu quản tự nhận lấy chiếc bát chứa đầy vật thực cơm sữa thượng vị, rồi ra về. Trên đường về, vị ấy suy nghĩ: "Vị Tỳkhưu ấy nhìn thấy loại vật thực cơm sữa như thế này, có trục xuất, ông cũng chẳng chịu đi. Nhưng nếu ta cho người khác cơm sữa này thì việc làm của ta sẽ bại lộ, nếu ta đổ trên mặt đất, quạ sẽ tụ lại để ăn cơm sữa, người ta sẽ phát giác; nếu ta đổ xuống nước, sữa sẽ nổi lên. Ta phải đổ vật thực này vào nơi nào để người khác không biết được nhỉ?".

Đang phân vân, vị ấy đi ngang qua khu ruộng vừa bị đốt bỏ lớp rạ cũ, Tỳkhưu quản tự, bới lớp đất nóng lên thành một hố sâu, đổ vật thực cơm sữa vào hố, rồi lấp kín lại.

Trở về đến tự viện, khi biết vị Tỳkhưu khách đã ra đi, nhưng không ai thấy Ngài đi đường nào, vị Tỳkhưu quản tự suy nghĩ: "Có lẽ vị ấy là Thánh Tăng, hiểu được ý của ta, nên lặng lẽ ra đi. Ôi! Chỉ vì nhân cái bụng mà ta đã tạo một ác trọng nghiệp rồi".

Do sầu não, thân vị Tỳkhưu quản tự gầy khô như "ma đói", chẳng bao lâu mệnh chung, tái sinh vào địa ngục.

Bốn sanh Losaka.

Trải qua hằng trăm ngàn năm bị nung nấu ở địa ngục, thoát khỏi cảnh giới địa ngục, tái sinh làm dạxoa ngạ quỷ 500 kiếp, cả 500 kiếp ấy chỉ no lòng được một lần, là ăn được thai bào bị hư cùng với nhớt nhau của thai nhi.

Dứt kiếp dạxoa ngạ quỷ, tái sinh làm chó 500 kiếp, cả 500 kiếp làm chó chỉ no lòng một lần, là ăn cơm bị ói ra của một người, rồi mệnh chung.

Dứt kiếp chó, tái sinh vào gia đình nghèo khó trong một ngôi làng của nước Kāsi. Từ khi tái sinh vào bụng mẹ, ngôi làng liên tục gặp tai ương, dân làng đã đuổi gia đình ấy ra khỏi làng, hài tử sinh ra được đặt tên là Mittavindaka (người ban chịu đau khổ).

Rồi không thể chịu đựng nghèo khổ, nên cha mẹ đã đuổi Mittavindaka đi.

Mittavindaka phải lang thang khắp thành Balanại để xin ăn. Bấy giờ Bồtát là vị danh sư đang dạy học cho 500 thanh niên Bàlamôn, khi ấy dân thành Balanại thường trợ cấp cho những người nghèo khổ đang theo Bồtát học nghiệp nghệ, nên Mittavindaka được trợ cấp để theo Bồtát học tập nghệ thuật.

Từ khi Mittavindaka theo học, lợi nhuận của Bồtát giảm sút, chỉ còn ít ỏi, tính tình của Mittavindaka lại ác độc, nóng nảy, thường gây sự đánh nhau với các bạn đồng môn.

Cho dù được Bồtát giáo huấn, nhưng Mittavindaka vẫn không nghe, cuối cùng y bỏ trốn khỏi kinh thành Balanại.

Mittavindaka lang thang đến một ngôi làng biên địa, nơi đây y lấy một người đàn bà nghèo khổ, có được hai đứa con.

Từ khi Mittavindaka đến sống nơi chòi lá trong làng, làng bị vua xử phạt 7 lần, làng bị cháy 7 lần, hồ chứa nước dự trử để canh tác bị khô cạn 7 lần. Và dân làng đã trục xuất vợ chồng Mittavindaka ra khỏi làng.

Vợ chồng Mittavindaka đi lạc vào khu rừng dạxoa, vợ và hai con của Mittavindaka bị dạxoa bắt ăn thịt, Mittavindaka bỏ chạy trốn, may mắn thoát ra khỏi khu rừng dạxoa.

Mittavindaka lang thang đi đến một bến tàu Gambhira, những thương gia đang chuẩn bị ra khơi mang thương phẩm đến vùng đất khác buôn bán, họ tìm người phụ việc và Mittavindaka được thu nhận.

Tàu ra biển, bảy ngày đầu được an lành, sang ngày thứ 8 tàu tự dưng không chạy như bị mắc cạn, người trưởng đoàn nói rằng:

- Trong chúng ta có người "vận đen" (kaṅhakāla).

Cả 7 lần chiếc thăm đen đều rơi vào Mittavindaka, họ cho y chiếc bè tre, ném y xuống biển. Tàu ra đi bình thường.

Do giữ giới trong sạch thời Giáo pháp Đức Phật Kassapa (CaDiếp), nghiệp lành đến thời cho quả, chiếc bè tre trôi vào một hoang đảo ngạ quỷ Vemānika (là hạng ngạ quỷ có 7 ngày sung sướng như chư thiên, 7 ngày đau khổ như ngạ quỷ), Mittavindaka gặp 4 tiên nữ ngạ quỷ trong toà lâu đài bằng phalê, sống hạnh phúc 7 ngày.

Khi ra đi chịu khổ, 4 ngạ quỷ bảo Mittavindaka hãy chờ đợi 7 ngày, họ sẽ quay trở lại.

Mittavindaka hiểu rằng "đây là hạng ngạ quỷ", nên leo lên bè tre bỏ trốn khỏi hoang đảo, chiếc bè lại trôi vào một hoang đảo ngạ quỷ khác. Nơi đây, Mittavindaka

gặp 8 tiên nữ ngạ quỷ trong toà lâu đài bằng ngọc, như lần trước, Mittavindaka sống an lạc 7 ngày, rồi y lại ra đi.

Chiếc bè tre lại trôi vào một hoang đảo ngạ quỷ khác, nơi đây Mittavindaka gặp 32 tiên nữ ngạ quỷ trong lâu đài bằng vàng, lần này thì Mittavindaka không ở lại, bỏ ra đi với chiếc bè tre.

Chiếc bè tre lại trôi đến hoang đảo dạxoa, nhìn thấy thành dạxoa ở giữa đảo, Mittavindaka đói quá, đi vào đảo để tìm vật thực.

Có một nữ dạxoa có hình tướng như con dê, nhưng Mittavindaka không biết, nhìn thấy con dê, y bắt lấy con dê để ăn thịt, nhưng vừa nắm lấy chân dê, bị dê dạxoa nhắc bỏng lên, ném văng ra xa, cái ném ấy đã đưa Mittavindaka vượt khỏi biển, rơi vào cạnh hào khô ở chân thành Balanại. Nơi đây là nơi chăn dê của vua thành Balanại, bọn trộm thường đến để trộm dê, nên những người chăn dê rình bắt những tên trộm dê.

Mittavindaka lăn tròn vài vòng, đứng dậy thấy con dê, y nghĩ:

- Con dê đã đá ta rơi xuống nơi này, ta hãy nắm lấy chân nó, nó sẽ đá ta trở về chỗ cũ, ta sẽ đến những hoang đảo có các tiên nữ để sống ở đó.

Mittavindaka nắm lấy chân dê, những người chăn dê xông ra bắt Mittavindaka trói lại. Vào rạng sáng họ dẫn Mittavindaka vào đền vua, thưa lại với Đức vua để trị tội Mittavindaka.

Vào sáng hôm ấy, Bồtát cùng các môn đệ đi tắm sông, nhìn thấy Mittavindaka bị trói dẫn đi, Bồtát hỏi những người chăn dê, khi hiểu ra câu chuyện, Bồtát nói:

- Đây là đệ tử của ta, nó đã bỏ trốn lâu rồi. Tuy nhiên, ta sẽ cứu giúp đệ tử của mình.

Bồtát vào đền vua, xin tha tội chết cho Mittavindaka, nhận Mittavindaka là nô lệ cho mình, nhân đó Bồtát nói lên kệ ngôn.

Yo atthakāmassa hitānukampino;
Ovajjamāno na karoti sāsanaṃ.
Ajiyā pādamolampa;
Mittako viya socatī'ti.
"Với người thương tưởng chỉ dạy điều lợi ích;
Cứng đầu, không làm theo.
Kẻ nắm lấy chân dê;
Như Mittaka gặp sầu muộn" [1].

Kiếp sống cuối cùng.

Vào thời Đức Phật Gotama (CồĐàm) còn tại tiền, hậu thân của Mittavindaka tái sinh vào thai bào, vợ của người dân chài trong làng chài của xứ Kosala (Kiềutấtla), làng này gồm 1.000 gia đình.

Từ khi tái sinh vào thai bào, các ngư dân, đi chài, đánh lưới trên sông hồ không hề bắt được một con cá nhỏ, làng chài gặp những điều tổn hại, làng chài bị cháy 7 lần, bị vua xứ Kosala xử phạt 7 lần.

Người trưởng làng cho họp dân làng lại, nói rằng:

- Trong làng chúng ta có người đang gặp hắc vận, chúng ta phải loại trừ người ấy. Ta sẽ chia làng thành 2 nhóm, mỗi nhóm 500 gia đình để tìm ra người mang hắc vận. Nhóm có người mang hắc vận sẽ bị tổn hại, nhóm kia được an lạc.

Và cứ như thế, dần dần dân làng tìm ra người mang hắc vận là gia đình ấy, dân làng tẩn xuất họ ra khỏi làng, người cha không chịu nổi sự nghèo khổ, nên bỏ vợ trốn đi.

Người mẹ phải đi xin ăn mà sống, đến thời sinh nở, bà sinh ra một bé trai, người mẹ cố gắng nuôi con dù không bao giờ bà được no lòng.

---

[1]- JA. Losaka jātaka (chuyện số 41).

Khi đứa bé được 4-5 tuổi, bà cũng không còn kiên nhẫn để chịu đựng, bà đặt vào tay đứa bé chiếc bát bằng vỏ trái thốt nốt (tāla), bảo rằng:

- Con hãy đến ngôi nhà kia xin vật thực đi

Rồi bà bỏ trốn con mình, từ đó đứa bé sống lang thang, đi ăn xin từ nơi này sang nơi khác, ngủ nơi này nơi kia, tìm sống một cách khó nhọc, chưa bao giờ được no lòng, thân thể không được tắm rửa sạch sẽ.

Nhìn hài tử tựa như "bộ xương biết đi" đầy hôi hám, tựa như loài "ma đói" ăn sình bùn, hài tử bị mọi người xa lánh.

Nhưng vì là "kiếp cuối cùng của vị Thánh Alahán, chưa chứng Thánh quả Alahán thì không thể chết được, ví như tim đèn cháy leo lét trong ghè đầy dầu".

Hài tử dần dần được 7 tuổi, lượm những miếng cơm được ném bỏ để ăn, tựa như con quạ đen ăn những hạt cơm còn sót lại trong nồi, người ta rửa nồi rồi đổ bỏ những hạt cơm ấy trên đất.

Hài tử lang thang đến thành Xávệ, một hôm Đức Xálợiphất đang khất thực trong thành Xávệ, nhìn thấy hài tử đang tìm những vật thực quăng bỏ trong hố rác.

Ngài khởi lên mối từ tâm: "Đứa bé này thật đáng thương". Ngài lên tiếng gọi:

- Này hài tử, hãy đến đây.

Đứa bé nghe gọi, đi đến đảnh lễ Đức Xálợiphất rồi đứng yên lặng, Đức Xálợiphất hỏi:

- Con ở đâu? Cha mẹ con là ai?

- Thưa Ngài, con không biết cha mẹ con là ai, cha mẹ con bỏ rơi con từ lâu rồi. Con sống lang thang đây đó, không có chỗ nương tựa.

- Vậy con có muốn xuất gia không?

- Thưa Ngài, con muốn, nhưng ai sẽ tế độ cho con?

- Ta sẽ truyền giới cho con.

- Lành thay, lành thay, thưa Ngài.

Đức Xálợiphất đưa hài tử về tự viện, tắm rửa sạch sẽ, đặt tên là Losakatissa, rồi truyền giới sadi cho Losakatissa.

Khi sadi Losakatissa cùng Đức Xálợiphất đi khất thực, chính Đức Xálợiphất cũng không tìm đủ vật thực để dùng, hiểu được quả xấu của mình, sadi Losakatissa không đi khất thực cùng thầy nữa.

Khi đến tuổi thọ giới Tỳkhưu, Đức Xálợiphất cho sadi Losakatissa thọ giới Tỳkhưu. Tuy vậy, Ngài Losakatissa vẫn không đầy đủ vật thực, Ngài chỉ được chút ít vật thực để tạm sống qua ngày.

Tương truyền rằng: Khi các gia chủ đổ vào bát của Ngài một muỗng cháo, nhìn vào bát họ thấy hình như bát có nhiều cháo nên thôi không múc thêm cháo nữa, trái lại một muỗng cháo đổ vào bát vị khác, họ chẳng thấy cháo đâu, nên múc thêm muỗng khác. Tương tự như vậy với những loại vật thực khác.

Hiểu rõ ác quả của mình, Ngài Losakatissa suy gẫm về "sự khổ", phát triển tuệ quán, tinh cần hành pháp và chứng Thánh quả Alahán, nhưng vật thực vẫn ít ỏi như xưa.

Khi quán xét về thọ mạng của mình, biết rằng "thọ mạng đã hết", ngày hôm ấy Đức Losakatissa đi đến đảnh lễ Đức Xálợiphất, xin phép thầy được viên tịch.

Đức Xálợiphất đưa trí quán xét, biết rằng: "Hôm nay Losakatissa viên tịch", nghĩ cảm thương cho người đệ tử, suốt kiếp sống, cho đến hôm cuối cùng chưa có được một bữa no lòng, Đức Xálợiphất nói:

- Này Losakatissa, hôm nay con hãy cùng thầy đi khất thực lần cuối cùng trong kiếp luân hồi đi.

- Vâng, thưa thầy.

Hai thầy trò đi khất thực trong thành Xávệ, ý Đức Xálợiphất muốn cho Đức Losakatissa được no lòng vào ngày cuối cùng của cuộc sống.

Nhưng cho dù Đức Xálợiphất có đưa bát ra, cũng không nhận được một tô cháo, Đức Xálợiphất bảo Losakatissa rằng:

- Con hãy trở về, ngồi nơi trai đường đợi thầy, thầy sẽ mang vật thực về cho con.

- Vâng, thưa thầy.

Khi Đức Losakatissa trở về, chẳng bao lâu Đức Xálợiphất tìm được một bát vật thực đầy, rồi Đức Xálợiphất gửi cho vị Tỳkhưu mang vật thực về cho Đức Losakatissa, Ngài tiếp tục đi tìm vật thực cho mình.

Vị Tỳkhưu mang bát vật thực về, lại quên khuấy rằng: "Tướng quân chánh pháp gửi vật thực này cho ai nhĩ", và vị ấy lại giao cho vị Tỳkhưu khác.

Đức Xálợiphất thọ dụng vật thực xong, trở về tự viện đi đến trai đường, thấy Đức Losakatissa đang ngồi trong trai đường, Ngài hỏi:

- Này Losakatissa, con dùng vật thực chưa?

- Bạch thầy, con sẽ dùng.

Đức Xálợiphất hiểu ngay rằng "Losakatissa chưa dùng vật thực", bấy giờ sắp hết giờ thọ thực. Đức Xálợiphất dùng thần lực kéo mặt trời đứng lại, Ngài biến mất ngay tại trai đường, xuất hiện nơi hoàng cung, đứng trước Đức vua Pasenadi (Patưnặc).

Thấy Đức Xálợiphất, vua Pasenadi đi đến đảnh lễ Ngài và hỏi:

- Thưa Tôn giả, Ngài đến đây có chuyện gì chăng?

- Thưa Đại vương, có vị Tỳkhưu chưa có được vật thực, Đại vương hãy cúng dường vật thực đến vị ấy đi.

- Vâng, thưa Tôn giả.

Vua Pasenadi cúng dường vào bát Đức Xálợiphất bốn cái bánh đầy hương vị, là vật thực dành riêng cho Đức vua Pasenadi.

Đức Xálợiphất biến mất nơi hoàng cung, xuất hiện nơi trai đường, nói với Đức Losakatissa rằng:

- Này con, con hãy dùng vật thực này đi.

Đức Xálợiphất ôm bát giữ vật thực, Đức Losakatissa vì kính trọng thầy, suy nghĩ: "Ta dùng vật thực trong khi thầy ta ôm bát, như đang hầu ta. Điều này không hợp lẽ với ta", nên Đức Losakatissa ngần ngừ, không muốn dùng vật thực.

Đức Xálợiphất hiểu ý đệ tử, nên nói rằng:

- Hôm nay con sẽ viên tịch, ta muốn con dùng một bữa no lòng. Con hãy ngồi dùng vật thực này đi, nếu tay ta rời khỏi bát, vật thực sẽ biến mất ngay.

Vâng lời thầy, Đức Losakatissa ngồi nơi trai đường, dùng hết bốn chiếc bánh được no lòng. Đêm ấy Đức Losakatissa viên tịch.

Về sau nơi giảng đường, các Tỳkhưu bàn luận chuyện Ngài Losaka rằng: "Cảm thương thay cho Tôn giả Losakatissa, chỉ được no lòng một bữa, rồi mạng chung".

Đức Phật ngự đến giảng đường, giải toả nghi hoặc cho các Tỳkhưu, nhân đó Đức Phật thuyết lên bổn sự Losaka ở trên.

3- Trưởng lão Samiddhi[1].

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trong bản Sớ giải kinh Tăng chi, nói rằng: "Tôn giả Samiddhi là đệ tử của Đức Xálợiphất" (saddhivihārika)[2].

Có lần Tôn giả Samiddhi đến suối nước nóng Tapodā, gần thành Vương xá, sau khi tắm xong Ngài đứng phơi mình cho khô, một thiên nhân đến hỏi Ngài về kinh "Nhất dạ hiền giả" (Bhaddekarattasutta), Ngài nói rằng "không biết".

Vị thiên nhân bảo Ngài đến hỏi Đức Phật, Tôn giả Samiddhi đến trình lên Đức Phật sự kiện này, Đức Phật thuyết vắn tắt kinh Nhất dạ hiền giả bằng kệ ngôn.

Các Tỳkhưu mang kệ ngôn này đến hỏi Đức Mahā Kaccāna, Đức Mahā Kaccāna giảng rộng kinh này, được Đức Phật chấp nhận, nên kinh có tên là Mahā Kaccāna-Bhaddekarattasutta (Mahā Kaccāna- kinh Nhất dạ hiền giả)[1].

---

[1]- Xem Đức Phật và 45 năm hoằng pháp độ sinh (tập 2).

[2]- AA. ii, 799.

Có tất cả 4 bài kinh "Nhất dạ hiền giả" (Bhaddekarattasutta):

- Do Đức Phật thuyết cho các Tỳkhưu[2].

- Do Đức Ānanda giảng rộng, được Đức Phật chấp thuận. Kinh này có tên là Ānanda-Bhaddekarattasutta (Ānanda-kinh Nhất dạ hiền giả) [3].

Khi trú ở Tự viện Nigrodha, gần thành Kapilavatthu (Catỳlavệ), thiên nhân Candana hỏi Trưởng lão Lomasakaṅgiya về bài kinh "Nhất dạ hiền giả", Trưởng lão nói là "không biết".

Thiên tử Candana đọc lên kệ ngôn kinh "Nhất dạ hiền giả", rồi cho biết: "Bài kinh này được Đức Phật thuyết tại cung trời "Ba mươi ba" (Tāvatiṃsa), khi Đức Phật an cư mùa mưa nơi đây 3 tháng vào hạ thứ 7". Thiên tử Candana bảo Trưởng lão Lomasakaṅgiya đến hỏi Đức Phật.

Bản Sớ giải kinh Trung bộ nói rằng: "Đức Phật thuyết kinh này cho những thiên nhân không nắm bắt được Abhidhamma"[4].

Rồi Trưởnglão Lomasakaṅgiya đi đến Đức Phật, bạch lên vấn đề này, Đức Thế Tôn giảng rông kinh "Nhất dạ hiền giả", do đó bài kinh này có tên là Lomasakaṅgiya-Bhaddekarattasutta (Lomasakaṅgiya- kinh Nhất dạ hiền giả"[5].

Khi Tôn giả Samiddhi thiền tịnh ở trong làng Silavatī của xứ Sakka, Ma vương hét lên tiếng hét lớn tưởng chừng như "quả đất vỡ tung".

Tôn giả Samiddhi kinh hoàng đi đến Đức Phật trình lên sự kiện này, Đức Thế Tôn dạy: "Đó là ác ma muốn làm mờ mắt ngươi. Hãy đến tại chỗ ấy, sống nhiệt tâm, tinh cần, không phóng dật".

Vâng lời Đức Phật, Ngài Samiddhi về nơi cũ thiền tịnh, không nghĩ đến vấn đề đó nữa, không bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán[6].

Ác ma muốn quấy nhiễu Ngài, lại đi đến hét to như trước, lần này Đức Samiddhi không còn kinh sợ, Ngài nói lên kệ ngôn xác định Thánh trí của mình.

46- Saddhāyāhaṃ pabbajito;
Agārasmānagāriyaṃ.
Satipaññā ca me vuḍḍhā;
Cittañca susamāhitaṃ.
Kāmaṃ karassu rūpani;
Neva maṃ byādhayissasī'ti.
"Với niềm tin, ta xuất gia;
Bỏ nhà sống không nhà.
Ta tăng trưởng niệm-tuệ;
Và tâm ta khéo an tịnh.
Ngươi có tạo sắc dục nào;
Chẳng làm ta xao động"[7].

***Làng Silavatī**.

Là một ngôi làng của các Thích tử, một thời Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhưu trú ngụ nơi đây. Các Tỳkhưu thực hành thiền tịnh.

Ác ma giả ra một Bàlamôn già yếu. đầu bện tóc thành búi lớn, mặc áo bằng da sơn dương, già yếu lưng còng như xà nhà, thở hổn hển, chống gậy bằng gỗ udumbara (cây sung), đi đến khuyến dụ các Tỳkhưu nên hưởng thụ ngũ dục[8].

Làng là sinh quán của Trưởng lão Bandhura[9].

---

[1]- M.iii. Kinh số 133.
[2]-M.iii. Kinh số 131.
[3]- M.iii. Kinh số 132.
[4]- MA.ii, 962.
[5]- M.iii, Kinh số 134.
[6]- S.i, 119; nhưng trong ThagA.i, 117 nói là: "Ở Tapodārāma (tự viện Tapodā)"..
[7]- Thag. Chương một kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Samiddhi (Samiddhittheragāthā).
[8] –S.i, 117.
[9]- ThagA.i, 208.

Trưởng lão Bandhura.

Trưởng lão là con của một nghị viên trong hội đồng bộ tộc ThíchCa.

Một lần nọ, Ngài Bandhura đến thành Sāvatthi (Xávệ) do một vài công việc cần thiết, nghe được Pháp thoại từ Đức Thế Tôn, Ngài Bandhura gia nhập Tăng đoàn, tinh cần nỗ lực hành pháp, chẳng bao lâu Ngài chứng Thánh quả Alahán.

Trở về quê hương, Ngài giảng pháp đến lãnh chúa làng Silavatī, người đã giúp đở Ngài rất nhiều khi còn tại gia.

Trưởng lão chuyển hoá được vị lãnh chúa, vị lãnh chúa được "nương nhờ Tam bảo", vị lãnh chúa xây cho Trưởng lão tự viện Sudassana (Thiện Kiến). Trưởng lão cúng dường tự viện này đến cho Tăng chúng, Ngài vẫn đi khất thực như trước.

Khi Trưởng lão Bandhura muốn trở lại thành Xávệ, các Tỳkhưu trong tự viện Sudassana thỉnh cầu Ngài ở lại với lời rằng:

- Hãy ở lại với chúng tôi, nếu hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho hiền giả.

- Thưa chư hiền, tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với pháp vị mà tôi có được.

Trưởng lão Bandhura nói lên kệ ngôn rằng:

103- Nāhaṃ etena atthiko;
Sukhito dhammarasena tappito.
Pitvā rasaggamuttamaṃ;
Na ca kāhāmi visena santhavan'ti.
"Ta không cần có cái này cái kia;
Ta hài lòng hạnh phúc nơi pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt tối thượng;
Không còn thích nọc thuốc độc[1].

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Siddhattha, tiền thân Trưởng lão Bandhura là một cảnh vệ trong cung vua, Ngài cúng dường đến Đức Phật và các Tỳkhưu những cánh hoa *kaṇavera* (Trúc đào), Ngài có thể là Trưởng lão Kaṇaverapupphiya được ghi trong tập Apadāna[2].

4- Trưởng lão Kosiya.

Trong thời Đức Phật hiện tại, Ngài sinh ra trong một gia tộc Bàlamôn của vương quốc Magadha (Makiệtđà), được đặt tên là Sona, nhưng gọi là Kosiya là gọi theo tên dòng họ.

Ngài thường đến rừng Trúc (Veḷuvana) để nghe Đức Xálợiphất giảng pháp, Ngài tin tưởng giáo pháp, xin được xuất gia trong Tăng đoàn, được Đức Xálợiphất là Tế độ sư.

Ngài nỗ lực hành pháp, không lâu sau chứng đạt Thánh quả Alahán.

Hồi tưởng lại quá trình giải thoát của mình, Ngài nói lên Thánh trí của mình qua 4 kệ ngôn sau:

370- Yo ve garūnaṃ vacanañña dhīro;
Vase ca tamhi canayettha pemaṃ.
So bhattimā nāma ca hoti paṇḍito;
Ñatvā ca dhammesu visesu assa.
"Người nào hiểu lời bậc đáng kính;
Bậc trí yêu thích, sống an trú phần lớn nơi ấy.
Vị ấy gọi là bậc trí tin tưởng;
Đã hiểu và thông đạt pháp".
371- Yaṃ āpadā uppatitā uḷārā;

---

[1]- Thag. Chương một kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Bandhura (Bandhurattheragāthā); ThagA. 207.
[2]- Ap.i, 182.

Nakkhambhayante paṭisaṅkhayantaṃ.
So thāmavā nāma ca hoti paṇḍito;
Ñatvā ca dhammesu visesu assa.
"Điều bất ổn nghiêm trọng khởi lên;
Chịu đựng không sợ hãi, quán xét những điều ấy.
Vị ấy gọi là bậc trí dũng mãnh;
Đã hiểu và thông đạt pháp".
372- Yo ve samuddova ṭhito anejo;
Gambhīrapañño nipunatthadassī.
Asaṃhāriyo nāma ca hoti paṇḍito;
Ñatvā ca dhammesu visesu assa.
"Người nào đứng vững, thoát khỏi biển;
Trí sâu thẳm, thấy thông suốt nghĩa lý.
Vị ấy gọi là bậc trí bất động;
Đã hiểu và thông đạt pháp".
373- Bahussuto dhammadharo ca hoti;
Dhammassa hoti anudhammacārī.
So tādito nāma ca hoti paṇḍito;
Ñatvā ca dhammesu visesu assa.
"*Là bậc nghe nhiều, nắm giữ pháp;*
Là bậc trú trong pháp, thực hành pháp.
Vị ấy gọi là bậc trí thật sự;
Đã hiểu và thông đạt pháp".
374- Atthañca yo jānāti bhāsitassa;
Atthañca ñātvāna tathā karoti.
Atthantaro nāma *sa* hoti paṇḍito;
Ñatvā ca dhammesu visesu assa.
"Người nào hiểu nghĩa nơi lời dạy;
Đã hiểu nghĩa, thực hành như thế.
Đó gọi là bậc trí giữ nghĩa lý;
Đã hiểu và thông đạt pháp"[1].

Tiền sự.

Từ hiền kiếp này trở về trước 91 kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Vipassī (TỳBàThi), tiền thân Ngài Kosiya là người giữ cổng thành Bandhumatī, ông có cúng dường đến Đức Phật Vipassī một tán đường mía[2].

Ngài có thể là Trưởng lão Ucchukaṇḍika được đề cập trong tập Apadāna (Ký sự)[3].

****Họ tộc Kosiya.***

Kosiyagotta (họ tộc Kosiya) là tên một họ tộc của Bàlamôn.

Trong Tạng Luật, phẩm Học giới Ưng đối trị (pācittiyasīlā), Kosiya được xem là một họ tộc thấp kém[4], nhưng Kosiya cũng là họ tộc của dòng Sakka (Thíchca), nên cũng được xem là một họ tộc cao sang[5].

Từ *"Kosiya"* nghĩa là "chim cú", có thể là tên của một bộ tộc xưa ở Ấn cổ, là một trong những bộ tộc lấy tên chim muông là thủy tổ.

Kosiya còn có nghĩa là "thuộc gia tộc Kusika"; trong Rig Veda, Indra có lần dùng tên Kosiya, nhưng không biết với ý nghĩa nào.

---

[1]- Thag. Chương năm kệ. Kệ ngôn trưởng lão Kosiya (Kosiyattheragāthā).
[2]- ThagA.i, 431.
[3]- Ap.ii, 393.
[4]- Vin.iv, 81.
[5]- ThagA. i, 415; ThagA.i, 452.

BàRhys Davids nghĩ rằng "đó là một người còn sót lại trong gia đình Kusika trong thời Indra, cũng là vị thần duy nhất của họ tộc Kusika"[1].

Trong dòng tộc Kosiya có: Bàlamôn Kevaṭṭa (tiền thân của Tôn giả Devadatta)[2], Thánh nữ Alahán Bhaddākapilānī sinh tại làng Sāgala[3], Đại trưởng giả keo kiệt Macchariya Kosiya, cha của Kātiyāna[4], ẩn sĩ Kosiya là người dạy chú thuật bắt rắn cho Ālambālayana được đề cập trong Bổn sự Bhūridatta[5], Bàlamôn Sālindiya trong Bổn sự Sālikedāra, cũng được gọi là Kosiyagotta[6] ...

Tên Kosiya được Đức Phật[7], Đức Mụckiềnliên[8], Đức Mahā Kassapa[9], nhạc sĩ Guttila[10] dùng để gọi vua Trời Đế Thích.

5- Trưởng lão Kaṇhadinna.

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh trong một gia tộc Bàlamôn ở thành Vương xá. Khi đến tuổi trưởng thành, Ngài được cha gửi đến thành Takkasilā để học nghiệp nghệ Bàlamôn của gia tộc.

Trên đường du học, Ngài gặp được Đức Xálợiphất đang du hành, nghe được pháp thoại từ Đức Xálợiphất, Ngài khởi niềm tin, xuất gia trong Tăng đoàn, rồi tinh cần hành pháp chứng Thánh quả Alahán.

Ngài tuyên bố lên chánh trí của mình qua hai kệ ngôn.

179- Upāsitā sappurisā;
Sutā dhammā abhiṇhaso.
Sutvāna paṭipajjissaṃ;
Añjasaṃ amatogadhaṃ.
"Thân cận bậc Thánh hiền;
Được nghe giảng dạy pháp.
Sau khi nghe, ta thực hành;
Đi trên đường bất tử".

180- Bhavarāgahatassa me sato;
Bhavarāgo puna me na vijjati.
Na cāhu na ca me bhavissati;
Na ca me etarahi vijjatī'ti.
"Diệt tham hữu nơi ấy, ta chú ý;
Ta không tìm tham dục sinh trở lại.
Ta không có thời sinh khởi;
Và ta cũng không tìm điều này"[11].

Tiền sự.

Trong một tiền kiếp, Ngài có cúng dường đến Đức Phật Sobhita những cánh hoa punnāga (nguyệt quế)[12].

Trong bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng", xác định Ngài là con của Trưởng lão Bhāradvāja[13], nhưng cũng có thể Ngài là Trưởng lão Giripunnāgiya trong tập Ký sự (Apadāna)[14].

****Trưởng lão Bhāradvāja.***

---

[1]- Dial.ii, 296f; xem thêm Dvy. 632; Mtu.iii, 200, 202,,315,403.
[2]- Xem JA. Mahā Ummagajātaka (chuyện số 546).
[3]- AA.i, 99; ThigA. 68; SA.ii, 144.
[4]-ThagA.i, 452.
[5]- JA. Bhūridattajātaka (chuyện số 543).
[6]- JA. Sālikedārajātaka (chuyện số 484).
[7]- D.ii, 270.
[8]- M.i, 252.
[9]- Ud. iii. 7; UdA. 200; DhA. 200; DhpA. i. 429.
[10]- JA. ii. 252.
[11]- Thag. Chương hai kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Kaṇhadinna (Kaṇhadinnattheragāthā).
[12]- ThagA.i, 304.
[13]- ThagA.i, 303.
[14]- Ap.ii, 416.

Ngài là một Bàlamôn thuộc tộc họ Bhāradvāja ở thành Vương Xá, là thân phụ của Trưởng lão Kaṇhadinna.

Bàlamôn Bhāradvāja đến rừng Trúc, được nghe pháp từ Đức Thế Tôn, Ngài xin được xuất gia trong Tăng đoàn và trở thành vị Thánh Alahán.

Khi Trưởng lão Kaṇhadinna trở về thành Vương xá đảnh lễ Đức Thế Tôn, gặp được thân phụ nay là vị Tỳkhưu đang ngồi cạnh Đức Thế Tôn.

Trương lão Kaṇhadinna rất hoan hỷ, biết được phụ thân chứng đạt được Thánh quả Alahán, Trưởng lão Kaṇhadinna muốn Trưởng lão Bhāradvāja rống lên tiếng rống sư tử, nên hỏi rằng:

- Thưa Ngài, Ngài đã thành đạt cứu cánh phạm hạnh chưa?

Và Trưởng lão Bhāradvāja rống lên tiếng rống sư tử rằng:

177- Nadanti evaṃ sappaññā;
Sīhāva giri gabbhare.
Vīra vijitasaṅgāmā;
Jetvā māraṃ savāhaniṃ.
"Thật vậy, sự khôn ngoan thét gầm;
Như sư tử trong hang.
Bậc anh hùng chiến thắng trận địa,
Đã thắng ác ma cùng binh ma".
178- Satthā ca pariciṇṇo me;
Dhammo saṅgho ca pūjito.
Ahañca vitto sumano;
Puttaṃ disvā anāsavan'ti.
"Ta hầu hạ Bậc Đạo sư;
Cung kỉnh Giáo pháp cùng Tăng chúng.
Ý hân hoan vui thích,
Đã thấy con vô nhiễm"[1].

Tiền sự.

Vào 31 kiếp trái đất trước, tiền thân của Ngài Bhāradvāja có cúng dường đến Đức Phật Độc giác Sumana trái v*allikāra* (trái của một loại dây leo)[2]. Ngài có thể là Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka được nói trong tập Ký sự (Apadāna)[3], nhưng kệ ngôn của Ngài lại gán cho Trưởng lão Bhalliya trong tập "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng"[4].

6- Trưởng lão Saṅkicca.

Trong thời Đức Phật còn tại tiền, Ngài sinh vào một gia tộc Bàlamôn danh tiếng trong thành Xávệ (Sāvatthi).

Khi gần ngày sinh, mẹ Ngài phát sinh cơn bịnh nặng đột xuất rồi mệnh chung trong chốc lát.

Khi thiêu xác bà, tất cả đều cháy hết ngoại trừ vùng bụng, những người hành nghề hoả táng mang khối thịt ấy xuống, dùng cây nhọn đâm thủng vài chỗ nơi khối thịt, rồi đấp củi lên trên thiêu nốt phần còn lại, sau đó họ bỏ ra về.

Lửa đỏ thiêu rụi thịt vùg bụng, phơi bày ra một hài tử nằm yên trên đống than đỏ, như đang nằm trong đóa sen hồng.

Thật vậy, với "người kiếp chót", nếu chưa chứng Thánh quả Alahán thì không chết được, cho dù có ném từ đỉnh núi Sineru (Tudi) rơi xuống đại hãi, cũng không chết được.

---

[1]- Thag. Chương hai kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Bhāradvāja (Bhāradvājattheragāthā).
[2] –ThagA. i, 302.
[3]- Ap.ii, 416.
[4]- ThaA.i, 49.

Điều này trong kinh "Vô ngại giải đạo" (Paṭisambhidāmagga) gọi là "thần thông do trí đạo sẽ sinh"[1].

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trong sách Thanh tịnh đạo (Visuddhimagga) gọi là "trí (đạo) thấm vào" (*ñāṇavipphāra*)[2].

Những người thiêu xác trở lại mộ địa, nhìn thấy hài tử nằm trên đống tro than, ngạc nhiên, họ mang hài tử về cho gia đình.

Gia tộc hài tử cho mời những nhà chiêm tướng đến đoán, các nhà chiêm tướng đoán rằng:

- Hài tử này khi xuất gia sẽ có hội chúng là 500 tuỳ tùng, nếu ở tại gia thì thân quyến 7 đời không rơi vào nghèo khó.

Do bị cây nhọn đâm trúng chuôi mắt nên hài tử được đặt tên là Saṅkicca (= saṅkumā chinnakkhikoṭitāya: Có vết vỡ ở chuôi mắt không lớn), thời gian sau vết sẹo hiện ra rõ rệt.

Gia tộc nuôi dưỡng Saṅkicca chu đáo được 7 tuổi. Khi chơi đùa với các bạn trẻ cùng tuổi, Saṅkicca được các bạn trẻ cho biết:

- Mẹ mày đã chết khi còn mang mày trong bụng, khi thiêu xác bà, mày may mắn thoát chết.

Đồng tử Saṅkicca suy nghĩ: "Nghe nói ta thoát qua tai nạn khủng khiếp. Ta còn sống ở nhà làm gì, ta hãy xuất gia với Ngài Xálợiphất".

Đồng tử Saṅkicca nói lên nguyện vọng mình với gia tộc, được gia tộc đồng ý, mang đồng tử đến Đại tự Kỳviên, tìm đến Đức Xálợiphất, xin Ngài là Tế độ sư cho Saṅkicca.

Saṅkicca đưa tâm quán tưởng các thể trược: "Tóc (kesā), lông (lomā), móng (nakkhā), răng (danta), da (taco)..." theo lời dạy của thầy.

Tóc chưa cạo xong, giới tử Saṅkicca chứng Thánh quả Alahán cùng với Tuệ phân tích[3].

Có 30 vị Tỳkhưu (timsamattehi) là bạn thân với nhau khi còn tại gia, được nghe giáo pháp từ Đức Thế Tôn, các vị hoan hỷ xin được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, nơi Đại tự Kỳviên.

Khi chuẩn bị bước vào thời an cư mùa mưa, các vị Tỳkhưu này đến đảnh lễ Đức Phật, xin đề mục tu tập từ Đức Thế Tôn, rồi bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng con xin phép Đức Thế Tôn đến vùng biên địa để an cư mùa mưa.

Đức Phật đưa Phật trí quán xét, thấy rằng: "Người "dùng tàn thực" sẽ gây kinh hoàng đến 30 vị Tỳkhưu, chỉ có Sadi Saṅkicca mới làm yên lặng sự kinh sợ ấy, đồng thời sẽ tế độ được 500 vị Thánh Alahán tương lai, chính là hội chúng sau này của Saṅkicca.

Đồng thời cũng trợ duyên cho 30 vị Tỳkhưu chứng Thánh quả Alahán". Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhưu, hãy đến từ giả Xálợiphất đi.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỳkhưu đến đảnh lễ Đức Xálợiphất, rồi ngồi xuống một bên, Đức Xálợiphất hỏi:

- Này chư hiền, có chuyện gì mà chư hiền đến nơi này?

- Thưa Tôn giả Xálợiphất, chúng tôi thọ trì pháp thiền nơi Đức Thế Tôn, chúng tôi đi vào rừng để an cư mùa mưa, đồng thời thực hành samôn pháp. Đức Thế Tôn dạy chúng tôi hãy đến từ giả Tôn giả.

---

[1]- Ps. Chương thần thông ngữ (Iddhikathā).

[2]- Vsm. p. 379.

[3]- ThagA.i, 533.

Đức Xálợiphất đưa trí quán xét, hiểu được nguyên nhân, Ngài suy nghĩ: "Đức Thế Tôn muốn ta cho Sadi Saṅkicca theo 30 vị Tỳkhưu này".

- Này chư hiền, các vị có sadi để phục vụ chăng?

- Thưa Tôn giả Xálợiphất, chúng tôi không có sadi phục vụ.

- Vậy chư hiền hãy nhận sadi Saṅkicca theo hầu đi.

- Thưa Tôn giả, chúng tôi đi vào rừng tu tập, có sadi theo sẽ vướng bận cho chúng tôi.

- Này chư hiền, sadi này không ràng buộc các vị, chính các vị sẽ ràng buộc sadi. Đức Thế Tôn thấy trước điều này, bảo các vị đến đây là muốn tôi cho sadi Saṅkicca theo hầu các vị.

- Lành thay, lành thay, thưa Tôn giả. Nếu đây là ý của Đức Thế Tôn, chúng tôi sẽ nhận sadi Saṅkicca.

Rồi các vị Tỳkhưu cùng Sadi Saṅkicca lên đường, các vị đến một ngôi làng biên địa gần khu rừng, nơi ấy cách xa thành Sāvatthi (Xávệ) 120 dotuần (visayojanasatamatthake).

Thôn dân nhìn thấy các Tỳkhưu đến làng mình, khởi tâm tín thành, cúng dường vật thực đến các Ngài, rồi hỏi rằng:

-Bạch các Ngài, chẳng hay các Ngài đi đến đâu?.

- Này các gia chủ, chúng tôi đang tìm chỗ để an cư mùa mưa.

- Thưa các Ngài, xin thỉnh các Ngài hãy an cư mùa mưa nơi đây, chúng tôi sẽ có dịp thực hành pháp theo lời dạy các Ngài.

Chư Tỳkhưu nhận lời an cư mùa mưa trong khu rừng cạnh ngôi làng ấy, các thôn dân xây dựng những thảo am, dọn đường kinh hành ... theo ý các vị Tỳkhưu, rồi thay nhau phục vụ, cúng dường vật thực đến các vị Tỳkhưu. Vào ngày an cư mùa mưa, các Tỳkhưu hội nhau lại, cùng thoả thuận rằng:

- Chúng ta thọ trì pháp hành nơi Đức Thế Tôn, chúng ta nên nỗ lực hành pháp, không nên khinh thường. Không nên hai người ở chung một chỗ, ngoại trừ giờ đi khất thực và giờ phục vụ các vị trưởng lão, chúng ta không nên gặp nhau.

Nếu có việc cần thiết như có vị Tỳkhưu nào bệnh ... sẽ đánh kẻng (gaṇḍī), các Tỳkhưu sẽ hội lại nơi giảng đường.

Các vị Tỳkhưu thoả thuận với nhau như thế.

Vào lúc ấy, có một người nghèo khổ, sống nương nhờ con gái, nhưng nơi xứ ấy lại lâm vào nạn đói, ông muốn đến sống nương vào người con gái khác.

Trên đường đến nhà người con gái thứ hai, ông đến ngôi làng có 30 vị Tỳkhưu đang an cư mùa mưa.

Vào sáng hôm đó, các Ngài vào làng khất thực, trên đường trở về các Ngài xuống tắm sông, rồi lên bãi cát thọ thực.

Người đàn ông ấy đi đến các Tỳkhưu, ông đứng yên lặng nhìn, vị Trưởng lão cao hạ nhất trong đoàn hỏi:

- Này gia chủ, ông đang đi đến đâu vậy?

Người đàn ông trình bày hoàn cảnh của mình đến các Tỳkhưu, động lòng bi mẫn, vị Trưởng lão hỏi rằng:

- Này gia chủ, giờ này hẳn ông đói lắm. Ông hãy tìm lá đến đây, mỗi vị Tỳkhưu sẽ cho ông chút ít vật thực.

Khi thọ thực xong, người đàn ông đảnh lễ các Tỳkhưu, hỏi rằng:

- Bạch các Ngài, có phải hôm nay có người thỉnh các Ngài dự lễ?

- Này gia chủ, không có ai cả, mỗi ngày thôn dân đều cúng dường vật thực đến chúng tôi như thế.

Người đàn ông suy nghĩ: "Ta phải làm lụng vất vả, từ sáng đến tối, nhưng chưa bao giờ có được bữa vật thực như vầy. Vậy ta còn phải đi đâu nữa, ta hãy sống chung với các Ngài là tốt đẹp nhất".

Ông bạch với các vị Tỳkhưu rằng:

- Bạch các Ngài, con muốn sống gần các Ngài để phục vụ các Ngài, xin các Ngài hãy nhận con là người phục vụ.

- Lành thay, lành thay, này gia chủ.

Người đàn ông phục vụ các Ngài, quét dọn các thảo lư, chung quanh nơi an cư mùa mưa ... một cách chu đáo, làm hài lòng các vị Tỳkhưu.

Sau hai tháng, ông chợt nhớ đến con gái, ông suy nghĩ:

-Nếu ta xin các Ngài ra đi, chắc chắn các Ngài sẽ không cho. Vậy ta hãy lén trốn đi.

Ông lén ra đi, không cáo biệt các Tỳkhưu, người ta nói rằng: "Ai lén trốn chư Tăng ra đi, là vi phạm một lỗi lầm".

Trên đường đi, ông đến khu rừng rậm, nơi ấy có nhóm cướp 500 tên. Chúng vừa đến khu rừng này trú ngụ, xây dựng sào huyệt xong, chúng khấn nguyện với chư thiên trú ngụ trong rừng rằng: "Chúng tôi sẽ bắt người đầu tiên đi vào rừng này, lấy máu người đó để tế lễ thần rừng, thần rừng hãy che chở chúng tôi được an toàn".

Chúng trú trong rừng được sáu ngày, ngày thứ 7 tên chánh đảng trèo lên cây cao để quan sát, thấy người đàn ông đi vào rừng, y ra hiệu cho đồng bọn vây bắt được người đàn ông.

Đưa người đàn ông đến nơi tế lễ đã chuẩn bị trước, nhóm cướp chia nhau, kẻ đánh lửa, người kéo củi khô, người đi lấy nước ...

Người đàn ông hỏi:

- Thưa chủ, tôi không thấy con thú rừng nào cả, chủ cho nấu nước để làm gì?

- Chúng ta sẽ giết ngươi lấy máu thịt để tế thần rừng, chứ có giết con thú nào đâu.

Người đàn ông ấy kinh sợ, suy nghĩ để tìm cách thoát chết, quá sợ chết y quên hết ân tình mà chư Tỳkhưu dành cho y, y nói rằng:

- Thưa chủ, tôi vốn sinh vào dòng dõi thấp kém, dùng tàn thực (vighāsāda). Có 30 vị Tỳkhưu thuộc dòng samôn Thích tử hiện đang ở làng gần bên, nếu chủ được người như các vị samôn Thích tử ấy, lấy máu thịt của người ấy tế thần rừng, chắc chắn thần rừng sẽ hoan hỷ hơn. Dùng máu thịt của người có dòng họ hạ tiện như tôi, để tế thầ rừng, thần rừng không hài lòng lắm.

Tến chánh đảng suy nghĩ: "Gã này nói cũng có lý, ta giết kẻ thuôc dòng dõi thấp kém này làm gì? Ta sẽ tìm người thuộc dòng Sátđếlỵ (khattiya) là samôn Thích tử để tế thần rừng thì tốt hơn".

- Vậy ngươi hãy dẫn chúng ta đến đó.

Khi bọn chúng đến nơi trú ẩn của các vị Tỳkhưu, thấy khung cảnh yên tịnh vắng lặng, liền hỏi rằng:

- Này gã kia, các vị Tỳkhưu mà ngươi nói ở đâu?

Gã dùng tàn thực từng ở đây 2 tháng, nên biết được quy ước của các vị Tỳkhưu, nên nói rằng:

- Thưa chủ, chủ hãy đáng kẻng lên, các vị Tỳkhưu sẽ đến hội nơi đây.

Nghe tiếng kẻng phi thời, các vị Tỳ khưu suy nghĩ: "Có việc gì cần kíp đây, có lẽ có vị Tỳkhưu nào đang lâm trọng bệnh bất ngờ chăng?".

Các Ngài đến hội tại giảng đường, nhìn thấy 500 tên cướp, vị Trưởng lão cao hạ nhất trong đoàn, hỏi:

- Này các gia chủ, ai đã đánh kẻng vậy?

- Chúng ta đã đánh kẻng đấy.

- Này các gia chủ, có chuyện gì thế?

- Chúng ta cần một người để thế mạng gã đàn ông này, chúng ta sẽ giết người ấy lấy máu thịt để tế thần rừng của chúng ta.

Nghe vậy, vị Trưởng lão cao hạ nhất trong đoàn nói với các Tỳkhưu rằng: "Thưa chư hiền, phàm việc nào khởi lên, người anh cả phải lãnh nhận trước tiên. Vây tôi tình nguyện hy sinh mạng sống cho tất cả chư hiền được an lành. Mong chư hiền đừng bị tổn hại, hãy chuyên cần thực hành samôn pháp".

Vị đệ nhị trưởng lão thưa rằng:

- Thưa Tôn giả, thông thường việc của người anh cả, người em kế sẽ lãnh lấy, tôi tình nguyện thay thế Tôn giả. Xin Tôn giả hãy ở lại hướng dẫn các hiền giả trong đoàn.

Vị đệ tam Trưởng lão nói rằng:

- Thưa hai vị Tôn giả, trong đoàn chúng ta các vị Tỳkhưu sống nương nhờ vào sự dìu dắt hướng dẫn của hai vị. Vậy hai vị hãy ở lại, tôi tình nguyện theo các gia chủ này.

Các vị Tỳkhưu lần lượt thay nhau để hy sinh cho cả đoàn, sự kiện này làm cảm phục tâm của nhóm cướp. Cuối cùng sadi Saṅkicca thưa rằng:

- Bạch các Ngài, để con thế mạng cho các Ngài.

- Này sadi, không được đâu, ngươi là đệ tử của Tướng quân Chánh Pháp. Nếu Tướng quân Chánh pháp biết được, trách cứ chúng ta rằng: "Vì sao các Tôn giả giao nộp đệ tử tôi cho bọn cướp?", chúng ta biết trả lời sao đây?

- Bạch các Ngài, Đức Thế Tôn cùng thầy Tế độ của con đã biết trước sự kiện này, nên yêu cầu các Ngài cho con theo tháp tùng.

Chính con là người giải trừ tai nạn này cho các Ngài. Xin các Ngài hãy yên lòng, chuyên cần thực hành Samôn pháp đi.

Rồi sadi Saṅkicca đảnh lễ chư Tỳkhưu, bạch rằng:

- Bạch các Ngài, trong thời gian qua, nếu con có vô ý phạm những lỗi lầm nào, xin các Ngài từ bi tha thứ cho con.

Các Tỳkhưu cảm xúc không thể nói thành lời, khoé mắt ngân ngấn lệ. Giây phút sau, Vị Trưởng lão cao hạ nhất trong đoàn, nói với nhóm cướp rằng:

- Này các gia chủ, mong các người đừng làm sadi này kinh sợ,

Nhóm cướp 500 tên mang sadi Saṅkicca vào rừng, nhưng không trói tay chân chi cả, vì tên chánh đảng suy nghĩ "vị samôn trưởng đã có nhắn nhủ "đừng làm sadi này kinh sợ", lại nữa đứa trẻ này làm sao có thể thoát khỏi tay chúng ta".

Đến nơi tế thần rừng, chúng để sadi Saṅkicca ngồi yên một nơi, cho người canh giữ, chúng chuẩn bị lửa, củi, nước ...

Xong việc, tên chánh đảng đi đến sadi Saṅkicca, rút nhanh thanh gươm bén chém vào cổ sadi, khi ấy Đức Saṅkicca an trú tâm vào "đề mục Từ", lưỡi gươm bật văng ra.

Ngỡ mình dùng chưa đủ lực, lần này tên chánh đảng dùng hết sức chém vào cổ Đức Saṅkicca, như lần trước lưỡi gươm bật ra, uốn cong lại, mũi gươm chạm vào chuôi gươm.

Kinh hoàng tên chánh đảng cướp ném thanh gươm, quỳ mọp dưới chân Đức Saṅkicca, toàn thân tên chánh đảng đau buốt, như có hàng vạn ngọn dao đang cứa vào thân xác. Tên chánh đảng nói rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tha thứ những lỗi lầm của tôi.

- Này gia chủ, ta tha thứ những lỗi lầm của ông đấy.

Tên chánh đảng hết đau buốt toàn thân, ngồi dậy đảnh lễ Đức Saṅkicca, rồi hỏi Ngài rằng:

Tāso te natthi na bhayaṃ;
Bhiyyo vaṇṇo pasīdati.
Kasmā na paridevesi;
Evarūpe mahabbhayeti.
"Ngài không có sợ hãi;
Sắc mặt lại trong sáng.
Vì sao Ngài không than khóc;
Trước sự kinh sợ lớn".

Đức Saṅkicca đáp rằng:

a- Natthi cetasikaṃ dukkhaṃ;
Anapekkhassa gāmani.

Atikkhanto bhayaṃ sabbaṃ;
Khīṇāsaṃyojano isi.
"Không có tính cách khổ;
Khi không nhìn thấy lớn trội.
Gắng chịu đựng mọi sợ hãi;
Ẩn sĩ diệt trói buộc".
b- Khīṇā assa bhavanetti;
Diṭṭhā dhammā yathā tathā.
Nibbhayaṃ maraṇaṃ hoti;
Bhāravoropananaṃ yathā'ti.
"Diệt trừ nơi vui thích hữu;
Thấy pháp như thật thế ấy.
Là không có sợ chết;
Như trút bỏ gánh nặng vậy".

Nghe Đức Saṅkicca trả lời như vậy, tên chánh đảng nhìn đồng bọn hỏi rằng:

- Các anh em sẽ làm gì?

- Thưa chủ tướng, Ngài sẽ làm gì?

- Ta sẽ xin xuất gia theo Ngài đây, Ngài là thầy của ta.

- Thưa chủ tướng, chúng tôi cùng xuất gia với chủ tướng, Ngài đây là thầy của chúng tôi.

- Lành thay, lành thay, này các anh em.

Cả 500 tên cướp đồng quỳ xuống xin Đức Saṅkicca cho họ được xuất gia và Ngài là Tế độ sư của họ.

Đức Saṅkicca bảo họ cạo bỏ râu tóc, sửa lại những y phục, nhuộm màu hoại sắc cho phù hợp với y phục samôn, rồi cho tất cả thọ giới sadi.

Ngài Saṅkicca suy nghĩ: "Ta nên đến từ giả 30 vị Trưởng lão, để các Ngài an tâm thực hành samôn pháp. Các Ngài đang ưu tư vì nghĩ rằng: "Sadi đã hy sinh mạng sống cho chúng ta", tâm các Ngài không được yên tịnh".

Đức Saṅkicca dẫn 500 đệ tử trở lại ngôi làng có 30 vị Tỳkhưu đang an cư mùa mưa.

Gặp lại Đức Saṅkicca, các Ngài hoan hỷ ra mặt rằng:

- Ồ! Bậc thiện trí thức (sappurisa) Saṅkicca, Ngài vẫn bình an vô sự chứ?

- Bạch các Ngài, con vẫn bình an, đây là 500 đệ tử của con. Họ là 500 tên cướp trước đây, nay họ đã trở về với Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Bạch các Ngài, con đến đây để từ giả các Ngài, con đưa 500 đệ tử về Đại tự Kỳviên đảnh lễ Đức Thế Tôn.

- Lành thay, lành thay, này bậc thiện trí thức Saṅkicca.

Trong những tháng ngày còn lại của mùa an cư, 30 vị Tỳkhưu cảm thán trước sự kiện kỳ diệu của Đức Saṅkicca, các Ngài nỗ lực thực hành pháp và tất cả đều chứng đắc Thánh quả Alahán trong mùa an cư ấy.

Đức Saṅkicca đưa 500 đệ tử trở về Đại tự Kỳviên, đến đảnh lễ thầy tế độ là Đức Xálợiphất, trình lên thầy sự kiện trên.

Đức Xálợiphất tán thán rằng: "Lành thay, lành thay, này Saṅkicca". Rồi dạy rằng:

- Này Saṅkicca, con hãy đưa các môn đệ của mình đến đảnh lễ Đức Thế Tôn đi.

- Vâng, thưa thầy.

Đức Saṅkicca đảnh lễ thầy, rồi đưa 500 môn đệ đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- Này sadi Saṅkicca, con mới tìm được những người đệ tử phải không?

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Rồi Đức Saṅkicca trình lên Đức Thế Tôn sự việc trên, Đức Phật hỏi 500 vị sadi rằng:

- Này các sadi, có đúng như thế không?

- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các sadi, dù có sống cả 100 năm trong ác giới, cũng không bằng sống một ngày có giới, có tu tập.

Rồi Đức Phật thuyết lên kệ ngôn.

Yo ca vassasataṃ jīve;
Dussīlo asamāhito.
Ekāhaṃ jīvitaṃ seyyo;
Sīlavantassa jhāyino'ti.
"Người nào sống trăm năm;
Ác giới không thiền tịnh.
Tốt hơn sống một ngày;
Có giới có thiền tịnh"[1].

Nghe xong kệ ngôn trên, 500 tân sadi chứng Thánh quả Alahán.

Khi Đức Saṅkicca đủ tuổi, Ngài thọ giới Tỳkhưu, rồi 10 năm sau Ngài tế độ cho 500 môn đệ thọ giới Tỳkhưu.

Năm trăm vị Tỳkhưu này là hội chúng của Đức Saṅkicca[2].

**** Chuyện Ngạ quỷ voi (Nāgapetavatthu)***.

Có lần Đức Saṅkicca cùng hội chúng 500 vị Tỳkhưu Alahán du hành đến thành Balanại (Bārāṇasī), trú ngụ ở tự viện Isipatana (Isipatanārāma), cư dân thành Balanại đến tự viện nghe Đức Saṅkicca giảng pháp thoại.

Pháp thoại làm hoan hỷ tâm của cư dân thành Balanại, họ cúng dường vật thực đến các vị Tỳkhưu vừa đến thành Balanại.

Trong thành Balanại có một gia tộc Bàlamôn tà kiến, người này có 3 người con: Hai trai và một gái.

Người con trưởng kết thân với một thiên nam, người thiện nam hướng dẫn người bạn mình đến nghe pháp từ Đức Saṅkicca. Thời pháp thoại của Ngài đã làm chuyển tâm người con trưởng.

Người thiện nam khuyến khích bạn rằng:

- Bạn hãy cúng dường đến các vị Samôn đi.

- Này bạn, truyền thống của gia tộc tôi là "không bố thí đến các samôn Thích tử". Tôi biết phải làm sao bây giờ.

- Ngay cả tôi, bạn cũng từ chối không cho sao?

- Không, với bạn thì được.

- Vậy bạn hãy cúng dường đến các vị Tỳkhưu những gì bạn dành cho tôi đi. Xem như tôi nhờ bạn thay tôi cúng dường.

- Này bạn, như vậy thì được.

Hôm sau,người con trưởng mang vật thực đến tự viện cúng dường đến các vị Tỳkhưu.

Hai người em của người con trưởng dần dần nhận ra đức lành của các Ngài Thánh Tăng, đồng thời được nghe Pháp thoại từ các Ngài, nên tâm chuyển hướng, theo gương anh cả họ cúng dường đến các Tỳkhưu theo khả năng có được.

Riêng cha mẹ của ba người chẳng quan tâm gì đến cái gọi là "phước báu" cả, chỉ sống hưởng thụ theo cách riêng của họ.

Bên tộc họ ngoại của ba anh em gia tộc này, có một thanh niên được nghe Pháp thoại từ nơi Đức Saṅkicca hoan hỷ xin xuất gia thọ giới sadi trong Giáo đoàn dưới sự chỉ dạy của Đức Saṅkicca.

Trước đó, bên tộc họ ngoại cầu hôn cô gái trong tộc họ nội cho thanh niên này và gia tộc cô gái ép buộc cô phải thành hôn với chàng.

---

[1]- Dhp. Câu số 110.

[2]- DhpA. Câu số 110.

Nhưng sau đó thanh niên đã xuất gia, nên hôn sự bất thành.

Gia đình vị sadi trẻ khuyến dụ rằng "nếu vị ấy trở về đời sống tại gia, cô gái xinh đẹp ấy sẽ là vợ vị ấy".

Do bị cảm dục trước sắc đẹp của cô em gái bên họ nội, sadi trẻ muốn hoàn tục.

Vị ấy đến xin thầy tế độ cho xả giới, Đức Saṅkicca đưa trí quán xét, thấu hiểu sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai, nên nói rằng:

- Này Sadi, con hãy nán đợi một tháng nữa.

- Vâng, thưa thầy.

Đúng một tháng, vị sadi trẻ đến xin thầy cho xả giới, Đức Saṅkicca lại nói: "Con hãy nán đợi nửa tháng", rồi "con hãy nán đợi 7 ngày". Sadi trẻ kiên nhẫn đợi ba lần như vậy.

Trong tuần lễ sau cùng ấy, một trận bảo thổi đến thành Balanại, đánh sập căn nhà gia tộc bên nội của vị sadi, làm thiệt mạng toàn bộ những người trong gia tộc ấy.

Ba người con của gia tộc Bàlamôn tàkiến tái sinh là "dạxoa địa cư thiên" (bhumma deva), người con trưởng tái sinh trên lưng voi, người em kế tái sinh trên cổ xe ngựa, cô gái tái sinh trong chiếc kiệu vàng.

Riêng hai ông bà Bàlamôn tà kiến, mệnh chung tái sinh làm ngạ quỷ (peta), họ cầm trong tay chiếc búa lớn, đánh vào nhau, nổi lên những vết phồng như cái lu , rồi họ lại đánh nhau trúng nhằm những vết phồng ấy, vết phồng vỡ ra tuôn chảy máu, nước vàng, người họ tẩm đầy máu, nước vàng ấy, nhưng họ không hề buông tha nhau.

Miệng hai ngạ quỷ tuôn ra những lời thô tục mắng chửi lẫn nhau.

Vị sadi trẻ vẫn chưa biết được điều này, hết hạn một tuần, lại đến xin thầy cho xả giới, Đức Saṅkicca bảo:

- Được rồi, nhưng con hãy đến nơi này, rồi trở về đây trước khi trời tối.

- Vâng, thưa thầy.

Sadi trẻ theo lời dạy của thầy, đi đến địa điểm mà thầy chỉ điểm. Khi ấy ba thiên tử dạxoa trên đường đến dự Đại hội dạxoa, tháp tùng cùng các dạ xoa đại uy lực; theo sau 3 thiên tử dạxoa là hai ngạ quỷ đang rượt đuổi đánh nhau, chửi rủa nhau bằng những lời độc ác.

Với năng lực thần thông, Đức Saṅkicca giúp cho vị Tỳkhưu trẻ thấy được hiện cảnh trên: Một cảnh thật huy hoàng, một cảnh thật thê lương.

Rồi Đức Saṅkicca xuất hiện trước mặt vị Tỳkhưu trẻ, hỏi rằng:

-Này sadi, con có thấy hai cảnh tượng chăng?

- Bạch thầy có.

- Con hãy hỏi họ "đã tạo nghiệp gì" đi.

Sadi trẻ hỏi ba thiên nhân dạxoa, họ cho biết tiền sự của họ, hai ngạ quỷ cũng nói lên "nghiệp xấu" của mình trong kiếp trước.

Nghe xong, sadi chán nãn, đồng thời kinh cảm những ác nghiệp, xin sám hối với Đức Saṅkicca.

Đức Saṅkicca cho sadi đề mục thiền quán thích hợp, nhờ nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu vị ấy trở thành vị Thánh Alahán.

Vị ấy đi khất thực, cúng dường đến chư Tăng, hồi hướng phước lành này đến hai ngạ quỷ trên, nhờ đó họ thoát ra cảnh giới ngạ quỷ[1].

Nam cư sĩ.

Một cư sĩ cảm phục đức độ của Đức Saṅkicca, muốn cúng dường Đức Saṅkicca một am thất nơi làng của nam cư sĩ ấy, để ông có cơ hội phục vụ cho Đức Saṅkicca. Nam cư sĩ nói rằng:

597- Kiṃ tavattho vane tāta;

Ujjuhānova pāvuse.

---

[1]- PvA. Chương I, Nāgapetavatthu (Chuyện ngạ quỷ voi), (chuyện số 11).

Verambhā ramanīyā te;
Paviveko hi jhāyinaṃ
"Lợi ích gì, Ngài ở rừng sâu;
Như Ujjuhāna[1] mùa mưa
Nơi thoáng mát xinh đẹp cho Ngài;
Sống độc cư thiền tịnh".

Đức Saṅkicca đáp lại với 10 kệ ngôn, ca ngợi vẽ đẹp của núi rừng, tán thán cuộc sống không nhà, liên hệ đến *sự thật[2]*.

Trưởng lão Adhimuttaka.

Đức Saṅkicca có một người cháu têm là Atimuttaka (hay Adhimuttaka), Đức Saṅkicca tế độ cho Adhimuttaka xuất gia sadi.

Khi đến tuổi thọ giới Tỳkhưu, Đức Saṅkicca bảo sadi Adhimuttaka về xin phép cha mẹ.

Trên đường về nhà, sadi Adhimuttaka bị bọn cướp 500 tên trong khu rừng cạnh làng cha mẹ Ngài, bắt để tế thần rừng.

Ngài thuyết lên pháp thoại, làm chuyển tâm bọn cướp.

Nhóm cướp thả Ngài với một yêu cầu "đừng nói cho ai biết, có bọn cướp trong khu rừng", sadi Adhimuttaka ưng thuận.

Sau khi về nhà xin phép cha mẹ được thọ đại giới, rồi sadi Adhimuttaka trở về tự viện, cha mẹ Ngài đưa tiển Ngài đến bìa rừng, họ bị bọn cướp bắt, bị bọn cướp hành hạ, ông bà oán trách rằng:

- Con chúng ta biết trong rừng có bọn cướp mà chẳng báo cho chúng ta biết. Hay chính ông ta đồng lõa với cướp, nên chúng chẳng bắt ông.

Ngạc nhiên, tên chúa đảng hỏi:

- Con ông bà là ai ?

- Chính là sadi đi chung với chúng ta.

Cảm phục sự trung tín của Ngài Adhimuttaka, nhóm cướp thả cha mẹ Ngài ra, tìm đến Ngài xin được xuất gia.

Ngài Adhimuttaka cho 500 tên cướp xuất gia sadi.

Ngài Adhimuttaka đưa 500 tân đệ tử đến yết kiến thầy tế độ, rồi đưa 500 đệ tử đến yết kiến Đức Phật.

Đức Thế Tôn với kệ ngôn trên, tế độ 500 tân sadi chứng Thánh quả Alahán[3].

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Atthadassī, tiền thân của Ngài Adhimuttaka là một đại trường giả.

Sau khi Đức Phật Atthadassī viên tịch, đại trưởng giả thường cúng dường vật thực đến chư Tăng, nhất là đường mía, như trong tập Ký sự (Apadāna) có ghi nhận:

1086- Nibbute lokanāthamhi atthadassina rutāme;
Upaṭṭhahiṃ bhikkhusaṅghaṃ vippasannena cetasā.

"Khi Đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Nípbàn, tôi đã hộ độ Hội chúng tỳkhưu với tâm ý trong sạch.

1087.Nimantetvā saṅgharatanaṃ ujubhūtaṃ samāhitaṃ.
Ucchunā maṇḍapaṃ katvā bhojesiṃ saṅghamuttamaṃ.

---

[1]- *Ujjhuhāna* có nhiều nghĩa:
- Chỉ cho rừng rậm và suối nước.
- Tên một loài chim trong rừng sâu, sống trong mùa mưa. Ở đây Ujjuhāna có lẽ chỉ cho nghĩa thứ hai –Ns.

[2]- Xem Thag. Chương 11 kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Saṅkicca (Saṅkiccattheragāthā).

[3]- DhapA.ii, 252-3; SA.i, 44-5. Trong bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão Tăng" (ThagA. ii, 11; nói rằng: Ngài Adhimuttaka chứng Thánh quả Alahán trước khi bị bọn cướp bắt, đồng thời cũng có nhiều chi tiết khác biệt với bản Sớ giải kinh Pháp cú..

"Sau khi thỉnh Hội chúng Tăng quý báu, có bản thể chính trực, đã được định tĩnh, tôi đã thực hiện mái che bằng cây mía và đã phục vụ bữa ăn đến Hội chúng tối thượng"[1].

Từ kiếp đó trở đi cho đến thời hiện tại là 1.800 kiếp trái đất, hậu thân của đại trưởng giả ấy không hề biết đến 4 khổ cảnh.

Vào kiếp cuối cùng chính là Ngài Adhimuttaka.

Ngài được xem là một người rất sáng giá trong dòng tộc[2].

Có điều lạ là: Trong những bản Sớ giải, chúng tôi chưa tìm thấy tiền sự của Ngài Saṅkicca.

Ngài Saṅkicca là một trong 4 vị sadi Alahán 7 tuổi, bị nữ Bàlamôn bỏ đói, ba vị kia là: Sadi Paṇḍita, Sadi Sopāka và Sadi Revata.

**** Bốn vị Sadi bị bỏ đói.***

Tương truyền, khi Đức Phật ngự tại Đại tự Kỳviên, có một nữ Bàlamôn trong thành Xávệ, được nghe pháp từ Đức Thế Tôn, bà hoan hỷ xin thỉnh bốn vị Tỳkhưu đến tư gia để thọ thực.

Sau khi sữa soạn vật thực cúng dường xong rồi, bà bảo chồng đến Đại tự Kỳviên thỉnh bốn vị Tỳkhưu, chư Tăng sắp xếp cho bốn vị sadi là: Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka và Revata đến nhà của nữ Bàlamôn nhận vật thực (khi ấy các Ngài chỉ mới 7 tuổi).

Nữ Bàlamôn thấy các Ngài sadi Alahán, bà không thấu hiểu ân đức của các Ngài, nên tỏ ý khinh thường, không thỉnh các Ngài ngồi vào nơi được soạn sẵn, chỉ trải tấm thảm nơi thấp hơn, nói rằng:

- Các vị hãy ngồi nơi này.

Bà bảo chồng đi thỉnh vị Tỳkhưu khác, ông Bàlamôn đi tìm thỉnh được Đức Xálợiphất, Đức Xálợiphất đến thấy 4 vị sadi, Ngài hiểu ngay là: "Các vị này được chư Tăng cử đến", nên Đức Xálợiphất nhận lại bát rồi ra đi.

Ông Bàlamôn lại đi tìm thỉnh vị trưởng lão khác, tìm được Đức Mụckiềnliên, Đức Mụckiềnliên đến thấy 4 vị sadi, Ngài cũng nhận lại bát rồi đi nơi khác như Đức Xálợiphất.

Ông Bàlamôn lại phải đi tìm vị Tỳkhưu khác.

Bốn Ngài sadi Alahán từ sáng đến trưa chưa được dùng vật thực, các Ngài bị cơn đói hoành hành, nhưng các Ngài vẫn kham nhẫn, chẳng nói chi cả. Ngai vàng của vua trời Đế Thích nóng ran, đưa Thiên nhãn quán xét vua trời Đế Thích hiểu được nguyên nhân khiến ngai vàng của mình nóng lên, vua trời Đế Thích suy nghĩ: "Ta sẽ làm chói rạng uy đức của bốn Ngài".

Vua trời Đế Thích hoá thân thành một Bàlamôn già, ngồi trang trọng trong ngôi đền của Bàlamôn. Ông Bàlamôn đến đền thờ nhìn thấy vị Bàlamôn trưởng thượng nên hoan hỷ thỉnh về tư gia của mình để thọ thực. Khi đến nhà của ông bà Bàlamôn, nhìn thấy 4 Ngài sadi, Bàlamôn trưởng thượng đảnh lễ 4 Ngài.

Nữ Bàlamôn thêm tức tối đay nghiến chồng rằng:

- Khổ thật, ông lại thỉnh về đây một lão Bàlamôn điên rồ, ông ta đảnh lễ 4 ông samôn tuổi đáng con cháu mình. Hãy tẩn xuất ông Bàlamôn điên này ra khỏi nhà đi.

Nhưng khi lôi kéo "lão Bàlamôn" ra khỏi nhà, trở vào thì thấy "lão" vẫn ngồi nơi cũ, lần thứ 2 cũng thế.

Vợ chồng Bàlamôn cho rằng: "Chúng ta gặp phải yêu tinh rồi", cả hai kinh hoàng bỏ chạy.

Vua trời Đế Thích hiện thân, dạy cho vợ chồng Bàlamôn biết: "Ta chính là vua Trời Đế Thích đây".

---

[1]- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân ký sự II (Ap.ii). Ký sdự trưởng lão Adhimutta (Adhimuttattherāpadāna).
[2]- SA.i, 45.

Rồi vua Trời Đế Thích tán thán ân đức tối thượng của 4 Ngài sadi Alahán. Vợ chồng Bàlamôn hoan hỷ thỉnh các Ngài ngồi vào nơi được soạn sẵn, cúng dường vật thực đến các Ngài.

Sau khi thọ thực xong, các Ngài thi triển thượng nhân pháp, các Ngài trổ ra 4 hướng nhà, bay lên hư không, vua Trời Đế Thích cũng trổ nóc bay đi, từ đó ngôi nhà của vợ chồng Bàlamôn ấy có 5 lổ trống, được gọi là Pañcachiddageha.

Vào buổi chiều, tại Giảng pháp đường các vị Tỳkhưu hỏi 4 vị sadi Alahán rằng:

- Này chư hiền, khi bị bỏ đói các vị có khó chịu không?.

Các Ngài đáp "không có khó chịu chi cả". Các Tỳkhưu phàm cho rằng: "Các sadi này khoe pháp bậc cao nhân".

Các vị trình lên Đức Phật, Đức Phật xác nhận: "Bốn sadi nói đúng theo sự thật", rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngônrằng:

Aviruddhaṃ viruddhesu;
Attadaṇḍesu nibbutiṃ.
Sādānesu anādānaṃ;
Tamaham, brūmi brāhmanaṃ.
"Không thù giữa thù nghịch;
Giữa hung bạo, yên tịnh.
Giữa dính mắc, không dính mắc;
Như lai gọi Bàlamôn"[1].

7- Trưởng lão Sīvali.

Ngài là con của công chúa Suppavāsā, con gái vua Koliya (Koliyadhītā). Chữ Koliyadhītā là chỉ chung cho những công nương con của những vị vua trị vì quốc độ Koliya, có khả năng nàng Suppavāsā là con gái của vị vương tử được hội đồng bộ tộc ThíchCa đề cử lên cai trị xứ Koliya, sau khi vua Suppabuddha (Thiện Giác) ngăn chận đường đi khất thực của Đức Phật, 7 ngày sau vua Suppabuddha bị đất rút nơi chân thang lầu 7[2].

Vua Suppabuddha chỉ có hai người con là: Ngài Devadatta (Đềbàđạtđa) và bà Yasodharā (vợ của Bồtát SĩĐạtTa), Ngài Devadatta xuất gia trong giáo pháp của Đức Phật, nên vua Suppabuddha không có người thừa kế vương vị, sau khi ông bị đất rút.

Công nương Suppavāsā mang thai 7 năm (sattavassāni)[3], nàng chuyển bụng để sinh nở, cả 7 ngày thai nhi không sinh ra được.

Tuy bị đau khổ khốc liệt, nàng vẫn duy trì ba niệm:

- Đức Phật là bậc Alahán Chánh đẳng giác.
- Pháp được Đức Phật khéo thuyết giảng, pháp ấy có công năng đoạn trừ đau khổ.
- Đức Tăng là người thực hành pháp theo lời dạy của Đức Phật, để đoạn tận đau khổ, chứng đạt Nípbàn an lạc. Nơi ấy không có khổ đau.

Vào ngày thứ 7, những cơn đau buốt thống khổ do thai bào khó sinh, làm nàng kiệt sức, nàng nói với chồng rằng:

- Này phu quân (ayyaputta), hãy đến đảnh lễ Đức Phật. Hãy nhân danh tôi đảnh lễ Đức Phật với đầu đặt dưới chân Ngài, vấn an Đức Phật, rồi hãy bạch rằng: "Bạch Thế Tôn, Suppavāsā con gái vua Koliya, có thai 7 năm, 7 ngày qua sinh nở khó. Tuy vậy, Suppavāsā vẫn duy trì ba niệm tưởng ân đức Tam bảo".
- Thật tốt đẹp thay (paramām).

Lúc bấy giờ, Đức Phật ngự trú trong rừng Kuṇḍadhāna của thành phố Kuṇḍiyā[1]. Trong rừng có tự viện do các vương tử dòng Koliya xây dựng, cúng dường đến chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ, tự viện này có tên là Kuṇḍadhānārāma.

---

[1]- DhpA. Câu số 406.
[2]- Xem DhpA, Câu số 128.
[3]- Kinh Cảm hứng ngữ (Udānasuttaṃ) ghi nhận là "7 năm" (sattavassāni). Bản Sớ giải kinh Bổn sanh (Jātata-atthakathā, Asātarūpa-atthakathā; chuyện số 100) cũng ghi nhận là "7 năm". Nhưng trong Bản Sớ giải kinh Pháp cú (DhpA. Kệ ngôn số 98) ghi nhận là "7 năm, 7 tháng" (sattamāsādhikāni satta vassāni).

Người chồng làm theo lời nàng Suppavāsā, Đức Phật dạy rằng:

"Mong nàng Suppavāsā được an lạc, sinh con được an lành, không có bệnh".

-Lành thay, lành thay, bạch Đức Thế Tôn.

Người chồng tín thọ lời dạy của Đức Phật, đảnh lễ Đức Phật rồi ra về. Về đến nhà, ông thấy nàng Suppavāsā sinh ra được một hài tử vô bịnh, nàng cùng con trai được an lạc.

Chồng nàng Suppavāsā suy nghĩ: "Thật hy hữu thay, thật kỳ diệu thay! Thần lực và uy lực của Đức Thế Tôn; nàng Suppavāsā con gái vua Koliya, với lời nói của Đức Thế Tôn, sinh con được an lạc, đứa con an lạc, không bịnh". Tâm ông phát sinh hỷ lạc.

Nàng Suppavāsā nói với chồng rằng:

- Thưa phu quân, hãy đến đảnh lễ Đức Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ và vấn an Đức Thế Tôn, hãy nhân danh tôi với đầu đặt dưới chân Đức Thế Tôn bạch rằng: "Bạch Thế Tôn, nàng Suppavāsā con gái vua Koliya, mang thai 7 năm, sau 7 ngày khó sinh, nay được an lạc, sinh con an lạc, vô bệnh.

Bạch Thế Tôn, nàng muốn thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng nhận lời dùng vật thực của nàng trọn 7 ngày, kể từ ngày hôm nay.

Mong Thế Tôn cùng Tăng chúng nhận lời thọ thực tại tư gia của nàng Suppavāsā trọn 7 ngày, kể từ hôm nay.

- Thật là tốt đẹp thay.

Chồng nàng Suppavāsā đến đảnh lễ Đức Phật và tác bạch như trên. Đức Phật im lặng nhận lời.

Chồng nàng Suppavāsā hiểu biết "Đức Thế Tôn đã nhận lời", ông đảnh lễ Đức Phật nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi trở về.

Có một cận nam là người hộ độ của Đức Mụckiềnliên, cận sự nam ấy đã thỉnh Đức Phật cùng các Tỳkhưu thọ thực tại nhà của ông vào ngày mai. Đức Phật dạy Đức Mụckiềnliên rằng:

- Này Muckiềnliên, hãy đến nói với người cận sự nam ấy rằng: "Này hiền giả, nàng Suppavāsā con gái vua Koliya, mang thai đã 7 năm, sau 7 ngày sinh khó khăn, nay đã được an lạc, đứa con an lạc vô bệnh, nay nàng muốn cúng dường đến các Tỳkhưu, có Đấng Như Lai là tối thượng trọn 7 ngày. Hãy để nàng Suppavāsā cúng dường trước 7 ngày, rồi đến ông".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nam cận sự, người hộ độ Đức Mụckiênliên nghe vậy, đã bạch với Đức Mụckiềnliên rằng:

- Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm (paṭibhogo) cho con ba pháp: Tài sản, thọ mạng và niềm tin, hãy để cho nàng Suppavāsā con gái vua Koliya tổ chức trước rồi đến con.

- Này hiền giả, Ta bảo đảm cho ông hai pháp: Tài sản và thọ mạng, còn niềm tin thì ông tự giữ lấy.

- Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp: Tài sản và thọ mạng. Hãy để nàng Suppavāsā tổ chức trước, rồi đến con.

Ngay ngày hôm ấy,, Đức Phật cùng chư Tỳkhưu đến tư gia của nàng Suppavāsā thọ thực. Nàng Suppavāsā tự tay phục vụ Đức Phật cùng Tăng chúng những vật thực thượng vị, loại cứng, loại mềm.

Hài tử sinh ra đã biết đi, biết nói, làm các việc như đứa trẻ 7 tuổi bình thường. Nàng Suppavāsā cho hài tử trang điểm xinh đẹp, đưa hài tử đến đảnh lễ Đức Phật cùng Tăng chúng, Đức Xálợiphất hỏi hài tử rằng:

- Này hài tử, con có kham nhẫn được không? Con có tự nuôi sống không? Con có đau khổ gì không?

---

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 1).

- Thưa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể tự nuôi mạng? Từ đâu con không có đau khổ? Con đã sống 7 năm trong cái bình đầy máu.

Nàng Suppavāsā thấy con trai mình vừa sinh ra, đã đàm luận với Đức Xálợiphất, nàng hoan hỷ rằng:

- Ồ! Con trai ta đang đàm luận pháp với Đức Xálợiphất.

Đức Phật phán hỏi nàng Suppavāsā rằng:

- Này Suppavāsā, nàng có muốn có được người con trai khác như vậy chăng?

- Bạch Thế Tôn, con muốn có 7 người con trai như vậy.

Khi hiểu được ý nghĩa này, Đức Phật đã nói lên "cảm hứng ngữ".

Asātaṃ sātarūpena;
Piyarūpena appiyaṃ.
Dukkhaṃ sukhassa rūpena;
Pamattamatiyattatī'ti.
"Không vui, giả đáng vui;
Không đáng thích, giả dạng đáng thích.
Khổ đau, giả đáng an lạc;
Kẻ bất cẩn bị chế ngự"[1].

Rồi hài tử cảm thấy chán nản cuộc sống tại gia, đi đến nàng Suppavāsā nói rằng:

- Thưa mẹ, con muốn được xuất gia với Ngài Xálợiphất.

- Lành thay, lành thay, này con.

Vì sinh ra làm hài lòng các người trong thân tộc, nên hài tử được đặt tên là Sīvali. Chiều hôm đó thân tộc đưa hài tử đến tự viện, Đức Xálợiphất và Đức Mụckiềnliên là Tế độ sư của hài tử Sīvali.

Theo Bản Ký sự (Apadāna) thì Đức Sīvali chứng Thánh quả Alahán khi tóc chưa cạo xong, khi ấy, người, chư thiên cùng Long vương có thần lực hoá thân thành người đến cúng dường Ngài rất nhiều tứ vật dụng, như có Pāli sau.

6108- Suvatthitohaṃ nikkhanto buddhena anukampito;
Nikkhantadivaseyeva pabbajiṃ anagāriyaṃ.
"Được Đức Phật thương tưởng, tôi đã được sinh ra an toàn. Ngay ngày được hạ sinh, tôi đã xuất gia, sống không gia đình."

6109- Upajjhā sāriputto me moggallāno mahiddhiko;
Kese oropayanto me anusāsi mahāmati.
"Thầy tế độ của tôi là Xálợiphất và Mụckiềnliên có đại uy lực.Trong khi đang cạo tóc, bậc đại trí đã chỉ dạy cho tôi".

6110- Kesesu chijjamānesu arahattamapāpuniṃ;
Devā nāgā manussā ca paccaye upanenti me.
"Khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị Alahán. Chư thiên, các loài rồng và nhân loại, đem đến cho tôi nhiều vật dụng"[2].

Nhưng trong bản Sớ giải kinh Tăng chi thì nói rằng: "Khi nắm tóc thứ nhất rơi xuống, Ngài chứng đắc Sơ quả, khi nắm tóc thứ hai rơi xuống Ngài chứng đắc Nhị quả.

Khi xuất gia thọ giới Sadi xong, Ngài đi vào rừng suy gẫm về nỗi khổ của mình khi nằm trong thai bào, Ngài chứng Thánh quả Alahán ngay trong buổi chiều hôm ấy"[3].

Đức Sīvali có nói lên kệ ngôn khi vừa chứng đạt Thánh quả Alahán.

60- Te me ijjhiṃsu saṅkappā;
Yadattho pāvisiṃ kutiṃ.
Vijjāvimuttiṃ paccesaṃ,
Māmānusayamujjahan'ti.

---

[1]- Ud. Chương II. Mucalindavaggo. Kinh Supāvāsa (số 8) (Suppavāsāsuttaṃ),

[2]- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân ký sự (tậpII). Ký sự Trưởng lão Sīvali (Sīvalittherāpadānaṃ). Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão Sīvali cũng ghi nhận như thế.

[3]- AA.i, 136.

"Ta tăng trưởng tầm cầu ấy;
Bước vào trong ngôi chòi lá.
Đạt được minh giải thoát;
Mạn tuỳ miên không còn"[1].

Có khả năng Bản Sớ giải kinh Tăng chi dựa vào kệ ngôn trên, nên có sự lý giải như trên.

Dù theo Bản nào chăng nữa, vẫn đi đến kết luận rằng: "Đức Sīvali vừa chào đời, đã xuất gia và chứng Thánh quả ngay trong ngày hôm ấy".

Ngài Sīvali cũng cho biết là "Bảy ngày cuối cùng trong thai bào, Ngài mê man bất tỉnh" do thiếu không khí để thở, như có Pāli sau đây.

6107- Sattāhaṃ dvāramuḷhohaṃ mahādukkhasamappito;
Mātā me chandadānena evamāsi sudukkhitā.

"Trong 7 ngày tôi đã mê man ở sản môn, gánh chịu sự đau khổ lớn.
Mẹ của tôi đã bị vô cùng đau đớn như thế, do việc bày tỏ sự đồng tình (về quyết định ngăn chận cửa thành trong 7 ngày) (sđd).

Thông thường thì hài tử đã chết, nhưng đây là "kiếp cuối" của vị Thánh Alahán, nên hài tử không thể chết trước khi chứng Alahán.

Hỏi. Vì sao Ngài Sīvali biết "mình trú 7 năm trong thai bào, như nằm trong bình đầy máu?".

Đáp. Bồtát Chánh Giác kiếp chót biết được ba thời kỳ: Nhập thai bào, trú thai bào và xuất ra khỏi thai bào. Bồtát Độc Giác và Bồtát Thượng thủ thinh văn kiếp chót, biết được hai thời kỳ: Trú trong thai bào và xuất khỏi thai bào. Bồtát Alahán Đại đệ tử kiếp chót, biết được một thời kỳ là: Trú trong thai bào.

Ngài Sīvali là Thánh Alahán đại đệ tử, nên Ngài biết được "thời trú trong thai bào".

"Về 7 ngày sinh nở khó của nàng Suppavāsā", trong Bản Sớ giải kinh "Cảm hứng ngữ" (Udāna- atthakathā), Ngài Luận sư Dhammapāla có giải thích:

a- *Nàng Suppavāsā bị xẩy thai 7 ngày.*

Câu Pāli: "Sattāhaṃ muḷhagabbhā: *Thai bào rối loạn trong 7 ngày*". (Sattāhaṃ = satta + ahāni).

Do bị xẩy thai nên thai nhi nằm không đúng đường thoát ra ngoài, nó nằm chận ngang sản môn, bị vướng những sợi *"dây chằng"*, thai nhi co duỗi, làm nàng Suppavāsā đau khổ khốc liệt.

Sự xẩy thai này là do tác động của gió nghiệp chướng sinh từ một ác nghiệp trong quá khứ.

Khi thai nhi đã phát triển đầy đủ, gió sinh từ nghiệp tục sinh tác động vào thai nhi, nếu bình thường thai nhi sẽ quay tròn, đưa chân về phía trên, đầu hướng đúng về sản môn (yonimukkhe, hay yonimukhābhimukho), thai nhi theo đường này thoát ra ngoài.

Nhưng là gió sinh từ nghiệp chướng ngại, bất thần tác động vào thai nhi, khiến thai nhi rời khỏi vị trí, gió xoay chuyển thai nhi quay tròn, bấy giờ thai nhi sẽ nằm chận ngang sản môn, không thể thoát ra ngoài, đồng thời *"những sợi dây chằng"* làm vướng chân tay thai nhi, thai nhi cử động để thoát khỏi vướng những sợi dây ấy, làm sản phụ chịu thống khổ không thể tả được.

(Đoạn văn tiếp theo là ghi lại theo Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão Sīvali).

Với sự khổ khốc liệt ấy, khiến nàng Suppavāsa kiệt sức, nàng có cảm tưởng là "sắp mệnh chung", nên nói với chồng rằng:

- Này phu quân, trước khi chết tôi sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng".

---

[1]- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Sīvali (Sīvalittheragāthā)

Và nàng bảo chồng đi đến đảnh lễ Đức Phật, trình lên hiện trạng của nàng đến Đức Phật, đồng thời dặn chồng rằng: "Hãy ghi nhận lời dạy của Đức Thế Tôn".

Sau lời phúc chúc của Đức Thế Tôn: *"Mong nàng Suppavāsā an lạc, mong con nàng Suppavāsā an lạc, vô bệnh"*, ngay khi ấy, nàng Suppavāsā sinh hài tử dễ dàng, mọi thống khổ chợt biến mất, nàng khoẻ mạnh như trước, ví như vừa ném vật nặng trên vai xuống.

b- Uy lực lời phúc chúc của Đức Phật.

*Đức Phật thấy rõ ác nghiệp đến thời điểm cạn kiệt, nên Đức Phật phúc chúc như thế.

Một số Giáo thọ sư luận rằng: "Cho dù Đức Phật không nói lời phúc chúc, nàng Suppavāsā vẫn sinh hài tử được an toàn, vì ác nghiệp đã hết hiệu lực. Nhưng luận như vậy là chưa cảm nhận được "uy lực lời phúc chúc" của Đức Thế Tôn.

Đành rằng, "khi ác nghiệp không còn hiệu lực", nhưng nàng Suppavāsā vẫn phải oằn oại thêm một thời gian ngắn trước khi sinh hài tử. Ví như "đống rác được dọn sạch, nhưng mùi hôi thối vẫn còn vương lại, phải một thời gian ngắn sau đó mới chấm dứt.

Cũng vậy, tuy ác nghiệp đã mãn, như dư hưởng vẫn còn tồn tại khiến nàng Suppavāsā phải chịu khổ thêm thời gian ngắn".

Đồng thời, khi sinh được hài tử, nàng Suppavāsā vẫn chịu sự mệt nhoài thân.

Ở đây, khi gọi "ác nghiệp cạn kiệt", là chỉ cho "ác nghiệp của cả hai: Của hài tử và của nàng Suppavāsā".

Lời phúc chúc của Đức Phật xoá sạch những "dư hưởng ác nghiệp", ví như người dùng nước thơm tinh sạch rưới lên đống rác được dọn sạch, khiến mùi hôi thúi không còn.

Chính khi vừa dứt lời phúc chúc, thai nhi thoát khỏi vướng vít, gió từ nghiệp thiện sinh lên, xoay thai nhi quay đầu đúng hướng sản môn thoát ra ngoài. Đồng thời, giúp nàng Suppavāsā tức khắc trở lại sự an lạc như trước".

Bằng cách nào?

Bằng tâm từ vô lượng của Đức Phật.

Đức Phật thường xuyên an trú tâm trong "tình thương vô lượng đối với tất cả chúng sinh". Chính điều này đã tạo nên "uy lực lời phúc chúc" của Đức Phật.

Lời phúc chúc mang uy lực tâm Từ của Đức Phật, mang lại an lạc có trước đó cho người được phúc chúc.

Ngài Dhammapāla dẫn chứng: Như nàng Paṭācārā, nàng Suppiyā. .

Nàng Paṭācārā (người nữ không y phục), trong một ngày, những tai ương liên tiếp đến với nàng: Chồng chết, hai người con chết, tiếp theo nàng thấy xác cha mẹ cùng em trai đang thiêu trên giàn hoả.

Không thể chịu đựng nổi, nàng ngã xuống bất tỉnh, khi tỉnh lại, nàng trở nên mất trí, xé bỏ cả y phục như khi mới vừa sinh ra. Nàng lang thang khắp nơi này nơi nọ, đến Đại tự Kỳviên, Đức Phật phán gọi:

- Này Paṭācārā, con hãy tỉnh trí lại đi.

Tiếng Phạm âm du dương của Đức Phật đã đánh thức nàng, giúp nàng tỉnh trí trở lại.

**** Nàng cận sự Suppiyā.***

Uy lực lời dạy của Đức Phật cũng mang đến an lành như trước cho nàng Suppiyā.

Có lần Đức Phật cùng đại chúng Tỳkhưu du hành đến thành Balanại, Ngài ngự trú ở vườn nai Isipatana (Tiên nhân rơi xuống).

Trong thành Balanại có vợ chồng cận sự Suppiya, người vợ là Suppiyā (có khả năng là hai anh em).

Vợ chồng nam cư sĩ Suppiya chứng Thánh quả ngay trong lần đầu tiên đến yết kiến Đức Phật tại tự viện trong rừng Nai (Migadāya), khi nghe Pháp từ Đức Phật.

Nàng Suppiyā thường cúng dường dược phẩm đến các Tỳkhưu.

Vào buổi sáng hôm ấy, nàng Suppiyā đến tự viện trong vườn nai ở Isipatana, nàng đi từ liêu thất này sang liêu thất khác, hỏi rằng:

- Thưa các Ngài, có vị nào binh chăng? Đang cần dược phẩm gì?

Có vị Tỳkhưu bị bịnh, đang uống thuốc xổ, nói với nàng Suppiyā rằng: "Này chị, tôi đang uống thuốc xổ, tôi cần nước canh thịt".

- Vâng, vật ấy sẽ được mang đến cho Ngài.

Nàng Suppiyā trở về, sai người hầu đi tìm thịt được làm sẵn, người ấy trở về thưa rằng:

- Thưa chủ, hôm nay là ngày giới, không có thịt được làm sẵn.

Nàng Suppiyā suy nghĩ: "Vị Tỳkhưu ấy nếu không được nước canh thịt, bệnh có thể tăng trầm trọng dẫn đến "mệnh chung",vì đang dùng thuốc xổ. Mặt khác, ta đã hứa mà không cho người mang lại bát canh thịt, là điều không đúng đắn".

Nàng dùng dao bén cắt miếng thịt ở đùi, trao cho một nữ hầu, nói rằng: "Em hãy dùng thịt này, nấu bát canh thịt, rồi mang đến tự viện cho vị Tỳkhưu tên này, tên này …".

Sau đó, nàng lấy miếng vải lớn buộc chặt vết thương quanh đùi, rồi đi vào phòng nằm. Cận sự nam Suppiya về nhà, không thấy vợ đâu, hỏi người hầu rằng:

- Cô chủ của các người đâu rồi?.

- Thưa chủ, cô chủ đang nằm trong phòng.

Cận sự nam Suppiya đi vào phòng trong, thấy nàng Suppiyā đang sốt do vết thương hành hạ, nằm trong phòng, ông hỏi:

- Này Suppuyā, nàng sao thế?

- Thưa anh, em đang bị bịnh.

Rồi nàng tường thuật mọi việc đến cho chồng nghe, nghe xong cận sự nam Suppiya hoan hỷ rằng:

- "Ồ! Thật kỳ diệu thay, thật phi thường thay, nàng Suppiyā đã an trú tâm vào niềm tin tốt đẹp. Ngay cả chính thịt bản thân, nàng còn dứt bỏ để bố thí, thì còn nói gì những tài sản ngoại thân khác nữa chứ".

Cận sự nam Suppiya hoan hỷ đi đến tự viện, sau khi đảnh lễ Đức Phật, ngồi xuống một bên hợp lẽ, cận sự nam Suppiya bạch với Đức Phật rằng:

- "Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy nhận lời thọ thực vào ngày mai tại nhà của con, cùng với đại chúng Tỳkhưu".

Đức Phật im lặng nhận lời, cận sự nam Suppiya đảnh lễ Đức Phật rồi ra về.

Sáng hôm sau, khi vật thực đã chuẩn bị sẵn sàng, cận sự nam Suppiya cho người đến báo rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã đến giờ thọ thực, vật thực được chuẩn bị sẵn sàng.

Đức Phật sau khi vận y phục chỉnh tề, tay cầm y bát cùng đại chúng Tỳkhưu đến nhà cận sự nam Suppiya.

Sau khi ngồi vào nơi được soạn sẵn, Đức Phật hỏi cận sự nam Suppiya rằng:

- Này gia chủ, nàng Suppiyā đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn, nàng Suppiyā đang bệnh, nằm trong phòng.

- Hãy gọi nàng đến đây.

- Bạch Thế Tôn, nàng Suppiyā bị vết thương hành hạ, nàng đi không nổi.

- Vậy hãy khiêng nàng đến đây.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nàng Suppiyā được người khiêng ra để diện kiến Đức Phật, khi Đức Phật nhìn thấy nàng, lập tức vết thương lớn lành lặn như xưa, có làn da đẹp và lông tơ đã mọc.

Vợ chồng nam cư sĩ Suppiya suy nghĩ:

-"Thật kỳ diệu thay! Thật phi thường thay! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại uy lực. Chỉ với ánh nhìn của Đức Phật, vết thương lớn như thế đã lành như xưa, có làn da đẹp, lông tơ đã mọc lên".

Vợ chồng nam cư sĩ Suppiya hoan hỷ, tự tay phục vụ Đức Phật cùng Tăng chúng với những vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm.

Sau khi thọ thực xong, Đức Phật tuỳ hỷ phước với thời pháp thoại thích hợp.

Khi về Tự viện, Đức Phật đã khiển trách vị Tỳkhưu dùng bát canh thịt mà không hỏi là "thịt gì"?. Nhân đó Ngài chế định học giới:

"Vị Tỳkhưu dùng thịt người, phạm trọng tội (thullaccaya)"[1].

Hỏi. Vì sao, ngay tại đấy biết được vết thương ở đùi của nàng Suppiyā lành như xưa, có làn da đẹp, có lông tơ đã mọc. Vì nàng đang vận y phục?

Đáp. Do thần lực của Đức Phật, khiến đại chúng thấy rõ như thế.

Chư Tỳkhưu bàn luận với nhau về việc làm phi thường của nàng Suppiyā, nhân sự kiện này, giữa hàng tứ chứng Đức Phật tuyên bố:

Etadaggaṃ, bhikkhave, , mama sāvikānaṃ upāsikānaṃ gilānupaṭṭhākīnaṃ yadidaṃ suppiyā upāsikā.

"Này các Tỳkhưu, trong các nữ cư sĩ đệ tử của Ta, săn sóc người bệnh tối thắng là nữ cư sĩ Suppiyā"[2].

Ngoài địa vị đặc biệt trên, nàng Suppiyā được liệt kê vào bản danh sách "những nữ cận sự ưu tú", đó là: Bojjhā, Sirimā, Padumā, Sudhanā, Manujā, Uttarā, Muttā, Khemā, Somā, Rūpī, Cundī, Bimbī, Sumanā, Mallikā, Tissāmātā (mẹ của Tissā), Sonāmātā (mẹ của Sonā), Kānāmātā (mẹ của Kānā), Uttarā Nandamātā (Uttarā mẹ của Nanda), Visākhā (mẹ của Migāra), Khujjuttarā, Sāmavatī, Suppavāsā, Nakulamātā (mẹ của Nakula) và Suppiyā[3].

Tiền sự của nàng Suppiyā.

Cách đây trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) còn tại tiền.

Tiền thân của nàng Suppiyā là một nữ nhân, con của một gia đình đại trưởng giả trong thành Haṃsavatī.

Một lần nọ được chứng kiến Đức Phật Padumuttara ban cho một nữ cận sự địa vị "tối thắng trong hàng nữ cận sự về hạnh phục vụ người bệnh", nữ gia chủ ấy ước muốn địa vị trên, cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng, rồi ước nguyện đạt được địa vị "tối thắng về hạnh phục vụ người bệnh".

Đức Phật Padumuttara tiên tri rằng: "Sau 100 ngàn kiếp trái đất, hạnh nguyện của nữ cư sĩ này thành hiện thực, trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác Gotama"[4].

Sách Milindapañhā (*Milinda hỏi*) xếp nàng Suppiyā là một trong 7 người "phước cho quả ngay trong hiện tại", bảy người đó là:

1'- Thợ hoa Sumana.

2'- Bàlamôn Cūḷekasātāka (Tiểu nhất y).

3'- Nữ tỳ Puṇṇā.

4'- Hoàng hậu Mallikā (vợ của vua Pasenadi).

5'- Bà Gopālamātadevī (Hoàng hậu của vua Caṇḍa Pajjota).

6'- Nàng Suppiyā.

7'- Người cày ruộng Puṇṇa[5].

Người em út của Đức Xálợiphất là Ngài Revata, xuất gia sadi lúc 7 tuổi. Ngài Revata đi vào khu rừng Keo gai (khadiravana), cách thành Vương xá 30 dotuần, để an cư mùa mưa đầu tiên của mình, vì Ngài e ngại bà Sārī cho người đến tự viện bắt Ngài trở về với gia đình.

---

[1]- ĐĐ Indacando (d) Luật Đại phẩm II. Số 58 -59.

[2]- A.i, 26. Phẩm người tối thắng (Etadaggavaggo).

[3]- A.iv, 348. Chương 8 pháp. Kinh "Một số nữ cư sĩ".

[4]- AA.i, 224.

[5]- Mil.115; Mli. 291. Xem Đại trưởng lão Giới Nghiêm (d). Mi-Tiên vấn đáp II. Chương I, câu hỏi số 4.

Mãn mùa an cư, Đức Phật cùng đại chúng Tỳkhưu du hành đến rừng Keo gai thăm Ngài Revata (ngay trong mùa an cư ấy, Ngài Revata chứng Thánh quả Alahán cùng với thần thông).

Khi đến ngả ba, Đức Ānanda bạch với Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, ở đây có hai con đường đi đến rừng Keo gai, một con đường vòng dài 60 dotuần, nhưng có dân cư trú ngụ; một con đường ngắn 30 dotuần, nhưng không có cư dân trú ngụ, là quảng đường có nhiều phi nhân trấn giữ. Bạch Thế Tôn, phải đi con đường nào?

- Này Ānanda, có Sīvali cùng đi trong đoàn không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn,

- Này Ānanda, nếu có Sīvali cùng đi trong đoàn, hãy đi theo con đường ngắn 30 dotuần.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Chư thiên trú trên con đường vắng cư dân, suy nghĩ: "Chúng ta sẽ cúng dường đến Ngài Sīvali của chúng ta".

Cách một dotuần, chư thiên hoá ra thôn xóm, có tự viện nơi ấy, Đức Phật cùng đại chúng Tỳkhưu mỗi ngày du hành một dotuần, đến nơi nào cũng có tự viện cùng cư dân nơi ấy.

Vào buổi sáng sớm, chư thiên hiện thân nhân loại, mang vật thực đến cúng dường Đức Phật cùng chư Tăng, nhất là Đức Sīvali.

Ngài Sīvali mang những tứ sự ấy cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng.

Đức Phật cùng đại chúng Tỳkhưu trải qua cuộc hành trình dài 30 dotuần được an vui, là do phước báu của Ngài Sīvali như thế.

Thời gian sau, tại Đại tự Kỳviên, các vị Tỳkhưu bàn luận với nhau về chuyến du hành đến rừng Keo gai rằng:

- Này chư hiền, ân đức chư Phật thật kỳ diệu, đoạn đường dài 30 dotuần, trước đây vắng vẻ, là nơi có nhiều phi nhân canh giữ.

Nhưng khi Đức Phật cùng Tăng chúng đi đến, chư thiên cúng dường vật thực cùng nơi nghỉ, tất cả đều được an vui.

Đức Phật ngự đến Giảng pháp đường, Ngài làm sáng tỏ điều được thảo luận rằng:

- Này các Tỳkhưu, đó không phải là ân đức của Đấng Như Lai, đó là phước báu của Tỳkhưu Sīvali.

Các Tỳkhưu bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, chẳng hay Tỳkhưu Sīvali đã tạo thiện nghiệp gì mà đạt được ân đức thù diệu như thế.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳkhưu, Đức Phật nói lên tiền nghiệp của Đức Sīvali như sau.

Tiền sự của Đức Sīvali.

Tính từ hiền kiếp này trở về trước 91 kiếp trái đất, vào lúc bấy giờ thế gian rực sáng với Phật quang của Đức Chánh Giác Vipassī (TỳBàThi).

Sau một thời gian du hành, Đức Phật Vipassī cùng đại chúng Tăng 68 ngàn vị trở lại kinh thành Bandhumatī.

Đức vua Bandhumā (thân phụ của Bồtát Vipassī) tổ chức lễ cúng dường đến Đức Phật Vipassī cùng 68 ngàn vị Tỳkhưu.

Đức vua cho đánh trống truyền rao rằng "hãy đến chứng kiến đại lễ cúng dường của vua Bandhumā".

Khi chứng kiến đại lễ cúng dường trọng thể của vua Bandhumā, cư dân thành Bandhumatī bàn luận cùng nhau rằng:

- Tài sản của Đức vua là do chúng ta đóng góp, Đức vua cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng, ra lịnh chúng ta đến chứng kiến.

Đức vua muốn chứng tỏ tài sản cúng dường của mình, chúng ta sẽ cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng trọng thể hơn Đức vua.

Cư dân thành Bandhumatī cử người đến thỉnh Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn nhận lời thọ thực của chúng con tại Khánh đường của kinh thành vào ngày mai, cùng với chư Tỳkhưu.

Sau khi biết Đức Phật đã nhận lời, cư dân thành Bandhumatī cử người đến thỉnh Đức vua đến "chứng kiến lễ cúng dường đến Đức Phật và chư Tỳkhưu của dân thành Bandhumatī".

Đại lễ cúng dường của cư dân thành Bandhumatī trọng thể hơn của Đức vua Bandhumā.

Đức vua suy nghĩ: "Ta là vị quốc vương, là người lãnh đạo chúng dân, ta không thể thua kém chúng dân".

Thế là, Đức vua lại cúng dường đến Đức Phật cùng chư Tăng vào ngày mai trọng thể hơn chúng dân.

Cuộc tranh tài giữa Đức vua cùng chúng dân bất phân thắng bại, Đức vua đã tổ chức 7 lần, chúng dân 6 lần.

Lần thứ 7, Ban tổ chức đại lễ cúng dường quyết định rằng: "Ngày mai, trong cuộc đại lễ cúng dường của chúng ta, tất cả vật thực có trên thế gian đều có trong cuộc đại lễ này. Không ai có thể bảo "đại lễ còn thiếu món này, hay thiếu món kia ...".

Vào buổi sáng, Ban tổ chức cuộc lễ kiểm soát lại lần cuối, trước khi cử người đi thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng đến thọ thực.

Theo Tập Ký sự (Apadāna) thì: Khi ấy họ phát giác thiếu món "sữa đông tươi cùng mật ong tươi", như Pāli sau:

6097- Niṭṭhite ca mahādāne dadaṃ khajjakasaṃhitam;

Navaṃ dadhiṃ madhuṃ ceva vicinaṃ neva addasa.

"Và khi cuộc đại thí được hoàn tất, họ đã dâng cúng món bánh tổng hợp. Trong lúc tìm kiếm, người ta vẫn không nhìn thấy sữa đông tươi[1] và luôn cả mật ong tươi nữa"[2].

Trong Bản Sớ giải kinh Pháp cú thì ghi nhận là: "Thiếu mật ong tươi".

Khi thấy thiếu mật ong tươi, người chủ tế đàn cho xuất ra 4 ngàn đồng tiền vàng (kahāpaṇa), giao cho 4 người, mỗi người mang 1.000 đồng tiền vàng ra cổng thành đón mua mật ong tươi.

Bấy giờ tiền thân của Đức Sivāli là môt người nông dân, nhân có việc đến thăm người chủ ở thành Bandhumatī, trên đường đi anh thấy một tổ mật ong tươi trên cành cây bên vệ đường, anh suy nghĩ:

- Khi ta đến viếng thăm chủ, trên tay không có lễ vật gì thì không được trang trọng lắm

Anh leo lên cây lấy được tổ mật ong tươi, cầm trên tay đến viếng thăm chủ nhân.

Người mua mật đang chờ đợi ở cổng thành mà người nông dân đi đến, nhìn thấy trong tay anh đang cầm mật ong tươi, người ấy vui sướng, đi đến hỏi rằng:

- Này anh, anh có bán mật ong tươi này chăng?

- Tôi không bán, vì đây là lễ vật tôi dành để dâng đến chủ của tôi,

- Này anh, hãy bán cho tôi tổ mật ấy, tôi trả cho anh một đồng vàng.

Người nông dân suy nghĩ: "Tổ mật này không đáng giá một pad (bạt), ông này lại trả 1 đồng vàng. Hoặc ông mất trí, hoặc ông lắm tiền, ta hãy thử xem sao".

- Này ông, 1 đồng vàng tôi không bán.

- Thế thì 2 đồng vàng vậy.

Cuộc trả giá cứ tăng dần lên cho đến khi là "1.000 đồng vàng". Người mua mật nói: "Này anh, tôi chỉ có một ngàn đồng vàng thôi, nếu anh không bán thì tôi đành chịu".

---

[1]-Chữ dadhi nghĩa là "sữa tươi để chua".

[2]- ĐĐ Indacando (d). Ap.ii, Ký sự Trưởng lão Sīvali (Sīvalittherāpadānaṃ).

- Này ông, ông không phải là người điên, chắc ông nhiều tiền vàng đến nỗi không có chỗ chứa, nên mang ra vung vải như thế. Tổ mật ong này không đáng giá một pad, mà ông mua đến 1.000 đồng vàng.

- Này anh, nếu lúc bình thường tổ mật này tôi chỉ mua không đến một pad, nhưng hôm nay tổ mật ong tương này rất cần thiết cho chúng tôi, nên tôi mới mua đến giá đó.

Tò mò, người nông dân hỏi.

- Này ông, việc gì mà cần thiết đến mật ong tươi như thế?

Người mua mật thuật lại việc tranh tài giữa Đức vua cùng cư dân thành Bandhumatī. Nghe xong người nông dân suy nghĩ:

- Ta may mắn gặp được dịp tạo phước lớn như vầy, ta không nên bỏ qua. Nếu ta nhận 1.000 đồng vàng, chỉ có thể hạnh phúc trong một kiếp. Nếu ta hùn phước trong cuộc đại thí này, ta sẽ được an lạc nhiều đời, nhiều kiếp.

Người nông dân nói rằng:

- Này ông, tôi không bán đâu, nhưng nếu ông cho tôi hùn phước thì tôi giao tổ mật này cho ông.

Người mua mật không dám quyết định, đưa người nông dân đến gặp Ban tổ chức cuộc đại thí.

Trước sự kiên định của người nông dân, lại không tìm thấy mật ong tươi nào khác, Ban tổ chức đành cho anh hùn phước.

Sau khi Đức Phật Vipassī cùng Tăng chúng thọ thực xong rồi, người nông dân ép mật hoà với sữa chua (dadhi), cúng dường đến Đức Phật cùng chư Tăng vừa đủ, không thiếu cũng không thừa.

Hỏi. Với tổ mật nhỏ như thế, làm sao cúng dường đủ đến Đức Phật cùng với 68 ngàn vị Tỳkhưu?

Đáp. Đó là do Phật lực. Có 4 điều, ngoại trừ Đức Chánh giác, không ai có thể hiểu thấu đáo (acinteyya).

a- Phật giới (buddhavisaya). Không ai có thể hiểu thấu đáo.

b- Thiền giới (jhānavisaya). Không ai có thể hiểu thấu đáo.

c- Nghiệp quả (kammavipāka).Không ai có thể hiểu thấu đáo.

d- Thế gian (lokacintā).Không ai có thể hiểu thấu đáo[1].

Do tạo phước hạnh này, nên Sīvali luôn tối thắng về tứ vật dụng.

(Trong kinh sách Bắc truyền có khác là: Tiền thân của Đức Sīvali là vị Tỳkhưu. Có lần vị Tỳkhưu ấy thọ thực tại nhà một gia chủ, trên đường trở về tự viện, vị Tỳkhưu nhìn thấy con chó mẹ đói lã, có 4 con chó con đang bú sữa mẹ nhưng không có sữa. Vị Tỳkhưu suy nghĩ: "Không có vật thực, chó mẹ sẽ chết, khi ấy các con chó con cũng chết vì không có sữa nuôi dưỡng".

Động lòng trắc ẩn, vị Tỳkhưu móc cổ mình, ói ra những vật thực vừa ăn vào, bố thí cho chó mẹ, nhờ đó chó mẹ được hồi sức tìm vật thực, có sữa để cho các con chó con bú. Do nghiệp thiện này, Đức Sīvali là vị "đệ nhất về tài lộc").

Nhân đó, trước đại chúng Tỳkhưu, Đức Phật tuyên bố rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ lābhīnaṃ yadidaṃ sīvali.

"Này các Tỳkhưu, tối thắng trong các Tỳkhưu đệ tử của Ta "về nhận được đồ cúng dường" là Sīvali"[2].

Một tiền sự khác của Đức Sīvali.

Từ hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân Đức Sīvali là một vương tử trong thành Haṃsavatī.

---

[1]- A. ii, 80.

[2]- A.i, 24. Pháp một chi, phẩm "người tối thắng" (Etadaggavaggo).

Vương tử ấy được chứng kiến Đức Sudassana (Thiện Kiến) được Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa) ban cho địa vị "tối thắng về nhận vật thực cúng dường". Vương tử ước muốn địa vị ấy, cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, vào ngày thứ 7 vương tử đảnh lễ dưới chân Đức Phật, ước nguyện đạt địa vị "tối thắng về nhận vật thực" trong Giáo pháp của bậc Chánh giác tương lai.

Đức Phật Padumuttara tiên tri rằng: "Sau trăm ngàn kiếp trái đất, kể từ kiếp trái đất này. Ước nguyện của thiện gia tử này sẽ thành hiện thực trong thời Đức Phật Chánh Giác Gotama".

Cách đây trở về trước 1.000 kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Atthadassī, tiền thân Đức Sīvali là Đức vua Varuṇa.

Sau khi Đức Phật Atthadassī viên tịch, Đức vua Varuṇa thường cúng dường cây Bồđề trọng thể.

Khi sắp mệnh chung vua Varuṇa bảo mang vua đến cội Bồđề và ông mệnh chung dưới Bồđề, tái sinh về cõi Hoá lạc thiên (Nimmānaratī).

Ông từng là vua Chuyển luân 34 lần với vương hiệu là Subāhu[1].

Vào thời Đức Phật Vipassī, tiền thân của Đức Sīvali cúng dường mật ong tươi cùng sữa chua (đã nói ở trên).

Có lần Đức Sīvali cùng 500 vị Tỳkhưu du hành lên núi Hymãlạpsơn, vì các vị Tỳkhưu muốn thử nghiệm phước báu "nhận vật thực cúng dường của Đức Sīvali", chư thiên ở Hymãlạpsơn cũng hoá hiện thôn xóm, tự viện, rồi cúng dường vật thực đến Đức Sīvali, cùng chư Tăng (tương tự như khi đi đến rừng Keo gai thăm Ngài Revata).

Thuận đường du hành, các Ngài đi đến Gandhamādana, nơi đây Đức Sīvali cùng chư Tăng được thiên tử Nāgadatta cúng dường cháo sữa với sữa đặc (bơ tươi) thay phiên nhau trọn bảy ngày.

Thiên tử Nāgadata.

Là một thiên nhân sống trên núi Kelāsa (Kelāsapabbata)[2], lúc trú ở hồ Chaddanta, Đức A-nhã Kiềutrầnnhư (Aññā Koṇḍañña) thường đi khất thực ngang qua đây và được thiên tử Nāgadatta cúng dường cháo sữa với mật sen tươi.

Khi Đức Sīvali cùng 500 vị Tỳkhưu du hành đến Hương sơn (Gandhamādana), đượcthiên tử Nāgadatta cúng dường cháo sữa một ngày, hôm sau cúng dường bơ lỏng, liên tục 7 ngày như vậy,

Được hỏi sữa và bơ lỏng thiên tử Nāgadatta có được từ đâu? Thiên tử Nāgadatta cho biết : Khi cần thì cháo sữa và bơ lỏng sẽ từ đầu ngón tay tuôn ra, đây là quả của phước thiện cúng dường cháo sữa đến Đức Phật Kassapa (CaDiếp) trong quá khứ của thiên tử Nāgadatta,

Núi Kelāsa.

Là một trong năm dãy núi trong Hymãlạpsơn, vây quanh hồ Anotatta (hồ Lạnh), có màu trắng hình dạng như "mỏ quạ"[3], cao hơn 20.000 bộ (#7.000 m). Trên đường trở về cung điện của mình, dạxoa Āḷavaka nghe Đức Phật đang ngồi trong lâu đài của mình, dạxoa Āḷavaka giận dữ một chân đứng trên đỉnh Kelāsa, một chân đứng trên đỉnh Manosilātala, dậm chân làm đá rơi xuống, hét lớn: "Ta là Āḷavaka", khiến cả nước Ấn đều nghe[4]. Kelāsa thường được ví như "cái gì hoành tráng, trong sạch hay khó bị phá vỡ.

Trong Mahāvastu (Đại sự), Kelāsa được xem là trú xứ của Kiṇṇara (Nhân điểu)[5].

---

[1]- ThagA.i, 135.

[2]-SA.i, 217. Như ng trong ThagA.i, 138; AA.i, 139 nói rằng: "Vị thiên tử Nāgadatta ở Hương sơn (Gandhamādana)". Có khả năng thiên tử Nāgadatta có hai cung điện: Một ở Kelāa, một ở Gandhamādana.

[3]- SnA. ii. 437 f.; MA. ii. 585: UdA. 300; AA. ii. 759.

[4]- SnA. i. 223; SA. i. 248.

[5]- Mt. ii. 97, 109; xem thêm Mt. iii.309, 438.

Dãy núi Kelāsa được xác định thuộc hệ thống xuyên Hymãlạpsơn, gồm có một số núi cao trên 20.000 bộ[1].

Núi Gandhamādana (Hương sơn)**.**

Sớ giải Kinh Bổn sanh có giải thích Hương sơn như sau:

Gandhena madakaro pabbato = Gandhamādano.

"Núi tự hào có hương thơm, là Hương sơn".

Gandhamādana là một trong năm dãy núi bao quanh hồ Anotatta, đỉnh núi màu xanh (muggavaṇṇa), bằng phẳng như mặt bàn, có nhiều loại dược thảo.

Trong đêm trăng non, núi chiếu sáng như "trái cầu lửa", trên sườn nghiêng (pabbhāra) *Nandamūlaka* của núi Gandhamādana, có ba hang đông là: Động vàng (Suvaṇṇaguhā), động ngọc (Maṇiguhā) và động bạc (Rajagataguhā), là trú xứ của các vị Phật Độc giác.

Trước cửa "Ngọc động" có cây Mañjūsaka, tàn nhánh rộng một dotuần, cây trổ đầy hoa, nhất là vào lúc Đức Phật ngự đến.

Bao quanh cội cây Mañjusaka là "vành đai bằng cát ngọc" (sabbaratanamāla). Có 6 loại gió:

1'- Sammajjanakavāta. Gió quét sạch rác ở vòng đai.

2'- Samakaraṇavāta. Gió khoả lấp cát ngọc cho bằng phẳng.

3'- Siñcanakavāta. Gió mang nước từ hồ Anotatta rưới ướt vòng đai.

4'- Sugandhakaraṇavāta. Gió mang các hương thơm từ núi Hymãlạpsơn đến vòng đai.

5'- Ocinakavāta. Gió mang các hoa thơm đến vòng đai.

6'- Santharaṇakavāta. Gió trải đều bông ra khắp vành đai.

Trong vành đai có những tảng đá là sàng toạ của các vị Độc giác.

Các Ngài hội lại đây vào những ngày Bốtát (uposatha).

Mỗi khi có vị Độc giác xuất hiện trong thế gian, vị tân Độc giác luôn đi đến Gandhamāda trước tiên, để hội kiến các vị cựu Độc giác.

Chư vị Độc giác tề tựu đến "vòng đai" chúc mừng vị tân Độc giác, rồi tất cả an trú vào đại định, vị Độc giác Phật xuất khỏi thiền diệt trước tiên, sẽ đi tìm vật thực về cho các vị Phật Độc giác còn lại.

Sau đó vị Độc giác trưởng sẽ hỏi vị tân Độc giác về "nguyên nhân thành tựu quả vị Độc giác"[2].

Các vị Phật Độc giác trú ở Gandhamādana thường nhập thiền Diệt thọ tưởng 7 ngày, sau đó Ngài đi tế độ người hữu duyên[3].

Thỉnh thoảng các Ngài cũng xuống núi để khuyến giáo những ai cần được giúp đở, rồi Ngài trở về Gandhamādana[4].

Ngoài chư Phật Độc giác trú ở Hương sơn, còn có các ẩn sĩ như Nārada[5], Nalinika[6], Bahusodarī[7], thiên tử Nāgadatta, Bồtát Vessantara sau khi Ngài nhường ngôi cho Thái từ Jāli, xuất gia làm ẩn sĩ[8], nhiều Kinnara[9] (Nhân điểu), Nāga (rồng) sống trên triền núi Gandhamādana.

Đức Khadiravaniya Revata có du hành đến Gandhamādana[10].

---

[1]- Xem Cv. *Trs*. i. 280, n. 4.

[2]- SnA. i. 52, 66 f.; SnA. ii. 437; AA. ii. 759; UdA. 300; MA. ii. 585 ...

[3]- DhpA. iii. 368; DhpA. iv. 121, 199; JA. iv. 15.

[4]- JA. iii. 453.

[5]- JA.iv, 393.

[6] -JA. v, 186.

[7]- JA. vi, 83..

[8]- JA.vi, 528

[9]- JA. iv, 438.

[10]- AA.i, 139.

Không có tư liệu nào khẳng định chư Phật Độc giác luôn viên tịch tại Gandhamādana, nhưng dường như là như vậy, vì 500 vị Độc giác do Đức Độc giác Mahāpaduma là trưởng đã viên tịch tại nơi đây[1].

Cây hương quý Bhujaka chỉ mọc ở Gandhamādana và trên cõi chư Thiên[2].

Được biết, Đức Phật Metteyya (DiLặc) sẽ an trú một thời gian ở Gandhamādana sau khi an cư mùa mưa lần thứ I[3].

Nàng Suppavāsā.

Tiền sự.

Cách hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), một nữ cận sự được chứng kiến Đức Phật Padumuttara ban cho một nữ cận sự địa vị "Tối thắng về bố thí có chọn lựa". Nữ cận sự ấy ước nguyện đạt được địa vị ấy trong thời Giáo pháp của Đấng Chánh giác trong tương lai, nàng cúng dường đến Đức Phật Padumuttara cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, rồi ước nguyện địa vị ấy.

Đức Phật Padumuttara tiên tri nàng sẽ thành tựu ước nguyện này trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác Gotama.

Kể từ kiếp ấy trở đi, hậu thân nàng cận sự chỉ luân chuyển trong hai cõi nhân thiên trọn cả 100 ngàn kiếp trái đất.

Vào thời Đức Phật hiện tại, nàng sinh vào dòng ThíchCa, là con của vua Koliya, có tên là Suppavāsā .

Theo Bản Sớ giải kinh Tăng chi, khi đến tuổi lập gia đình, nàng được gả cho một tử hoàng dòng ThíchCa[4].

Trong kinh "Cảm hứng ngữ" (Udāna) ghi nhận chồng nàng Suppavāsā là "Koliyaputta" (con trai vua Koliya).

Trong tập Ký sự (Apadāna), Ngài Sīvali cho biết thân phụ của Ngài là vương tử Mahāli, người xứ Licchavī. Như có Pāli sau:

6105- Pacchime ca bhave daani jātohsṃ koliye pure;

Suppavāsā ca me mātā mahālilicchavīpitā.

"Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sinh ra ở thành Koliya. Và mẹ tôi là Suppavāsā, cha là Mahāli người xứ Licchavī"[5].

Các vị Luận sư giải thích từ "Koliyaputta" như sau: "Nếu không phải là con trai của vua Koliya, tức không phải là anh ruột của nàng Suppavāsā, thì khi thành hôn với nàng Suppavāsā, vị ấy về sống trong xứ Koliya, được xem là "thần dân của xứ Koliya", nên được gọi là "Koliyaputta"[6].

Nàng Suppavāsā được nghe pháp từ Đức Phật, nàng chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, trước khi hạ sinh hài tử Sīvali.

Sau khi sinh hài tử Sīvali, gia đình nàng Suppavāsā về trú ngụ ở Sajjanela. Có lần Đức Phật cùng đại chúng Tỳkhưu du hành đến thị trấn Sajjanela, khi hay tin Đức Phật ngự đến thị trấn Sajjanela, nàng Suppavāsā thỉnh Đức Phật cùng các Tỳkhưu đến thọ thực tại tư gia.

Đức Phật sau khi thọ thực xong, tuỳ hỷ phước bằng thời pháp thoại rằng:

- Này Suppavāsā, các Thánh nữ đệ tử, khi bố thí vật thực, là mang đến cho người nhận bốn điều là: Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh.

Sau khi cho thọ mạng, người cho được hưởng thọ mạng thuộc cõi trời hay cõi người.

---

[1]- ThagA. ii, 141.

[2]- VvA. 162.

[3] - Anāgatavaṃsa.v, 81.

[4]- AA.i, 224.

[5]- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân Ký sự I, Ký sự trưởng lão Sīvali (Sīvalittherāpadānaṃ).

[6]- Xem Tỳkhưu Siêu Minh (d). Chú giải kinh Phật tự thuyết (Udānaṭṭhakathā) Tập I, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, năm 2007. tr. 453.

Sau khi cho dung sắc, người cho được hưởng dung sắc thuộc cõi trời hay cõi người.

Sau khi cho an lạc, người cho được hưởng an lạc ở cõi trời hay cõi người.

Sau khi cho sức mạnh, người cho được hưởng sức mạnh ở cõi trời hay cõi người[1].

Vâng theo lời dạy của Đức Phật, nàng Suppavāsā lấy hạnh bố thí làm niềm vui, thường tìm hiểu ý thích của các vị Tỳkhưu rồi cúng dường vật thực thượng vị hợp ý người tho thí.

Ngài Dhammapāla cho biết "hằng ngày nàng tự tay làm 108 món vật thực cho từng cá nhân (aṭṭhasataṃ; chữ này còn có nghĩa là "800") để cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng, theo ý muốn của từng vị.

Chẳng một vị Tỳkhưu nào đi khất thực, khi đứng trước nhà nàng mà phải trở ra với bát trống không.

Nàng trở thành một đại thí chủ, tự thân tham gia nấu nướng cùng các nữ hầu, thậm chí không có thời gian để trang điểm[2].

Vào lúc thích hợp, khi Đức Phật an ngự tại Đại tự Kỳviên, giữa hàng tứ chúng, Đức Phật tuyên bố rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikānaṃ upāsikaṃ paṇītadāyikānaṃ yadidaṃ suppavāsā upāsikā.

"Này các Tỳkhưu, trong các nữ cận sự đệ tử của Ta, tối thắng hạnh "bố thí thượng vị có lựa chon, là nữ cận sự Suppavāsā"[3].

Nàng Suppavāsā được liệt kê vào danh sách "những cận sự nự ưu tú" (xem ở trên, nàng Suppiyā).

Theo bản Sớ giải kinh Pháp cú, nàng Suppavāsā có đến sống trong thành Xávệ[4], có thể là sau khi Mahāli đến sống ở đây.

***Bổn sự Asātarūpa.**

Khi Đức Phật ngự trú ở rừng Kuṇḍathāna trong thành phố Kuṇḍiya, theo lời thỉnh cầu của chư Tỳkhưu, Đức Phật thuyết lên bổn sự này.

Một hôm, các Tỳkhưu bàn luận cùng nhau trong Giảng pháp đường rằng: "Này chư hiền, Nàng Suppavāsā mang thai 7 năm, nhờ Đức Phật chúc phúc mới hạ sinh được hài tử Sīvali. Chẳng biết trong quá khứ hai mẹ con hiền giả Sīvali đã tạo nghiệp gì mà cả hai phải chịu đau khổ như thế".

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Phật nghe được sự luận bàn của chư Tỳkhưu, Ngài ngự đến Giảng pháp đường, giải nghi cho các vị Tỳkhưu qua bổn sự Asātarūpa (Thân bất lạc) như sau.

Thuở quá khứ, Bồtát tái sinh trong thành Balanại, là con của Đức vua Brahmadatta. Khi trưởng thành Bồtát nối ngôi vua, cai trị nước đúng theo pháp.

Vua Kosala với đạo quân hùng hậu, đánh chiếm kinh thành Balanại, giết vua Balanại chiếm đoạt Hoàng hậu.

Thái tử con vua Balanại trốn thoát qua các rảnh hào khô, rồi tập hợp các dũng sĩ thành một lực lượng thiện chiến, kéo quân về vây thành Balanại, gửi chiến thư rằng: "Hãy giao thành hay giao chiến?"

Vua nghịch Kosala phúc đáp rằng: "Sẵn sàng chiến tranh".

Hoàng hậu mẹ của Thái tử nghe tin như vậy, gửi thư cho con bảo rằng:

- Chớ đánh, hãy vây thành Balanại, khi trong thành hết củi nước, dân thành sẽ đầu hàng.

Thái tử nghe lời me, vây thành Balanại cả 7 năm, Thái hậu thấy lâu quá, dân thành Balanại vẫn chưa đầu hàng, nên hỏi thăm tình hình chiến sự. Thì ra, Thái tử

---

[1]- A.ii, 62. Chương bốn pháp. Kinh Suppavāsā (Suppavāsā suttaṃ).

[2]- UdA. Suppavāsāsuttavaṇṇanā.

[3]- A.i, 26. Chương một pháp. Phẩm "người tối thắng".

[4]- DhpA.i, 339; DhpA.iv, 193.

tuy vây thành nhưng các cổng nhỏ vẫn cho thông thương, nên dân thành nương theo cổng nhỏ tìm củi nước.

Nghe vậy, Thái hậu gửi thư cho con rằng: "Hãy vây chặt các cổng nhỏ". Nghe theo lời mẹ, Thái tử cho vây chặt các cổng nhỏ, 7 ngày sau dân thành thiếu củi nước, nên nỗi loạn giết chết vua Kosala, rồi dâng thành.

Sau khi mệnh chung, Thái tử rơi vào địa ngục với thời gian dài, không đếm năm được.

Khi thoát khỏi cái khổ địa ngục, được sinh làm người, phải chịu bị giam trong thai bào 7 năm.

Thái tử nay là Đức Sīvali, Thái hậu nay là nàng Suppavāsā. Do xúi giục con vây thành 7 năm nên nàng Suppavāsā phải mang thai 7 năm, do xúi giục "vây chặt các cửa nhỏ" trong 7 ngày, nên phải chịu đau khổ trong 7 ngày sau cùng khi sinh hài tử Sīvali[1].

8- Vị Tỳkhưu đệ tử Đức Xálợiphất.

Đức Xálợiphất có một Tỳkhưu đệ tử, là người kham nhẫn, dễ dạy, thường nỗ lực phục vụ Đức Xálợiphất.

Có lần Đức Xálợiphất cùng người đệ tử này du hành đến Dakkhiṇāgiri (Nam sơn), được các cư sĩ Nam sơn kính trọng, vị ấy trở nên kiêu mạn, khó dạy. Khi Đức Xálợiphất bảo:

- Này hiền giả hãy làm điều này.

Vị ấy gây sự chống lại Đức Xálợiphất.

Khi trở lại kinh thành Xávệ, tánh tình vị Tỳkhưu ấy trở nên thuần thục như cũ.

Đức Xálợiphất trình lên Đức Phật vấn đề này, Đức Phật dạy:

- Này Xálợiphất, Tỳkhưu này không phải hiện tại mới có sự thay đổi tính tình kỳ lạ như thế. Trong quá khứ cũng từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của Đức Xálợiphất, Đức Phật nói lên Bổn sự "Nô lệ Nanda" như sau.

****Bổn sự Nanda.***

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Balanại, Bồtát sinh làm một điền chủ, kết bạn với một điền chủ già.

Vị điền chủ già này hiếm muộn con, ông có một người vợ trẻ, sinh cho ông một đứa con trai. Người điền chủ già suy nghĩ:

- Vợ ta còn trẻ, khi ta mệnh chung, không biết nàng có về với người khác không, nếu có thì tài sản này sẽ không còn cho con ta. Vậy ta hãy chôn dấu tài sản cho con trai ta.

Người điền chủ già đem theo người nô lệ Nanda đi vào rừng chôn dấu tài sản, dặn Nanda rằng:

- Này Nanda, chớ cho ai biết chỗ chôn tài sản này, khi con trai ta trưởng thành, ngươi hãy chỉ chỗ chôn tài sản này đến con trai ta.

- Vâng, thưa chủ.

Thời gian sau người điền chủ mệnh chung, khi người con trưởng thành, mẹ chàng bảo rằng:

- Này con, cha con có chôn tài sản để dành cho con, chỉ có nô lệ Nanda biết được chỗ chôn tài sản. Con hãy bảo Nanda chỉ chỗ chôn tài sản cho con.

- Vâng, thưa mẹ.

Thanh niên hỏi Nanda rằng:

- Này Nanda, có phải cha ta chôn tài sản để dành cho ta không?

- Thưa chủ, có.

- Vậy, này Nanda, chúng ta hãy đi lấy tài sản chôn dấu đi.

- Vâng, thưa chủ.

---

[1]- JA. Asātarūpa jātaka (chuyện số 100).

Khi hai người mang theo cuốc, thúng đi vào rừng, đến nơi chôn dấu tài sản; nô lệ Nanda đứng trên chỗ chôn dấu tài sản, nó khởi sinh ngạo mạn, mắng nhiếc chủ rằng:

- Hãy đi đi, đứa con hư, đứa con nô lệ. Từ đâu ngươi có được tài sản này.

Nghe vậy, thanh niên chủ của nô lệ Nanda nói:

- Thôi được, chúng ta hãy trở về.

Cả ba lần đều như thế, thanh niên suy nghĩ: "Cha ta có người bạn thân, là bậc có trí, ta hãy đến hỏi vị ấy".

Thanh niên đến Bồtát trình bày sự việc này. Bồtát suy nghĩ rồi bảo thanh niên:

- Này con, khi gã Nanda mắng nhiếc, con hãy lôi nó xuống, hỏi rằng: "Này Nanda, ngươi mắng nhiếc ai vậy?". Rồi con đào nơi nó đứng, chỗ ấy là nơi chôn tài sản.

Rồi Bồtát nói lên kệ ngôn:

Mañña sovaṇṇayo rāsi;
Sovaṇṇamālā ca nandako.
Yattha dāso āmajāto;
Thito thullāni gajjatī'ti.
"Nghĩ nơi chôn dấu tài sản,
Và những vòng vàng, gã Nanda.
Nô lệ sinh ra từ nô tỳ;
Đứng mắng nhiếc thô bạo"[1].

Nhận diện Bổn sanh, gã nô lệ Nanda nay là vị Tỳkhưu trở chứng nói trên.

***Dakkhiṇāgiri (Nam sơn)**.

Dakkhiṇāgiri (Nam sơn) là ranh giới thiên nhiên giữa hai quốc độ Magadha (Makiệtđà) và Nam Avanti.

Quốc độ Avanti là một trong bốn đại quốc thời Đức Phật còn tại tiền, bốn đại quốc đó là: Magadha, Kosala, Vaṃsa và Avanti.

Quốc độ Avanti có kinh đô là Ujjeni ở Bắc Avanti, thủ đô ở Nam Avanti là Māhissati, thành phố Vedisa nằm trong xứ này[2].

Trước khi lên ngôi, vua Adục (Asoka) là phó vương vùng đất Avanti, ở kinh thành Ujjeni.

Dakkhiṇāgiri nằm về phía nam thành Vương xá, ở bên này thành Vương xá thuộc quốc độ Magadha (Makiệtđà), vùng đất này cũng mang tên là Dakkhiṇāgiri (Nam sơn)[3], trong vùng này có làng Bàlamôn Ekanālā[4], nơi đây Đức Phật tế độ Bàlamôn Kasī-Bhāradvāja.

Dakkhiṇāgiri nằm trên đường đi từ thành Xávệ đến thành Vương xá, Đức Phật thường du hành đến đây và trú ngụ ở tự viện Dakkhiṇāgiri (Dakkhiṇāgiri-vihāra)[5].

Nơi tự viện Dakkhiṇāgiri, Đức Phật truyền giới cho Ngài Dhammasava cùng cha của Ngài.

Tự viện Dakkhiṇāgiri là một tự viện lâu năm, từng gửi 40 ngàn vị Tỳkhưu được hướng dẫn bởi Trưởng lão Mahā Saṅgharakkhita sang Tích lan, tham dự lễ khánh thành Mahā Thūpa (Đại Tháp)[6].

Có lần, Đức Phật đứng trên núi Dakkhināgiri, nhìn thấy những cánh đồng xứ Magadha (Makiệtđà), Đức Phật bảo Đức Ānanda hãy may y của các vị Tỳkhưu giống như các thủa ruộng ghép lại và Đức Ānanda làm đúng theo ý Đức Phật[7].

---

[1]- JA. Nanda jātaka (chuyện số 39).
[2]-Sp. i. 70; Mhv. xiii. 5.
[3]- SnA. i. 136; MA. ii. 795; SA. i. 188.
[4]- Sn.12, Kinh Bhāradvāja – Người cày ruộng.
[5]- S. i. 172; SA. ii. 123; Vin. i. 80.
[6]- Mhv. xxix. 35.
[7]- Vin. i. 287.

Đức Ānanda có lần cùng các đệ tử du hành đến Nam sơn, nhưng các vị Tỳkhưu đệ tử lại hoàn tục, gây không ít tai tiếng, và Đức Mahā Kassapa đã khiển trách Đức Ānanda[1].

Dakkhiṇāgiri là trú xứ của Trưởng lão Purāṇa, vị Trưởng lão này cùng 500 Tỳkhưu đồ chúng, đến thành Vương xá để tham dự cuộc kết tập Phật ngôn lần I, nhưng khi đến nơi các vị Đại trưởng lão đã kết tập xong, mời Trưởng lão Purāṇa phê chuẩn.

Nhưng Trưởng lão Purāṇa tuyên bố "chỉ tín thọ những gì được nghe từ Đức Phật"[2].

Bên kia Dakkhiṇāgiri là vùng đất của quốc độ Avanti, có làng Veḷukaṇṭa (Veḷukaṇḍa) là sinh quán của cận sự nữ Veḷukaṇṭakī Nandamātā.

Hai vị Thượng thủ thinh văn cùng chư Tỳkhưu tuỳ tùng khi du hành đến đây, có đến thọ thực tại nhà bà cận sự nữ Veḷukaṇṭakī Nandamātā[3].

Cũng tại Dakkhiṇāgiri, Đức Xálợiphất được nghe nói "sự tham nhũng" của Bàlamôn Dhanañjāni[4].

Bổn sanh Arāmadūsa cũng được thuyết ở nơi này.

Thành phố Vedisa.

Là trú xứ của bà Hoàng Devī, khi Hoàng tử Asoka (ADục) được cử là phó vương vùng đất Avanti. Trên đường đến kinh thành Ujjeni, Hoàng tử Asoka dừng chân ở thị trấnVedisa, gặp một thiếu nữ kiều diễm là Devī, con của một thương nhân.

Hoàng tử Asoka cưới nàng Devī làm vợ, nàng Devī sinh ra hai người con là: Thái tử Mahinda, hai năm sau sinh ra một gái là công nương Saṅghamittā.

Trước khi sang đảo Tích để hoằng pháp, Trưởng lão Mahinda trở lại sinh quán của mình là thị trấn Vedisa tế độ bà Devī chứng quả Dự lưu, Trưởng lão Mahinda trú ở tự viện Vedisagiri một tháng[5].

Thị trấn Vedisa cách Pāṭaliputta 50 dotuần, thị trấn này được thành lập bởi các Thích tử chạy trốn khỏi cuộc tàn sát của vua Vidūdabha[6].

Vedisa là Bhilsa trong bang Gwalior hiện nay, cách Bhobal 26 dặm Anh về hướng Đông bắc[7].

Bàlamôn Kasī-Bhāradvāja.

Kasī-Bhāradvāja là một Bàlamôn có tộc họ Bhāradvāja, vì ông là một điền chủ sống ở làng Ekanālā, nên được gọi là "Kasī-Bhāradvaja" (Bhāradvāja- người cày ruộng).

Đức Phật có viếng làng Ekanālā vào hạ thứ 11 của Ngài[8]. Lúc bấy giờ bước vào mùa vụ, Bàlamôn Bhāradvāja có 500 lưỡi cày sẵn sàng, Bàlamôn làm lễ tế thần đất, ông phân phát vật thực đến các người dân trong làng đến dự lễ.

Vào rạng sáng hôm ấy, Đức Phật quán xét thế gian, thấy được duyên lành Alahán của Bàlamôn Kasī - Bhāradvāja.

Vào buổi sáng Đức Phật đắp y, tay cầm y bát đi đến tế đàn của Bàlamôn Bhāradvāja, sau khi đến Đức Phật đứng một bên, Bàlamôn Bhāradvāja nói với Đức Phật rằng[9]:

- Này Samôn, ta có cày, ta có gieo; sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Này Samôn hãy cày, hãy gieo; sau khi cày, sau khi gieo hãy ăn.

- Này Bàlamôn, Ta cũng cày, ta cũng gieo; sau khi cày, sau khi gieo, Ta ăn.

---

[1]- S. ii. 217.
[2]- Vin. ii. 289.
[3]- A. iv. 64.
[4]- M. ii. 185.
[5]- Dpv. vi. 15; xii. 14, 35; Sp. i. 70, 71; Mhv. xiii. 6-9, 18.
[6]- Mbv., p. 98.
[7]- Mhv. *Trs*. 88, n. 4.
[8]- Thomas, *op. cit.*, p.117.
[9]- Sūtrālaṅkāra nói rằng vị Bàlamôn tạt nước đuổi Phật đi (Sylvain Lévy, JA. 1908, xii. 99).

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách hay cái cày, hay lưỡi cày (phālaṃ), hay gậy thúc (pācanaṃ), hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bàlamôn, Ta cũng cày, ta cũng gieo; sau khi cày, sau khi gieo, Ta ăn".

Bàlamôn Bhāradvāja nói lên lời kệ.

76- Kassako paṭijānāsi;
Na ca passāma te kasiṃ.
Kasiṃ no pucchito brūhi;
Yathā jānemu te kasiṃ.
"Người cho biết là "người cày ruộng";
Nhưng không thấy người cày.
Tôi hỏi, hãy trả lời người cày;
Người cày như thế nào?(HT. TMC dịch)

Đức Phật đáp rằng:

77- Saddhā bījaṃ tapo vuṭṭhi;
Paññā me yuganaṅgalaṃ
Hirī īsā mano yottaṃ;
Sati me phālapācanaṃ.
"Tín hạt giống, nhiệt cần mưa rào;
Tuệ của ta là ách, lưỡi cày.
Tàm là cán, ý dây buộc;
Ta ghi nhận là gậy thúc.
78- Kāyagutto vacīgutto;
Āhāre udare yato.
Saccaṃ karomi niddānaṃ;
Soraccaṃ me pamocanaṃ.
"Nhiếp phục thân, nhiếp phục ngữ
Dùng vật thực vừa đủ.
Thực hành chân thật là dọn cỏ rác;
Ta nhu hoà là giải thoát".
79- Vīriyaṃ me dhuradhorayhaṃ;
Yogakkhemādhivāhanaṃ.
Gacchati anivattantaṃ;
Yattha gantvā na socati.
"Ta tinh tấn hứng chịu;
Tự thoát mọi chướng ngại.
Tiến tới không lui bước;
Đã đến như vậy, không sầu".
80- Evamesā kasī kaṭṭhā;
Sā hoti amattapphalā.
Etaṃ kasiṃ kasitvāna;
Sabbadukkhā pamuccatī'ti.
Ta cày với ý nghĩa như thế;
Được quả là bất tử.
Sau khi cày như thế;
Tất cả khổ chấm dứt"[1].

Nghe vậy, Bàlamôn Kasī - Bhāradvāja vô cùng hoan hỷ, lấy một bát lớn bằng đồng, đổ đầy cháo sữa, dâng đến Đức Phật, nói rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa. Tôn giả Gotama là người đi cày! Tôn giả Gotama nhận được quả Bất tử.

Đức Phật dạy rằng:

---

[1]- Sn.12. Kinh Bhāradvāja- Người trồng trọt (Kasī-Bhāradvājasuttaṃ)

81- Gāthābhigītaṃ me abhojaneyyaṃ;
Sampassataṃ brāhmaṇa nesa dhammo.
Gāthābhigītaṃ panudanti buddhā;
Dhamme satī brāhmaṇa vuttiresā
"Ta không thọ vật thực do kệ tụng mang lại;
Này Bàlamôn, đó không phải là pháp bậc trí.
Chư Phật từ bỏ (vật) do kệ tụng mang lại;
Này Bàlamôn, gọi là pháp truyền thống hiện hữu".
82- Aññena ca kevalinaṃ mahesiṃ;
Khīṇāsavaṃ kukkuccavūpasantaṃ.
Annena pānena upaṭṭhahassu;
Khettaṃ hi taṃ puññapekkhassa hotī'ti.
"Người nên cúng dường vật dụng;
Bậc an tịnh, không giao động, diệt trừ mọi ô nhiễm.
Tự thân cúng dường vật dụng;
Vị ấy là ruộng phước cho những ai tầm cầu".
- Thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bàlamôn, Ta không thấy một ai: Chư thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay Samôn, Bàlamôn nào có thể thọ dụng cháo sữa này, ngoại trừ Như lai và đệ tử của Như Lai.

Vậy này Bàlamôn, hãy đổ cháo sữa này ở nơi không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có sinh vật.

Bàlamôn Kasī - Bhāradvāja đem cháo sữa đổ vào nước, nơi không có sinh vật, cháo sữa sôi sùng sục, bốc khói. Ví như lưỡi cày phơi cả ngày dưới ánh nắng, được quăng xuống nước.

Bản Sớ giải giải thích rằng: "Chư thiên được nghe các kệ ngôn của Đức Phật, hoan hỷ mang vật thực trời cúng dường vào cháo sữa ấy"[1]

Bàlamôn Kasī - Bhāradvāja kinh hoàng, đi đến đảnh lễ dưới chân Đức Phật, bạch rằng:

- Thật vi diêu thay, thưa Tôn giả Gotama. Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang những gì bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc hướng, mang ánh sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc.

Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện để trình bày. Con xin quy ngưỡng Tôn giả Gotama, quy ngưỡng Pháp, quy ngưỡng chúng Tăng. Mong rằng con được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bàlamôn Kasī -Bhāradvāja được xuất gia, thọ đại giới từ nơi Đức Phật, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán.

Trong Bản kinh Tương ưng (Saṃyutta nikāya) không đề cập sự chứng đắc Thánh quả Alahán của Ngài Kasī – Bhāradvāja[2], nhưng Bản Sớ giải nói là "có"[3].

Trưởng lão Dhammasava.

Ngài là một Bàlamôn sống trong thành Vương Xá.

Một lần nọ, Ngài đến Dakkhiṇāgiri do một vài công việc cần thiết.

Nghe nói "Đức Phật đang ngự trú ở tự viện Dakkhiṇāgiri", Ngài tìm đến đảnh lễ Đức Phật.

Đức Phật thuyết pháp đến Bàlamôn Dhammasava, nghe xong thời pháp thoại Bàlamôn Dhammasava quyết định xuất gia.

Thọ đại giới không bao lâu, nhờ nỗ lực hành pháp Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán.

---

[1]- SnA..131; Mil. 231.
[2]- S.i, 171.
[3]- SA.i, 188.

Hoan hỷ với Thánh quả đạt được, Ngài nói lên kệ ngôn như sau:

107- Pabbajiṃ tulayitvāna;
Anārasmānagāriyaṃ.
Tisso vijjā anuppattā;
Kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
"Khi đã suy tư xuất gia;
Bỏ nhà sống không nhà.
Ba Minh ta đạt được;
Lời Phật dạy làm xong"[1].

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân Trưởng lão Dhammasava là Bàlamôn Suvaccha, thông thạo ba tạng Veda (Vệđà).

Bàlamôn Suvaccha xuất gia làm ẩn sĩ, tu khổ hạnh trong núi Tuyết cùng với các môn đệ.

Đức Phật Padumuttara đến vùng núi Tuyết để tế độ các ẩn sĩ, Ngài theo đường hư không đến trú xá của các Đạo sĩ.

Từ trên hư không, Đức Phật Padumuttara phóng hào quang rực sáng cả một vùng rồi hạ thân xuống, đi kinh hành nơi trú xá của ẩn sĩ Suvaccha. Hoan hỷ, ẩn sĩ Suvaccha cúng dường hoa nāga (hoa Mù u) trên con đường kinh hành của Đức Phật Padumuttara với tâm tịnh tín hoan hỷ.

Trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân ẩn sĩ Suvaccha chỉ có hai sinh thú là: Chư thiên và người.

Cách đây 3.100 kiếp trái đất, Ngài là vua Chuyển luân có vương hiệu là Mahāratha[2]. Ngài có thể là Trưởng lão Nāgapupphiya được nói trong tập Ký sự (Apadāna)[3].

****Trưởng lão Dhammasavapitā.***

Khi Trưởng lão Dhammasava xuất gia, bấy giờ thân phụ của Ngài được 120 tuổi, thường được gọi là Dhammasavapitā (cha của Dhammasava).

Nghe con là Dhammasava đã xuất gia, Dhammasavapitā suy nghĩ: "Con ta tuổi còn trẻ, tóc còn đen nhánh, đã từ khước đời sống gia đình. Vậy tại sao ta còn sống trong gia đình, trong khi ta đã 120 tuổi thọ".

Rồi Bàlamôn Dhammasavapitā đi đến Dakkhiṇāgiri, xin Đức Phật được xuất gia trong Tăng đoàn. Chẳng bao lâu Ngài trở thành vị Thánh Alahán, Trưởng lão Dhammasavapitā nói lên kệ ngôn, xác định Thánh trí của mình.

108- Sa vīsavassasatiko;
Pabbajjiṃ anagāriyaṃ.
Tisso vijjā anuppattā;
Kataṃ buddhassa sāsanaṃ.
"Với tuổi một trăm hai mươi;
Xuất gia sống không nhà.
Ba minh ta đạt được
Lời Phật dạy làm xong"[4].

Tiền sự.

Cách hiền kiếp này trở về trước 99.000 kiếp trái đất. Khi ấy không có Đấng Chánh giác xuất hiện trên thế gian.

Bấy giờ trên núi Bhūtagaṇa có vị Độc Giác Phật trú ngụ, tiền thân của Ngài Dhammasavapitā có cúng dường đến Đức Phật Độc giác những cánh hoa *tiṇasūla*.

---

[1]- Thag. Kệ ngôn Trưởng lão Dhammasava (Dhammasavattheragāthā).
[2]- ThagA.i, 214.
[3]- Ap.i, Ký sự Trưởng lão Nāgapupphiya (Nāgapupphiyattherāpadānaṃ).
[4]- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Dhammasavapitā (Dhammasavapitāttheragāthā).

Trải qua 99 ngàn kiếp trái đất hậu thân vị ấy không hề biết đến 4 khổ cảnh. Cách đây 11 kiếp trái đất, vị ấy là vua Chuyển Luân với vương hiệu là Dhāraṇīruha (Dhāraṇipati)[1].

Ngài có thể là Trưởng lão Tiṇasūlaka được nói đến trong tập Ký sự[2].

Trưởng lão Purāṇa.

Trưởng lão Purāṇa trú ngụ ở Dakkhiṇāgiri (Nam sơn), cùng hội chúng Tỳkhưu tuỳ tùng 500 vị.

Được nghe tin Chư Tăng kết tập Phật ngôn ở thành Vương Xá, Trưởng lão Purāṇa dẫn chư Tỳkhưu tuỳ tùng 500 vị về thành Vương xá để tham dự cuộc kết tập Phật ngôn do Đức Mahā Kassapa là vị chủ toạ.

Khi đến thành Vương xá thì cuộc kết tập Phật ngôn đã hoàn mãn, Trưởng lão Purāṇa được chư Tăng mời tuỳ thuận cuộc Kết tập Phật ngôn, Trưởng lão Purāṇa đáp rằng:

- Thưa các Tôn giả, các Ngài tự hội nhau Kết tập Phật ngôn, không thông báo cho ai cả. Từ nay tôi chỉ thọ trì những gì được nghe từ miệng Đức Phật tuyên thuyết[3].

Sau khi đối chiếu những gì được Trưởng lão Purāṇa thọ trì với "Kết tập Phật ngôn", chỉ có 8 điều sai biệt nhỏ, đó là 8 điều ngoại lệ được Đức Phật cho phép khi có nạn đói; khi dứt nạn đói thì 8 điều này được huỷ bỏ.

Và 8 điều này dường như chỉ thấy Đức Phật cho phép vào hai lần có nạn đói: Một ở thành Vesāli, một ở thành Vương xá.

Tám điều ngoại lệ đó là:

1'- *Antovuṭṭha*. Được quyền cất giữ các món thực phẩm Yāvakālika (dùng cho đến hết thì thôi) trong chỗ ngụ.

2'-Antopakka. Được có bếp ở chỗ ngụ.

3'- Sāmapakka. Được tự mình nấu nướng.

4'- Uggahita. Được thọ dụng những thực phẩm mà thí chủ chưa dâng đến tận tay.

5'- Tatonihata. Được mang về chỗ ngụ những thực phẩm tại bàn ăn.

6'- Purebhatta. Được thọ thực trước khi vào buổi thọ thực chính. Tức là "khi được thỉnh thọ thực tại tư gia nào đó, vị Tỳkhưu có thể dùng món này, món kia trước khi đến nơi ấy".

7'- Vanaṭṭha. Được tự do dùng những trái cây rừng, nói rộng hơn là bất kỳ loại thực vật có trong thiên nhiên.

8'- Pekkharaṇbiṭha. Được tự do dùng những món thực vật trong ao hồ như củ sen, củ súng ...[4].

***Cận sự nữ Veḷukaṇṭakī** (hay Veḷukaṇḍakī; Veḷukaṇṭakiyā)**.**

Bà là một nữ cư sĩ tiêu biểu trong hàng nữ cư sĩ, Đức Phật có tuyên bố:

Saddhā, bhikkhave, upāsikā evaṃ sammā ācāyamānā āyāceyya –"tadisā homi yādisā khujjuttarā upāsikā veḷukaṇḍakiyā ca nandamātā'ti". Esā, bhikkhave, tulā etaṃ pamānaṃ mama sāvikānaṃ upāsikānaṃ , yadidaṃ khujjuttarā ca upāsikā veḷukaṇḍakiyā ca nandamātā.

"Này các Tỳkhưu, nữ cư sĩ có lòng tin, nếu có chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakī mẹ của Nanda.

Này các Tỳkhưu, chúng là cán cân để đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakī mẹ của Nanda"[5].

Trong Tương ưng kinh, cũng có bài kinh tương tự[1], nhưng ở đây Đức Phật dạy:

---

[1]- ThagA.i, 215.

[2]- Ap.i, 179.

[3]- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm II (Cullavagga ii), số 623.

[4]- ĐĐ Giác Nguyên (d). Phật Giáo sử, tr. 131.

[5]- HT. TMC (d). A.ii, 164. Chương bốn pháp. Kinh Mong cầu (āyācanasuttaṃ); A.i, 88. Chương hai pháp. Phẩm Hy cầu (āyācanavaggo).

"Một cận sự nữ có tín tâm, chân chánh khuyên dạy đứa con gái độc nhất đáng yêu, đáng mến. Sẽ khuyên dạy như sau: "Này con thân yêu, hãy giống như nữ cư sĩ Khujjuttarā và nữ cư sĩ Veḷukaṇṭiyā Nandamātā".

Bà cũng được gọi là Uttarā Nandamātā (Uttarā mẹ Nanda), được Đức Phật ban cho địa vị "nữ cận sự đệ nhất tu thiền"[2].

Vì ở trong làng Veḷukaṇṭaka thuộc quốc độ Avanti, nên bà được gọi là Veḷukaṇṭakī. Làng có tên gọi là Veḷukaṇṭa (Veḷukaṇḍa) vì quanh làng được trồng nhiều tre làm hàng rào kiên cố[3], làng cũng là sinh quán của Trưởng lão Nanda Kumāputta và mẹ là nữ cư sĩ Kumā.

Bà Veḷukaṇṭakī thường tụng kinh vào rạng sáng, một lần nọ bà tụng bài kinh *"Con đường đến bờ kia"* (Pārāyanasuttaṃ)[4], bấy giờ Thiên vương Vessavana (Đa văn) từ phương Bắc đến phương Nam với vài công việc[5], nghe bà Veḷukaṇṭakī tụng kinh lớn tiếng và rõ ràng. Thiên vương Vessavana dừng chân đứng lắng nghe, khi bà Veḷukaṇṭakī tụng dứt bài kinh, Thiên vương hoan hỷ tán thán bà, rồi hiện thân cho bà trông thấy, cho bà biết "Ngài là anh của bà ở kiếp trước".

BàVeḷukaṇṭakī hân hoan, bảo rằng: "Bài kinh trên là quà tăng cho Thiên vương Vessavana".

Thiên vương Vessavana hoan hỷ với quà tặng ấy, Ngài báo cho bà Uttarā Nandamāatā biết:

-Ngày mai đại chúng Tỳkhưu có Đức Xálợiphất và Đức Mụckiềnliên dẫn đầu sẽ đến Veḷukaṇṭaka, nhưng chưa dùng sáng. Sau khi chị mời đại chúng Tỳkhưu thọ thực xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.

Bà Uttarā Nandamātā khi đêm ấy đã mãn, cho sữa soạn lại nhà ở của mình, sữa soạn những loại vật thực thượng vị.

Đại chúng Tỳkhưu có Đức Xálợiphất và Đức Mụckiềnliên dẫn đầu đi đến làng Veḷukaṇṭaka, nhưng chưa dùng sáng. Bà Uttarā Nandamātā cho người đến thỉnh đại chúng Tỳkhưu có Đức Xálợiphất và Đức Mụckiềnliên đến tư gia của mình để thọ thực..

Bà đảnh lễ chư Tăng, tự tay cúng dường những thực phẩm thượng vị đến Đại chúng Tăng, khi chư Tăng thọ thực xong rồi, bà đảnh lễ chư Tăng, ngồi xuống một bên. Đức Xálợiphất hỏi rằng:

- Này nữ cận sự Nandamātā, ai báo cho bà biết chúng Tỳkhưu sẽ đến đây?

Bà Nandamātā trình lên Đức Xálợiphất việc đêm qua, rồi thưa rằng:

- Thưa Tôn giả, mong rằng mọi phước báu của buổi cúng dường này, sẽ đem lại an lạc cho Thiên vương Vessavana.

Đức Xálợiphất tán thán bà Uttarā Nandamātā rằng:

- Thật vi diệu thay Nandamātā, thật hy hữu thay Nandamātā. Người có thể tận mặt nói chuyện với Thiên vương Vessavana, một thiên vương có đại uy lực, có đại thần lực.

Bà Uttarā Nandamātā còn trình lên Đức Xálợiphất cùng các Tỳkhưu về những điều hy hữu, vi diệu của bà, cứ mỗi điều ấy đều được Đức Xálợiphất tán thán là: " Thật hy hữu thay, thật vi diệu thay Nandamātā. Người đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy".

Những điều vi diệu ấy là:

1'- Người con trai duy nhất của bà là thanh niên Nanda khả ái, khả ý. Vì một lý do nào đó bị đức vua bắt đi và đoạt mạng sống, bà biết rõ tâm bà không đổi khác.

---

[1]- S.ii, 236.

[2]- A.i, 26. Chương một pháp. Phẩm "Người tối thắng".

[3]- AA. ii. 717; SnA. i. 370.

[4]- Sn. 976.

[5]- Theo bản Sớ giải Suttanipāta. Thiên vương Vessavana đến Đại tự Kỳviên để yết kiến Đức Phật (SnA. i, 369)

2'-Người chồng của bà mệnh chung, tái sinh làm dạxoa. Dạxoa ấy hiện lên trước mặt bà với một tự ngã như khi còn sống. Nhưng bà biết rõ không vì nhân duyên ấy, tâm bà đổi khác.

3'- Khi còn là thiếu nữ, được đưa về với chồng, bà rõ biết bà không hề có tâm vi phạm với chồng, huống hồ gì là thân.

4'- Khi chấp nhận là một nữ cận sự, bà không hề vi phạm một học pháp nào.

5'- Nếu muốn, bà có thể chứng đắc từ Sơ thiền đến Tứ thiền.

6'- Bà đã diệt trừ được "sợi dây trói buộc bậc thấp".

Đức Xálợiphất sau khi tán thán bà cận sự nữ Nandamāta, Ngài thuyết lên pháp thoại thích hợp, rồi ra về cùng đại chúng Tỳkhưu[1].

Ngài Buddhaghosa cho biết: "Bà Veḷukaṇṭakī là bậc Thánh Anahàm, bà nhân danh Thiên vương Vessavana cúng dường vật thực đến hai vị Thượng thủ thinh văn cùng chư Tỳkhưu tuỳ tùng, nên được Thiên vương Vessavana ban cho đặc ân là "các bồ lúa trong nhà của bà luôn tràn đầy đến trọn đời"[2].

Theo Bản Sớ giải Suttanipāta, bà thuộc lòng tất cả kinh do Đức Phật thuyết và không ăn phi thời.

Khi nghe bà tụng xong bài kinh *"Con đường đến bờ kia"*, nhận được quà tặng là *"kinh Con đường đến bờ kia"*, Thiên vương Vessavana hoan hỷ, ban cho bà một điều ước, bà nói rằng "dân trong làng thường bị mất mùa, bà ước những bồ lúa của bà luôn tràn đầy để bà giúp dân làng bớt khổ", các dạ xoa đã mang lúa về đổ đầy 1.250 bồ lúa của bà.

Khi cần lúa, vào ngày trăng tròn, bà lên lầu 7, sau khi tụng kinh xong bà ước rằng: "Các bồ lúa hãy tràn đầy", lập tức các dạxoa mang lúa đổ vào bồ lúa của bà[3].

Sau đó Thiên vương Vessavana đến Đại tự Kỳviên, đảnh lễ Đức Phật, bạch trình lên Đức Phật về việc này.

Với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Đức Phật nhìn thấy cuộc cúng dường của bà Nandamātā.

Nhân đó, Đức Phật dạy các Tỳkhưu rằng:

- Này các Tỳkhưu, nữ gia chủ Nandamātā, người làng Veḷukaṇṭa đã làm một thí sự đến các Tỳkhưu có Xálợiphất và Mụckiền liên dẫn đầu, thí sự ấy có 6 phần: Ba phần thuộc người bố thí, 3 phần của người nhận:

Ba phần của người bố thí là:

a- Trước khi bố thí, ý được vui lòng.

b- Trong khi bố thí, tâm được tịnh tín.

c- Sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ.

Ba phần của người nhận là:

d- Là bậc ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham.

e- Là bậc ly sân hay đang thực hành hạnh ly sân.

f- Là bậc ly si hay đang thực hành hạnh ly si.

Và Đức Phật tuyên bố: "Không dễ gì ước lượng phước báu của một thí sự có 6 chi phần này. Ví như không thể ước lượng nước chứa trong đại dương rộng lớn"[4].

Bà được liệt kê vào "những nữ cận sự ưu tú" (xem ở trên).

Trong Bản Sớ giải kinh Tăng chi, bà là con gái của "người cày ruộng Puṇṇasīha".

Tiền sự.

Cách hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất. Vào thời Đức Phật Padumutta (Liên Hoa) còn tại thế, trong thành Haṃsavatī có một nữ cận sự là con gái của một gia tộc đại trưởng giả. Có lần được chứng kiến một cận sự nữ được Đức

---

[1]- A.iv, 63. Chương 7 pháp. Kinh Nandamātā (Nandamātāsuttaṃ).

[2]- AA. ii. 718

[3]- SnA. i. 370.

[4]- A.iii, 336. Chương sáu pháp. Kinh Bố thí (Dānasuttaṃ).

Phật Padumuttara ban cho địa vị "đệ nhất tu thiền trong hàng cận sự nữ"; nàng cận sự nữ ấy ước mong đạt được địa vị ấy vào thời Đức Chánh Giác tương lai.

Nàng cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng, rồi ước nguyện được địa vị trên. Đức Phật Padumuttara tiên tri "ước nguyện của nàng cận sự nữ này sẽ thành hiện thực vào thời Đức Phật Gotama".

Kể từ kiếp ấy cho đến hiện kiếp này, hậu thân nữ cận sự chỉ có hai sinh thú: Người và chư thiên.

Vào thời Đức Phật Gotama tại thế, hâu thân của nàng sinh vào một gia tộc "làm ruộng", người cha có tên là Puṇṇasīha (thường gọi tắt là Puṇṇaka hay Puṇṇa), mẹ là Uttarā. Nàng sinh ra, cũng có tên là Uttarā.

Gia đình Puṇṇa cày ruộng thuê cho Trưởng giả Sumana ở thành Raajagaha (Vương xá).

Thành Vương xá có mở lễ hội để dân chúng vui chơi 7 ngày. Vào buổi sáng của hôm khai mở lễ hội, ông Puṇṇa đến nhà chủ để nhận bò, ách ra ruộng cày. Trưởng giả Sumana nói với Puṇṇa rằng:

- Này Puṇṇa, thành Vương xá đang khai mở lễ hội, việc vui chơi trong lễ hội hay phục vụ cho lễ hội, hoặc giữ giới Bốtát (uposatha) không làm ông quan tâm. Tuy nhiên, nếu ông muốn tham dự lễ hội, ta sẽ cho một số tiền để vui chơi lễ hội, hay là ông muốn đi cày như thường ngày.

- Thưa chủ, để tôi về bàn lại với vợ tôi, xem ý vợ tôi như thế nào.

Ông Puṇṇa về nhà hỏi ý bà Uttarā, bà nói rằng:

- Chủ của ta rất khôn ngoan, bất cứ điều gì chủ nói ra đều có lý do. Nếu chủ muốn chúng ta vui chơi lễ hội sẽ cho ông nghỉ rồi, nhưng hỏi ý ông là muốn ông đi cày ruộng.

Vậy ông không nên bỏ qua một ngày làm việc cho chủ.

Nghe sự phân tích hữu lý của vợ, ông Puṇṇa đến nhà Trưởng giả Sumana nhận đôi bò cùng ách, ông ra ruộng cày ruộng.

Nhưng tình cờ lại là ngày trọng đại cho gia đình ông Puṇṇa.

Đức Xálợiphất sau 7 ngày an trú trong định diệt thọ tưởng, vào sáng hôm ấy Ngài xuất khỏi thiền Diệt.

Đức Xálợiphất đưa trí quán xét thế gian, tìm người nghèo khổ để tế độ. Hình ảnh của Puṇṇa xuất hiện trong trí của Đức Xálợiphất, Ngài quán xét rằng: "Puṇṇa có niềm tin nơi ta chăng?", Ngài thấy rằng "có", Ngài quán xét tiếp: "Puṇṇa có cúng dường chi đến ta chăng?", Ngài thấy rằng: "Puṇṇa cúng dường đến ta cây chà răng cùng nước uống, Uttarā vợ Puṇṇa sẽ cúng dường vật thực đến ta".

Đức Xálợiphất đắp y tề chỉnh, tay cầm y bát đi đến nơi cày ruộng của Puṇṇa, Ngài đứng một bên ruộng nơi Puṇṇa có thể thấy được.

Nhìn thấy Đức Xálợiphất đang đứng yên lặng bên ruộng, ông Puṇṇa suy nghĩ:

- Nơi đây không có cư dân, con đường này cũng không phải là "đường đi khất thực", Ngài ngự đến đây hẳn là muốn tế độ người nghèo khổ như ta".

Ông Puṇṇa hoan hỷ bỏ cày, đi đến đảnh lễ Đức Xálợphất với "năm chi chạm đất". Với tâm muốn tế độ người nghèo khổ, Đức Xálợiphất hỏi rằng: "Này gia chủ, ở đây có nước không?".

Ông Puṇṇa hiểu ý Đức Xálợiphất muốn xúc miệng rửa mặt, ông đáp rằng: "Bạch Ngài, có".

Ông thỉnh bát của Đức Xálợiphất, đổ vào trong bát đầy nước đã được lọc sạch, ông tìm dây leo gần đó, làm thành cây chà răng, mang đến cúng dường Đức Xálợiphất.

Đức Xálợiphất xúc miệng rửa mặt xong, Ngài ra đi khất thực. Ông Puṇṇa chợt khởi lên ý nghĩ: "Ồ! Ước gì vợ ta mang cơm ra cho ta, gặp được Ngài, cúng dường vật thực đến Ngài".

Rồi ông tiếp tục cày ruộng, bà Uttarā biết "hôm nay là ngày tốt đẹp của hành tinh", nên bà sữa soạn vật thực sớm hơn ngày thường, mang ra ruộng cho ôngPuṇṇa.

Trên đường mang cơm ra cho chồng, nhìn thấy Đức Xálợiphất đang trên đường đi vào thành Vương xá khất thực, bà hoan hỷ rằng:

- Thật là hạnh phúc thay. Khi ta gặp được Ngài thì ta không có vật để cúng dường, khi có vật cúng dường thì ta không gặp Ngài. Hôm nay cả hai điều đều hiện khởi, vậy ta phải nhân cơ hội này tạo phước cho mình.

Bà Uttarā đi đến đảnh lễ Đức Xálợiphất với "năm chi chạm đất", xin cúng dường vật thực đến Ngài. Khi bà sớt vào bát Ngài nửa phần vật thực, Đức Xálợiphất dùng tay ngăn lại, nói rằng:

- Này nữ gia chủ, bấy nhiêu đã đủ rồi.

- Bạch Ngài, phần cơm này chỉ đủ dùng cho một người. Xin Ngài hãy tế độ cho những kiếp vị lai của con.

Và bà Uttarā trút hết phần cơm vào bát của Đức Xálợiphất, rồi bà phát nguyện rằng : "Với phước lành này, xin cho con thoát khỏi cảnh nghèo khổ". Đức Xálợiphất phúc chúc rằng:

"Mong cho ước nguyện của người mau chóng thành tựu như ý".

Rồi Ngài quay trở lại "rừng Trúc". Bà Uttarā trở về nhà nấu cơm để mang ra ruộng cho chồng.

(Ở đây nên lưu ý rằng: Một phước sự có rất nhiều lộ đổng lực thiện (kusalajavanacittavithī) sinh khởi để thực hiện, mỗi lộ đổng lực thiện có 7 sátna (khaṇa) tâm thiện sinh khởi. Khi có duyên thích hợp, sátna đổng lực thiện thứ nhất trong 7 sátna sẽ cho quả ngay trong hiện tại, gọi là Hiện báo nghiệp; sự cho quả trong vòng 7 ngày sẽ có được khi hội đủ bốn yếu tố:

a- Người nhận vật thí là Bậc Alahán hay là bậc Anahàm.

b-Vật thí phát sinh đúng pháp và trong sạch.

c- Người bố thí phải có tâm tịnh tín và hoan hỷ cả ba thời: Trước, trong và sau khi cho.

d- Bậc Thánh Alahán hay Anahàm vừa xuất khỏi thiền Diệt.

Lại nữa, người bố thí phải có nghiệp thích ứng đang chín mùi.

Vợ chồng Puṇṇa có đủ những điều kiện trên, nên ngày hôm ấy, gia đình ông thoát khỏi nghèo khổ, có được tước vị Đại trưởng giả do vua Bìnhsa (Bimbisāra) ban cho).

Bà Uttarā với tâm hoan hỷ, mang vật thực ra ruộng cho chồng, ông Puṇṇa sau khi cày được hai phần ba mảnh ruộng, ông đói bụng cởi ách cho đôi bò đi ăn cỏ, ông đến một cội cây có tàn nhánh mát ngồi nghỉ, chờ vợ mang cơm ra.

Khi đến gần ruộng, bà Uttarā nhìn thấy chồng đang ngồi nghỉ dưới tàn cây mát, mắt hướng ra đường như đang trông chờ. Bà suy nghĩ:

- Hẳn là chồng ta đang đói bụng, đang chờ ta mang cơm đến. Nếu ông ấy phẫn nộ thì phước thiện vừa tạo ban sáng sẽ bị hư hoại, ta hãy thông báo cho ông biết thiện sự của ta vậy.

Từ xa, bà lên tiếng rằng:

- Thưa ông, tôi mong rằng hôm nay ông đừng giận dữ, ông hãy hân hoan với phước thiện của mình đi.

- Này bà, chuyện gì thế?

- Tôi được gặp Đức Xálợiphất trên đường đi khất thực, tôi đã cúng dường vật thực của ông đến Ngài, rồi tôi trở về làm vật thực khác mang ra đây cho ông. Ông hãy hoan hỷ với phước của mình đi.

- Lành thay, lành thay, này bà, sáng nay Ngài cũng đến nơi này, tôi đã cúng dường đến Ngài cây chà răng cùng với nước uống.

Khi Ngài ra đi, tôi có ý nghĩ "mong rằng vợ ta mang cơm ra cho ta, được gặp Ngài và cúng dường vật thực đến Ngài".

- Lành thay, lành thay, này ông.

Ông Puṇṇa dùng cơm rồi ngủ dưới tàn cây mát, khi thức dậy ông đưa mắt nhìn ra ruộng, thấy tất cả đất mà ông đã cày vào ban sáng, trở thành màu vàng như những cánh hoa kaṇikāra[1] vung rải khắp nơi.

Ngạc nhiên, ông nói với vợ: "Hình như đất tôi cày trở thành vàng".

- Có lẽ ông bị hoa mắt vì làm việc mệt nhọc, lại dùng vật thực muộn.

- Không, tôi thấy ruộng tôi cày hoá ra màu vàng, bà hãy nhìn xem đi.

Bà Uttarā đưa mắt nhìn ra ruộng.

- Ồ! Ông nói đúng, tôi cũng thấy như vậy.

Ông Puṇṇa đi đến ruộng, nhặt lấy cục vàng đưa vào miệng cắn để thử nghiệm, sau khi biết chắc là vàng, ông hân hoan nói với vợ rằng:

- Này bà, người khác phải mất ba hay bốn tháng mới gặt hái những gì được gieo trồng. Nhưng thiện nghiệp mà chúng ta đã thực hiện ban sáng nơi Ngài Xálợiphất, đã nhanh chóng cho quả lành.

Ruộng tôi cày ban sáng nay trở thành vàng rồi.

(Ông Puṇṇa cày được khoảng 1 ¾ mẫu ruộng).

Bà Uttarā hỏi chồng: "Chúng ta phải làm gì?".

- Chúng ta không thể cất dấu số vàng này. Phải trình lên Đức vua để tránh tai hại.

Ông nhặt những thỏi vàng cho vào đầy một bình nước, đi thẳng đến Hoàng cung, xin được yết kiến Đức vua Bìnhsa.

Khi được diện kiến với vua Bìnhsa, ông Puṇṇa đảnh lễ Đức vua xong rồi, dâng lên Đức vua bình đựng đầy vàng, Đức vua hỏi:

- Vàng này, ngươi có được từ đâu?

- Thưa Đại vương, đất con cày ban sáng, nay đã biến thành vàng. Xin Đại vương hãy cho người mang về Hoàng cung.

- Tên ngươi là gì?

- Thưa Đại vương, con là Puṇṇasīha.

- Vì sao đất ngươi cày biến thành vàng? Ngươi đã làm được việc thiện gì?

Ông Puṇṇa trình lên Đức vua việc lành của vợ chồng ông đã thực hành vào ban sáng với Đức Xálợiphất. Đức vua Bìnhsa hoan hỷ rằng:

- Thật là kỳ diệu thay, sự cúng dường đến Đức Pháp chủ đã mang lại quả lành nhanh chóng như vậy.

Đức vua Bìnhsa cho quân mang vàng về đổ trước sân Hoàng cung, khi những người lính đến ruộng mang vàng về, họ nói rằng: "Vàng của Đức vua nhiều quá", lập tức những thỏi vàng biến thành đất như cũ.

Kinh ngạc, những người lính về trình lên Đức vua Bìnhsa sự kiện trên, Đức vua Bìnhsa suy gẫm, rồi bảo rằng: "Hãy nói vàng này của ông Puṇṇasīha".

Những người lính đến ruộng cày của ông Puṇṇa nói rằng:

- Vàng của ông Puṇṇa rất nhiều.

Lập tức đất hoá thành vàng như trước. Những người lính mang vàng về đổ trước sân Hoàng cung, đống vàng cao đến 80 *cubit* (mỗi cubit = 45,7cm; 80 cubit #36m, một cubit # một sải tay).

Đức vua Bìnhsa cho đánh trống triệu tập các trưởng giả trong thành Vương xá đến sân Hoàng cung, hỏi rằng:

- Này các người, có ai trong kinh thành này có được số vàng như thế này không?

- Thưa Đại vương, không có ai.

- Như vậy, người có được tài sản như vầy, Ta phải làm gì với người ấy?

---

[1]- Tên khoa học của loại hoa này là *Pterospermum acerifolium*, màu vàng của loại hoa này được xem là "biểu tượng màu vàng tinh anh" (xem D.ii, 111; M.ii, 14; A.v, 61). Đề mục "vàng" Kasina cũng được làm từ màu này (Vsm.v, 16), người ta thường nhuộm vàng các loại khác bằng màu vàng trích từ những cánh hoa Kaṇikāra này. Chư Tỳkhưu thường nhuộm y casa từ màu vàng của những cánh hoa Kaṇikāra.
Sách Thanh tịnh đạo còn mô tả: "Một số máu trong trái tim của người có tính "chân thật" có màu vàng" (Vsm.viii, 112).

- Thưa Đại vương, hãy ban cho người ấy chiếc lọng biểu tượng địa vị *"đại trưởng giả"*.

Đức vua Bìnhsa ban phẩm vị "đại trưởng giả" đến cho Puṇṇa đồng thời ban thưởng những tặng phẩm quý, xứng đáng với phẩm vị cùng với danh hiệu "Bahudhanaseṭṭhi" (Trưởng giả có nhiều tài sản).

Ông Puṇṇa thưa với Đức vua Bìnhsa rằng:

- Thưa Đại vương, từ lâu con sống nương nhờ nơi trưởng giả Sumana trong thành Vương xá này. Xin Đại vương ban cho gia đình chúng con chỗ ở riêng.

Đức vua Bìnhsa ban cho ôngPuṇṇa khoảng đất trống rộng, là chỗ ở cũ của một trưởng giả trước đây. Chỉ trong vài ngày, người ta đã xây dựng nơi ấy một dinh cơ, có khánh đường sang trọng, một nghi lễ trang trọng được tổ chức, chúc mừng Đại trưởng giả Puṇṇasīha về "nhà mới".

Đại trưởng giả Puṇṇa khi dọn về nhà mới, ông thỉnh Đức Phật cùng chư Tỳkhưu Tăng đến nhà, cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng trọn 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong Đức Phật phúc chúc bằng thời pháp thoại, cả ba người trong gia đình Puṇṇa là: Puṇṇasīha, bà Uttarā, nàng Uttarā đều chứng quả Dự Lưu.

Ông Puṇṇa trở thành một trong năm người giàu nhất ở Ấn độ thời bấy giờ, cả 5 người này đều tập trung ở quốc độ Magadha (Makiệtđà), bốn vị đại trưởng giả kia, lần lượt là :

1- Đệ nhất đại trưởng giả là Jotika.

2- Đệ nhị đại trưởng giả là Jaṭila.

3-Đệ tam đại trưởng giả là Meṇḍaka (ông nội bà Visākhā).

4- Đệ tứ đại trưởng giả là Puṇṇasīha.

5- Đệ ngũ đại trưởng giả là Kākavaliya.

Thời gian sau, khi nàng Uttarā trưởng thành, Trưởng giả Sumana (chủ cũ của ông Puṇṇa) cho người đến dạm hỏi nàng Uttarā cho con trai ông. Đại trưởng giả Puṇṇa thẳng thắn từ chối, Trưởng giả Sumana phẫn nộ rằng:

- Ông ấy trước đây sống nương nhờ ta, xuất thân từ "nông dân", nay trở thành Đại trưởng giả lại từ chối làm thông gia với ta. Ông ta là người không có sự "nhớ ơn".

Đây là tập khí "kiêu mạn" của Trưởng giả Sumana, ông vẫn nghĩ "Puṇṇa là tôi tớ của mình".

Những người đưa tin của Trưởng giả Sumana đến báo cho Đại trưởng giả Puṇṇasīha lời lẽ của Trưởng giả Sumana như thế.

Ông Puṇṇa đáp rằng:

- Chủ của các ông là người kiêu căng, cho dù những gì ông ấy nói là có thật, thì ông ấy cũng phải biết rằng: "Hiện tại ta đủ sức mua những người có tài sản như ông ấy về làm nô lệ cho ta", và ông ấy cũng phải hiểu rằng: "Không phải ai cũng mãi mãi nghèo khổ, không phải ai cũng mãi mãi là giàu có".

Nhưng ta không nói lên điều này để không xúc phạm đến danh giá của Trưởng giả Sumana, ta vẫn nhớ ơn ông nên có sự tôn trọng ông như một trưởng giả có danh tiếng tốt đẹp.

Sở dĩ ta từ chối hôn sự, vì con gái ta là đệ tử thuần tín của Đức Phật, Giáo pháp và chư Tăng, mỗi ngày đều bỏ ra một đồng tiền vàng (Kahāpaṇa) mua hoa cúng dường Tam bảo. Gia đình Trưởng giả Sumana không có niềm tin trong Giáo pháp này, nên ta không để con gái ta về với gia đình ấy.

Nghe những lời lẽ cứng rắn đầy thuyết phục của Đại trưởng giả Puṇṇasīha, Trưởng giả Sumana thay đổi thái độ, cho người mang tin đến với những lời lẽ khiêm hoà rằng:

- Xin Đại trưởng giả đừng làm như vậy, xin đừng phá vỡ mối quan hệ thân thiện cũ của chúng ta. Ta sẽ cho dâu ta là Uttarā mỗi ngày 2 đồng Kahāpaṇa để mua hoa cúng dường Tam bảo. Vậy xin Ngài hãy gả con gái của mình cho con trai của ta đi.

Nhưng Đại trưởng giảPuṇṇasīha vẫn cương quyết:

-Gia đình của ông Sumana có nhiều người tà kiến, ta không gả con gái ta cho con trai ông ấy.

Thế rồi, với sự vận động của Trưởng giả Sumana, nhiều trưởng giả khác, nhiều đại thần của vua Bìnhsa đến khuyên Đại trưởng giả Puṇṇasīha nên gả nàng Uttarā cho con trai Trưởng giả Sumana.

Là người có pháp "tri ân", cuối cùng Đại trưởng giả Puṇṇasīha đồng ý gả nàng Uttarā cho con trai Trưởng giả Sumana. Hôn lễ được cử hành vào ngày trăng tròn tháng *āsaḷha* (tháng 6 âl, theo lịch VN).

Khi về nhà chồng, nàng Uttarā luôn nhu hoà, vào ngày Uposatha (Bốtát), nàng thưa với chồng rằng:

- Thưa anh, khi còn ở nhà, vào ngày Bốtát, em thường thọ trì giới Bốtát. Anh hãy cho em được giữ giới Bốtát hằng tháng.

Nhưng chồng nàng thẳng thắn từ chối, nàng đành im lặng chấp thuận theo.

Trải qua hai tháng 15 ngày sống trong gia đình Trưởng giả Sumana, nàng Uttarā không có dịp tiếp cận chư Tăng, không được nghe Giáo pháp, không được yết kiến đảnh lễ Đức Phật cùng Tăng chúng.

Nàng hỏi những người nữ hầu rằng:

- Này các em, còn bao lâu nữa, Đức Thế Tôn mãn mùa an cư?

- Thưa cô chủ, còn nửa tháng nữa là mãn mùa an cư của Đức Thế Tôn và chư Tăng.

Nàng Uttarā gửi cho cha lá thư rằng: "Vì sao cha mẹ lại giam cầm con như thế, thà rằng cha mẹ giết con đi, hay khắc vào trán con hai chữ "nô lệ" rồi công bố cho mọi người biết "con là người hạ tiện". Còn hơn cha mẹ đem con sống trong gia đình tà kiến như thế này, hơn hai tháng nay con không được giữ giới Bốtát, không được yết kiến đảnh lễ Đức Thế Tôn, không được nghe Giáo pháp, không được đảnh lễ, cúng dường đến chư Tăng, không được làm một việc phước thiện nào cả".

Đọc lá thư của con gái, Đại trưởng giảPuṇṇasīha xúc động, rằng:

- Thật đáng thương thay con gái của ta. Con gái ta phải chịu nhiều cay đắng trong gia đình bên chồng.

Lập tức Đại trưởng giả Puṇṇasīha gửi cho con một lá thư với 15.000 tiền vàng, bảo rằng: "Trong thành Vương Xá có nàng đệ nhất kỹ nữ là Sirimā, con hãy thuê nàng phục vụ chồng con nửa tháng. Trong nửa tháng ấy con có dịp cúng dường đến Đức Thế Tôn, chư Tăng và nghe pháp từ các Ngài".

Nhận được số tiền 15.000 đồng vàng, nàng Uttarā đi đến nơi trú của nàng Sirimā (em gái của thần y Jīvaka), nói với nàng Sirimā rằng:

- Này cô, tôi sẽ giữ giới Bốtát trong 15 ngày, vậy cô hãy phục vụ chồng tôi 15 ngày. Đây là số tiền công của cô.

Nàng Sirimā đồng ý, theo nàng Uttarā đến gặp chồng nàng Uttarā, người chồng ngạc nhiên hỏi:

- Này Uttarā, có chuyện gì thế?

Sau khi nghe nàng Uttarā trình bày sự việc, lại bị nhiễm đắm trước sắc đẹp của nàng Sirimā nên chồng nàng đồng ý.

Khi ấy nàng Uttarā được tự do, nàng đến rừng Trúc thỉnh Đức Phật cùng Tăng chúng đến tư thất riêng của nàng để thọ thực trong nửa tháng. Vào buổi sáng nàng cùng các nữ hầu sữa soạn vật thực cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng. Nàng thọ trì giới bốtát (uposathasīla), nên vào buổi chiều nàng lên trên lầu riêng, ngồi một mình quán tưởng đến giới hạnh đã thọ trì.

Trước ngày mãn mùa an cư (ngày 14-6 âl, theo lịch VN), chiều hôm ấy nàng Uttarā tất bật cùng các nữ hầu chuẩn bị vật thực để cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng vào ngày mai.

Vào chiều hôm đó, chồng nàng Uttarā khi đang hưởng lạc thú với nàng Sirimā ở lầu 7, chàng vén rèm mở cửa lầu nhìn xuống, thấy nàng Uttarā với đầu tóc dính đầy tro bụi, chàng mĩm cười nghĩ thầm:

- Nàng Uttarā giống như từ cõi địa ngục (niraya) sinh lên. Thật là người kém trí, từ bỏ thân phận chủ nhân, tất bật trong việc không cần thiết như một nữ hầu.

Với tâm nhạy cảm, nàng Uttarā có cảm giác "có người đang nhìn ta, ai vậy?", nàng đưa mắt nhìn lên, thấy chồng đang mĩm cười với mình, nàng cũng mĩm cười với ý nghĩ rằng:

-"Con trai người gia chủ này thật mê muội, nghĩ rằng "cuộc sống thoải mái của mình luôn kéo dài", nên đắm chìm trong dục lạc, không nghĩ đến tạo việc lành cho mình trong mai hậu".

Nàng Sirimā nhìn thấy con trai người gia chủ đứng cạnh cửa nhìn xuống bên dưới khá lâu, tò mò nàng đến xem "chuyện gì bên dưới".

Nhìn thấy vợ chồng người gia chủ đang mĩm cười với nhau, đột nhiên trong tâm nàng phát sinh sự ghen tức, nàng có cảm giác "ả này đang cười với chồng của ta, ả này dám tán tỉnh chồng ta trước mặt ta".

Không dằn được phẫn nộ, nàng Sirimā đi xuống nhà bếp, nhìn thấy nàng Sirimā, nàng Uttarā suy nghĩ: "Ồ! Đây là người ân của ta, nhờ có nàng, ta có dịp tạo phước lành trong những ngày qua".

Khi thấy nàng Sirimā với gương mặt đầy phẫn nộ, đi đến chảo dầu đang sôi sùng sục, lấy gáo lớn múc dầu sôi, nàng Uttarā hiểu ngay ý định của nàng Sirimā, lập tức nàng đưa tâm an trú vào đề mục Từ, phóng luồng tâm Từ đến nàng Sirimā.

Nàng Sirimā múc gáo dầu sôi tạt vào người nàng Uttarā, dầu sôi chạm vào luồng tâm từ trở nên mát lạnh (đây là điều phi thường được ghi nhận trong sách Thanh tịnh đạo -Vsm.xii, 34).

Người tu tập thành tựu đề mục Từ, phát sinh 11 quả báo là:

1'- *Sukhaṃ supati.* Khi ngủ được an vui.

2'- Sukhaṃ paṭhujjhati .Khi thức dậy được an vui.

3'- Na pāpakaṃ supinaṃ passati. Ngủ không gặp ác mộng.

4'- Manussānaṃ piyo hoti. Được người thương mến.

5'- Amanussānaṃ piyo hoti. Được phi nhân (chỉ cho chư thiên) thương mến.

6'- Devatā rakkhantṇ. Chư thiên thường hộ trì.

7'- Nāssa aggi vā visaṃ vā sathaṃ kamati. Lửa, khí giới, thuốc độc không làm hại được.

8'- Tuvāṭaṃ cittaṃ samādhiyati. Tâm nhập thiền mau chóng.

9'- Mukhavaṇṇa vippasīdati. Gương mặt, màu da trong sáng.

10'- Asammuḷho kālaṃ karoti. Tâm định tỉnh khi sắp mệnh chung.

11'- Uttariṃ appativijjhanto brahmalokūpogo hoti. Chưa đắc đạo quả Siêu thế, mệnh chung được sinh về Phạm thiên giới[1].

Nàng Sirimā ngỡ là dầu không nóng, múc thêm gáo dầu thứ hai, tạt vào đầu nàng Uttarā, như lần trước dầu sôi bỗng trở nên nguội lạnh, như nước mưa rơi trên lá sen.

Những nữ hầu của nàng Uttarā thấy nàng Sirimā hại chủ mình, la lớn lên rằng: "Không được hại chủ chúng ta".

Họ lập tức xống đến xô ngã nàng Sirimā, đánh đá vào người nàng, nàng Uttarā ngăn cản không kịp, liền nằm úp người lên thân nàng Sirimā, dùng thân mình che chở cho nàng Sirimā.

Khi sự việc tạm lắng yên, những nữ hầu của nàng Uttarā sỉ nhục nàng Sirimā rằng:

- Này ả kỹ nữ kia, ngươi là người được chủ ta thuê trong 15 ngày. Ngươi như ả nô lệ, vì sao ngươi không biết thân phận của mình, lại muốn hại chủ ta?

---

[1]- Đại trưởng lão Bửu Chơn (soạn dịch). Kho tàng Pháp bảo. Chương 11 pháp.

Những lời sỉ nhục này làm thức tỉnh nàng Sirimā về vị trí của mình, nàng nhận ra rằng: "Ta đã đi quá xa, vượt qua phận sự của mình, nàng này thật nhân từ, không phẫn nộ với ta, còn đưa thân đở đòn giúp ta.

Người như thế, nếu ta không xin tha lỗi, e rằng đầu ta sẽ vỡ mất".

Nàng đi đến đảnh lễ nàng Uttarā thưa rằng:

- Thưa chủ, tôi đã thiếu suy xét không thận trọng trong cách ứng xử của mình. Xin chủ hãy tha lỗi cho tôi.

Nàng Uttarā cho người lấy dầu thoa xức những vết bầm trên người nàng Sirimā, tâm nàng suy nghĩ: "Nhân cơ hội này, ta hãy đền ơn cho nàng Sirimā", nàng Uttarā bảo rằng:

- Này cô, tôi chưa tha lỗi cho cô được. Bao giờ cha tôi tha lỗi cho cô, bấy giờ tôi mới tha lỗi cho cô.

- Thưa chủ, chủ hãy tha lỗi cho tôi đi. Tôi sẽ đến Đại trưởng giả Puṇṇasīha cầu xin ông tha lỗi cho tôi.

- Này cô, Đại trưởng giả Puṇṇasīha chỉ là người cha sinh ra thân xác, người cha mà ta muốn nói đến là Đức Thế Tôn, Ngài đã sinh ta ra bằng pháp. Bao giờ Đức Thế Tôn tha thứ cho cô, khi ấy ta mới tha lỗi cho cô.

-Thưa chủ, tôi chưa từng diện kiến với Đức Thế Tôn. Giờ tôi phải làm thế nào?

- Mai này tôi có cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, cô hãy sữa soạn vật thực tuỳ theo sức của mình, cô hãy cúng dường đến Đức Thế Tôn rồi xin Ngài tha lỗi.

- Lành thay, thưa chủ.

Nàng Sirimā trở về nhà của mình, cho gọi 500 nữ hầu đến, bảo sữa soạn vật thực cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng.

Sáng hôm sau nàng cùng 500 nữ hầu mang vật thực đến nhà nàng Uttarā, nhưngnàng không dám diện kiến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng, nàngUttarā thay thế nàng cúng dường vật thực của nàng đến Đức Thế Tôn và chư Tăng.

Khi Đức Phật cùng Tăng chúng thọ thực xong rồi, nàng Sirimā cùng 500 nữ hầu đi đến đảnh lễ Đức Phật và Tăng chúng, rồi nàng thưa rằng:

-Kính bạch Thế Tôn, xin Ngài từ bi tha lỗi cho con.

- Nàng đã phạm lỗi lầm gì?

Nàng Sirmā trình lên Đức Phật sự việc chiều hôm qua, Đức Phật phán hỏi nàng Uttarā rằng:

- NàyUttarā, có đúng sự thật là như thế không?.

- Kính bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

- Này Uttarā, khi ấy tâm con suy nghĩ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ rằng: "Nàng này là người ân của ta, nhờ có nàng phục vụ chồng ta, ta có cơ hội được cúng dường đến Đức Phật cùng chư Tăng, được nghe Giáo pháp từ các Ngài trọn nửa tháng nay. Nếu ta có tâm nóng giận với nàng thì dầu nóng này sẽ làm hại ta, bằng như ta không nóng giận với nàng thì dầu này trở nên mát lạnh".

- Lành thay, lành thay, này Uttarā, cần phải thắng phục sự phẫn nộ bằng "không phẫn nộ", thắng phục không tốt đẹp bằng "sự tốt đẹp", thắng phục bỏn xẻn bằng "sự xả ly", thắng phục sự xảo trá bằng "sự chân thật".

Rồi Đức Phật thuyết lên kệ ngôn:

Akkodhena jine kodhaṃ;
Asādhuṃ sādhunā jine.
Jine kadariyaṃ dānena;
Saccena alikavādinaṃ.

"Không ác thắng ác độc; tốt đẹp thắng không tốt đẹp.

Bố thí thắng bỏn xẻn; chân thật thắng hư nguỵ"[1].

Dứt thời pháp thoại, nàng Sirimā chứng Thánh quả Dự lưu[2].

Bản Sớ giải Thiên cung sự và Sớ giải kinh Pháp cú thì chi tiết hơn là: "Sau khi dứt thời pháp thoại, nàng Sirimā cùng 500 nữ hầu, ông Trưởng giả Sumana (cha chồng của nàng Uttarā), chồng của nàng Uttarā chứng quả Dự lưu, còn nàng Uttarā chứng đạt Thánh quả Nhất Lai" [3].

Nàng Uttarā có được người con trai tên là Nanda, nên được gọi là Uttarā Nandamātā.

Theo Bản Sớ giải Thiên cung sự, thời gian sau nàng Uttarā mệnh chúng sinh về cõi "Ba mươi ba" (Tāvatiṃsa).

Khi Đức Mụckiềnliên viếng thăm cõi "Ba mươi Ba", có đến thiên cung của nàng, nàng thiên nữ Uttarā đến đảnh lễ Đức Mụckiềnliên và nàng thuật lại phước hạnh của mình khi Đức Mụckiềnliên hỏi nàng về tiền hạnh.

Như vậy, có khả năng: Veḷukaṇṭakī Nandamātā và Uttarā Nandamātā là hai người khác nhau, dù cùng mang tên là Uttarā, đều có người con trai duy nhất có tên là Nanda.

Một điều đáng chú ý là: Trong hai bản kinh (A.iii, 336 và A.iv, 63) đề cập đến làng Veḷukaṇṭa, chỉ ghi nhận *"Nandamātā* (mẹ của Nanda)".

Còn trong (A.i, 26) thì ghi nhận "đệ nhất tu thiền trong hàng cận sự nữ là *"Uttarā Nandamātā* (Uttarā mẹ của Nanda)".

Bà Rhys Davids nghĩ rằng: "Veḷukaṇṭakī Nandamātā có thể là Uttarā Nandamātā"[4], nhưng tác giả bộ Malalasekera cho rằng "sự xác định ấy không đúng".

Trong Buddhavaṃsa (Chánh giác Tông) có ghi:

19- Citto hatthāḷavako ca, aggupaṭṭhākupāsakā.

Nandamātā ca uttarā; aggupaṭṭhākupāsikā.

"Citta và Hatthāḷavaka; là tối thắng cận sự nam.

Nandamātā và Uttarā, là tối thắng cận sự nữ"[5].

Như thế cho thấy rằng: "Nandamātā và Uttarā là hai người", nhưng trong Tăng chi kinh thay thế một trong hai bà là bà Khujjuttarā[6].

Đó là "vấn đề" cần nghiên cứu thêm.

Nàng Sirimā.

Đệ nhất kỹ nữ trong thành Vương xá là nàng Sālavatī, nàng Sālavatī sinh được 2 người con: Con trai là thần y Jīvaka Komārabhacca (con của Vương tử Abhaya), con gái là nàng Sirimā.

Nàng Sirimā nối nghiệp mẹ, trở thành "đệ nhất kỹ nữ" trong thành Vương xá.

Sau khi nhờ nàng Uttarā trợ giúp, nàng Sirimā chứng Thánh quả Dự lưu, nàng từ bỏ nghề kỹ nữ.

Mỗi ngày nàng xuất ra 16 đồng vàng, cúng dường vật thực đến 8 vị Tỳkhưu, mỗi phần vật thực ấy có thể dùng cho 3-4 người.

Mỗi khi cúng dường vật thực đến các Tỳkhưu, nàng còn dâng thêm sữa tươi hoặc sữa chua tươi (thục tô) rằng: "Xin các ngài hãy nhận thêm sữa tươi, xin các Ngài hãy nhận thêm sữa chua tươi".

Thời gian trôi qua, có vị Tỳkhưu sau khi nhận vật thực nơi nhà nàng Sirimā, dùng vật thực xong rồi Ngài đi đến một tự viện cách thành Vương xá (Rājagaha) ba dotuần.

Các vị Tỳkhưu trong tự viện hỏi rằng:

---

[1]- Dhp. Câu số 223.

[2]- AA.i, 240.

[3]- VvA. Thiên cung nàng Uttarā; DhpA. câu số 223.

[4] - Brethren 4, ṇ1.

[5]- Buv. Gotamabuddhavaṃso (Lịch sử Đức Phật Gotama)

[6]- A.i, 26. Chương một pháp. Phẩm người tối thắng.

- Này hiền giả, hiền giả nhận vật thực từ nơi nào, rồi đi đến đây vậy?

- Thưa chư hiền, tôi nhận vật thực từ nàng Sirimā, sau khi thọ thực xong, tôi đi đến đây?

- Này hiền giả, vật thực của nàng Sirimā như thế nào? Có đủ để thọ dụng không?

- Thưa chư hiền, nàng Sirimā cúng dường đến 8 vị Tỳkhưu mỗi ngày, nàng cúng dường những vật thực thượng vị, mỗi phần ăn có thể dùng cho 3-4 người.

Tuy nhiên, điều ấy chưa phải là điều đáng nói, điều đáng nói là sắc đẹp của nàng, nàng rất xinh đẹp, duyên dáng, giọng nói rất du dương êm dịu và rất khéo léo làm hài lòng mọi người.

Nghe vị Tỳkhưu khách khen ngợi sắc đẹp của nàng Sirimā, một vị Tỳkhưu trong tự viện động tâm, nghĩ thầm: "Ta sẽ đến gặp nàng Sirimā, xem nàng như thế nào mà vị khách Tăng này tán tụng đến thế ".

Sau khi xin phép vị trưởng lão tự viện, hỏi thăm cách thức được nhận vật thực nơi nhà nàng Sirimā, vị Tỳkhưu lên đường đến thành Vương xá.

Sáng hôm ấy, Ngài là một trong 8 vị Tỳkhưu đến nhà nàng Sirimā để nhận vật thực. Chiều hôm qua, nàng Sirimā bất ngờ lâm trọng bệnh, nên không thể tự tay cúng dường vật thực đến các Tỳkhưu, những nữ hầu của nàng đã làm thay nàng việc ấy.

Sau khi cúng dường vật thực xong, những nữ hầu báo tin:

- Thưa cô chủ, vật thực đã được cúng dường xong rồi.

- Này các em, hãy dìu ta ra để ta đảnh lễ các Ngài.

Các nữ hầu dìu nàng Sirimā ra đảnh lễ chư Tăng, vì lâm trọng bệnh nên nàng Sirimā lảo đảo đảnh lễ chư Tăng. Vị Tỳkhưu cố tình muốn xem sắc đẹp của nàng, suy nghĩ rằng:

-Ồ! Nàng Sirimā đang bệnh nặng, không trang điểm mà còn như thế này, nếu nàng trang điểm thì còn xinh đẹp đến ngần nào.

Vị ấy mang bát vật thực trở về tự viện, đặt bát vào một nơi, rồi lên giường nằm mơ tưởng đến nàng Sirimā, chẳng màng ăn uống đến ba bốn hôm, vật thực trong bát đã nổi meo mốc.

Chiều hôm ấy nàng Sirimā mệnh chung, Đức vua Bìnhsa (Bimbisāra) cho người đến trình lên Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, nàng Sirimā em gái của lương y Jīvaka đã mệnh chung.

Đức Phật dạy rằng:

- Hãy trình lên Đức vua rằng: Khoan hoả táng thi hài của nàng Sirimā, hãy quàng vào một nơi trong mộ địa, cho người canh giữ cẩn thận. Ba ngày sau hãy cử hành lễ hoả táng.

Đến ngày thứ tư, thi hài của nàng Sirimā rã ra, những con dòi trắng bò lỗm ngỗm như những hạt gạo sāli biết di chuyển.

Vào chiều hôm trước Đức Phật cho vị Tỳkhưu đến báo Đức vua Bìnhsa rằng:

- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn dạy "nên đáng trống triệu tập dân trong kinh thành Vương xá đến tham dự lễ hoả táng thi hài nàng Sirimā vào sáng ngày mai.

Vâng theo lời dạy của Đức Phật, Đức vua cho đánh trống truyền cho dân kinh thành đến dự lễ hoả táng thi hài nàng Sirimā.

Ở nơi tự viện, vị Tỳkhưu bạn của vị Tỳkhưu "si tình", đến hỏi rằng:

- Này hiền giả, Đức vua Bìnhsa cho đánh trống truyền rao dân thành Vương xá đến dự lễ hoả táng thi hài nàng Sirimā. Hiền giả có đến dự lễ hoả táng thi hài nàng Sirimā không?

Tuy bỏ ăn cả mấy ngày, nhưng khi nghe nhắc đến tên nàng Sirimā, vị Tỳkhưu "si tình" liền ngồi dậy hỏi rằng:

- Này hiền giả, hiền giả vừa nói chi thế?

Khi hiểu rõ sự việc, vị ấy đáp:

-Ồ! Tôi phải đến dự lễ hoả táng thi hài nàng Sirimā chứ.

Vị ấy rửa sạch bát rồi theo chư Tăng đến thành Vương xá.

Vào sáng hôm ấy, Đức Phật cùng các Tỳkhưu đến tha ma mộ địa, bấy giờ Đức vua, các đại thần cùng chúng dân đã đến khu vực quàng thi hài nàng Sirimā, mùi hôi thối từ thi hài bốc ra nồng nặc, người ta phải dùng nhiều hương liệu để đẩy lui mùi tử khí ấy.

Đức Phật hỏi Đức vua Bìnhsa rằng:

- Thưa Đại vương, thi hài ấy là ai vậy?

- Bạch Thế Tôn, thi hài ấy là nàng Sirimā, em gái của lương y Jīvaka.

- Vậy Đại vương hãy rao truyền rằng: "Hãy trả 1.000 đồng vàng (kahāpaṇa), rồi nhận lấy nàng Sirimā".

Nhưng không có ai chịu bỏ ra 1.000 đồng vàng để nhận thi hài của nàng Sirimā, Đức vua Bìnhsa trình lên Đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, không một ai chịu bỏ ra 1.000 đồng vàng để nhận thi hài nàng Sirimā cả.

- Vậy Đại vương hãy giảm giá đi.

Và giá tiền bỏ ra để nhận thi hài của nàng Sirimā giảm từ 500 đồng vàng, 250 đồng vàng, 100 đồng vàng, 50 đồng vàng, 10 đồng vàng, 1 đồng vàng, rồi 100 māsaka ... 5 māsaka, rồi 100 kākaṇikā[1] ... 10 kākaṇikā.

Cuối cùng, chỉ nhận lấy thi hài nàng Sirimā không phải bỏ tiền ra, nhưng không một ai xin nhận xác nàng Sirimā cả.

Nhân đó, Đức Phật thuyết giảng rằng:

- Này các Tỳkhưu, các người hãy nhìn xem, nàng Sirimā khi còn sống được mọi người mến thích, chìu chuộng, phải mất cả ngàn đồng vàng để được gần nàng chỉ một ngày. Giờ đây, dù cho không cũng chẳng một ai nhận lãnh, hãy suy gẫm về sự vô thường của "sắc đẹp" này, của thân xác đầy uế trược này.

Rồi Đức Phật thuyết lên kệ ngôn.

Passa cittakataṃ bimbaṃ;
Arukāyaṃ samussitaṃ.
Āturaṃ bahusaṅkappaṃ;
Yassa natthi dhuvaṃ ṭhitī'ti.
"Hãy xem bong bóng đẹp;
Chỗ chất chứa vết thương.
Bịnh hoạn nhiều suy tư;
Thật không gì trường cửu" (HT. TMC dịch).

Vị Tỳkhưu cảm dục chứng đắc Thánh quả Dự lưu[2].

Ngài Buddhaghosa(Phật Âm) giải thích[3]: "Nàng Sirimā mệnh chung tái sinh là vị thiên hậu của vua Trời Suyāma ở cõi Yāma (Dạma)[4], trong cuộc lễ hỏa táng thi hài nàng Sirimā, thiên nữ Sirimā quán xét được hạnh lành giúp nàng trở thành Thiên hậu, nàng cùng 500 thiên nữ tuỳ tùng từ cõi trời Dạma xuống nhân giới, đảnh lễ Đức Phật.

---

[1]- Kahāpaṇa, māsaka, kākaṇikā là đơn vị tiền tệ của xứ Magadha thời Đức Phật, có thể so sánh như từ: Đồng, cắc và xu. Đó là những đồng tiền được làm từ vàng, bạc, hoặc đồng, thường bằng đồng nhiều hơn, đôi khi bằng bạc và rất hiếm bằng vàng.

Những đại trưởng giả thường dùng vàng để đúc tiền, trên mặt tiền vàng có khắc huy hiệu của gia tộc; những đồng tiền này có giá trị cao, thấp tùy theo chất liệu của tiền. Vàng cao hơn bạc, bạc cao hơn đồng. Tuy có quyền tự đúc tiền, ghi khắc huy hiệu của gia tộc, nhưng kích cở cũng như trọng lượng đều phải theo quy định của quốc độ.

Vào thời Đức Phật, tiền của xứ Magadha (Makiệtđà) xem như "đơn vị tiền tệ" chung cho Ấn cổ, vì xứ Magadha lúc bấy giờ là "trung tâm thương mại" của Ấn cổ.

[2]- DhpA. Kệ ngôn số 147.

[3]-SnA.i, 244; SnA.i, 253.

[4]- Là tầng trời thứ ba trong 6 cõi trời ở cõi Dục. Sáu cõi trời ở cõi Dục là: Cõi Tứ đại vương, cõi Đạolợi, cõi Dama, cõi Đẩusuất, cõi Hoá lạc thiên và cõi Tha hoá tự tại

Khi ấy Tỳkhưu ni Janapadakalyānī Nandā (em gái của Trưởng lão Nanda) được nghe bổn sự Kāyavicchinda[1], bà chứng đắc Thánh quả Alahán, còn Thiên nữ Sirimā chứng Thánh quả Anahàm.

Trong Bản Sớ giải Thiên cung sự (Vimāna-atthakathā) có câu chuyện tương tự, nhưng có khác vài chi tiết như sau:

- Nàng Sirimā tái sinh về cõi Nimmānarati (Hoá lạc thiên).
- Khi ấy có mặt Tôn giả Vaṅgisa, Tôn giả xin phép Đức Phật hỏi lai lịch của nàng thiên nữ này (khi nàng cùng 500 thiên nữ tuỳ tùng xuống nhân giới đảnh lễ Đức Phật, trong lễ hỏa táng thi hài nàng Sirimā), được Đức Phật đồng ý.
- Vị Tỳkhưu cảm dục chứng đạt Thánh quả Alahán[2].
- Không đề cập đến việc "nàng thiên nữ Sirimā chứng Thánh quả Anahàm".

Có 84 ngàn chúng sinh chứng đạt Thánh quả trong lễ hoả táng thi hài nàng Sirimā[3].

Nàng Sirimā được liệt kê vào bảng "những nữ cận sự ưu tú" (xem ở trên).

Trưởng lão Nanda Kumāputta.

Ngài sinh ra tại làng Veḷukaṇṭa trong quốc độ Avanti, mẹ Ngài là nữ gia chủ Kumā nên Ngài được gọi là Nanda Kumāputta để phân biệt với các Trưởng lão Nanda khác.

Khi Đức Xálợiphất du hành đến Nam Sơn (Dakkhiṇāgiri), thanh niên Nanda được nghe pháp từ Đức Xálợiphất, hoan hỷ xin được xuất gia trong Giáo đoàn.

Xuất gia thọ giới Tỳkhưu xong rồi, Ngài Nanda Kumāputta xin Đức Xálợiphất đề mục để tu tập, Ngài lên sườn núi Dakkhiṇāgiri trú ẩn, nhưng không có kết quả.

Ngài tìm đến Đại tự Kỳviên, yết kiến Đức Phật, Đức Phật thuyết lên pháp thoại thích ứng với duyên lành đã tích luỹ trong quá khứ của Trưởng lão Nanda Kumāputta.

Trưởng lão quay trở về nơi trú ẩn quán xét đề tài được Đức Phật thuyết giảng, không bao lâu sau Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán.

Một số vị Tỳkhưu du hành đến Dakkhiṇāgiri, đến viếng thăm Trưởng lão Nanda Kumāputta, các vị khác Tăng than phiền "vật thực khó khăn" dùng không đủ ...

Nhận thấy các Tỳkhưu này quá lo cho thân thể mình, Trưởng lão Nanda Kumāputta nói lên kệ ngôn để cảnh tỉnh các vi.

36- Sādhu sutaṃ sādhu caritakaṃ;
Sādhu sadā aniketavihāro.
Atthapucchanaṃ padakkhiṇakammaṃ;
Jhāyeyya apurakkhato'ti.
"Lành thay nghe, lành thay giữ hạnh;
Lành thay thường không nơi trú, không tự viện.
Hỏi ý nghĩa hành cung kỉnh trọn vẹn;
Trú thiền không chướng ngại"[4].

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Vipassī (TỳBàThi), tiền thân của Ngài là một ẩn sĩ khổ hạnh tu tập trong vườn Thượng Uyển Bandhumatī, ẩn sĩ khổ hạnh có cúng dường thuốc cao đến Đức Phật Vipassī .

Từ kiếp đó trở đi đến kiếp hiện tại, Ngài không từng biết đến khổ cảnh. Ngài có thể là Trưởng lão Abbhañjanadāyaka được nói trong tập Ký sự[5], nhưng trong tập Ký sự (Apadāna) ghi nhận là "vào thời Đức Phật Koṇḍañña (KiềuTrầnNhư)".

**** Trưởng lão Sudanta.***

---

[1]- JA. Chuyện số 293.
[2]-VvA. Giải rộng Thiên cung nàng Sirimā (Sirimāvimānavaṇṇanā) (chuyện số 16).
[3]- Mil. 350.
[4]- Thag. Kệ ngôn Trưởng lão Kumāputta (Kumāputtattheragaathā).
[5]- A.i,456.

Ngài sinh ra trong làng Veḷukaṇṭaka, có tên gọi là Sudanta, ngoài ra còn được gọi là Vasulokī hay Vāsula.

Nghe tin người bạn thân là Nanda Kumāputta xuất gia, Ngài suy nghĩ: "Giáo pháp này chắc chắn rất đặc biệt nên thanh niên NandaKumāputta từ bỏ tài sản, xuất gia sống đời sống không nhà".

Ngài đi đến thành Vương xá yết kiến Đức Phật, được nghe Giáo pháp từ Đức Phật, Ngài xin được xuất gia trong Tăng đoàn.

Xuất gia thọ đại giới xong, Ngài trở về sống bên triền núi Nam Sơn (Dakkhiṇāgiri) với Trưởng lão Nanda Kumāputta, Ngài thường được gọi là Kumāputtasahāyakatthera (Trưởng lão bạn của Kumāputta).

Có lần nhiều vị Tỳkhưu du hành đến trú xứ hai Ngài, các vị Tỳkhưu gây ồn ào, Trưởng lão Sudanta không thể an tịnh tâm được.

Trưởng lão lấy sự kiện trên làm đề mục để quán xét, và chứng đắc Thánh quả Alahán.

Để khiển trách các vị Tỳkhưu gây ồn ào, Trưởng lão Sudanta nói lên kệ ngôn:

37- Nānājanapadaṃ yanti;
Vicarantā asaññatā.
Samādhiñca virādhenti;
Kiṃsu ratṭṭhacariyā karissati.
Tasmā vineyya sārambhaṃ;
Jhāyeyya apurakkhato'ti.
"Bộ hành qua nhiều quốc độ
Thực hành không suy tưởng.
Thiền định bị thiêu đốt
Đi khắp xứ làm chi?
Do vậy, ngăn hướng ngoại;
Thiền tịnh không loạn động"[1].

Tiền sự.

Vào 94 kiếp trái đất trước, trong thời Giáo pháp của Đức Phật Siddhattha, tiền thân của Ngài đi vào rừng, đốn cây rừng làm gậy cúng dường gậy đến chư Tỳkhưu[2], trải qua 94 kiếp trái đất, hậu thân của "người cúng dường gậy" không hề biết đến khổ cảnh, Ngài chính là Trưởng lão Daṇḍadāyaka được nói trong tập Ký sự (Apadāna)[3].

9- Trưởng lão Sarabhū.

Là đệ tử của Đức Xálợiphất, vào lúc hoả táng kim thân của Đức Thế Tôn, khi ngọn lửa trên hỏa đài vừa tắt, Ngài dùng thần thông nhặt lấy Xálợi xương vai của Đức Phật, cùng hội chúng Tỳkhưu tuỳ tùng của mình theo đường hư không đến đảo Tích Lan, lập một bảo tháp để tôn trí Xálợi xương vai phải của Đức Phật ở Mahiyaṅgana, nên Bảo tháp được gọi là Mahiyaṅganacetiya.

Trưởng lão Sarabhū xây dựng Bảo tháp, tôn trí Xálợi xương vai phải vào bên trong, dùng sỏi màu vàng mở *(medavaṇṇa)* phủ lên trên Xálợi, rồi dùng thần thông nâng Bảo tháp lên cao 12 cubit (# 5m) trước sự chứng kiến của các Tỳkhưu[4].

10- Sadi Vanavāsikatissa.

Một người bạn của ông Bàlamôn Vaṅganta (thân phụ của Ngài Xálợiphất) là Bàlamôn Mahāsena.

Bàlamôn Mahāsena sống trong thành Vương xá, thời gian sau gia cảnh ông suy sụp, lâm vào cảnh khốn quẩn.

---

[1]- Thag. Kệ ngông trưởng lão bạn Kumāputta (Kumāputtasahāyakattheragāthā).
[2]- ThagA. i, 110.
[3]- Ap.i, Ký sự Trưởng lão Daṇḍadāyaka (Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ
[4]- Mhv. i, 37.

Để tế độ Bàlamôn Mahāsena là bạn của thân phụ mình, Đức Xálợiphất đi khất thực, thường đến đứng trước nhà ông Mahāsena.

Bàlamôn Mahāsena suy nghĩ: "Con trai ta không biết gia cảnh của ta đã suy sụp, không có gì để tiếp đải. Con ta đến đứng trước cửa nhà ta. Vậy ta phải làm sao?".

Thấy không tiện gặp mặt Đức Xálợiphất, Bàlamôn Mahāsena lẫn tránh. Đôi ba ngày sau, Đức Xálợiphất lại đi đến khất thực, đứng trước nhà của ông, ông lại lẫn tránh vì không tìm được vật để cúng dường.

Rồi một hôm, trong chi tộc Bàlamôn của ông Mahāsena có tổ chức tế đàn, ông được thỉnh tham dự tụng niệm thánh thư của giáo hệ Bàlamôn.

Ông được chia một phần lễ vật là bát đầy cơm sữa, cùng với chiếc khăn choàng lớn. Bàlamôn Mahāsena nghĩ đến Đức Xálợi phất rằng:

- Hôm nay ta có được vật cúng dường, mong sao ta được gặp con trai ta để cúng dường. Những lần trước ta không có vật cúng dường thì con trai đến, ta phải lẫn tránh, thật là tủi hổ.

Với tâm mình, Đức Xálợiphất biết được tâm của Bàlamôn Mahāsena, Ngài ôm bát đi đến nhà của Bàlamôn Mahāsena.

Thấy Đức Xálợiphất đi đến đứng trước cửa nhà của mình, Bàlamôn Mahāsena vô cùng hân hoan, ông bước ra chấp tay xá chào Đức Xálợiphất, thỉnh Đức Xálợiphất vào ngồi trong nhà.

Bàlamôn mang lễ vật mà mình nhận được vào ban sáng, là bát cơm sữa sớt vào bát của Đức Xálợiphất. Khi được nửa bát, Đức Xálợi đưa tay ngăn lại rằng:

- Thôi vừa đủ rồi, này Bàlamôn.

- Thưa Ngài Đại samôn, xin Ngài hãy nhận hết bát cơm này, xin Ngài hãy tế độ cho tôi trong kiếp sau, đừng tế độ trong kiếp này. Tôi muốn dâng đến Ngài trọn vẹn bát cơm sữa này.

Và ông trút hết cơm sữa vào bát của Đức Xálợiphất, Đức xálợiphất ngồi ngay tại nhà của Bàlamôn Mahāsena thọ thực hết bát cơm sữa.

Khi Đức Xálợi phất thọ thực xong, tâm ông Bàlamôn Mahāsena vô cùng hân hoan, ông mang chiếc khăn choàng lớn nhận được ban sáng, cúng dường đến Đức Xálợiphất, rồi ông chấp tay ước nguyện rằng:

- Kính bạch Ngài đại samôn, tôi nguyện đắc được pháp an lạc mà Ngài đã chứng đắc.

- Này Bàlamôn, mong rằng ước nguyện của ông sẽ đạt được như ý.

Rồi Đức Xálợiphất từ giả ra về. Trong lúc túng quẩn mà có cơ hội tạo được phước thiện, nên tâm của Bàlamôn Mahāsena vô cùng hân hoan.

Vào chiều hôm ấy, một cơn gió độc thổi đến, khiến Bàlamôn Mahāsena mạng chung. Trong lúc sắp mệnh chung, hình ảnh của Đức Xálợiphất xuất hiện trong dòng tâm cận tử của Bàlamôn Mahāsena.

Ông mệnh chung với tư tưởng thiện, tái sinh vào thai bào của cô con gái một trưởng giả trong thành Xávệ (Sāvatthi).

Gia đình cô này lại là người hộ độ của Đức Xálợiphất, khi người chồng biết vợ mang thai, ông ra sức gìn giữ thai nhi, dùng những loại thuốc quý để bổ dưỡng cho mẹ lẫn thai nhi.

Khi mang thai cô lại khởi lên ý thèm muốn lạ thường là: Muốn đắp lên mình chiếc y casa, muốn ngồi sau cùng các Tỳkhưu có Đức Xálợiphất dẫn đầu, muốn dùng vật thực mà chư Tăng chia sớt cho.

Nàng nói lên sự thèm muốn đặc biệt của mình cho gia đình biết, gia đình hoan hỷ rằng:

- Ý muốn của con sẽ được thành tựu thôi.

Vừa khi ấy, Đức Xálợiphất cùng 500 vị Tỳkhưu du hành về đến thành Xávệ. Nhận được tin Đức Xálợiphất cùng chư Tỳkhưu về đến thành Xávệ, gia đình nữ cận sự ấy đi đến đảnh lễ Đức Xálợiphất, thỉnh Ngài cùng 500 vị Tỳkhưu tùy tùng đến thọ nhận

vật thực tại tư gia vào ngày mai, đồng thời trình lên ước muốn lạ kỳ của nữ cận sự đang mang thai.

Đức Xálợiphất im lặng nhận lời, sáng hôm sau Đức Xálợiphất cùng 500 Tỳkhưu tùy tùng đến nhà người hộ độ thọ nhận vật thực.

Hôm ấy, cơm được nấu ròng với sữa tươi, nữ cận sự đang mang thai, mình đấp chiếc y vàng, ngồi nơi sau cùng của chư Tăng, được chư Tăng chia sớt vật thực vào trong bát của nàng.

Nàng ngồi thọ thực cơm sữa được chư Tăng chia sớt, sau đó ước muốn này chấm dứt.

Các nhà chiêm tướng tiên đoán rằng: "Hài tử trong thai bào, sau này sẽ xuất gia".

Thỉnh thoảng gia đình của nữ cận sự ấy, tổ chức lễ cúng dường vật thực đến Đức Xálợiphất cùng 500 vị Tỳkhưu, mỗi lần như thế những con bò sữa được nuôi trong gia trang, cho rất nhiều sữa, nên cơm được nấu ròng với sữa tươi.

Sau 10 tháng, nàng sinh ra một bé trai, vào ngày lễ đặt tên cho hài tử, Đức Xálợiphất cùng 500 vị Tỳkhưu được thỉnh đến dự lễ đặt tên cho hài tử. Hài tử được trang điểm xinh đẹp, đặt nằm trong chiếc nôi đắc giá.

Với phước báu cúng dường tấm khăn choàng lớn trong quá khứ, hài tử được đặt trên chiếc lụa gấm Kampala trị giá 100 ngàn đồng vàng.

Hài tử nằm trong nôi trên chiếc lụa gấm, nhìn thấy Đức Xálợiphất tâm hài tử chợt nhớ: "Đây là vị thầy của ta, ta nên có gì cúng dường đến thầy ta".

Khi người nhà ẳm hài tử đến để Đức Xálợiphất chúc phúc, ngón tay út hài tử xoắn lấy tấm lụa gấm Kampala, lôi theo tấm lụa gấm. Người nhà tháo tấm lụa gấm ra khỏi ngón tay út thì hài tử khóc thét lên dữ dội.

Cha mẹ hài tử bảo rằng: "Đừng làm hài tử khóc", người ta để yên tấm lụa gấm trên tay thì hài tử nín khóc.

Khi người nhà ẳm hài tử đến đảnh lễ Đức Xálợiphất, hài tử nhìn Đức Xálợiphất, miệng mỉm cười, tay buông rơi tấm lụa gấm Kampala dưới chân Đức Xálợiphất.

Thấy vậy, cha mẹ hài tử bạch với Đức Xálợiphất rằng:

- Kính bạch Ngài, con của chúng con dâng lên Ngài tấm lụa gấm Kampala, xin Ngài hoan hỷ thọ nhận để con chúng con được sự lợi ích, sự bình an lâu dài.

- Lành thay, lành thay, này gia chủ.

Tiếp theo, gia đình hài tử xin Đức Xálợiphất chúc phúc cho hài tử, Đức Xálợiphất hỏi rằng:

- Này các gia chủ, hài tử tên là gì?

- Bạch Ngài, hài tử chưa được đặt tên. Chúng con cầu xin Ngài đặt tên cho hài tử.

- Vậy này các gia chủ, hài tử sẽ được gọi là Tissa.

Đức Xálợiphất cắt đôi tên của mình là Upatissa, dùng phân nửa sau đặt tên cho hài tử.

Sau đó, Đức xálợiphất phúc chúc cho hài tử, rồi Ngài cùng chư Tỳkhưu ra về.

Từ đó trở đi, khi lễ tròn tháng, lễ tròn năm, lễ xỏ lỗ tai ... bất cứ cuộc lễ nào của đồng tử Tissa cũng đều thỉnh Đức Xálợi cùng 500 vị Tỳkhưu tham dự, vật thực được cúng dường là cơm nấu ròng với sữa tươi.

Đồng tử Tissa rất quyến luyến Đức Xálợiphất, khi được 7 tuổi đồng tử Tissa thưa với cha mẹ rằng:

- Thưa cha mẹ, con muốn được xuất gia theo Ngài Xálợiphất.

Nhớ lại lời tiên đoán của các chiêm tinh gia trước đây, đồng thời là những cận sự tốt đẹp của Đức Phật, nên cha mẹ của Tissa hoan hỷ rằng: "Lành thay, lành thay, này con thân yêu".

Cha mẹ đồng tử Tissa đến thỉnh Đức Xálợiphất cùng 500 Tỳkhưu thọ thực tại tư gia của mình vào ngày mai.

Khi Đức Xálợiphất cùng các Tỳkhưu thọ thực xong rồi, cha mẹ đồng tử Tissa đảnh lễ dưới chân Đức Xálợiphất cùng chư Tăng, bạch rằng:

- Bạch Ngài, đồng tử Tissa muốn được xuất gia trong Giáo pháp này. Kỉnh thỉnh Ngài từ bi tế độ cho đồng tử Tissa, xin Ngài là Tế độ sư cho đồng tử Tissa.

- Lành thay, lành thay, này các gia chủ.

- Bạch Ngài, chiều nay chúng con sẽ mang đồng tử đến tự viện để các Ngài tế độ đồng tử Tissa xuất gia.

Chiều hôm ấy. đồng tử Tissa được đưa đến tự viện với những lễ vật trọng hậu, Đức Xálợiphất nói với đồng tử Tissa rằng:

- Này con, đời sống xuất gia rất khó khăn, nhiều cực nhọc. Khi cần đồ nóng thì được đồ lạnh, khi cần đồ lạnh thì được đồ nóng. Con sống sung sướng quen rồi, con có kham nhẫn nỗi hay không?

- Bạch thầy, con có thể chịu đựng được.

Đức Xálợiphất tế độ đồng tử Tissa xuất gia sadi, cha mẹ Tissa ở lại Đại tự Kỳviên cúng dường vật thực đến các vị Tỳkhưu liên tục 7 ngày với cơm sữa, cháo mật; chiều thứ 7 cha mẹ Tissa từ giả Tăng chúng ra về.

Sáng ngày thứ 8, sadi Tissa theo các Tỳkhưu vào thành Xávệ khất thực, dân thành Xávệ được tin "sadi Tissa đang vào thành Xávệ khất thực", hoan hỷ mang vật thực đứng chờ sadi Tissa đến đứng trước nhà mình, cúng dường vật thực thượng vị vào bát của sadi Tissa, lại mang theo y để cúng dường.

Ngay ngày đầu tiên, sadi Tissa được 500 bát vật thực cùng với 500 lá y, ngày thứ hai cũng được như vật thực và y như thế.

Sadi Tissa cúng dường tất cả đến các Tỳkhưu (tương truyền: Đây là quả của phước cúng dường vật thực cùng khăn choàng đến Đức Xálợiphất trong kiếp trước của Bàlamôn Mahāsena).

Và sadi Tissa được tặng cho biệt hiệu là "Tissa người bố thí vật thực (Piṇḍapātadāyaka Tissa).

Khi mùa đông đến với tiết trời lạnh lẽo, vào hừng sáng sau khi tụng kinh xong, sadi Tissa đi dạo quanh tự viện, Ngài đến các liêu thất để thăm các vị Tỳkhưu, thấy các Tỳkhưu đang đốt lửa sưởi ấm, hỏi rằng:

- Thưa các Ngài, các Ngài đang làm gì thế?

- Này sadi, chúng ta đốt lửa để sưởi ấm, vì chúng ta lạnh quá.

- Bạch các Ngài, trời lạnh thì chúng ta dùng y chống lạnh kampala, có thể không bị lạnh.

- Này sadi, chúng ta làm sao có được y chống lạnh Kampala chứ.

- Vậy vị nào cần y chống lạnh Kampala, sáng nay hãy cùng đi với con.

Sáng hôm ấy có đến 1000 vị Tỳkhưu đi theo sadi Tissa vào thành Xávệ để tìm y, trong đó có một số vị Tỳkhưu thử nghiệm phước báu của sadi Tissa.

Sadi Tissa đi trước, ngàn vị Tỳkhưu theo phía sau, sadi Tissa trước tiên đi chung quanh thành Xávệ, tìm được 500 chiếc y chống lạnh Kampala, cúng dường đến 500 vị Tỳkhưu, rồi đi vào nội thành tìm thêm 500 chiếc y chống lạnh kampala.

Có một gia chủ là chủ tiệm y, đang mở cửa hàng y; một người đàn ông đi qua ngang qua thấy người chủ đang mở cửa hàng y, bảo rằng:

- Này ông, có một sadi đi tìm y chống lạnh Kampala, đang đi đến đây. Ông hãy giấu y chống lạnh Kampala đi.

- Này ông, sadi ấy lấy của được cho hay của không cho?

- Sadi lấy của được cho.

- Nếu vậy, việc gì tôi phải giấu.

Tuy nói thế, nhưng người chủ cửa hàng y cũng lo xa, giấu hai chiếc y chống lạnh Kampala (mỗi chiếc trị giá 100 ngàn tiền vàng) dưới các chiếc y khác.

Nhưng khi nhìn thấy sadi Tissa, người chủ cửa hàng y phát sinh tâm thương mến sadi như thương đứa con trai thân yêu của mình, khi sadi Tissa ngỏ lời xin rằng:

- Này gia chủ, ông có y chống lạnh kampala không? Nếu có cho tôi xin y chống lạnh kampala đi.

Nghe tiếng nói của sadi Tissa, ông không thể kềm tâm được, lập tức lấy hai chiếc y kampala cất giấu dưới đống y, cúng dường đến sadi Tissa, chấp tay đảnh lễ sadi Tissa rằng: "Bạch Ngài samôn, xin cho tôi được chứng đắc pháp mà Ngài chứng đắc".

Ngài sadi Tissa chúc phúc: "Mong cho ước nguyện của ông được thành tựu như ý".

Trong ngày hôm ấy, sadi Tissa tìm được 1000 lá y chống lạnh kampala, mỗi chiếc trị giá 100 ngàn đồng vàng (đây là quả của việc cúng dường y kampala trong ngày lễ đặt tên của hài tử), nên sadi Tissa được gọi là "Tissa người bố thí y kampala" (kampaladāyaka Tissa) .

Khi cư ngụ tại Đại tự Kỳviên (Jetavanavihāra), những thân tộc, những bạn bè cùng trang tuổi trong gia tộc thường đến thăm hỏi.

Sadi Tissa suy nghĩ:

- Nếu ta ở đây, các thân tộc thường đến thăm viếng, hỏi han, đó là một chướng ngại trong sự thực hành pháp samôn của ta. Tốt nhất, ta hãy tìm nơi thanh vắng cho riêng mình.

Sắp đến thời an cư mùa mưa, sadi Tissa đến xin Đức Phật đề tài quán xét, rồi xin phép Đức Xálợiphất tìm nơi an cư mùa mưa.

Được thầy Tế độ đồng ý, sadi Tissa rời bỏ thành Xávệ đi đến vùng biên địa cách thành Xávệ 120 dotuần.

Sadi Tissa đi vào một ngôi làng, gặp một cụ già hỏi rằng:

- Thưa ông, trong làng này có ngôi tự viện nào không?

Nghe sadi Tissa hỏi, cụ già có cảm tưởng như người cháu thân yêu của mình hỏi, tâm ông phát sinh thương mến lạ kỳ.

- Thưa sư có, tôi sẽ đưa sư đến đó.

Rồi cụ già hướng dẫn sadi Tissa đến một tự viện vắng vẽ, khi cùng đi với cụ già, thấy cảnh tốt đẹp, hoặc lạ mắt, sadi Tissa hỏi thăm tên gọi và được cụ già nói tên những địa danh ấy rành mạch.

Đến tự viện trong rừng, cụ già nói với sadi Tissa.

- Đây là ngôi tự viện đã có từ lâu, các vị Tỳkhưu đến đây thường trú ở nơi này để tu tập, rồi các Ngài lại ra đi. Chúng tôi thường đến đây để quét dọn, chăm sóc ngôi tự viện này. Mong rằng sư hài lòng nơi này, nhưng sư được gọi là gì?

- Thưa ông, tôi là sadi Tissa.

- Ồ! Mai này thỉnh sư vào làng, chúng tôi sẽ hộ độ cho sư.

Cụ già về thông báo cho dân làng biết rằng:

- Này các người ơi! Có một sadi rất dễ thương, tên là Tissa đang đến làng chúng ta cư ngụ, sadi đang trú ngụ nơi tự viện trong rừng. Chúng ta nên hộ độ sadi ấy.

Và cư dân trong làng gọi sadi Tissa là "Tissa ngụ trong rừng" (Vanavāsī Tissa).

Như vậy, mới có 7 tuổi, sadi có đến bốn tên gọi là: Tissa, Tissa người thí thực (Piṇḍadāyaka Tissa), Tissa người thí y kampala (Kampaladāyaka Tissa) và Tissa ngụ trong rừng (Vanavāsī Tissa).

Sáng hôm sau, sadi Tissa đi vào trong làng khất thực, nhìn thấy sadi thôn dân cảm giác như chính là "con hay cháu của mình", nên hân hoan cúng dường vật thực đến sadi Tissa.

Sadi Tissa chỉ phúc chúc: "Xin cho người được an vui, xin cho người hãy thoát khỏi khổ".

Rồi thôn dân đảnh lễ sadi nói rằng: "Thỉnh sư hãy an cư mùa mưa nơi này, chúng tôi sẽ hộ độ sư được đầy đủ". Sadi Tissa im lặng nhận lời.

Khi trú trong rừng, nhờ cảnh yên tịnh, sadi Tissa chuyên tâm hành pháp, hơn hai tháng sau chứng đắc Thánh quả Alahán cùng với tuệ phân tích.

Mãn mùa an cư, sau khi làm lễ Tự tứ (Pavāraṇā), Đức xálợiphất vào yết kiến Đức Phật, xin phép đến thăm sadi Tissa:

- Bạh Thế Tôn, con xin phép Thế Tôn đến thăm sadi Tissa là đệ tử của con.

- Này Xálợiphất, hãy làm những gì mà thầy nghĩ là hợp thời.

- Lành thay, lành thay, bạch Đức Thế Tôn.

Nghe vậy, Đức Mụckiềnliên. Đức Mahākassapa, Đức Ananda ... đều tháp tùng đi cùng với Đức Xálợiphất, mỗi vị có 500 Tỳkhưu tuỳ tùng, cùng đến nơi cư ngụ của sadi Tissa, đoàn chư Tăng có khoảng 84 ngàn vị Tỳkhưu. Các Ngài bộ hành suốt con đường dài 120 dotuần, đến làng của Ngài Sadi Tissa đang trú ngụ.

Một nam cư sĩ là người thường xuyên hộ độ cho Ngài Sadi Tissa, ông đang ở trước cổng vào làng, nhìn thấy đoàn Tăng lữ đang tiến vào làng, ông vội vàng ra đảnh lễ chư Tăng, Đức Xálợiphất hỏi rằng:

- Này gia chủ, trong làng này có ngôi tự viện nào chăng?

- Bạch Ngài, có.

- Có vị samôn nào trú ngụ nơi ấy chăng?

- Thưa các ngài, có Sadi Tissa "người ở rừng".

- Vậy, này gia chủ, hãy đưa chúng tôi đến đó đi.

- Bạch các Ngài, các Ngài là chi của Sadi Tissa?

- Này gia chủ, tôi là Tế độ sư của sadi Tissa.

Nghe vậy, người nam cận sự hoan hỷ rằng: "Ồ ! Đây là thầy cùa Sadi Tissa". Hân hoan ông bạch rằng:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hãy nán đợi nơi đây, con sẽ thông báo cho dân làng biết.

Rồi nhanh chóng, cận sự nam ấy đi vào làng thông báo rằng:

- Này các người ơi! Thầy tế độ của sadi Tissa cùng chư Tăng đến làng chúng ta, các Ngài đang đợi ở cổng làng. Chúng ta hãy cúng dường trú xứ đến chư Tăng đi.

Thôn dân ra cổng làng đảnh lễ chư Tăng, thỉnh chư Tăng đến ngôi tự viện trong từng, nơi cư ngụ của sadi Tissa.

Họ mag theo giường, mền, chiếu, gối ... để cúng dường đến chư Tăng.

Khi chư Tăng đến tự viện, Ngài sadi Tissa ra đảnh lễ thầy Tế độ cùng chư Tăng, rước bát thầy Tế độ đặt vào nơi tốt đẹp.

Thôn dân cùng nhau sữa soạn nơi trú ngụ của các Ngài, họ hân hoan làm việc cho đến khi trời tối. Đức Xálợiphất dạy rằng:

- Này các gia chủ, trời đã tối rồi, các gia chủ hãy trở về làng đi.

- Bạch các Ngài, chúng con từ lâu rồi chưa được nghe Giáo pháp. Nay có duyên lành được các Ngài ngự đến đây. Xin các Ngài hãy giảng pháp đến chúng con đi.

- Thế thì, này sadi Tissa, hãy cho đốt đèn lên.

Hằng trăm , hằng ngàn bó đuốc được thắp sáng, làm khu rừng trở nên sinh động trong ánh lửa, sáng rực cả một góc rừng.

Đức Xálợiphất suy nghĩ: "Các thôn dân chưa thấu hiểu ân đức của sadi Tissa, Ta hãy làm ân đức của sadi Tissa hiển lộ".

Ngài dạy sadi Tissa rằng:

- Này sadi Tissa, hãy thuyết pháp đến hội chúng đi.

Các thôn dân thưa rằng:

- Kinh bạch Đức Xálợiphất, vị sadi của chúng con không biết giảng pháp. Vị ấy chỉ biết phúc chúc rằng : "Xin cho các người được an vui, xin cho các người thoát khỏi khổ".

Nhưng Đức Xálợiphất dạy rằng:

- Này sadi Tissa, hãy triển khai lời phúc chúc ấy đi.

- Thưa vâng, bạch thầy.

Đức Sadi Tissa cầm lấy chiếc quạt pháp sư, bước lên pháp toạ được soạn sẵn, ngồi nghiênm trang trên pháp toạ, tay phe phẩy chiếc quạt pháp sư, rồi bắt đầu triển khai hai mệnh đề "hãy được an vui, hãy thoát khỏi khổ".

Ngài giảng pháp từ thấp lên cao, từ cách hiểu thông thường đến hiểu sâu thẳm, vi tế. Từ ý nghĩa "an vui", Ngài phân tích theo Uẩn, xứ, Giới, Đế, Quyền, Lý tương sinh

... để nêu rõ: "Thế nào là ***an tịnh***, thế nào là ***đáng vui thích***". Rồi kết luận rằng: *"Người chứng đạt Thánh quả Alahán, gọi là người được an vui".*

Với mệnh đề thứ hai ***"thoát khỏi khổ"***, Đức Sadi Tissa nêu lên các loại khổ nhứt là khổ sinh như: khổ do noãn sinh, khổ do thai sinh, khổ do thấp sinh, khổ do hoá sinh, khổ trong 4 khổ cảnh, khổ trong dục giới, khổ trong Sắc giới, khổ trong Vô sắc giới, khổ trong luân hồi ...

Rồi Ngài kết luận rằng: "Thoát khỏi khổ là chấm dứt sinh tử luân hồi, là các gánh nặng được đặt xuống trọn vẹn, là viên tịch (patinibbāna)".

Đức Sadi Tissa giảng pháp từ đầu hôm cho đến rạng sáng, thời pháp như "trận mưa lớn" rơi xuống khắp hoàn vũ, làm hoan hỷ đến vô số chư thiên. Đức Xálợiphất tán thán rằng:

- Lành thay, lành thay, này sadi Tissa. Hai câu phúc chúc này được khéo thuyết giảng, được khéo trình bày sâu rộng với hằng trăm, hằng ngàn, hằng trăm ngàn khía cạnh, được hiểu với hằng trăm, hằng ngàn, hằng trăm ngàn cách.

Bấy giờ dân làng chia thành hai nhóm với hai ý nghĩ phát sinh trong hội chúng ấy là:

- Nhóm hân hoan với Đức Sadi Tissa rằng: "Ồ! Thật chúng ta là người có đại phước, từ lâu chúng ta hộ độ vị cao đức này, nhưng chúng ta chưa biết được ân đức của Ngài. Hôm nay nhờ Đức Xálợiphất, ân đức của Ngài hiển lộ, giúp chúng ta hiểu được ân đức sâu thẳm mà Ngài đã đạt được".

- Nhóm bất bình với Đức Sadi Tissa rằng: "Sadi này giảng pháp hay đến thế, từ lâu chúng ta hộ độ cho sadi, xem sadi như người trong thân tộc, nhưng ông không hề giảng pháp cho chúng ta nghe, chỉ phúc chúc ngắn gọn mà thôi. Thật chúng ta chưa thấy ai bạc bẻo như sadi này".

Vào rạng sáng hôm ấy, Đức Phật đưa Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành Thánh quả của thôn dân hộ độ cho Đức Sadi Tissa.

Đức Phật thấy rằng: "Nhóm thôn dân bất bình với Sadi Tissa sẽ phải rơi vào khổ cảnh, nếu như không từ bỏ ý nghĩ ấy, nhóm hân hoan với Sadi Tissa sẽ chứng đắc Thánh quả, tái sinh lên nhàn cảnh. Vậy Như Lai hãy đến tế độ hai nhóm thôn dân này".

Thôn dân thỉnh chư Tỳkhưu Tăng ngự vào làng để họ cúng dường vật thực, thôn dân ra về chuẩn bị vật thực để sẵn sàng cúng dường.

Khi đến giờ đi khất thực, các Ngài đắp y chỉnh tề, tay cầm lấy y bát đi vào làng khất thực. Các Ngài hỏi Sadi Tissa rằng:

- Này Sadi Tissa, hiền giả cùng đi với chúng tôi hay đi sau?

- Xin thỉnh các Ngài đi khất thực trước, con sẽ đi sau.

Tại Đại tự Kỳviên, Đức Phật đắp y tề chỉnh, tay cầm lấy y bát, biến mất khỏi Đại tự Kỳviên, xuất hiện ngay trước các Tỳkhưu.

Chư Tăng có Đức Xálợiphất dẫn đầu, thấy Đức Phật ngự đến liền đi đến đồng loạt đảnh lễ Đấng Đạo sư.

Thôn dân thấy cảnh tượng này, suy nghĩ: "Có lẽ đây là Đức Thế Tôn, Ngài đã ngự đến nơi này".

Tin này nhanh chóng loan truyền khắp làng, thôn dân vô cùng hân hoan đồng đi đến đảnh lễ Đức Phật, thỉnh Đức Phật ngự đến hội trường của làng, để họ được hạnh phúc cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng chư Tăng.

Những chỗ ngồi nhanh chóng được thành lập, rồi thôn dân cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng Tăng chúng.

Bấy giờ, Đức Sadi Tissa ôm bát đi vào làng khất thực, Ngài đi đến hội trường, cư dân hoan hỷ cúng dường vật thực đến Đức Sadi Tissa, rồi tản ra để Ngài đi vào đảnh lễ Đức Phật.

Đức Sadi Tissa đi đến trước Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Đức Phật, rồi cung kỉnh dâng bát vật thực đến Đức Phật.

Đức Phật nhận bát vật thực từ trên tay Đức Sadi Tissa, trao lại cho Đức Xálợiphất dạy rằng:

- Này Xálợiphất, đây là bát vật thực của sadi Tissa, đệ tử của thầy.

Hiểu ý Đức Phật, Đức Xálợiphất cung kỉnh nhận bát vật thực rồi cho lại Đức Sadi Tissa. (Nghĩa là Đức Phật thọ bát vật thực của Đức Sadi Tissa, Ngài cho lại Đức Xálợiphất như người cha cho tài sản đến con của mình. Đức Xálợiphất cho lại Đức Sadi Tissa với cùng ý nghĩa trên).

Sau khi thọ thực xong, Đức Phật tuỳ hỷ phước với thời pháp thoại thích hợp rằng:

- "Này các gia chủ, các người thật có đại phước. Nhờ độ hộ sadi Tissa, các người có duyên lành được hội kiến với Xálợiphất, Mụckiềnliên, Mahākassapa ... được đảnh lễ, cúng dường đến các Tỳkhưu đông đảo như thế này. phước báu ấy không dễ dàng gì đo lường được, ví như không thể ước lượng được "đại hãi sâu rộng có bao nhiêu đây giọt nước".

Ngay cả Đấng Như Lai cũng ngự đến nơi này, cũng từ nhân duyên hộ độ của các gia chủ đối với sadi Tissa".

Nghe lời dạy của Đức Chánh giác, nhóm bất bình với Đức Sadi Tissa hân hoan rằng: "Thật vậy, nhờ có sadi Tissa, chúng ta được hạnh phúc đảnh lễ cúng dường đến Đức Phật cùng các vị Thánh đệ tử của Đấng Giác ngộ. Lành thay, lành thay, đại hạnh phúc phúc này".

Và họ phát sinh sự hân hoan cùng với niềm tin trong sạch đối với Đức Sadi Tissa.

Riêng nhóm có tâm hân hoan với Đức Sadi Tissa càng thêm tăng trưởng niềm tin và sự hân hoan với Đức Sadi Tissa.

Tiếp theo, Đức Phật thuyết giảng lên pháp thoại thích ứng. Dứt thời pháp thoại, Thánh quả phát sinh đến cho rất nhiều thôn dân, nhất là Thánh quả Dự lưu.

Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra cổng làng, thôn dân theo tiển biệt Đức Phật cùng Tăng chúng đến cổng làng, đảnh lễ các Ngài rồi trở về làng.

Đức Phật dạy rằng:

- Này Sadi Tissa, hãy theo sau Đấng Như Lai.

Trên đường đến chỗ ngụ của Đức Sadi Tissa, Đức Phật hỏi những địa danh trên đường đi rằng:

- Này sadi, đây được gọi là chi?

- Bạch Thế Tôn, đây là "xứ" có tên gọi là ...

Đến nơi trú ngụ của Đức sadi Tissa, Ngài dạy Đức Sadi Tissa cùng đi với Ngài lên đỉnh núi.

Các Tỳkhưu hiểu rằng: "Đức Phật muốn dạy riêng sadi Tissa", nên các Ngài tìm nơi an trú tâm trong thiền tịnh.

Đức Phật cùng Đức Sadi Tissa lên đến tận đỉnh núi, từ trên đỉnh núi nhìn xuống, thấy đại hãi mênh mông. Đức Phật hỏi:

- Này sadi Tissa, từ trên đỉnh núi nhìn xuống, con thấy cái chi?

- Bạch Thế Tôn, con thấy biển rộng mênh mông và sâu thẳm.

- Thấy biển rộng mênh mông, sâu thẳm, con nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ "nước mắt của con đổ ra khi sầu khổ trong vòng luân hồi, còn nhiều hơn nước của đại dương sâu rộng này".

- Lành thay, lành thay, này sadi Tissa. Thật vậy, nước nắt của một chúng sinh trong vòng luân hồi, còn nhiều hơn nước trong bốn đại dương mênh mông, sâu thẳm này.

Tiếp theo Đức Phật nói lên kệ ngôn:

Cātusu samuddesu jalaṃ parittakaṃ;
Tato bahuṃ assujalaṃ anappakaṃ.
Dukkhena phuṭṭhassa narassa socato.
Kiṃ kāranā samma tvaṃ pamajjasī'ti.

"Nước trong bốn biển có bao nhiêu.

Nước mắt so ra mới thật nhiều.
Khắp cõi nhân gian đầy khổ luỵ.
Sao con lơ đễnh thả xuôi chiều"(ĐTL Pháp Minh dịch).

Đức Phật lại hỏi:

- Này Tissa, con trú ngụ nơi đâu?

- Bạch Thế Tôn, con trú ngụ trong hang núi này.

- Khi trú ngụ trong hang núi, con nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ: "Nơi đây tốt đẹp, ta sẽ mệnh chung nơi này, không cần phải tìm nơi nào khác an tịnh hơn".

- Lành thay, lành thay, này Tissa. Chúng sinh dù có mệnh chung nơi nào cũng không đến Bất tử được, chỉ có nơi an tịnh là Bất tử.

Rồi Đức Phật nói lên kệ ngôn rằng:

a- Upasāḷhakanāmānaṃ;
Sahassāni catuddasa.
Asmiṃ padese daḍḍhāni;
Natthi loke anāmataṃ.
Yamhi saccañca dhammo ca;
Ahiṃsā saññamo damo.
Etadariyā sevanī; etaṃ loke anāmatan'ti.
"Một muôn lại với bốn ngàn.
Thổ dân đã rụi xương tàn nơi đây.
Không bao giờ cõi tạm này.
Có nơi bất diệt cho thây phàm trần.
Nơi nào đạo pháp chánh chân.
Vô não thu thúc, thân tâm tự điều.
Là nơi chư Thánh tiêu diêu.
Nơi ấy bất diệt, nghịch chiều thế gian" (ĐTL Pháp Minh dịch).

Tiếp theo Đức Phật thuật lại Bổn sự Upasaḷha, rồi Đức Phật hỏi rằng:

- Này Tissa con, trong rừng có nhiều tiếng thét gầm của cọp, beo, sư tử ... con không sợ sao?

- Thưa không, bạch Thế Tôn, trái lại, khi nghe tiếng thét gầm của hổ, báo, sư tử... con lại vui thích khi nghĩ đến sự tịch mịch u nhả của núi rừng.

Rồi Đức Sadi Tissa nói lên 60 đoạn kệ ngôn (saṭṭhimattāhi gāthāhi) tán thán phong cảnh núi rừng[1]. Đức Phật dạy rằng:

- Đấng Như Lai sẽ trở lại Đại tự Kỳviên cùng Tăng chúng. Con cùng đi hay ở lại nơi này.

- Bạch Thế Tôn, nếu thầy Tế độ của con, bảo con đi theo, con sẽ đi theo; nếu bảo con ở lại, con sẽ ở lại.

Sau đó Đức Phật cùng Tăng chúng trở về Đại tự Kỳviên, Đức Sadi Tissa ở lại sau khi được phép của Đức Xálợiphất.

Tại Đại tự Kỳviên, nơi Giảng pháp đường, câu chuyện của Đức Sadi Tissa được các vị Tỳkhưu luận bàn rằng:

- Thưa chư hiền, sadi Tissa là người đại phước, vì sao không trở về kinh thành Xávệ để hưởng quả phước. Lại ẩn mình nơi núi rừng, thật là khổ hạnh quá.

Đức Phật nghe được sự luận bàn của các Tỳkhưu, Ngài ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn. Nhân đó, Đức Phật thuyết lên kệ ngôn:

Aññā hi lābhūpanisā;
Aññā nibbānagāminī.
Evametaṃ abbhiññāya;
Bhikkhu buddhassa sāvalo.

---

[1]- Sáu mươi đoạn kệ ngôn này, không tìm thấy trong "Kệ trưởng lão Tăng" – Ns.

Sakkāraṃ nābhinandeyya,
Vivekamanu brūhaye'ti.
"Thu nhặt lợi lộc là khác
Đường đến Níp bàn là khác.
Như vậy, hãy hiểu biết rõ;
Tỳkhưu đệ tử Phật.
Lợi lộc chớ vui thích;
Viễn ly được giải thoát"[1].
Dứt kệ ngôn nhiều vị Tỳkhưu chứng đạt Thánh quả.

Trong Bản Sớ giải kinh Trường bộ và Kinh Trung bộ, có đề cập chuyến viếng thăm Đức Sadi Tissa, nhưng với chi tiết khác biệt là:

"Đức Phật cùng đi với Đức Xálợi phất và chư Tăng tháp tùng theo Đức Phật là 20 ngàn vị"[2]

Bổn sự Upasāḷha.

Trong thành Vương xá có một Bàlamôn trưởng giả tên làUpasāḷha, Bàlamôn này là người không có niềm tin với Phật đạo, tuy sống gần rừng Trúc (Veḷuvana), nhưng không bao giờ ông đến Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra) để nghe Pháp, hoặc có cảm tình với các Tỳkhưu..

Nhưng con trai của Bàlamôn Upasāḷha là người có trí, thường thân cận, cúng dường đến các Tỳkhưu.

Khi Bàlamôn Upasāḷha về già, nói với con trai rằng:

- Chớ có thiêu xác của ta ở những bãi tha ma của những người hạ tiện. Hãy tìm nơi trong sạch mà thiêu xác của ta.

- Nhưng thưa cha, con không biết chỗ nào thích hợp với ý cha, để thiêu xác của cha. Lành thay, nếu cha đưa con đến chỗ cha hài lòng "là nơi thiêu xác của mình", con sẽ thiêu xác của cha ở nơi đó.

- Được thôi, này con thân.

Bàlamôn trưởng giả Upasāḷha đưa con trai đến núi "Kên kên" (Gijjhakūṭa), leo lên đỉnh núi Kên kên, tìm một nơi mà ông cho là "trong sạch", dặn con trai rằng:

- Khi cha chết, hãy thiêu xác cha ở tại nơi này.

- Vâng , thưa cha.

Rồi hai cha con cùng nhau xuống núi. Hôm ấy, vào lúc rạng sáng, Đức Phật đưa trí quán xét, thấy được duyên lành Đạo quả của hai cha con Bàlamôn Upasāḷha.

Vào buổi sáng, Đức Phật vận y phục chỉnh tề, tay cầm lấy y bát, biến mất khỏi Đại tự Kỳviên, xuất hiện ờ chân núi Kên kên, Đức Phật đi đến bên vệ đường của con đường dẫn xuống chân núi, Ngài trải toạ cụ, ngồi với tư thế "tréo chân" (pallaṅka: thường được dịch là *"kiết già"*, hay "*hoa sen"*).

Hai cha con Bàlamôn Upasāḷha đi xuống chân núi, nhìn thấy Đức Phật, Đức Phật mở lời rằng:

- Này các gia chủ Bàlamôn, các ông đến núi Kên kên này có việc chi thế?

Thanh niên con trai Bàlamôn Upasāḷha trình lên Đức Phật việc mà "hai cha con mình lên núi Kên kên".

Này thanh niên Bàlamôn, cha cậu chỉ nơi nào vậy?

- Thưa Samôn Gotama, ở giữa khoảng ba ngọn núi này.

- Này thanh niên Bàlamôn, chẳng phải hôm nay cha cậu tìm nơi trong sạch để thiêu xác mình, trong quá khứ cũng đã như vậy rồi.

Theo lời yêu cầu của thanh niên, Đức Đạo sư thuật lại tiền sự rằng:

Thuở xưa tại thành Vương xá có Bàlamôn tên làUpasāḷhaka, ông có một người con trai.

---

[1]- DhpA. Kệ ngôn số 75.
[2]- DA.i, 240; MA.i, 357.

Bấy giờ Bồtát lsinh ra trong một gia tộc Bàlamôn của quốc độ Magadha (Makiệtđà).

Khi trưởng thành, Bồtát học thông thạo nghệ thuật Bàlamôn, Ngài thấy rằng "chúng không có cốt lõi", nên xuất gia làm ẩn sĩ nơi núi Tuyết (Hymãlạpsơn), Ngài chứng đạt được 8 thiền chứng cùng 5 thắng trí.

Bấy giờ, vì cần dấm, muối, Bồtát từ núi Tuyết đi xuống thành Vương xá, trú ngụ ở núi Kên kên.

Khi ấy Bàlamôn Upasāḷha muốn thiêu xác mình ở nơi trong sạch, nên dẫn con đến núi Kên kên, tìm nơi vừa ý dặn con rằng:

- Hãy thiêu xác ta tại nơi này.

Rồi hai cha con Bàlamôn Upasāḷha đi xuống núi, gặp Bồtát đang ngồi thiền tịnh, hai cha con đến đảnh lễ Bồtát. Bồtát hỏi hai cha con Bàlamôn (như Đức Phật đã hỏi).

Rồi Bồtát nói với người con trai rằng:

- Này thanh niên, nơi cha cậu cho là "trong sạch", thật ra nơi ấy 84 ngàn lần cha cậu với tên Upasāhaka, được thiêu xác rồi. Này thanh niên, trên thế gian này, không một nơi nào chưa từng "không thiêu xác chết", không một nơi nào chưa từng "không có sọ người".

Rồi Bồtát nói lên hai kệ ngôn:

a-Upasāḷhaka nāmāni;
Sahassāni catuddasa.
Asmiṃ padese daddhāni;
Natthi loke anāmataṃ.
"Với tên gọi Upasāḷhaka;
Đã có 84 ngàn lần.
Thiêu xác tại nơi đây;
Thế gian không nơi nào không có người chết".

b- Yamhi saccañca dhammo ca;
Ahimsā saṃyamo damo.
Etaṃ ariyā sevanti,
Etaṃ loke anāmatan'ti.
"Nơi có pháp và chân lý;
Vô hại được điều phục.
Nơi ấy bậc Thánh trú;
Nơi ấy thế gian không sự chết".

Nhận diện tiền thân: Cha con Bàlamôn thời ấy, nay là cha con Bàlamôn Upasāḷha, Bồtát nay là Đấng Như Lai.

Tiếp theo Đức Phật thuyết lên "4 sự thật". Cha con Bàlamôn chứng đắc Thánh quả Dự Lưu[1].

Trưởng lão Vanavāsī khác.

Bản Sớ giải Kệ ngôn "Trưởng lão Tăng" (Theragāthā – Atthakathā)[2] có đề cập đến một vị Trưởng lão là Vanavāsī, Tế độ sư của Trưởng lão Tekicchakāni. Đây có thể là tên riêng, không phải là biệt hiệu.

Trưởng lão Tekicchakāni.

Ngài là con của Bàlamôn Subuddha có thế lực ở thành Balanại. Khi sinh ra, Ngài được các lương y giải phẩu cứu sống, nên được đặt tên là Tekicchakāni (hay Tikicchaka: Lương y).

Cách đây 91 kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Vipassī (TỳBàThi) tiền thân của Ngài là một vị lương y, vị lương y này trị bệnh cho Đức Asoka là thị giả của Đức Phật Vipassī.

---

[1]-JA. Chương hai kệ.Bổn sự Upasāḷha (Upasāḷhajātaka). Chuyện số 166.
[2]- ThagA.i, 442.

Vào 8 kiếp trái đất trước. tiền thân của Ngài là vua Chuyển luân với vương hiệu là Sabbosadha[1].

Khoảng hơn 200 năm sau khi Đức Phật viên tịch, bấy giờ nước Ấn nằm dưới sự cai trị của vua Candagutta.

Bàlamôn Subuddha với tài trí cùng với quan điểm riêng, không chấp nhận vua Candagutta, nổi lên chống lại vua Candagutta, bị vua Candagutta bắt giam vào ngục tối.

Nghe tin dữ, Tikicchaka sợ hãi bỏ trốn, ẩn mình vào một tự viện trong rừng do Trưởng lão Vanavāsī quản lý, đổi tên là Tekicchakāni[2].

Tekicchakāni tỏ thật hoàn cảnh khó khăn của mình, Trưởng lão Vanavāsī dạy Tekicchakāni "không nên cột oan trái với nhau", khuyên Tekicchakāni nên xuất gia.

Nghe theo lời dạy của Trưởng lão Vanavāsī, Tekicchakāni xuất gia thọ đại giới, Trưởng lão Vanavāsī cho Ngài Tekicchakāni đề tài thiền quán về tâm Từ.

Ngài Tekicchakāni phát nguyện "sống ngoài trời", bất kể nắng mưa hay nónng lạnh. Ngài chú tâm vào sự thực hành pháp để chứng đạt Thánh quả Alahán.

Sợ Ngài Tekicchakāni thoát ra khỏi sự chi phối của mình, ác ma (māra) hoá thân thành mục đồng đi đến nơi trú của Ngài để phá rối.

Bấy giờ mùa gặt lúa đã hoàn tất, ác ma muốn dụ dỗ Ngài, đã nói lên kệ ngôn.

381- Atihitā vīhi; khalagatā sālī.
Na ca labhe piṇḍaṃ,
Khathamahaṃ kassaṃ.
"Mùa gặt đã xong rồi;
Gạo đã được đập giã.
Nhưng không có vật thực;
Ta làm thế nào đây".

Ngài Tekicchakāni suy nghĩ: "Người này đang than vãn cho hoàn cảnh mình", nhưng ta cần phải dạy ta, thời này không phải là thời giảng pháp. Rồi Ngài dạy tâm nên niệm tưởng ân đức Tam Bảo.

382- Buddhamappameyyaṃ;
anussara pasanno;
Pītiyā phuṭasarīro hohisi;
satatamudaggo.
"Ân đức Phật vô lượng;
Tưởng nhớ đến ân đức ấy.
Là hỷ lạc đã thấm nhuần thân,
Thường hân hoan cao tột.
383- Dhammamappameyyaṃ;
anussara pasanno;
Pītiyā phuṭasarīro hohisi;
satatamudaggo.
"Ân đức Pháp vô lượng;
Tưởng nhớ đến ân đức ấy.
Là hỷ lạc đã thấm nhuần thân,
Thường hân hoan cao tột.
384- Saṅghamappameyyaṃ;
anussara pasanno;
Pītiyā phuṭasarīro hohisi;
satatamudaggo.
"Ân đức Tăng vô lượng;

---

[1]- Ap.i, 190.
[2]-Đây là Bản Ce (Tích Lan), Bản Be (Miến Điện) là Tekicchakārī n ce (Tích Lan) là Tekicchakāni

Tưởng nhớ đến ân đức ấy.
Là hủ lạc đã thấm nhuần thân,
Thường hân hoan cao tột".

Ác ma muốn Ngài từ bỏ hạnh viễn ly, như bày tỏ tình thương đến cho Ngài, muốn Ngài được hạnh phúc, nói rằng:

385- Abbhokāse viharasi,
Sītā hemantikā imā ratyo.
Mā sīte na pareto vihañññittho,
Pavisa tvaṃ vihāraṃ phusitaggaham.
"Ngài sống ở giữa trời;
Trong gió đêmlạnh lẽo.
Đừng để gió không chạm,
Gây tai hại đến Ngài;
Ngài hãy vào tự viện,
Đóng cửa có then gài".

Trưởng lão cho biết "ở trong nhà là một trói buộc; ở ngoài trời là giải thoát", nên nói rằng.

386- Phusissaṃ catasso appamaññāyo;
Tāhi ca sukhito viharissaṃ.
Nāhaṃ sītena vihañññissaṃ;
Aniñjito viharanto'ti.
"Tiếp chạm với bốn vô lượng;
An lạc sống với chúng;
Gió không hại được ta.
Ta sống không giao động".

Sau khi đáp xong, Ngài trú tâm vào thiền quán và chứng đắc Thánh quả Alahán.

Vì Ngài sống trong thời vua Bindusāra, nên các kệ ngôn cũng như Ký sự của Ngài được đưa vào kỳ kết tập Phật ngôn lần thứ III[1].

Ngài chính là Trưởng lão Tikicchaka trong tập Ký sự (apadāna)[2].

Phụ lục.

Khi Đức Phật còn tại tiền, vào lúc Ngài 72 tuổi, Thái tử Axàthế (Ajātasattu) giết cha đoạt ngôi.

Năm Đức Phật 80 tuổi, vua Vidūdabha (Lưu ly) tru diệt dòng ThíchCa, rồi kéo về nghỉ đêm cạnh dòng sông Aciravatī, nửa đêm nước sông dâng cao giết chết vua Vidūdabha.

Thế là vương quốc Kosala được sáp nhập vào vương quốc Magadha.

Sau ba năm kể từ khi Đức Phật viên tịch, vua Axàthế lại thôn tính được xứ Vajjī. Kể từ khi ấy vương quốc Magadha mở rộng mênh mông.

Vua Axàthế làm vua được 32 năm thì bị con là Udāyibhadda giết chết để đoạt ngôi, Udāyibhadda sinh ra ngay ngày vua Bìnhsa mệnh chung.

Trước đây vua Axàthế e ngại "con mình sẽ giết cha", điều lo ngại ấy thành sự thật khi ông làm vua được 32 năm[3].

Udāyibhadda làm vua được 16 năm thì bị con là Thái tử Anuruddhaka giết chết[4]. Anuruddhaka làm vua được 4 năm, bị con mình là Thái tử Muṇḍa giết chết.

Vua Muṇḍa quá ái luyến Hoàng hậu Bhaddā, chẳng may bà mệnh chung, vua Muṇḍa bỏ cả triều chính, không ăn uống, không tắm rửa, không thoa xức dầu, vì sầu muộn.

---

[1]- ThagA. Chương 6 kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Tekicchakāni (Tekicchakārīttheragāthā).
[2]- Ap.i, 190.
[3]- DA.i, 153.
[4]- Mhv. iv, 1.

Quan giữ kho bạc là Piyaka giới thiệu vua đến gặp Trưởng lão Nārada. Trưởng lão dạy rằng:

Đức Phật có dạy: "Có 5 sự kiện, cho dù là Samôn, Bàlamôn, chư thiên, Ma vương hay Phạm thiên không thể tránh khỏi, cho dù không muốn có, cũng không được. Đó là:

a- Bị già, muốn không già.

b- Bị bệnh, muốn không bệnh.

c- Bị chết, muốn không chết.

d- Bị hoại diệt, muốn không hoại diệt.

e- Bị tiêu diệt, muốn không tiêu diệt.

Sau thời pháp thoại, vua Muṇḍa không còn sầu muộn[1].

Bài kinh này được đưa vào kỳ Kết tập Phật ngôn lần thứ II.

Vua Muṇḍa làm vua được 4 năm thì bị con là Nāgadāsaka giết chết.

Vua Nāgadāsaka làm vua được 24 năm.

Dân chúng thấy dòng họ này thật lạ đời, "cứ con giết cha để đoạt ngôi", nên nổi dậy lật đổ vương triều Magadha, tôn Đại thần Susunāga lên làm vua. Xem như triều đại của Bimbisāra (Bìnhsa) cáo chung, nhường lại cho vương triều Susunāga.

Susunāga.

Theo Mahāvaṃsa Ṭīkā (Phụ Sớ giải bộ Đại sử), Susunāga là con của một vương tử người Licchavī và một kỹ nữ.

Khi mới sinh ra, hài tử như "cục thịt", nên nàng kỹ nữ bỏ vào cái hũ ném ở đống rác, một "rắn chúa" trong thành phố đến quấn quanh cái hũ, đám đông thấy "rắn chúa" đến vây quanh, rắn chúa "sū-sū", rồi bỏ đi. Họ tìm thấy trong hũ một hài tử.

Trong đám đông có vị Đại thần nghĩ: "Hài tử này hẳn là bậc đại phước, nó được rắn chúa bảo vệ"; nên nhận hài tử mang về nuôi.

Vì rắn chúa "sū-sū", nên hài tử được đặt tên là Susunāga[2].

VuaSusunāga trị vì Vương quốc Magadha (Makiệtđà) được 18 năm, con của ông là Thái tử Kāḷāsoka nối tiếp vương vị.

Nhưng theo bộ Đảo sử (Dīpavaṃsa) thì vua Susunāga cai trị được 10 năm, Trưởng lão Dāsaka (đệ tử truyền thừa của Đức Upāli, Đức Upāli là vị "đệ nhất về Luật") viên tịch vào năm thứ 8 của triều đại này[3].

Thái tử Kāḷāsoka nối ngôi vua, tính theo Phật lịch thì khi vua Kāḷāsoka lên ngôi vào năm thứ 90. Vào năm thứ 10 của vua Kāḷāsoka thì có cuộc kết tập Phật ngôn lần II.

Có nhiều ý kiến trái ngược về danh hiệu của Kāḷāsoka. Một số nghĩ rằng ông là Kākavaṇṇa của Purāṇa và Udāyin của Jaina, một số ý kiến khác cho rằng: "Các tên ấy chỉ là danh xưng của Udayabhadda trong Kinh điển Pāli".

Kāḷāsoka được cho là có công dời kinh đô của Magadha từ Rājagaha (Vương xá) đến Pāṭaliputta (Hoa thị thành)[4].

Vua Kāḷāsoka có 10 người con trai, thay nhau nối ngôi vua trong 22 năm[5].

Rồi một tướng cướp nổi dậy tên là Nanda, đánh chiếm được kinh thành Pāṭaliputta, chấm dứt triều đại Susunāga, thành lập triều đại Nanda với 9 đời vua có cùng vương hiệu Nanda, trị vì được 22 năm.

Trong Mahābodhivaṃsa (Đại giác sử) có liệt kê 9 vị Nanda theo thứ tự như sau: Uggasenananda, Pandukananda, Paṇḍugatinanda, Bhūtapālananda,

---

[1]- A.iii, 57.

[2]- MṬ. 155.

[3]- Dpv. v, 98. Xem thêm Sp.i, 33.

[4]-Vấn đề của Kāḷāsoka được bàn thảo trong Inrod. to the Mhv. *Trs*. xliii. f

[5]- Mhv. v. 14.

Raṭṭhapālananda, Govisānakananda, Dasasiddhakananda, Kevaṭṭananda và Dhanananda[1].

Vua Dhanananda có lần phỉ báng Bàlamôn Cāṇakka giữa Bố thí đường, khiến Bàlamôn Cāṇakka phẫn nộ, lập tâm trả thù.

Bàlamôn Cāṇakka bắt cóc Thái tử Pabbata con của Dhanananda, trộm kho báu của Dhanananda, phò tá Candagutta.

Dùng tiền của kho báu thành lập một đạo quân cho Candagutta, đánh bại vua Dhanananda[2], chấm dứt triều đại Nanda. Thành lập triều đại Moriya.

Theo một số tư liệu, Candagutta thuộc dòng ThíchCa, khi dòng ThíchCa bị vua Vidūdabha (Lưu ly) tru diệt, một số người trốn thoát chạy sâu vào núi sinh sống, lập quốc nơi ấy.

Vì chỗ ấy có rất nhiều chim công nên họ xưng tên nước là Moriya (Khổng tước).

Một thuyết khác cho rằng: Candagutta là con của một vương tử dòng Nanda với một người nữ làm nghề "nuôi chim công", nên sau này Candagutta gọi "dòng dõi mình là dòng Moriya"[3].

Chính trong giai đoạn này Bàlamôn Subuddha nổi lên chống lại vua Candagutta, bị bại trận, ông bị vua Candagutta bắt cầm tù.

Candagutta cai trị được 24 năm, Bindusāra là em trai của Thái tử Sihasena lên ngôi. Vương quyền đáng lẽ thuộc về Thái tử Sihasena, nhưng các đại thần mến mộ ông Hoàng Bindusāra hơn, nên đồng lòng lập ông Hoàng Bindusāra lên ngôi (sđd).

Duyên sự được các đại thần đồng ý tôn Hoàng tử Bindusāra lên làm vua là: Khi vua Candagutta mệnh chung, dạxoa Devagabha nhập vào xác của vua Candagutta, giả như còn sống, sát hại nhiều người để ăn thịt.

Ông Hoàng Bindusāra nhân lúc dạxoa vô ý, rút gươm chém rơi đầu dạxoa, nhờ đó Bindusāra được phò tá là vua xứ Magadha[4].

Mẹ của Bindusāra là em chú bác của Candagutta, bà mang thai gần đến ngày sinh. Khi ngồi thọ thực chung bàn với vua Candagutta, vua ban cho bà "vật thực dành riêng cho vua", bà dùng vật thực ấy.

Bàlamôn Cāṇakka trông thấy, không kịp ngăn cản, nên dùng gươm chém rơi đầu bà. Vì những thức ăn này được Bàlamôn Cāṇakka lén bỏ thuộc độc vào với ý tốt là: "Giúp cơ thể vua Candagutta làm quen với độc dược, không sợ bị ai thuốc chết".

Để cứu đứa bé trong thai bào, Bàlamôn Cāṇakka chém chết bà trước khi độc dược đi vào bao tử, kế đến ông lập tức cho mổ bụng lấy thai bào, mổ bụng con cừu cái, đặt thai bào vào bụng con cừu.

Mỗi ngày thay một con cừu cái, sau 7 ngày, thai bào đủ ngày tháng, hài tử được cứu sống.

Thân hài tử có nhiều chấm đỏ, nên hài tử được đặt tên là "Bindusāra" (lỏi có chấm; *bindu* là một chấm)[5].

Vua Bindusāra cai trị xứ Magadha (Makiệtđoà) được 28 năm, rồi đến vua Asoka (Adục) lên thay.

11- Sadi Paṇḍita.

Tương truyền vào thời Đức Phật Kassapa (CaDiếp), trong thành Bārāṇasī (Balanại) có thanh niên nghèo khổ là Mahāduggata (Đại khổ).

Có lần Đức Phật Kassapa cùng 20.000 vị Tỳkhưu Alahán du hành đến thành Balanại.

Cư dân thành phố hân hoan cúng dường vật thực đến Đức Phật và Tăng chúng. Đức Phật Kassapa tùy hỷ phước với thời pháp thoại rằng:

---

[1]- Mbov. p. 98; xem chi tiết trong MṬ. 177-9.
[2]- MT. 181.
[3]- ĐĐ Giác Nguyên (d). Phật Giáo sử, tr.152.
[4]- MṬ. 188.
[5]- MṬ. 187 f.

- Này các gia chủ, có bốn hạng người xuất hiện trong thế gian là:

a- Hạng người tự mình xuất tài sản ra để bố thí, nhưng không kêu gọi người khác cùng làm với mình.

Kiếp sau, người này sẽ là người có nhiều tài sản, nhưng ít hay không có thân bằng quyến thuộc, không có hội chúng tùy tùng.

b- Hạng người kêu gọi người khác làm việc phước, nhưng tự mình không bố thí, tạo phước.

Kiếp sau là người tuy có đông quyến thuộc, nhưng người ấy nghèo khổ, trong khi quyến thuộc có nhiều tài sản.

c- Hạng người tự mình xuất tài sản để bố thí, đồng thời kêu gọi người khác cùng làm với mình.

Kiếp sau sẽ là người có nhiều tài sản, đồng thời có nhiều thân quyến, có hội chúng tùy tùng.

d- Hạng người không bố thí, cũng không kêu gọi người khác bố thí.

Kiếp sau sẽ là người nghèo khổ lại cô độc.

Được nghe pháp thoại này, một cận sự nam trong thành Balanại suy nghĩ: "Theo lời dạy của Đức Thế Tôn, ta nên xây dựng cho ta hai loại tài sản: Vật chất và thân tộc".

Cận sự nam ấy đi đến Đức Phật Kassapa (CaDiếp) bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin thỉnh Đức Phật cùng các Tỳkhưu thọ thực vào ngày mai của chúng con.

Đức Phật Kassapa im lặng nhận lời.

Cận sự nam đi vào thành thông báo rằng:

- Thưa các vị, tôi đã thỉnh được Đức Phật và 20.000 vị Tỳkhưu thọ nhận vật thực của chúng ta. Vậy các vị tùy theo khả năng của mình, hãy tạo phước cho mình.

Cư dân trong thành Balanại hoan hỷ tạo phước rằng: "Tôi xin thỉnh 20 vị", "tôi xin thỉnh 50 vị", "tôi xin thỉnh 100 vị" ...

Cận sự nam ấy lấy sổ ra ghi tên cùng số lượng Tỳkhưu cho những người có tín tâm ấy.

Bấy giờ, thanh niên Mahādaggata (Đại khổ) đang đi tìm việc làm, thấy đám đông anh nghĩ: "Nơi ấy chắc có người đang cần người giúp việc", anh đến để tìm việc.

Thấy Mahādugga, cận sự nam cũng kêu gọi rằng:

- Này Mahāduggata, anh cúng dường đến bao nhiêu vị Tỳkhưu.

- Thưa ông, cúng dường là việc dành cho những người có tài sản, còn tôi tìm ăn còn chưa đủ, nói gì đến bố thí, cúng dường chứ.

- Này bạn Mahāduggata, trong thành Balanại này, có những người dư thừa vật chất, sống an lạc là do kết quả của bố thí, còn anh nghèo khổ vì quá khứ không tạo phước này. Anh hãy tạo phước lành này đi, để kiếp sau được giàu sang, sung sướng, còn như anh cứ mải bỏn xẻn như thế này thì anh sẽ chẳng bao giờ giàu được.

Nghe vậy, thanh niên Mahāduggata phát sinh kinh cảm (saṃvega), nói rằng: "Vậy thưa ông, hãy cho tôi cúng dường vật thực đến 1 vị Tỳkhưu".

Rồi anh bỏ ra về, thuật lại với vợ những lời của cận sự nam, nói rằng:

- Này em, chúng ta sẽ tạo phước, anh có hứa cúng dường vật thực đến một vị Tỳkhưu. Vậy chúng ta hãy đi tìm việc làm, để có vật thực cúng dường đến vị Tỳkhưu vào ngày mai.

- Lành thay, lành thay, thưa anh.

Hai vợ chồng cùng ra khỏi nhà đi tìm việc làm, Mahāduggata tìm được việc "chẻ củi" cho một trưởng giả, anh nghĩ trong tâm rằng: "Ta có được vật thực để cúng dường đến vị Tỳkhưu rồi", anh làm việc với tâm hoan hỷ, dường như không biết mệt, vừa làm vừa ca hát.

Ngạc nhiên, ông Trưởng giả hỏi:

- Này Mahāduggata, anh có việc gì vui mà làm không biết mệt, lại còn ca hát như thế?

- Thưa chủ, vì ngày mai con cúng dường vật thực đến một vị Tỳkhưu, con có được việc làm là có được vật thực cúng dường.

Nghĩ đến việc cúng dường tạo phước vào ngày mai nên con hân hoan.

Ông trưởng giả suy nghĩ: "Người này đã làm được một việc thật khó làm".

Vợ Mahāduggata tìm được việc làm là "sàng gạo" cho bà đại trưởng giả. chị hân hoan rằng: "Ta có được vật thực để cúnng dường đến vị Tỳkhưu rồi". Chị vừa sàng gạo, miệng luôn ca hát, bà trưởng giả ngạc nhiên hỏi:

-Này chị Mahāduggata, có việc gì vui mà chị vừa làm việc vừa ca hát như thế?.

- Thưa bà chủ, ngày mai vợ chồng chúng con có cúng dường vật thực đến vị Tỳkhưu. Con tìm được việc làm, tức là đã có được vật thực cúng dường đến vị Tỳkhưu. Nghĩ đến phước lành sẽ tạo vào ngày mai, nên con hân hoan như thế.

Bà trưởng giả suy nghĩ: "Việc làm của vợ chồng Mahāduggata, thật là khó làm".

Vào buổi chiều, sau khi hoàn mãn công việc, ông Trưởng giả trả công cho Mahāduggata là "4 lon gạo sāli", thưởng công anh "bốn lon gạo sāli".

Bà trưởng giả trả công cho vợ của Mahāduggata "một tô bơ lỏng, một tô sanh tô (sữa chua đặc)", thưởng công "một lon gạo sāli, một tô gia vị các loại".

Đêm ấy, vợ chồng Mahāduggata nghĩ đến phước lành sắp tạo vào ngày mai, nên hân hoan ngủ không được. Gần sáng, người vợ bảo rằng:

- Này anh, anh hãy đi tìm rau tươi để làm vật thực cúng dường đến vị Tỳkhưu đi.

- Tốt thôi, này em.

Thanh niên Mahāduggata ra bờ sông tìm rau tươi, vừa tìm vừa ca hát. Một người chài lưới đang đậu thuyền con gần đó, nghe thanh niên Mahāduggata ca hát, nên hỏi rằng:

- Này Mahāduggata, có việc gì mà anh vui thế?

- Thưa anh, tôi được cúng dường vật thực đến một vị Tỳkhưu, nên tôi hân hoan ca hát khi nghĩ đến phước báu mà mình sẽ tạo.

Người đánh cá suy nghĩ: "Ồ! Anh này làm một việc thật khó làm". Người chài lưới hân hoan nói rằng: "Tôi có bốn con cá hồng, vậy tôi hùn phước cùng anh". Người chài lưới cho Mahāduggata bốn con cá hồng.

Khi ấy, ngai vàng của vua Trời Đế Thích chợt nóng ran, đưa thiên nhãn quán xét, vua trời Đế Thích thấy rằng: "Vợ chồng thanh niên Mahāduggata tạo phước lớn, chính Đức Phật Kassapa sẽ nhận vật thực của vợ chồng người này. Ta hãy trợ giúp cho vợ chồng Mahāduggata, đồng thời có dịp tạo phước cúng dường vật thực đến Đức Phật".

Vua Trời Đế Thích ngự xuống nhân giới, hoá thân thành "người nấu bếp", đến chòi tranh của Mahāduggata hỏi lớn rằng: "Nơi đây có ai cần làm việc gì chăng?".

Khi ấy, vợ chồng Mahāduggata đang lúng túng: "Chúng ta sẽ nấu món gì để cúng dường đây?", nghe tiếng chào mời của vua Trời Đế Thích, Mahāduggata hân hoan hỏi rằng:

- Thưa ông, ông làm được việc gì?

- Việc gì tôi cũng làm được, đặc biệt là nấu nướng. tôi rất thiện xảo trong việc nấu nướng.

- Lành thay, lành thay, thưa ông. Tôi đang cần người nấu vật thực để cúng dường đến vị Tỳkhưu, nhưng tôi không có tiền để trả công cho ông.

- Nếu ông không có tiền trả công, ông trả công tôi bằng phước cũng được. Ông hãy chia phước đến tôi.

- Lành thay, lành thay, vậy thì được, thưa ông.

Mahāduggata đưa "người thợ bếp" vào nhà, chỉ cho "người thợ bếp" thấy những loại thực phẩm dùng để nấu thành vật thực. Vua trời Đế Thích nói rằng:

- Này ông, được rồi, việc nấu vật thực là phần tôi, ông hãy đi thỉnh vị Tỳkhưu đến đây nhận vật thực đi.

- Lành thay, lành thay, này ông.

Mahāduggata hân hoan vừa đi, vừa ca hát đến nhà của người cận sự nam hôm qua, để nhận một vị Tỳkhưu.

Hôm qua, sau khi Mahāduggata ra về, cư dân thành Balanại đến thỉnh Tỳkhưu đến nhà nhận vật thực với số lượng là 50 vị, 100 vị, 200 vị 500 vị .... Mãi ghi chép cho những người này, cận sự nam quên lửng tên Mahāduggata.

Vào buổi sáng, các gia chủ thỉnh các vị Tỳkhưu về tư gia để cúng dường vật thực theo số lượng đã báo trước, cận sự nam ấy đã phân phối chư Tỳkhưu theo danh sách đã ghi chép hôm qua.

Khi Mahāduggata đến thì không còn vị Tỳkhưu nào, cả 20.000 vị Tỳkhưu đã được thỉnh hết. Mahāduggata nói rằng:

- Thưa ông, cho tôi thỉnh một vị Tỳkhưu.

Cận sự nam trực nhớ ra, nói rằng:

- Này Mahāduggata, hôm qua tôi quên ghi tên anh rồi. Hiện giờ không còn vị Tỳkhưu nào cả.

Nghe vậy, Mahāduggata có cảm giác như ai đâm dao bén nhọn vào tim. Anh ôm lấy mặt, khóc than rằng: "Này ông ơi, vì sao ông nỡ giết tôi như vậy? Vì sao ông làm tổn thất tôi đến thế".

Anh kêu gào, than khóc inh ỏi, kể lễ công khó nhọc của vợ chồng anh phải vất vả làm việc, phải tìm rau tươi ...

Nghe Mahāduggata khóc than, kêu gào, kể lễ, nhiều người đến xem "chuyện gì", khi biết rõ câu chuyện, đã khiển trách cận sự nam rằng:

-Vì sao ông khinh dễ người nghèo như thế? Vì sao ông chỉ ghi những người thỉnh 10, 20, 50, 100 vị Tỳkhưu ... Người xin thỉnh "một vị", ông lại bỏ qua?.

Cận sự nam bị đại chúng khiển trách, hổ thẹn, nói với Mahāduggata rằng: " Này Mahāduggata, xin anh đừng giết tôi bằng những lời than khóc, kể lễ này nữa. Thật tình thì tôi vô ý, chẳng phải cố ý, anh hãy tha lỗi cho tôi. Hiện giờ không còn vị Tỳkhưu nào cả. Xin anh hãy đến tự viện, nếu còn vị Tỳkhưu nào, đó là phước duyên của anh. Giờ đây, tôi chẳng biết phải làm sao có được "vị Tỳkhưu" cho anh".

Nghe vậy, Mahāduggata bớt sầu não, anh đi đến Đại tự để thỉnh một vị Tỳkhưu.

Các Giáo thọ sư tiền bối có dạy:

Có 7 cách gọi là Tăng thí (Saṅghadānaṃ):

1'- Chư Tỳkhưu, chư Tỳkhưu ni có Đức Phật là vị đứng đầu.

2'- Chư Tăng có Đức Phật là vị đứng đầu.

3'- Chư Tỳkhưu và chư Tỳkhưu ni.

4'- Chư Tỳkhưu.

5'- Chư Tỳkhưu ni.

6'- Từ 4 đến 8 vị Tỳkhưu hay từ 4 đến 8 vị Tỳkhưu ni..

7'- Một vị Tỳkhưu.

Cách thức thứ 7 như sau: Gia chủ đến Tự viện, trình với vị trưởng lão quản tự rằng: "Bạch Ngài, con xin thỉnh một vị Tỳkhưu đến nhà con thọ thực vào ngày mai", không chỉ định vị nào cả.

Vào ngày mai cho dù vị Trưởng lão cử một vị sadi đến thọ thực, cũng được gọi là Tăng thí. Vì sao? Vì thừa hành Tăng lịnh, nghĩa là " được Tăng cử đi".

Sự cúng dường của Mahāduggata xem như là "Tăng thí".

Vào rạng sáng hôm ấy, Đức Phậc Kassapa (CaDiếp) đưa trí quán xét thế gian, tìm người hữu duyên đáng tế độ.

Đức Phật thấy rõ sự kiện: "Mahāduggata với tâm lành tốt đẹp, nhưng không tìm được vị Tỳkhưu thọ nhân vật thực". Đức Phật suy nghĩ: "Như Lai sẽ tế độ cho Mahāduggata".

Đức Phật Kassapa vẫn an ngự trong Hương thất, cửa Hương thất vẫn đóng kín, bên ngoài các Tiểu vương, đại thần, đại trưởng giả đang chờ, khi Đức Phật Kassapa mở cửa Hương thất, họ sẽ rước bát của Đức Phật để cúng dường vật thực.

Thanh niên Mahāduggata đi đến tự viện, đến Hương thất của Đức Phật Kassapa, những người đứng ngoài nói rằng:

- Này Mahāduggata, chưa đến giờ thọ thực, ngươi đến đây để làm gì?

- Thưa các chủ, hôm nay tôi đến đây không phải để xin ăn, tôi đến thỉnh một vị Tỳkhưu để cúng dường vật thực.

Nghe Mahāduggata nói với giọng hào hùng, mọi người sửng sờ tưởng như "vừa thấy một kỳ tích".

Mahāduggata đi đến Hương thất, tự nhiên các người đang đứng chờ bên ngoài Hương thất, tản ra nhường lối cho Mahāduggata đi vào.

Đến trước Hương thất, Mahāduggata quỳ phủ phục trước cửa Hương thất, bạch rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, người nghèo khổ nhất trong thành Balanại này, ngoài con ra tìm người thứ hai không có. Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy tế độ con, xin Ngài hãy nhận vật thực của con cúng dường đến Ngài.

Đức Phật Kassapa mở cửa Hương thất, trao chiếc bát của Ngài đến Mahāduggata. Mahāduggata có cảm giác như vừa nhận được "ngôi vị vua Chuyển Luân", hân hoan theo hầu phía sau lưng Đức Phật Kassapa.

Các Vương tử, quan đại thần, các đại trưởng giả đưa mắt nhìn nhau, chiếc bát mà họ mong chờ lại được trao đến "người nghèo khổ nhất trong thành Balanại".

Chiếc bát ấy không một ai có thể dùng quyền lực tước đoạt được.

Thế là họ kéo nhau tháp tùng phía sau lưng của Mahāduggata, cảnh tượng thật huy hoàng, xem như Mahāduggata chỉ đi sau Đức Phật Kassapa, đi trước những Tiểu vương, quan đại thần, đại trưởng giả ...

Những người theo sau Mahāduggata nói với anh rằng:

- Này Mahāduggata, hãy trao bát của Đức Phật cho ta, ta sẽ cho anh một ngàn đồng vàng.

- Thưa chủ, tiền tôi không cần, tôi chỉ cần cúng dường vật thực đến Đức Phật.

Giá tiền được nâng cao dần, nhưng Mahāduggata nói:

- Thưa các Ngài cho dù các Ngài mang tất cả bảo vật, trân châu, ngọc quý trong trái đất này chất cao thành ngọn núi Tuyết, tôi cũng không giao chiếc bát này đến các Ngài.

Nghe vậy, đại chúng đành im lặng, họ nghĩ rằng: "Thanh niên này vốn nghèo khổ, như vậy vật thực của anh ta chỉ là loại bình thường. Khi anh cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn xong rồi, ta sẽ thỉnh bát của Đức Thế Tôn cúng dường vật thực của ta vào đó".

Và đoàn người yên lặng theo sau Mahāduggata. Đức Chánh giác không cần ai phải dẫn lộ, Ngài biết rõ nơi sẽ ngự đến, vì Ngài là "bậc Tự ngộ, không thầy chỉ dạy".

Ngôi chòi tranh của Mahāduggata thấp, nhỏ hẹp, nhưng uy lực của vị Chánh giác khi ngự đến nơi nào, hoặc là "đất sẽ lún xuống", hoặc là các trụ cột được đất nâng lên cao, để Đức Thế Tôn đi vào thoải mái, không phải cúi đầu. ***Vì sao?*** Vì khi còn là Bồtát, Ngài thực hành Pháp độ (pāramī) với cách thức "ngẫng cao đầu", tức là không có sự rụt rè, không hề chùn bước, vượt qua tất cả mọi chướng ngại.

Đồng thời tuy không gian chật hẹp, nhưng khi Đức Thế Tôn ngự vào sẽ nới rộng để Ngài an ngự thoải mái, không quá rộng cũng không quá hẹp. ***Vì sao?*** Vì khi thực hành Pháp độ, tâm Bồtát luôn tự tại, không phân biệt sang, hèn ...

Thiên vương Đế Thích đã chuẩn bị những loại vật thực cúng dường đến Đức Phật Kassapa, "người nấu bếp" này ra đảnh lễ Đức Phật rước Ngài vào nơi đã soạn sẵn, lấy toạ cụ của Đức Phật trải lên chỗ an tọa của Đức Phật. Khi Đức Phật ngồi vào nơi đã

soạn sẵn, "người nấu bếp" mang vật thực ra cầm nơi tay, vợ chồng Mahāduggata cúng dường vật thực vào bát của Đức Phật Kassapa.

Khi Mahāduggata mở nắp, múc vật thực cúng dường vào bát của Đức Phật Kassapa, mùi hương của vật thực thơm ngát, lan rộng khắp kinh thành Balanại.

Nhìn thấy những món vật thực của Mahāduggata, Đức vua trị vì kinh thành Balanại thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, con ngỡ vật thực của Mahāduggata chỉ bình thường thôi, khi Mahāduggata cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn rồi, con sẽ rước bát của Ngài, cúng vào đấy những loại vật thực thượng vị của Hoàng cung.

Nhưng bạch Thế Tôn, những loại vật thực này ngay cả trong Hoàng cung cũng tìm thấy. Con xin đảnh lễ Đức Thế Tôn , con phải trở về Hoàng cung vì còn nhiều việc con phải làm.

Đức vua cùng đại chúng đảnh lễ Đức Phật Kassapa, rồi ra về. Thọ thực xong, Đức Phật Kassapa phúc chúc với lời kệ ngắn, Mahāduggata chia phước đến vua trời Đế Thích, rồi ôm bát theo sau Đức Phật Kassapa trở về tự viện.

Đức Đế Thích đứng trước cửa nhà của Mahāduggata, đưa mắt nhìn lên hư không, một trận mưa 7 loại vật báu rơi xuống tràn ngập mọi chỗ trống trong nhà của Mahāduggata, vợ con của Mahāduggata phải chạy ra bên ngoài. Vua trời Đế Thích trở về Thiên giới.

Với số "7 loại vật báu" này, Mahāduggata được Đức vua phong cho địa vị Đại trưởng giả. Từ đó ông nỗ lực tạo thiện nghiệp trong Phật pháp. Mệnh chung tái sinh về Thiên giới.

Vào thời Đức Phật Gotama (CồĐàm) còn tại thế, hậu thân của thanh niên Mahāduggata sinh vào một gia đình trưởng giả ở thành Xávệ.

Trong thời kỳ mang thai, người mẹ muốn được cúng dường món cá hồng thượng vị đến 500 vị Tỳkhưu có Đức Xálợiphất dẫn đầu, bà còn mong được đắp y vàng và ngồi cuối cùng phía sau chư Tỳkhưu, dùng thực phẩm do các Tỳkhưu chia sớt cho.

Mong ước của bà thành tựu và bà cúng dường đến 500 vị Tỳkhưu có Đức Xálợiphất là vị dẫn đầu bảy lần như vậy.

Lúc hài tử chào đời, bà đặt tên là *Paṇḍita*, vì khi hài tử nằm trong thai bào, tất cả mọi người trong nhà, dầu ngu đần đều trở nên thông minh, hiểu biết tốt.

Khi được 7 tuổi, đồng tử Paṇḍita muốn xuất gia và được Đức Xálợiphất truyền giới sadi, thân tộc của Paṇḍita cúng dường vật thực đến chư Tăng trọn 7 ngày.

Qua ngày thứ tám, sadi Paṇḍita cùng thầy Tế độ đi vào làng khất thực. Trên đường đi, sadi Paṇḍita nhìn thấy ba sự kiện:

a- Cái mương dẫn nước vào ruộng.

Sadi Paṇḍita hỏi thầy rằng:

- Bạch Thầy, cái đó gọi là gì?
- Này con, gọi là "mương dẫn nước vào ruộng".
- Bạch Thầy, nước có tâm không?
- Này con, nước không có tâm.

Sadi Paṇḍita suy nghĩ: "Nước không có tâm mà người ta còn điều khiển đi đến nơi có lợi ích. Ta có tâm, sao ta không điều khiển tâm đi đến nơi có lợi ích?".

b- người thợ chuốt tên.

Thấy người thơ chuốt tên đưa mũi tên lên, nheo một mắt để ngắm mũi tên, sadi Paṇḍita hỏi:

- Thưa thầy, người ấy đang làm gì thế?
- Này con, đó là thợ chuốc tên, đang ngắm mũi tên để làm cây tên cho thẳng.
- Thưa thầy, cây tên có tâm không?
- Này con, cây tên không có tâm.

Sadi Paṇḍita suy nghĩ: "Cây tên không có tâm mà người ta còn làm cho thẳng. Ta có tâm, sao ta không làm cho tâm trở nên thẳng".

c- Người thợ mọc đang đẻo bánh xe.

Sadi Paṇḍita hỏi thầy rằng:

- Thưa thầy, người ấy đang làm gì thế.

- Này con, đó là người thợ mộc, ông đang đẻo gỗ làm bánh xe.

- Thưa thầy, gỗ có tâm không?

- Này con, gỗ không có tâm.

Sadi Paṇḍita suy nghĩ: "Gỗ không có tâm mà người ta còn làm cho di chuyển được nhẹ nhàng, thuận lợi. Ta có tâm, sao ta không làm cho tâm trở nên nhẹ nhàng, thuận lợi đi đến nơi mong muốn?".

Sadi xin phép thầy trở về Tự viện, Đức Xálợiphất sợ có điều tai hại đến cho sadi, nên bảo rằng:

-Con hãy vào ở trong liêu thất của thầy.

Trước khi trở về Tự viện, sadi Paṇḍita xin với Trưởng lão đem về cho mình một ít cá hồng của thí chủ cúng dường.

- Này sadi, ta biết tìm đâu ra cá hồng cho con?

- Nếu thầy không tìm được do phước của thầy, thầy sẽ tìm được cá hồng do phước của con.

Sadi Paṇḍita trở lại Tự viện, đi vào liêu thất của Đức Xálợiphất, ngồi "tréo chân", thực hành samôn pháp.

Ngai vàng của vua Trời Đế Thích chợt nóng ran, đưa thiên nhãn quán xét, hiểu được nguyên nhân khiến ngai vàng của mình rực nóng.

Vua Trời Đế Thích sai Thái dương thần giữ mặt trời đứng yên, Thái âm thần giữ mặt trăng đứng yên, Tứ đại vương xua đuổi chim cùng thú ra khỏi khu vực Đại tự Kỳviên, đồng thời canh giữ bốn góc Đại tự Kỳviên. Tự thân vua Trời Đế Thích canh giữ trước liêu thất cho sadi Paṇḍita. được yên tịnh thực hành samôn Pháp.

Đức Xálợiphất suy nghĩ: "Sadi Paṇḍita muốn có vật thực là cá hồng, nhưng ta biết tìm đâu ra. Ta hãy đến nhà của sadi Paṇḍita, may ra có cá hồng".

Vào sáng hôm ấy, những người đánh cá, họ được rất nhiều cá hồng, mang đến nhà của sadi Paṇḍita để bán, vì khi còn sống trong gia đình, Paṇḍita rất thích ăn cá hồng.

Mua được nhiều cá hồng, gia đình người hộ độ Đức Xálợiphất suy nghĩ: "Phải chi chúng ta được Đức Xálợiphất đến đây khất thực nhỉ".

Nhìn thấy Đức Xálợiphất đang đi đến khất thực, gia đình hân hoan thỉnh Ngài ngồi vào nơi được soạn sẵn, cúng dường vật thực có món cá hồng. Đức Xálợiphất toan quay về tự viện, gia đình thỉnh cầu rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ thọ thực tại nơi này.

- Này các cận sự, sadi Paṇḍita đang chờ tôi ở Tự viện, sadi muốn có vật thực là cá hồng. Có được vật thực này tôi muốn mang về cho sadi Paṇḍita.

- Ô! Xin Ngài đừng lo, cá hồng hôm nay có nhiều, chúng con sẽ gửi vật thực này đến sadi Paṇḍita.

Khi Đức Xálợiphất thọ thực xong, gia đình thỉnh bát của Đức Xálợiphất rửa sạch, đặt vào đó những vật thực thượng vị nấu với cá hồng, dâng đến sadi Paṇḍita.

Đức Xálợiphất tìm được vật thực có cá hồng, Ngài đi nhanh về Đại tự Kỳviên vì lo cho người học trò "đói quá".

Bấy giờ Đức Phật đưa tâm quán xét: "Sadi Paṇḍita thực hành pháp samôn, đã đạt được tầng Thánh nào?", Ngài thấy sadi Paṇḍita đã chứng đạt 3 tầng Thánh rồi, đang tiếp tục thực hành chứng Thánh quả Alahán, Đức Phật suy nghĩ: "Sadi này có thể tự mình chứng đạt Thánh quả Alahán chăng?", Ngài thấy là "*được*". Ngài thấy thêm rằng: "Xálợiphất khi mang cơm về cho sadi, sẽ làm chướng ngại cho sadi Paṇḍita". Đức Phật suy nghĩ: "Như Lai hãy trợ giúp cho sadi Paṇḍita".

Đức Phật ra cổng Kỳviên đi kinh hành, Đức Xálợiphất đi nhanh về Đại tự Kỳviên, thấy Phật đang đi kinh hành, Ngài đến đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật hỏi:

- Này Xálợiphất, thầy được cái ch?
- Bạch Thế Tôn, được vật thực.
- Này Xálợiphất, vật thực mang lại gì?
- Bạch Thế Tôn, vật thực mang lại cảm thọ (vedanaṃ).
- Này Xálợiphất, cảm thọ mang lại gì?
- Bạch Thế Tôn, cảm thọ mang lại sắc (rūpaṃ).
- Này Xálợiphất, sắc mang lại gì?
- Bạch Thế Tôn, sắc mang lại xúc (phassaṃ).

Khi Đức Xálợiphất trả lời dứt câu hỏi thứ tư, Ngài sadi Paṇḍita cũng vừa chứng đạt Thánh quả Alahán.

Đức Phật dạy: "Này Xálợiphất, hãy mang vật thực đến cho sadi Paṇḍita đi".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi Đức Sadi Paṇḍita thọ thực xong, Thái dương thiên tử thả mặt trời ra, Thái âm thiên tử buông mặt trăng, Tứ đại vương cùng vua Trời Đế Thích trở về thiên cung của mình.

Chỉ thời gian ngắn, mặt trời đã về chiều. chư Tỳkhưu bàn luận trong Giảng pháp đường rằng:

- Thưa chư hiền, hôm nay thật là lạ, mặt trời còn đang đứng bóng, rồi nhanh chóng đã xế chiều. Phải chăng chờ đợi sadi Paṇḍita thọ thực xong, mới chuyển về Tây.

Đức Phật ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, sau khi hỏi sự bàn luận của các Tỳkhưu, Đức Phật dạy rằng:

- Thật vậy, này các Tỳkhưu, khi bậc hữu phúc (puññavato) thực hành samôn pháp. Thái dương thiên tử giữ lại mặt trời, Thái âm thiên tử giữ lại mặt trăng, Tứ đại vương gác bốn góc Đại tự Kỳviên, vua trời Đế Thích gác cửa liêu thất. Ngay cả Đấng Như Lai cũng không thể ngồi yên, phải ra đến cổng Đại tự Kỳviên để tiếp trợ.

Rồi nhân ba sự kiện mà Đức sadi Paṇḍita nhìn thấy, Đức Phật thuyết lên kệ ngôn.

80- Udakaṃ hi nayanti nettikā.
Usukārā namayanti tejanaṃ.
Dāruṃ namayanti tacchakā.
Attānaṃ damayanti paṇḍitā'ti.
"Người dẫn thuỷ, dẫn nước.
Thợ làm tên, nắn tên.
Thợ mộc uốn gỗ ướt.
Trí giả tự điều tâm". (HT. TMC dịch)[1]..

12- Sadi Sukha.

Thuở xưa, tại thành Balanại có một Đại trưởng giả khi mệnh chung, tài sản được trao lại cho con là Gandha. Thanh niên Gandha được vua Balanại ban cho địa vị "đại trưởng giả".

Sau khi kiểm kê tài sản của cha để lại, Đại trưởng giả Gandha hỏi:

- Vì sao các cụ không mang tài sản này theo?

- Thưa chủ, không ai có thể mang tài sản sang bên kia thế giới được, chỉ mang theo được thiện nghiệp hay ác nghiệp mà mình đã tao thôi.

Đại trưởng giả Gandha suy nghĩ:

- Các Ngài khờ dại, gom góp tài sản rồi bỏ lại mà ra đi tay không. Riêng ta, ta sẽ mang hết tài sản này ra đi, ta sẽ tiêu xài cho hết tài sản này rồi mới ra đi.

Thay vì dùng tài sản này để tạo phước, đại trưởng giả Gandha chủ trương hưởng thụ.

[1]- Đại trưởng lão Pháp Minh (d). DhpA. Câu số 80.

Đại trưởng giả Gandha bỏ ra 100 ngàn đồng vàng xây một nhà tắm bằng pha lê, xuất ra 100 ngàn đồng vàng lót nền nhà bằng pha lê, làm chiếc ghế dài bằng pha lê với giá 100 ngàn đồng ... mỗi buổi ăn sáng, chiều của ông trị giá lá 1.000 đồng vàng.

Vào ngày trăng tròn, ông xuất ra 100 ngàn đồng vàng cho bữa ăn trưa, bỏ ra 100 ngàn đồng vàng cho trang hoàng thành phố, cho người đi đánh trống khắp nơi truyền rao rằng: "Hãy đến xem bữa ăn trưa của Đại trưởng giả Gandha".

Trưởng giả vào nhà tắm bằng pha lê, tắm với 16 vòi nước thơm, sau đó ngồi vào ghế dài dùng vật thực, có đoàn vũ nữ ca múa để phục vụ.

Một nông dân chứng kiến được bữa ăn sang trọng của Đại trưởng già Gandha, anh ao ước được dùng bữa ăn như thế ấy,

Đại trưởng giả Gandha ra điều kiện là: "Phải làm công không nhận lương trong 3 năm", người nông dân đồng ý, nên anh được gọi là Bhattabhatika (người tìm bữa ăn).

Sau ba năm làm công không nhận lương, Bhattabhatika hưởng được bữa cơm sang trọng đáng giá 100 ngàn đồng vàng.

Bấy giờ trên núi Gandhamādana (Hương sơn) có vị Phật Độc giác vừa xuất khỏi thiền Diệt, Ngài đưa trí quán xét: Ta sẽ tế độ ai? Ngài thấy hình ảnh của Bhattabhatika lọt vào võng trí của mình, Ngài quán xét tiếp: "Người này có niềm tin nơi ta chăng?", thấy rằng "có"; rồi Ngài quán xét tiếp "người này có cúng dường vật chi đến ta chăng?', Ngài thấy rằng: "Bhattabhatika sẽ cúng dường bữa ăn mà y phải làm công suốt ba năm không nhận lương".

Đức Phật Độc giác từ Hương sơn (gandhamādana) theo đường hư không đến thành Balanại (Bārāṇasī), khi Bhattabhattika ngồi vào bàn ăn, chuẩn bị dùng vật thực mà sau 3 năm làm thuê không nhận lương mới có được.

Anh đưa mắt nhìn xuống hội chúng bên dưới, thấy có vị samôn đang đứng yên lặng, trên tay ôm chiếc bát.

Hình ảnh trang nghiêm thanh tịnh của vị samôn làm tâm Bhattabhatika phát sinh niềm tin, anh nghĩ rằng: "Trong quá khứ vì không bố thí nên ta phải chịu nghèo khổ, bữa cơm này chỉ mang lợi ích đến ta trong một ngày đêm mà thôi. Nếu ta cúng dường đến vị samôn này sẽ mang lại lợi ích trong nhiều kiếp lai sinh".

Từ chỗ ngồi trên lầu cao anh mang bát vật thực trị giá 100 ngàn tiền vàng đi đến Đức Phật Độc giác, đưa bát vật thực nhờ người cầm hộ, đảnh lễ Đức Phật với "năm chi chạm đất", cúng dường vật thực vào bát của Đức Độc Giác Phật.

Khi được nửa bát vật thực, Đức Phật Độc giác đưa tay ngăn lại, Bhattabhatika bạch rằng:

- Bạch Ngài, phần cơm này chỉ đủ dùng cho một người. Xin Ngài hãy tế độ cho con trong kiếp này lẫn những kiếp lai sinh.

Bhattabhatika trút hết phần cơm vào bát của Đức Phật Độc giác, rồi ước nguyện rằng:

- Với phước lành này, xin cho con luôn được an vui, xin cho con chứng đạt được pháp an lạc mà Ngài đã chứng đắc.

Đức Phật Độc Giác chúc phúc rằng:

a- Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ.
Khippameva samijjhatu.
Sabbe pūrentu saṅkappā.
Canda paṇṇaraso yathā.
"Mong ước nguyện của người.
Được trở thành hiện thực.
Tất cả suy tư được thành tựu,
Như trăng sáng đêm rằm".
b- Icchitaṃ patthitaṃ tuy hạm.
Khippameva samijjhatu.
Sabbepuurentu saṅkappā.

Maṇi jotiraso yathā'ti.

"Mong ước nguyện của người.

Được trở thành hiện thực.

Tất cả suy tư được thành tựu,

Như ngọc Như ý rực sáng".

Rồi Đức Độc Giác Phật ước nguyện: "Đại chúng hãy thấy Ta trở về Hương sơn".

Rồi theo đường hư không Ngài trở về Hương sơn, bát vật thực được cúng dường đến 500 vị Phật Độc giác không thiếu không dư.

Đại chúng thấy được cảnh tượng này, tán thán: "Lành thay, lành thay" (sādhu sādhu) vang dội.

Nghe tiếng tán thán, đại trưởng giả Gandha suy nghĩ: "Có lẽ gã nông dân này không chịu đựng nổi bữa cơm đặc biệt mà ta ban cho y, y vụng về lúng túng nên bị đại chúng cười chế nhạo".

Ông cho người ra xem xét, người hầu về báo tin cho ông rằng:

- Thưa chủ, Bhattabhatika không thọ dụng bữa cơm mà y phải làm công không nhận lương trọn ba năm, y mang bát cơm ấy cúng dường đến vị samôn, nên đại chúng tán thán y.

Nghe xong, Đại trưởng giả Gandha phát sinh phỉ lạc, kêu lên rằng:

- Ồ! Hành động của người này thật khó làm, như ta có đại tài sản như thế này, ta chưa hề bố thí chút ít cho ai.

Ông cho gọi Bhattabhatika đến hỏi:

- Nghe nói anh đã làm một việc như thế này ... như thế này phải chăng?

- Thưa chủ, thật sự là như vậy.

- Vậy anh hãy cầm lấy ngàn đồng vàng, rồi chia phước đến ta.

Bhattabhatika chia phước đến đại trưởng giả Gandha. đại trưởng giả chia hai tài sản của mình cho Bhattabhatika.

Và trong ngày hôm ấy, Bhattabhatika trở thành một đại trưởng giả.

Có 4 yếu tố giúp cho phước sự (bố thí) phát sinh kết quả trong vòng 7 ngày là:

a- *Vatthusampadā* (Đối tượng trọn vẹn).

Là bậc xứng đáng cúng dường (dakkhiṇeyya), đó là bậc Alahán hay Anahàm chứng đạt được thiền Diệt (Nirodhasamāpattijhāna).

b- *Paccayasampadā* (Vật dụng trọn vẹn).

Là vật dụng phát sinh đúng pháp, được làm cũng đúng pháp.

c- *Cetanāsampadā* (Cố ý trọn vẹn).

Là có đủ ba loại cố ý:

- Trước khi làm tâm hân hoan.

- Trong khi làm tâm tịnh tín.

- Sau khi làm tâm vui thích.

d- Guṇātirekasampadā (Ân đức hoàn mãn).

Là vị Thánh Alahán hay vị Thánh Anahàm vừa xuất khỏi thiền Diệt.

Bhattabhatika có đầy đủ bốn yếu tố này trong sự cúng dường:

- Đối tượng cúng dường là Đức Phật Độc Giác.

- Vật thí là bát vật thực mà anh phải mất ba năm làm công không nhận lương mới có được.

- Cả ba thời anh đều có sự suy xét về thí sự:

*Trước khi làm, anh suy nghĩ: "Ta nghèo khổ vì trước kia không bố thí ...".

*Trong khi làm, anh suy xét "bát vật thực này chỉ dùng cho một người, xin Ngài hãy tế độ cho con ở những kiếp lai sinh".

*Sau khi làm, anh có sự quán xét là "ước nguyện".

- Đức Phật Độc giác vừa xuất khỏi Thiền diệt.

Do vậy, chỉ trong ngày hôm ấy, anh có đại tài sản. Về sau, Đức vua nghe câu chuyện hy hữu của Bhattabhatika, cho gọi anh vào hoàng cung, ban thưởng cho anh 1.000 đồng vàng, xin anh chia phước đến Đức vua.

Bhattabhatika chia phước đến Đức vua, được Đức vua ban thưởng nhiều tài sản quý.

Sau khi mệnh chung Bhattabhatika sinh về cõi trời cho đến thời Đức Phật Gotama. Khi Đức Phật Gotama còn tại thế, hậu thân của Bhattabhatika tái sinh vào gia đình trưởng giả là người hộ độ Đức Xálợiphất ở thành Xávệ.

Câu chuyện còn lại giống như chuyện của Đức Sadi Paṇḍita, chỉ có chi tiết khác là: Khi hài tử nhập thai bào, người trong thân tộc đều được an vui, nên hài tử được đặt tên là Sukha và sadi Sukha xin thầy là Đức Xálợiphất tìm cho mình "vật thực có đủ 100 hương vị"[1].

D- Đức Xálợiphất với hàng tại gia.

Hàng tại gia có hai loại: Là nam nữ cận sự trong Giáo pháp này; là người ngoài giáo pháp này.

Với nam nữ cận sự.

Các cận sự rất ái mộ và cung kỉnh Đức Xálợiphất, ngược lại Đức Xálợiphất thường thuyết giảng pháp để sách tấn, khích lệ đến các nam nữ cư sĩ.

Rất nhiều các nam nữ cận sự nghe pháp thoại từ Đức Xálợiphất, chứng đạt Thánh quả, hoặc xin xuất gia vào Tăng đoàn rồi trở thành bậc Alahán (như ở trên có dẫn giải).

Sau đây xin nêu lên một số nam nữ cận sự khác để minh họa cho sự nghiệp "hoằng pháp độ sinh" của Đức Xálợiphất.

**** Trưởng giả Cấp cô độc.***

Khi Đức Xálợiphất trú ngụ tại Đại tự Kỳviên gần thành Xávệ (Sāvatthi). Bấy giờ Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc) lâm trọng bệnh, ông nói với một người rằng:

- Này bạn, hãy đi đến Trưởng lão Xálợiphất, sau khi đi đến hãy nhân danh tôi đảnh lễ dưới chân Trưởng lão Xálợiphất rằng: "Kính bạch Tôn giả Xálợiphất, gia chủ Anāthapiṇḍika, bị bệnh, đau đớn, lâm trọng bệnh, cúi đầu đảnh lễ dưới chân tôn giả. Lành thay, nếu tôn giả Xálợiphất đến trú xứ của gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc).

Đức Xálợiphất, Đức Ānanda cùng với chư Tỳkhưu tùy tùng đi đến tư gia của gia chủ Anāthapiṇḍika. Đức Xálợiphất hỏi Trưởng giả Cấp cô độc (Anāthapiṇḍika) rằng:

- Này gia chủ, gia chủ có kham nhẫn nổi không? Có chịu đựng nổi không? Có phải khổ thọ đang giảm thiểu không tăng trưởng? Có phải có dấu hiệu giảm thiểu, không có dấu hiệu tăng trưởng?

- Thưa Tôn giả, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Kịch khổ là cảm thọ nơi con; chúng tăng trưởng không có dấu hiệu giảm thiểu.

Đức Xálợiphất giảng rằng:

*Này gia chủ, với kẻ vô văn phàm phu không có tâm tịnh tín với ***Đức Phật***, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sinh vào khổ cảnh. Trái lại, gia chủ có lòng tịnh tín nơi Đức Phật, sau khi mệnh chung được sinh về nhàn cảnh. Này gia chủ, nếu người cảm thấy có tâm tịnh tín bất động với ***ân đức Phật*** thì khổ thọ sẽ giảm thiểu, lập tức cảm thọ của người được an tịnh.

*Này gia chủ, với kẻ vô văn phàm phu không có tâm tịnh tín với ***Đức Pháp,*** sau khi thân hoại mệnh chung, bị sinh vào khổ cảnh. Trái lại, gia chủ có lòng tịnh tín nơi Đức Pháp, sau khi mệnh chung được sinh về nhàn cảnh. Này gia chủ, nếu người cảm thấy có tâm tịnh tín bất động với ***ân đức Pháp*** thì khổ thọ sẽ giảm thiểu, lập tức cảm thọ của người được an tịnh.

---

[1]- Xem DTL Pháp Minh (d). DhpA. Kệ ngôn số 145.

*Này gia chủ, với kẻ vô văn phàm phu không có tâm tịnh tín với ***Đức Tăng***, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sinh vào khổ cảnh. Trái lại, gia chủ có lòng tịnh tín nơi Đức Tăng, sau khi mệnh chung được sinh về nhàn cảnh. Này gia chủ, nếu người cảm thấy có tâm tịnh tín bất động với ***ân đức Tăng*** thì khổ thọ sẽ giảm thiểu, lập tức cảm thọ của người được an tịnh.

*Này gia chủ, với kẻ vô văn phàm phu thành tựu ác giới, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sinh vào khổ cảnh. Trái lại, gia chủ là người ***có giới*** được các bậc Thánh ái kính ... đưa đến thiền định, sau khi mệnh chung được sinh về nhàn cảnh. Này gia chủ, nếu người cảm thấy thành tựu được ***giới*** mà các bậc Thánh ái kính ... dẫn đến thiền định thì khổ thọ sẽ giảm thiểu, lập tức cảm thọ của người được an tịnh.

Nghe xong thời pháp này, Trưởng giả Anāthapiṇḍika phát sinh hoan hỷ, dứt khỏi bịnh.

Gia chủ Anāthapiṇḍika cúng dường vật thực đến chư Tăng[1].

Lần cuối, khi Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc) lâm trọng bịnh, Trưởng giả sai người hầu đến nhân danh trưởng giả đảnh lễ Đức Phật, rồi thỉnh cầu Đức Xálợiphất đến tư gia của ông.

Hai vị Thượng thủ thinh văn cùng các Tỳkhưu tùy tùng đến tư gia của Trưởng giả Cấp cô độc, Đức Xálợiphất thuyết lên kinh Giáo giới Cấp cô độc (Anāthapiṇḍikovādasutta), nội dung là "không nắm giữ các pháp".

Nghe xong kinh này, Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc) rơi nước mắt, Đức Xálợiphất hỏi "vì sao rơi nước mắt?". Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc) cho biết là "chưa từng được nghe pháp môn vi diệu như thế này".

Đức Xálợiphất cho biết: "Những pháp môn này không được thuyết cho hàng cư sĩ, chỉ thuyết cho các Tỳkhưu".

Trưởng giả Anāthapiṇḍika thỉnh cầu Đức Xálợiphất hãy thuyết những pháp môn như thế đến hàng tại gia cận sự, vì có người ít "bụi vương" có thể hiểu được pháp, nếu không được nghe pháp vi diệu, họ sẽ rơi rụng.

Sau khi hai vị Thượng thủ ra về, Trưởng giả Anāthapiṇḍika mệnh chung, tái sinh về cõi Tusita (Đẩusuất).

Khi đêm gần tàn, Thiên tử Anāthapiṇḍika với dung sắc chói sáng đến đảnh lễ Đức Phật ở Đại tự Kỳviên[2].

Thuận theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả Anāthapiṇḍika, Đức Phật cho phép các Tỳkhưu thuyết giảng pháp vi diệu đến hàng tại gia cư sĩ.

**** Gia chủ Nakulapitā***.

Sau khi nghe Đức Phật giảng pháp vắn tắt để ông thực hành lúc tuổi già, Đức Phật dạy ông "tu tập tâm".

Gia chủ Nakulapitā đến viếng Đức Xálợiphất, thỉnh Đức Xálợiphất giải thích điều Đức Phật dạy.

Đức Xálợiphất giải thích cặn kẻ "tu tập tâm" là "không nắm giữ đối với các uẩn"[3].

**** Gia chủ Citta.*** Được nghe pháp của Đức Xálợiphất, chứng Thánh quả Nhất lai.

Ngoài ra còn rất nhiều các cận sự khác.

Với các gia chủ ngoài Phật giáo.

Đức Xálợiphất có thói quen là "thuyết pháp cho bất kỳ ai đến viếng thăm Ngài, kể cả thợ săn hay ngư phủ".

Tuy họ chú ý lắng nghe, chỉ vì kính trọng Đức Xálợiphất, nhưng không thực hành theo lời dạy.

---

[1]- S.v, 380. Kinh Ác giới hay Cấp cô độc (Dussīlya vā anāthapiṇḍikasuttaṃ).

[2]- M.iii, kinh số 143.

[3]- S.iii, 1.

Các Tỳkhưu trình lên Đức Thế Tôn về việc này, Đức Thế Tôn dạy : "Đây là thói quen của Xálợiphất trong quá khứ", theo sự thỉnh cầu của các Tỳkhưu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bổn sự Kāraṇḍiya.

Bổn sự Kāraṇḍiya[1].

Thuở xưa khi vua Brahmadatta cai tri vương quốc Kāsi, ở trong thành Balanại. Bồtát sinh vào gia đình Bàlamôn, có tên là Kāraṇḍiya.

Khi trưởng thành Ngài theo học một danh sư ở thành Takkasilā, và là đệ tử trưởng của vị danh sư này.

Vị danh sư có thói quen giảng đạo lý đến bất kỳ ai đến viếng thăm mình, cho dù đó là kẻ săn bắn, người đánh cá hay người trồng trọt ...

Vì tôn trọng vị danh sư nên họ chú ý nghe, nhưng sau đó vẫn trở về với nếp sinh hoạt cũ.

Một hôm có nhóm Bàlamôn mời vị danh sư đến tham dự "lễ dâng bánh" cho các Bàlamôn. Vị danh sư cử đệ tử trưởng của mình là Kāraṇḍiya dẫn các sư đệ của mình đến tham dự "lễ dâng bánh".

Trên đường về, đi ngang qua rừng, Kāraṇḍiya thấy một hố sâu, Ngài chợt có ý nghĩ:

-"Thầy ta thường giảng đạo lý cho những người họ không yêu cầu. Ta hãy cảnh tỉnh thầy ta vậy".

Trong khi những người khác ngồi nghỉ, Bồtát khuân đá ném vào hố sâu, những người khác thấy vậy nói:

- Thưa đại huynh Kāraṇḍiya, anh định làm gì thế?

Bồtát im lặng, nhưng vẫn khuân đá lấp hố sâu, hố sâu vẫn cứ sâu. Sau đó họ cùng nhau trở về, các môn đệ thưa với vị danh sư về việc làm kỳ hoặc của Bồtát. Vị danh sư hỏi Bồtát rằng:

- Vì sao một mình con ở trong rừng khuân đá lấp hố?

- Thưa thầy, con muốn lấp bằng phẳng hố sâu này, san bằng các gò, đồi, núi cho bằng phẳng như nhau.

- Này con Kāraṇḍiya, một phàm nhân không thể làm điều đó được đâu. Con hãy từ bỏ ý nghĩ ấy đi.

- Thưa thầy, nếu phàm nhân không thể san bằng gò, đồi, núi hay lấp cho bằng phẳng các hố sâu. Cũng vậy, mọi người đến viếng thầy, họ không yêu cầu mà thầy cứ giảng pháp, thầy muốn tất cả mọi người thực hành theo, điều này không thể thực hiện được.

Nghe vậy, vị danh sư hiểu ra rằng: "Người đệ tử này nhắc nhở ta chớ có giảng đạo pháp đến người không yêu cầu", nên tán thán Bồtát [2].

1'- Trưởng lão Mahāgavaccha.

Ngài là con của Bàlamôn Samiddhi ở làng Nāḷaka trong xứ Makiệtđà.

Khi còn tại gia, Bàlamôn Mahāgavaccha rất khâm phục Đức Xálợiphất. Nghe Đức Xálợiphất xuất gia trong Giáo pháp của Đức Phật, Bàlamôn Mahāgavaccha suy nghĩ: "Một người rất sáng suốt như Xálợiphất, lại quy ngưỡng dưới sự chỉ dạy của Samôn Gotama. Như vậy Samôn Gotama không phải là tầm thường, đồng thời giáo pháp này có điều rất vi diệu".

Balamôn Mahāgavaccha đi đến rừng Trúc (Veḷuvana) xin được xuất gia trong Giáo pháp này.

Sau khi xuất gia, Ngài nỗ lực thực hành pháp samôn, chẳng bao lâu chứng Thánh quả Alahán.

Trưởng lão Mahāgavaccha nói lên kệ ngôn để sách tấn, khích lệ các bậc đồng phạm hạnh nỗ lực tu tập.

---

[1]- Bản Miến Điện (Be) viết là Koraṇḍiya.

[2]- Xem JA. Bổn sự Kāraṇḍiya (Kāraṇḍiyajātaka). Chuyện số 356.

12- Paññābālī sīlavatūpapanno;
Samāhito jhānarato satīmā.
Yadatthiyaṃ bhojanaṃ bhuñjamāno;
Kaṅkhetha kālaṃ idha vitārāgo'ti.
"Trí lực giới hạnh gần tròn đủ;
Đạt định, thích trú thiền với ghi nhớ tốt đẹp.
Thọ dụng vật thực mang lại lợi ích.
Ở đây lìa bỏ tham, đợi thời chấm dứt"[1].

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Ngài Mahāgavaccha là một gia chủ, cúng dường đến Đức Phật Padumuttara nước uống.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân của Ngài Mahāgavaccha là một gia chủ tín thành trong giáo pháp của Đức Phật Sikhī[2].

Ngài có thể là Trưởng lão Udakadāyaka được ghi trong tập Ký sự (Apadāna)[3], nhưng các kệ ngôn của Ngài được gán cho Trưởng lão Gaṅgātiriya[4].

2'-Đao phủ thủ Nanh đồng (Tambadāṭhika).

Một đao phủ thủ trong thành Vương xá, có nước da mgâm đen, thân mình đầy sẹo, có răng nhọn màu đồng, nên người dân thành Vương xá gọi là Coraghātakaṃ Tambadāṭhika (đao phủ thủ Nanh đồng).

Trước khi trở thành đao phủ thủ, thanh niên "có răng nhọn màu đồng" xin gia nhập vào một nhóm cướp có 499 tên.

Tên chánh đảng thấy tướng "Nanh đồng" dữ tợn, không nhận vào nhóm. Nanh đồng phục vụ lấy lòng tên phó đảng, nên được thu nhận vào nhóm cướp.

Dân chúng thành Vương xá phối hợp với quan quân, bắt trọn nhóm cướp 500 tên. Khi luận án, tất cả bị kết án tử hình, nhưng không một ai đảm nhận là "đao phủ thủ" để chặt đầu tội nhân.

Dân chúng bảo tên chúa đảng rằng:

- Nếu ngươi chịu giết đồng bọn thì ngươi được tha chết.

Tên chánh đảng từ chối, lần lượt các tên cướp khác đều từ chối. Đến Tambadāṭhika (Nanh đồng) là cuối cùng, y chấp nhận.

Với sức khoẻ của mình, chỉ một nhát đao là phạm nhân "đầu lìa khỏi cổ", tử tội chết không chút đau đớn. Tambadāṭhika (Nanh đồng) giết 499 đồng bọn và được tha chết.

Một nhóm cướp khác ở phía Nam kinh thành Vương xá cũng bị quan quân bắt, nhóm cướp bị kết án "tử hình", nhưng không ai chịu làm đao phủ thủ. Mọi người lại nhớ đến Tambadāṭhika (Nanh đồng), cho gọi Tambadāṭhika đến nói rằng:

- Anh hãy chặt đầu nhóm cướp này, anh sẽ được ban thưởng.
- Được thôi.

Và Tambadāṭhika giết chết 500 tên cướp rất nhanh gọn. Dân chúng thành Vương xá đề cử Tambadāṭhika vào chức vụ "Đao phủ thủ".

Tambadāṭhika làm đao phủ thủ với thời gian là 55 năm, mỗi ngày anh giết một người cũng có, 10 người cũng có ...

Khi về già, Tambadāṭhika yếu sức, không còn "chỉ một nhát đao, đầu lìa khỏi cổ nữa", có khi phải hai hay ba nhát đao, khiến tội nhân chết vô cùng đau đớn, nên dân thành Vương xá cho ông Tambadāṭhika thôi việc.

Khi còn hành nghề đao phủ, Tambadāṭhika chưa hề hưởng được 4 điều: Mặc y phục mới, dùng cháo sữa pha với bơ trong, trang điểm với những vòng hoa lài, thoa xức thân bằng vật thơm.

---

[1]- Thag. Chương một kệ. Kệ ngôn Trưởng lão Mahāgavaccha (Mahāgavacchattheragāthā).
[2]- ThagA.i, 57.
[3]-Ap.ii, 437.
[4]- ThagA. i, 249.

Ngày Tambadāṭhika ngưng chức đao phủ thủ, ông bảo người nhà:

- Hãy nấu cháo sữa pha với bơ trong để ta dùng.

Ông tắm rửa sạch sẽ, thân thoa xức các hương liệu, mặc y phục mới, trang điểm với những vòng hoa lài[1].

Ông Tambadāṭhika ngồi vào bàn ăn, người nhà mang đến cho ông bát cháo sữa pha với bơ trong, một chậu nước để ông rửa tay.

Vào sáng hôm ấy, Đức Xálợiphất vừa ra khỏi thiền Diệt, Ngài đưa trí qún xét, thấy hình ảnh của Tambadāṭhika.

Với tâm bi mẫn, Đức Xálợiphất đắp y tề chỉnh, tay cầm lấy y bát, đi khất thực trong thành Vương xá, Ngài đến đứng trước cửa nhà của Tambadāṭika.

Vừa rửa tay xong, nhìn thấy Đức Xálợi đang đứng trước cửa nhà, Tambadāṭhika phát sinh tâm tịnh tín rằng:

- Ta hành nghề đao phủ suốt 55 năm, sát hại rất nhiều người, chưa tạo được việc lành nào. Nay có vị samôn đang đứng trước cửa, ta hãy cúng dường đến Ngài.

Tambadāṭhika đi đến đảnh lễ Đức Xálợiphất với "năm chi chạm đất", thỉnh Đức Xálợiphất vào bên trong, ngồi vào nơi được soạn sẵn, dâng cháo sữa pha với bơ trong vào bát của Đức Xálợiphất, Tambadāṭhika đứng quạt hầu Đức Xálợiphất.

Nhìn Đức Xálợiphất thọ dụng cháo sữa, Tambadāṭhika cảm thấy "thèm ăn" dữ dội. Hiểu được tâm trạng của Tambadāṭhika, Đức Xálợiphất dạy:

- Này gia chủ, hãy thọ dụng cháo sữa của ông đi.

- Vâng, thưa Ngài Đại samôn.

Tambadāṭhika trao quạt đến người nhà, thay thế ông quạt hầu Đức Xálợiphất, ông đến chỗ ngồi của mình dùng cháo sữa pha với bơ trong.

Khi Tambadāṭhika dùng cháo sữa thỏa thích rồi, Đức Xálợiphất tụng kinh phúc chúc đến ông. Nhưng ông không thể tịnh tâm để lắng nghe kinh được, Đức Xálợiphất hỏi:

- Này gia chủ, vì sao ông tán loạn tâm như vậy?

- Bạch Ngài, con hành nghề đao phủ đã 55 năm, nghĩ đến ác nghiệp này, con không thể định tâm được.

Để làm tâm của Tambadāṭhika tạm an tịnh, Đức Xálợiphất hỏi rằng:

- Này gia chủ, ông có vui thích làm việc ấy chăng?

- Bạch Ngài, con không vui thích, chỉ vì Đức vua ra lịnh mà thôi.

- Này gia chủ, nếu vậy ông không có cố ý làm ác.

Tư chất vốn không thông minh lắm, nghe Đức Xálợiphất nói vậy Tambadāṭhika lại hiểu rằng: "Như vậy mình vô tội, vì không cố ý làm ác". Ông hoan hỷ bạch rằng:

- Vậy xin Ngài hãy giảng pháp đi.

Đức Xálợiphất thuyết lên pháp thoại thích hợp, dứt thời pháp ông Tambadāṭhika chứng đạt Thánh quả Dư Lưu.

Đức Xálợiphất từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, Ngài Tambadāṭhika đưa tiễn Đức Xálợiphất một quảng đường rồi quay trở lại.

Một nữ dạxoa hoá thân thành con bò, lao đến húc chết Ngài Tambadāṭhika.

Nữ dạxoa này hoá thành con bò húc chết 4 người trong thời Đức Phật, đó là: Đức Bāhiya Dārucīriya, Đức Pukkusati, Ngài Suppabuddha (cùi) và Ngài Tambadāṭhika[2].

Vào buổi chiều, các Tỳkhưu bàn luận trong Giảng pháp đường rằng:

-Này chư hiền ông Tambadāṭhika sau 55 năm hành nghề đao phủ, vừa nghỉ việc, cúng dường đến Tướng quân Chánh pháp, thì chết ngay, chẳng biết ông tái sinh về đâu nhỉ?

Đức Phật ngự đến Giảng pháp đường, giải nghi cho các Tỳkhưu, Ngài dạy rằng:

---

[1]- Có lẽ đây là một nghi thức để "giả từ nghiệp nghệ" của thời ấy – Ns.

[2]- DhpA. ii. 35; UdA. 289.

- Này các Tỳkhưu, đao phủ Tambadāṭhika (Nanh đồng) đã tái sinh về cõi Tusita (Đẩusuất).

- Bạch Thế Tôn, một kẻ giết người nhiều năm như ông Tambadāṭhika, sau khi chết lại sinh về cõi trời được sao?

- Này các Tỳkhưu, vì ông Tambadāṭhika gặp được Xálợiphất là bậc hiền trí, nghe pháp thoại từ Xálợiphất, ông chứng đắc Pháp nhãn. Nên mệnh chung sinh về cõi Đẩusuất (Tusita).

Đức Phật dạy kệ ngôn:

Subhāsitaṃ suṇitvāna,
Nagare coraghātako.
Anulomakhantiṃ laddhāna,
Modati tivivaṅgato'ti.
"Saukhi nghe lời khéo giảng,
Người đao phủ thành phố.
Nhận lãnh lấy thuận pháp.
Hân hoan sinh về thiên giới".

Các Tỳkhưu bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, nghiệp "giết người" của Tambadāṭhika quá nhiều, lời giảng pháp thì ngắn gọn. Vì sao chỉ bấy nhiêu cũng đủ giúp đao phủ Tambadāṭhika chứng đạt Pháp nhãn?

- Này các Tỳkhưu, pháp của Đấng Như Lai thuyết giảng, không nên gọi là ít hay nhiều. Này các Tỳkhưu, chỉ một câu pháp hữu ích, còn hơn là "ngàn lời vô ích".

Rồi Đức Phật dạy kệ ngôn.

Sahassamapi ce vācā,
Anatthapadasañhitā.
Ekaṃ atthapadaṃ seyyo,
Yaṃ sutvā upasammati.
"Dầu cho nói đến ngàn câu,
Toàn lời vô nghĩa thì đâu ích gì.
Thà lời chí lý thích nghi,
Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sầu" (ĐTL Pháp Minh dịch)[1].

3'-Một bà lão nghèo.

Khi mãn mùa an cư ở Đại tự Kỳviên gần thành Xávệ, Đức Phật cùng các Tỳkhưu du hành để tế độ chúng sinh. Rồi Đức Phật cùng các Tỳkhưu trở về thành Xávệ.

Nghe tin Bậc Đạo sư cùng các Tỳkhưu trở về, các nam nữ cận sự trong thành tổ chức lễ cúng dường đến Đức Phật cùng Tăng chúng.

Có một bà lão nghèo chỉ có đủ vật thực cúng dường đến một vị Tỳkhưu, bà đi đến Đại tự Kỳviên xin thỉnh một vị Tỳkhưu, nhưng bấy giờ các Tỳkhưu đã được các gia chủ thỉnh đến nhà nhận vật thực hết cả, chỉ còn Đức Xálợiphất (vì theo thông lệ, Đức Xálợiphất đi khất thực sau cùng). Bà tìm đến các liêu thất, được gặp Đức Xálợiphất, bà hoan hỷ thỉnh Đức Xálợiphất về nhà của mình để cúng dường vật thực.

Nghe tin bà lão nghèo thỉnh được Đức Pháp chủ đến nhà để cúng dường, vua Pasenadi (Patưnặc) gửi tặng bà các loại vật thực thượng vị, một chiếc y và một ngàn đồng vàng, với lời rằng:

- Bà hãy phục vụ Đức Tướng quân Chánh pháp chu đáo hộ ta. Phần thưởng cho bà là ngàn đồng vàng cùng chiếc y quý này.

Tương tự như vậy, Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc), Trưởng giả Cūḷānāthapiṇḍika (Tiểu Cấp cô độc), bà Visākhā đều gửi tặng vật như thế đến bà lão.

---

[1]- DhpA. Kệ ngôn số 100.

Các cận sự trong thành Xávệ, tuỳ theo khả năng của mình gửi đến cho bà 50 đồng vàng cũng có, 100 đồng vàng cũng có, 200 đồng vàng cũng có ... Chỉ trong ngày hôm ấy, bà lão có được tài sản lớn là 100 ngàn đồng vàng cùng những tặng phẩm quý giá khác.

Đức Xálợiphất dùng cháo và vật thực của bà lão, xong rồi Ngài phúc chúc bằng pháp thoại. Dứt thời pháp, bà lão chứng Thánh quả Dự lưu.

Vào buổi chiều các Tỳkhưu bàn luận cùng nhau tại Giảng pháp đường rằng:

- Này chư hiền, Tướng quân Chánh pháp đã giải thoát cho bà lão nghèo thoát khỏi nghèo khổ. Ngài không khinh chê món vật thực đạm bạc của bà lão nghèo khổ, Ngài là nơi nương nhờ của bà lão nghèo. Ngài Xálợiphất thật đáng kính phục.

Đức Phật ngự đến Giảng Pháp đường, làm sáng tỏ vấn đề này rằng:

- Này các Tỳkhưu, không phải chỉ hôm nay Xálợiphất là nơi nương tựa cho bà lão ấy, không phải chỉ hiện tại Xálợiphất không chê những món vật thực thô kém. Trong quá khứ, Xálợiphất cũng từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhưu, Đức Phật thuyết lên Bổn sự "Ngựa quý ăn cám gạo đỏ" (Kuṇḍakakucchisindhava jātaka).

Bổn sanh "Ngựa quý ăn cám gạo đỏ".

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì nơi kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bồtát sinh vào một dòng thương buôn ở phương Bắc.

Bấy giờ có 500 đoàn thương buôn mang những con ngựa quý từ phương Bắc đến kinh thành Balanại để bán.

Không xa kinh thành Balanại có một thị trấn, nơi thị trấn này có một gia tộc đại trưởng giả, có một khuôn viên rộng lớn cạnh khu rừng.

Dần dần gia cảnh đại trưởng giả sa sút, chỉ còn lại bà lão già ở lại trông nom khuôn viên.

Một người buôn ngựa mang theo 500 con ngựa đến thành Bārāṇasī (Balanại) để bán, dừng chân nơi thị trấn, thuê khuôn viên của bà lão để đoàn ngựa có chỗ trú.

Vào đêm ấy, một con ngựa cái trong đoàn ngựa sinh ra một con ngựa con, người chủ đoàn ngựa phải ở lại vài ngày, đồng thời thu xếp việc yết kiến Đức vua Brahmadatta.

Khi ra đi, người chủ đoàn ngựa trả tiền thuê khuôn viên, bà lão nói:

- Này ông, tôi ở đây một mình đơn độc, nếu được, ông hãy bán cho ta con ngựa con vừa mới sinh ra. Ông hãy trừ vào tiền thuê khuôn viên, iền còn thừa ông trả cho ta để ta nuôi dưỡng con ngựa con.

- Vâng, thưa bà.

Bà lão xem con ngựa như là con của mình, chăm sóc rất chu đáo, cho ngựa ăn cơm gạo đỏ còn dư với thịt vụn được bầm ra, cùng với cỏ non, cho ngựa con uống nước cám gạo đỏ.

Con ngựa lớn dần lên, tự nó vào rừng tìm vật thực, chiều trở lại khuôn viên với bà lão.

Bồtát cũng là một thương nhân buôn ngựa, có lần Ngài mang 500 con ngựa quý đem đến kinh thành Balanại để bán, Bồtát dừng chân nơi thị trấn và cũng thuê khuôn viên để nhốt 500 con ngựa.

Nhưng đàn ngựa của Bồtát ngửi mùi ngựa chúa, chúng không dám vào khuôn viên. Bồtát hỏi bà lão:

- Thưa bà, trong nhà này có con ngựa nào không?

- Ta có nuôi một con ngựa mà ta xem như là con của mình.

- Con ngựa ấy đâu rồi?

- Nó vào rừng tìm thức ăn, chiều tối mới trở về.

Vào buổi chiều, con ngựa từ rừng về, nhìn thấy những đặc tướng của con ngựa, Bồtát biết ngay là "ngựa chúa", Ngài muốn mua ngựa quý, nói với bà lão rằng:

- Thưa bà, xin bà hãy bán cho tôi con ngựa quý ấy đi.

- Ồ! Ông nói gì lạ thế, ai lại bán đứa con của mình.

- Thưa bà, bà nuôi con ngựa ấy bằng gì?

- Này ông, ta nuôi nó bằng cám gạo đỏ, trộn với thịt vụn cùng cỏ tươi, cho nó uống nước cháo cám gạo đỏ.

- Thưa bà, đây là con ngựa quý, tôi sẽ cho nó ăn những món thượng hạng, nơi nó đứng sẽ là tấm nệm dày để nó không bị hư vó ngựa.

Khi nó về với tôi, nó sẽ được nuôi dưỡng chu đáo, còn ở đây nó chỉ ăn cám gạo đỏ, uống nước cháo.

- Này ông, nếu như vậy thì được. Con của ta sẽ sung sướng hơn là ở nơi này với ta.

Bồtát đặt ở 4 chân, đầu và đuôi ngựa, mỗi chỗ một ngàn đồng vàng, giúp cho bà lão sống sung túc, cùng với những chiếc lụa quý xinh đẹp.

Bồtát nhận lấy con ngựa chúa vô giá, rồi mang đến trình lên Đức vua, Đức vua cho thử tài nghệ "phi nhanh" của ngựa chúa, và rất hài lòng.

Đức vua ban thưởng cho Bồtát nửa vương quốc để nhận ngựa chúa. Từ khi có ngựa chúa, Đức vua thu phục được những nước chư hầu, trở thành một đại quốc.

Nhận diện Bổn sanh, bà lão khi trước nay là bà lão nghèo trong thành Xávệ, ngựa chúa nay là Đức Xálợiphất[1].

4'- Các cư sĩ ở Campā.

Một thời Đức Thế Tôn ngự trú trong xứ Campā, ở bờ hồ Gaggarā.

Nhiều cư sĩ ở Campā đến thưa với Đức Xálợiphất rằng:

- Thưa Tôn giả, đã lâu lắm rồi chúng con chưa được nghe Đức Thế Tôn giảng pháp. Lành thay, thưa Tôn giả, nếu chúng con được nghe pháp từ Đức Thế Tôn.

- Này các gia chủ, nếu vậy hãy đến đây vào ngày Bốtát (uposatha), các người sẽ được nghe pháp từ Đức Thế Tôn.

- Lành thay, lành thay, thưa Tôn giả.

Vào ngày Bốtát, Đức Xálợiphất đưa các cận sự nam nữ ấy đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, Đức Xálợiphất bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, ở đây có thể có hạng người bố thí như vậy, không được quả báu lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng ở đây, có thể có hạng người bố thí như vậy, được quả báu lớn, được lợi ích lớn.

Đức Thế Tôn dạy:

- Này Xálợiphất, ở đây có thể có hạng người bố thí như vậy, không được quả báu lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng ở đây, có thể có hạng người bố thí như vậy, được quả báu lớn, được lợi ích lớn.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có thể có hạng người bố thí như vậy, không được quả báu lớn, không được lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có thể có hạng người bố thí như vậy, được quả báu lớn, được lợi ích lớn....

- Này Xálợiphất, ở đây có người bố thí với tâm mong cầu (sāpekho), bố thí với tâm trói buộc (*về kết quả*) [2], bố thí với tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau".

Vị ấy bố thí như vậy, sau khi thân hoại mệnh chung, được cộng trú với chư thiên ở cõi Tứ đại vương. Và vị ấy, sau khi nghiệp đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy (adhipateyyaṃ) được đoạn tận. Vị ấy trở thành ***"vị trở lui lại trạng thái này"***.

(Tiếp theo Đức Thế Tôn giảng thuyết chi tiết của từng hạng người bố thí, như sau:)

---

[1]- JA. Chuyện số 254.

[2]- Paṭibaddhacitto; tập Sớ giải thích là: Vipāke baddhacitto (tâm tró buộc nơi kết quả).

- Có người bố thí với tâm ***không*** mong cầu (sāpekho), bố thí với tâm ***không*** trói buộc, bố thí với tâm ***không*** mong cầu được chất chứa, bố thí ***không*** có ý nghĩ: "Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau".

Nhưng bố thí với ý nghĩ: "Lành thay, sự bố thí".

... Bố thí với ý nghĩ: "Bố thí này là truyền thống gia tộc, ta cần phải gìn giữ".

... Bố thí với ý nghĩ: "là pháp cần phải thực hành (ahaṃ pacāmi)[1].

... Bố thí với ý nghĩ: "Như những vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như: Atthaka, Vānaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggī, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu.

... Bố thí với ý nghĩ: "Tâm được tịnh tín, hỷ duyệt".

... Bố thí với ý nghĩ: "để làm tâm trang nghiêm, trang bị tâm". Do bố thí như vậy, sau khi mệnh chung được cộng trú với Phạm chúng thiên, và vị ấy, khi nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận. Trở thành vị ***"Bất lai"***, không trở lui lại trạng thái này[2].

**** Kinh thành Campā và hồ Gaggarā.***

Campā là kinh đô của vương quốc Aṅga, là một trong bảy thành phố lớn do Bàlamôn tài trí Mahāgovinda (tiền thân của Đức Phật Gotama) thành lập, bảy thành phố lớn đó là:

1'- Kinh thành Dantapura cho dân Kāliṅga.

2'- Kinh thành Potana cho dân Assaka.

3'- Kinh thành Mahissati cho dân Avanti.

4'- Kinh thành Roruka cho dân Sovira.

5'- Kinh thành Mithilā cho dân Videhā.

6'- Kinh thành Campā cho dân Aṅga.

7'- Kinh thành Bārāṇasī cho dân Kāsi.

Kinh thành Campā nằm trên bờ sông Campā, cách kinh thành Mitthilā 60 dotuần[3].

Trong kinh thành Campā có hồ Gaggarā rất xinh đẹp, hồ này do Hoàng hậu Gaggarā xây dựng, nên hồ mang tên bà Hoàng Gaggarā.

Như hồ sen ở Đại tự Kỳviên, hồ sen ở Gaggarā được xem là đẹp nhất[4]. Trên bờ ao sen Gaggarā, du sĩ Kandaraka và Pessa con trai người huấn luyện voi đến yết kiến Đức Thế Tôn, ngoài du sĩ Kandaraka và nài voi Pessa, còn có Trưởng lão Bāhuna, gia chủ Vajjiyamāhita, Trưởng lão Kassapagotta.

**** Du sĩ Kandaraka và nài voi Pessa.***

Kandaraka là một du sĩ "khổ hạnh nhưng có đấp y". Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) mô tả ông là một *"channaparibbājaka"* (du sĩ thi văn)[5]. Đức Thế Tôn khi trú ngụ ở trên bờ hồ Gaggarā cùng với đại chúng Tỳkhưu, du sĩ Kandaraka cùng Pessa con trai người huấn luyện voi, đi đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Quan sát hội chúng thật yên tịnh của Đức Thế Tôn, du sĩ Kandaraka tán thán Đức Thế Tôn:

-Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama. Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama. Các Tỳkhưu này đã được Tôn giả Gotama chân chánh hướng dẫn (patipadita).

Và du sĩ Kandaraka hỏi Đức Thế Tôn: "Các vị Chánh giác trong quá khứ, các vị Chánh giác trong tương lai có được hội chúng an tịnh như vầy không?".

Đức Thế Tôn xác nhận "có", và Đức Thế Tôn dạy thêm rằng: "Trong các vị Tỳkhưu này, có vị là Thánh Alahán, có vị là Thánh Hữu học khéo giữ gìn giới luật, luôn an trú tâm trong "bốn Niệm xứ" để nhiếp phục tham ưu ở đời".

---

[1]- Chữ aham. Pacāmu nghĩa đen là "ta nấu ăn"; ở đây chữ này dùng như ý nghĩa "sekhā" (hữu học).

[2]- Xem A.iv, 59. Chương bảy pháp. Kinh Bố thí (Dānasuttaṃ).

[3]- D.ii. Kinh Mahāgovinda.

[4]- AA. i. 264.

[5]- MA.ii, 565.

Về điểm an tịnh.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) cho biết: *"Vì tôn kính Đức Phật, các vị Tỳkhưu không nói chuyện với nhau, cũng không dám ho mỗi khi Đức Thế Tôn giảng pháp,* ***thân*** không xao động, ***tâm*** không xao lãng.

Các Tỳkhưu ngồi vây quanh phía sau Đức Thế Tôn như những cụm mây vây quanh đỉnh núi Sineru (Tudi).

Có lẽ du sĩ Kandaraka thầm so sánh hội chúng Tỳkhưu này với các hội chúng du sĩ, "họ ồn ào, tranh luận..." như kinh Sandaka mô tả"[1] (Sư cô Thích Nữ Trí Hãi dịch).

Về câu hỏi của du sĩ Kandaraka.

Ngài Buddhaghosa giải thích: Du sĩ Kandaraka không có "sự hiểu biết về hội chúng của các Đức Chánh giác quá khứ hay các Đức Chánh giác vị lai, sở dĩ ông hỏi Đức Phật điều này với ý tán thán hội chúng của Đức Thế Tôn hiện tại.

Nhưng Đức Thế Tôn xác nhận "có", đồng thời xác nhận lời tán thán của du sĩ Kandaraka, là do nương vào thắng trí của Đức Thế Tôn. (Sư cô Thích Nữ Trí Hãi dịch).

Về "bốn Niệm xứ".

"Bốn Niệm xứ" được đề cập đến, vì đó là "nguyên nhân" giúp chư Tỳkhưu đạt được trạng thái uy nghi an tịnh.

Nài voi Pessa công nhận sự vi diệu của pháp môn "bốn Niệm xứ", thỉnh thoảng ông cũng tu tập pháp môn này.

Nài voi Pessa tán thán Đức Thế Tôn đã thấu hiểu về hạnh phúc cũng như sự đau khổ của chúng sinh.

Với tư cách "huấn luyện voi", Pessa nhận xét: "Loài voi có khi cũng quỷ quyệt, nhưng không bằng con người. Con người quả thật rắc rối hơn loài thú; "lòng nghĩ khác, miệng nói khác".

Về điểm này.

Bản Sớ giải giải thích: "Loài vật cũng có sự khôn lanh, quỷ quyệt, nhưng sự khôn lanh quỷ quyệt của nó có giới hạn. Còn sự quỷ quyệt của con người thì khó đo lường được".

Đức Thế Tôn dạy: "Thật sự là như vậy", rồi Ngài nêu lên bốn hạng người ở đời:

- Hạng tự làm khổ mình.
- Hạng làm khổ người.
- Hạng làm khổ cả hai.
- Hạng không làm khổ mình, không làm khổ người, tự ngã trú vào Phạm thể.

Về điểm này.

Bản Sớ giải giải thích: Đức Thế Tôn nêu lên "bốn hạng người" để giải thích: "Vì sao Đức Thế Tôn biết rõ: *"Thế nào là hạnh phúc của chúng sinh, thế nào là đau khổ của chúng sinh"*.

Ba hạng người đầu là "cách dẫn đến đau khổ", hạng người thứ tư là "cách dẫn đến an lạc".

Trú vào Phạm thể.

Phạm thể ở đây chỉ cho "Thánh thiện, thù thắng". Nghĩa là "tâm an trú trong thiền chứng hoặc Thánh Đạo, Thánh quả, Nípbàn".

Đức Thế Tôn hỏi nài voi Pessa: Trong bốn hạng người ấy, ông thích hạng người nào?".

Nài voi Pessa thưa rằng: "Ba hạng người đầu ông không thích. Ông thích hạng người thứ tư".

Nói xong nài voi Pessa từ giả ĐứcPhật ra đi vì bận nhiều công việc.

Khi nài voi Pessa bỏ đi, Đức Thế Tôn dạy rằng:

---

[1]- M.ii. Kinh Sandaka (Sandakasuttaṃ). Kinh số 76.

- Này các Tỳkhưu, nếu Pessa ở lại sẽ được lợi ích lớn. Tuy nhiên, Pessa cũng có được nhiều lợi ích qua cuộc đàm luận ngắn ngủi này.

Nài voi Pessa được lợi ích lớn.

Bản Sớ giải giải thích: Đức Thế Tôn ngầm nói: Nếu Pessa ở lại nghe Đức Thế Tôn giảng xong bài pháp, ông sẽ chứng Thánh quả Dự lưu.

Tuy vậy cũng có được nhiều lợi ích.

Là tăng trưởng niềm tin đối với Tăng chúng, đồng thời hiểu rõ thêm về lợi ích của "bốn Niệm xứ".

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhưu, Đức Thế Tôn giảng rộng về bốn hạng người này[1].

Trưởng lão Bāhuna.

Bāhuna là vị Tỳkhưu sống ở kinh thành Campā, Ngài đi đến yết kiến Đức Thế Tôn ở bờ hồ Gaggarā, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, Ngài bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, từ bao nhiêu pháp, Đấng Như Lai sống xuất ly (nissato), ly hệ (visam yutto), giải thoát với tâm không hạn cuộc (vimariyādi katena cetasā).

Đức Thế Tôn đáp: "Từ 10 pháp: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, sinh, lão, tử, khổ và phiền não"[2].

Gia chủ Vajjiyamāhita.

Ngài là bậc Thánh Dự lưu cư sĩ của Đức Thế Tôn, là "nam cư sĩ áo trắng"[3], trú ở kinh thành Campā.

Một hôm trên đường đến hồ Gaggarā để yết kiến Đức Thế Tôn, vì trời còn sớm, nên gia chủ Vajjiyamāhita ghé qua vườn của các du sĩ ngoại giáo. Các du sĩ ngoại giáo hỏi:

- Này gia chủ, có thật chăng, Samôn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?

- Thưa các Tôn giả, Đức Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?. Thưa các Tôn giả, Đức Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy Đức Thế Tôn là bậc phân tích luận (vibhajjavāda), không phải là nhất hướng luận (ekamsavāda: nói một chiều).

Nghe vậy, một du sĩ nói rằng:

- Thôi vừa đủ rồi, này gia chủ hãy dừng lại ở đây. Gia chủ đã tán thán Samôn Gotama, Samôn Gotama là người hư vô (venayiko), một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng (appannattiko).

- Thưa các Tôn giả, ở đây tôi nói với các Tôn giả đúng pháp. Thưa các Tôn giả, "đây là thiện", Đức Thế Tôn đã định nghĩa; thưa các Tôn giả, "đây là bất thiện", Đức Thế Tôn đã định nghĩa. "Đây là thiện, đây là bất thiện", Đức Thế Tôn đã định nghĩa. Như vậy Đức Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng, Đức Thế Tôn không phải là người "chủ trương hư vô", không phải là " người không có định nghĩa rõ ràng".

Nghe vậy, các du sĩ im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi mặt, sững sờ, không nói nên lời.

Gia chủ Vajjiyamāhita thấy các du sĩ im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi mặt, sững sờ, không nói nên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Đức Thế Tôn. Đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi gia chủ Vajjiyamāhita ngồi xuống một bên, trình bày lên Đức Thế Tôn về việc đàm thoại vừa rồi.

Đức Thế Tôn tán thán rằng:

---

[1]- M. i. kinh Kandaraka (Kandarakasuttaṃ). Kinh số 51.

[2]- A.v, 151. Chương 10 pháp. Kinh Bāhuna (Bāhunasuttaṃ).

[3]- Là người nam cư sĩ thọ giới Bốtát trọn đời.

- Lành thay, lành thay, này gia chủ, những kẻ ngu si ấy cần phải được bác bỏ với sự khéo léo bác bỏ nhờ chánh pháp.

*Này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả khổ hạnh cần phải hành trì"; này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả khổ hạnh không nên hành trì".

* Này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự chấp trì (samādānaṃ) cần phải chấp trì"; này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả chấp trì không nên chấp trì".

* Này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự tinh cần phải tinh cần"; này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự tinh cần không cần phải tinh cần".

* Này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ"; này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ".

* Này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự giải thoát nên giải thoát"; này gia chủ, Ta không nói rằng: "Tất cả sự giải thoát không nên giải thoát".

Này gia chủ, phàm hành trì khổ hạnh nào khiến bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp tổn giảm; khổ hạnh ấy không nên hành trì. Nhưng này gia chủ, phàm hành trì khổ hạnh nào khiến bất thiện pháp tổn giảm, thiện pháp tăng trưởng; khổ hạnh ấy nên hành trì.

(Tương tự như thế với các pháp còn lại)[1].

**** Trưởng lão Kassapagotta.***

Kassapagotta là vị Tỳkhưu trú ngụ ở làng Vāsabha trong xứ Kāsi.

Giữa làng Vāsabha và kinh thành Balanại là làng Cundaṭṭhila[2].

Trưởng lão Kassapagotta là người rất hiếu khách, Ngài nghĩ: *"Làm thế nào để các vị Tỳkhưu hiền thiện chưa đến có thể đi đến; các Tỳkhưu hiền thiện đã đến sống được an lạc và trú xứ này có thể đạt được sự lớn mạnh, sự tăng trưởng và sự phát triển".*

Trưởng lão Kassapagotta nhiệt tình phục vụ các Tăng khách.

Có nhiều vị Tỳkhưu du hành đến làng Vāsabha, thấy Trưởng lão Kassapagotta phục vụ khách Tăng chu đáo, nên định cư tại đó.

Thời gian sau, Trưởng lão Kassapagotta cảm thấy mệt mỏi vì phải phục vụ các vị Tỳkhưu ấy, nên Ngài không phục vụ nữa.

Các vị Tỳkhưu bắt tội Trưởng lão Kassapagotta, trưởng lão không nhận tội. Trưởng lão Kassapagotta đi đến Campā, yết kiến Đức Thế Tôn ở trên bờ hồ Gaggarā. Trưởng lão Kassapagotta trình lên Đức Thế Tôn về việc này, Đức Thế Tôn dạy:

- Này Tỳkhưu, ngươi vô tội[3].

****Trưởng lão Kassapagotta (2).***

Ngài là vị Tỳkhưu trú ở thị trấn Paṅkadhā trong quốc độ Kosala.

Đức Thế Tôn du hành đến thị trấn Paṅkadhā, Ngài thuyết giảng pháp thoại liên hệ đến Học giới.

Tỳkhưu Kassapagotta lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Samôn này quá ***tỉ mỉ*** (adhisallikhat'evāyam)".

Về sau Ngài Kassapagotta hối hận, đi đến thành Vương xá sám hối tội lỗi với Đức Thế Tôn.

Đức Phật khen ngợi Ngài Kassapagotta là "biết mình phạm tội và hối lỗi", Đức Thế Tôn tán thán "vị Tỳkhưu ưa thích học tập"[4].

****Trưởng lão Kassapagotta*** (3).

Có thể là vị trưởng lão nói trên (2), một thời Ngài sống trong rừng ở quốc độ Kosala.

---

[1]- A.v, 189. Chương 10 pháp. Kinh Vajjiyamāhita (Vajjiyamāhitasuttaṃ)

[2]- Pv. iii. 1; PvA. 168, 170.

[3]- ĐĐ Indacando (d). Luật Đại phẩm II. Chương IX. Campā, số 174.

[4]- A.i, 236. Chương ba pháp. Kinh Paṅkadhā (Paṅkadhāsuttaṃ).

Một hôm thấy người thợ săn đang đuổi theo con nai để săn bắn, Trưởng lão Kassapagotta khuyên dạy người thợ săn nên từ bỏ lối sống ác độc ấy, nhưng người thợ săn không nghe.

Một thiên nhân sống gần đó thương mến Ngài, muốn cảnh tỉnh Ngài, hiện thân đi đến khuyên Ngài không nên phí thời gian với người "chỉ biết nghe mà không hiểu", với lời kệ như sau:

Vivevakakāmosi vanaṃ paviṭṭho,
Atha te mano niccharatī bahiddhā;
Jano janasmiṃ vinayassu chandaṃ.
Tato sukhī hohisi vītarāgo.
"Người ẩn náu trong rừng, muốn sống viễn ly.
Nay tâm ngươi vọng động, theo ngoại giới.
Người đối mặt người, hãy diệt trừ ước muốn.
Nhờ vậy được an lạc, thoát khỏi ái luyến.
"Aratiṃ pajāhāsi sato, bhavāsi sataṃ taṃ sārayāmase.
Pātālarajo hi duttaro, mā taṃ kāmarajo avāhari.
"An trú niệm, người lìa bất mãn,
Được chúng tôi tán thán là bậc hiền thiện.
Bụi địa ngục ấy khó vượt qua;
Người đừng chạy theo bụi dục trần
Sakuno yathā paṃsukunthito,
vidhunaṃ pātayati sitaṃ rajaṃ.
Evaṃ bhikkhu padhānavā satimā,
vidhunaṃ pātayati sitaṃ rajan'tnttti".
"Như chim thân dính bụi,
Vung vẫy khiến bụi rơi.
Cũng vậy, Tỳkhưu tinh cần trú với niệm,
Vung vẫy làm rơi bụi đời dính thân"[1].

Trưởng lão Kassapagotta xúc động mạnh, nỗ lực quán xét và chứng đạt Thánh quả Alahán[2].

Trưởng lão Kassapagotta (4).

Ngài là vị trưởng lão theo Trưởng lão Majjhima đến Hymãlạpsơn để hoằng pháp vào thời vua Adục (Asoka)[3].

Tro cốt của Ngài được tìm thấy trong một bình thánh tích giữ tại Tope No.2 của nhóm Sañchi, nơi đây Ngài được gọi là "Hemavatācariya"[4].

Trên bờ hồ Gaggarā, ngoài kinh Kandaraka, Đức Phật còn thuyết kinh Karaṇḍava, nói về nhu cầu cần loại trừ các thành phần có tâm uế nhiễm ra khỏi Tăng đoàn[5], nổi tiếng hơn cả là bài kinh Soṇadaṇḍa[6].

Cũng trên bờ hồ Gaggarā này, Đức Xálợiphất thuyết lên kinh Dasuttara (Tập thượng)[7].

Trên bờ hồ Gaggarā, Trưởng lão Vaṅgisa tán thán Đức Phật "chói sáng vượt bậc về quang sắc và danh xưng" trước sự hiện diện của các Tỳkhưu cùng cư sĩ[8].

Trong Bản Sớ giải Thiên cung sự, có đề cập đến "con ếch" (maṇḍuka) nhờ nghe Pháp của ĐứcThế Tôn, mệnh chung sinh về thiên giới.

---

[1]- Viveka (viễn ly), có ba loại viễn ly là: Thân viễn ly (sống độc cư, ở nơi thanh vắng), tâm viễn ly (là xa lìa mọi phiền não) và Nípbàn viễn ly (là dứt bỏ mọi cảnh giới tái sinh).
[2]- S.i, 189; SA.i, 223.
[3] -Dpv. viii. 10; Sp. i. 68; Mbv. 115; MṬ. 317.
[4]- Cunningham: *Bhilsā Topes*, 287.
[5]- A. iv. 168 .
[6]- D. i. 111.
[7]- D. iii. 272.
[8]- S.i, 195; ThagA. ii. 210.

Trên bờ sông Campā có rừng cây campaka nổi tiếng vì thân cây có màu trắng và hoa Campaka cho hương rất thơm.

Theo Ngài Buddhaghosa (Phật Âm), kinh thành có tên là Campā vì có rừng cây Campaka[1].

Đức Phật cùng nhiều vị Trưởng lão đến đây trú ngụ nhiều lần[2], Đức Xálợiphất, Đức Vaṅgisa cũng có trú ngụ ở bờ hồ Gaggarā[3].

Trong thời Đức Phật xứ Aṅga là nước chư hầu của vương quốc Magadha, nên dân Campā được xem là thần dân của vua Bìnhsa.

Vua Bìnhsa có ban cho Bàlamôn Soṇadaṇḍa một thái ấp trong kinh thành Campā[4].

Kinh thành Campā là một trung tâm thương mại quan trọng, có nhiều thương buôn từ Campā đến xứ Suvaṇṇabhūmi để buôn bán[5].

Tên cổ của Campā là Mālini hay Mālina (*Campasya tu purī Campā, yā Mālinyabhavat purā)* [6].

Có khả năng dân Chàm ở Đông dương có nguồn gốc từ dân xứ Campā này.

Khi trú ngụ ở Campā, Đức Thế Tôn có chế định nhiều học giới cho các Tỳkhưu, như trong chương 9 của bộ Luật Đại phẩm (Mahāvagga).

Kinh thành Campā cũng là trú quán của Tỳkhưu ni Thullanandā (sẽ trình bày ở những tập sau).

Campā được xác định là nơi gần các làng Campānagara và Campāpura, cách Bhagakpur khoảng 24 dặm Anh về phía Đông[7].

Ngài Huyền Trang có đến đây[8], Ngài Pháp Hiển gọi Campā là một vương quốc lớn với nhiều đền thờ[9].

Chiếc choàng tắm của Đức Thế Tôn được tôn trí tại Campā[10].

Kāla Campā có thể là tên gọi khác của Campā.

***Thiên cung Thiên tử "Ếch"** (Maṇḍukadevaputtavimāna).*

Đức Thế Tôn khi trú ngụ ở trên bờ hồ Gaggarā, vào một buổi hừng sáng, Ngài đưa Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành của con ếch (maṇḍuka).

Vào ngày hôm ấy, sau khi Đức Thế Tôn đi khất thực trong thành Campā, thọ thực xong rồi Ngài trở về trú ngụ trong Hương thất, an trú tâm trong quả định.

Vào buổi tối, khi hàng Tứ chúng tề tự đến Giảng đường cạnh bờ hồ Gaggarā, Đức Thế Tôn từ Hương thất, đến Giảng đường ngồi vào nơi được soạn sẵn.

Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại với Phạm âm đủ 8 chi phần. Phật âm hấp dẫn một con ếch sống dưới hồ Gaggarā, con ếch từ hồ sen nhảy lên bờ hồ vì bị hấp lực của âm thanh vi diệu ấy.

Con ếch chợt nhận ra "đây là Pháp được Đức Thế Tôn giảng thuyết", nên nhảy đến để nghe pháp.

Một người chăn bò đang tựa người vào chiếc gậy, y cũng bị hấp lực từ âm thanh vi diệu ấy, nên chống gậy lần đến để nghe pháp. Chiếc gậy đã chống vào con ếch và con ếch mạng chung, tái sinh về cõi "Ba mươi ba" (Tāvatiṃsa) trong một thiên cung bằng vàng cao, rộng 12 do tuần, có đoàn tiên nữ tuỳ tùng.

---

[1]- MA. ii. 565.
[2]- Vin. i. 312; S. i. 195; A. iv. 59, 168; v. 151, 189.
[3]- A.iv, 59; S. i. 195.
[4]- D. i. 111.
[5]- JA. vi. 539
[6]- Mbh. xii. 5, 6, 7; Matayapurāṇa 48, 97, ... ; Law. A.G.I. 6, n.2
[7]- C.A.G.I. 5.
[8]- Beal: Records of the Western Word, II. 187 f.
[9]- p. 65.
[10]- Buv.xxviii. 9.

Thiên tử "Ếch" (Maṇḍukadevaputta) như người ngủ say chợt tỉnh mộng, đưa trí quán xét nhớ được nghiệp lành là "nhờ nghe của Đức Thế Tôn, nên được tái sinh về cõi này".

Thiên tử "Ếch" lập tức cùng đoàn tiên nữ tùy tùng xuống nhân giới, đảnh lễ Đức Thế Tôn, nghe Đức Thế Tôn giảng pháp thoại, Thiên tử "Ếch" chứng Thánh quả Dự Lưu[1].

5'-Du sĩ Pasūra. (Xem tập 4).

6'- Các nữ du sĩ Paṭācārā, Avavādakā, Lolā và Saccā.

Một nữ du sĩ Niganṭhā có tài biện thuyết trôi chảy 500 đề tài, nữ du sĩ này đi đến kinh thành Vesāli để tìm người luận chiến.

Nơi đây nàng gặp một nam du sĩ Niganṭha, ông cũng có tài biện thuyết trôi chảy 500 đề tài; cả hai bất phân thắng bại trong cuộc luận chiến.

Để lưu giữ lại 1.000 câu hỏi của hai người, dân thành Vesāli đã dàn xếp cho hai người lấy nhau. Ông bà sinh ra được 4 cô gái là: Saccā, Lolā Paṭācārā và Avavādakā; một trai là Saccaka.

Khi cha mẹ mất, cả năm người đều trở thành những du sĩ danh tiếng, mỗi người có 1.000 đề tài học từ cha mẹ.

Bốn nữ du sĩ: Saccā, Lolā, Paṭācārā và Avavādakā, được cha mẹ dặn rằng: "Tranh luận thua người nam nào, nếu là người tại gia, hãy nhận người ấy là chồng; nếu là bậc xuất gia hãy tôn người ấy là thầy".

Trước khi vào kinh thành nào, các nữ du sĩ đều cắm trước cổng thành "một nhánh đào đỏ" để thách thức những ai muốn luận chiến với một trong bốn nàng. Ai muốn luận chiến sẽ nhổ nhánh đào ném bỏ, thế là khởi lên cuộc luận chiến.

Một lần nọ, bốn nữ du sĩ này đến thành Xávệ (Sāvatthi), "nhánh đào đỏ" được cắm trước cổng thành.

Đức Xálợiphất đi vào thành Xávệ để khất thực, thấy "nhánh đào đỏ", hỏi cư dân nơi đó rằng:

- Nhánh đào đỏ cắm nơi đây có ý nghĩa gì?

Cư dân cho biết: "Đó là dấu hiệu thách luận chiến của bốn nữ du sĩ". Đức Xálợiphất bảo các đứa bé nhổ cành đào lên ném bỏ, dặn rằng:

- Khi các nữ du sĩ đến hỏi, hãy bảo: "Sau khi thọ thực xong, vào buổi chiều, hãy đến "ngôi nhà nóc nhọn" ở Đại tự Kỳviên để luận pháp cùng samôn Sāriputta (Xálợiphất)".

Biết Ngài Xálợiphất nhận lời "thách đấu", bốn nữ du sĩ cho truyền rao khắp kinh thành rằng: "Chiều hôm nay sẽ có cuộc luận chiến giữa bốn nữ du sĩ danh tiếng Niganṭhā với Sāriputta. Hãy đến "ngôi nhà nóc nhọn" ở Đại tự Kỳviên để chứng kiến cuộc luận chiến này".

Chiều hôm ấy, cư dân thành Xávệ cùng với bốn nữ du sĩ đi đến Đại tự Kỳviên, trong nhóm thính chúng có hai phe:

* Các cận sự thành Xávệ nói rằng: "Chúng ta sẽ chứng kiến Ngài Xálợiphất chiến thắng các nữ du sĩ này".

* Chúng ngoại giáo nói rằng: "Chúng ta sẽ chứng kiến bốn nữ du sĩ danh tiếng này chiến thắng người đệ tử giỏi nhất của Samôn Gotama".

Bốn nữ du sĩ đã nêu ra 1.000 câu hỏi với mọi đề tài, và Đức Xálợiphất trả lời thông suốt. Ngài hỏi các nữ du sĩ rằng:

- Các người có còn câu hỏi nào nữa không?

- Thưa Tôn giả, chúng tôi hết câu hỏi rồi. Vậy Tôn giả hãy hỏi chúng tôi đi, nếu biết chúng tôi sẽ trả lời.

- Này các nữ du sĩ, Pháp nào có "một" không có hai?.

Cả bốn nữ du sĩ im lặng, Đức Xálợiphất giải đáp rằng:

---

[1]- Vv. Chương V. Giải thích Thiên cung Thiên tử Ếch (Maṇḍukadevaputtavimānavaṇṇanā).

- Này các nữ du sĩ: Pháp có một không hai là "Tất cả chúng sinh tồn tại nhờ vật thực".

Bốn nữ du sĩ thưa với Đức Xálợiphất rằng:

- Thưa Tôn giả, cha mẹ chúng tôi có dạy: "Khi biện luận thua người nam nào, nếu là tại gia hãy nhận người ấy làm chồng, nếu là bậc xuất gia, hãy tôn vị ấy là thầy".

Hôm nay, chúng tôi bị bại, xin Ngài hãy là Tôn sư của chúng tôi.

Đức XálợiPhất đưa các nữ du sĩ đến xuất gia với bà Thánh nữ Uppalavaṇṇā (Liên Hoa sắc).

Cả bốn bà nỗ lực hành pháp, chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả Alahán. Và danh tiếng của Đức Xálợiphất chói rạng như mặt trời vào giữa trưa.

Một hôm. chư Tỳkhưu bàn luận cùng nhau tại Giảng pháp đường rằng:

- Này chư hiền, bốn nữ du sĩ được Tôn giả Xálợiphất an trú vào đời sống Phạm hạnh, thật tốt đẹp thay trí tuệ của Tôn giả Xálợiphất.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, dạy rằng:

- Này các Tỳkhưu, chẳng phải hôm nay Xálợiphất tế độ bốn Tỳkhưu ni ấy. Thuở quá khứ, Xálợiphất cũng từng tế độ họ trở thành Hoàng hậu của vua xứ Assaka rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhưu, Đức Thế Tôn thuật lại Bổn sự Cullakāliṅga (Tiểu vương Kāliṅga).

***Bổn sự Tiểu vương Kāliṅga**.

Thuở xưa, khi vua Kāliṅga trị vì nơi kinh thành Dantapura, vua Kāliṅga có một đội quân tinh nhuệ, chính bản thân vua Kāliṅga có sức mạnh như con voi chúa đang hồi sung mãn, không một nước láng giềng nào dám đối đầu với quân xứ Kāliṅga.

Quá khao khát chiến tranh để hiển lộ sức mạnh của mình, vua Kāliṅga hỏi các đại thần rằng:

- Làm thế nào ta có thể chiến tranh với một nước nào đó?

Các vị đại thần hiến kế rằng:

- Thưa Đại vương, Đại vương có bốn nàng công nương xinh đẹp tuyệt trần, Đại vương hãy đóng một cổ xe xinh đẹp. Bốn công nương trang điểm xinh đẹp, trên người trang sức là những trân châu, ngọc báu, bốn công nương ngồi trong chiếc xe ấy, được hộ tống với một đoàn quân, đi đến các nước, nếu vua nước nào muốn đưa bốn công nương vào hậu cung, chúng ta sẽ có cớ đánh nước ấy.

Vua Kāliṅga làm theo kế hoạch ấy, nhưng cổ xe có bốn nàng công chúa xinh đẹp đi đến kinh thành nào, vua nước ấy cho người mang lễ vật tặng cho bốn công chúa, yêu cầu họ đừng vào kinh thành, vì vua xứ ấy không dám chiến tranh với vua Kāliṅga.

Cứ như thế, cổ xe mang bốn công chúa đi ngang dọc khắp nước Ấn, khi cổ xe đến kinh thành Potali của vua xứ Assaka. Vua Assaka cũng cho đóng cửa thành lại, gởi tặng vật đến bốn nàng công chúa.

Vua Assaka có một đại thần tài trí là Nandisena, Đại thần Nandisena suy nghĩ: "Người ta nói rằng bốn công chúa xinh đẹp này đi khắp nước Ấn, không tìm được vua nước nào chịu chiến tranh với vua Kāliṅga để cưới họ. Nếu đúng như thế thì nước Ấn này chỉ là cái tên trống rỗng, Ta sẽ chiến đấu với vua Kāliṅga".

Đại thần Nandisena cho mở cổng kinh thành Potana, rước bốn nàng công chúa vào, đưa đến yết kiến vua Assaka, thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Đại vương hãy làm lễ tấn phong bốn nàng công chúa này lên ngôi Hoàng hậu. Việc chiến tranh với vua Kāliṅga hãy giao cho tôi đảm nhận, chúng ta sẽ cho vua Kāliṅga biết sức mạnh của chúng ta.

Vốn tin tưởng vị đại thần tài trí Nandisena, nên vua Assaka làm lễ xức nước thánh, phong cho bốn công chúa ngôi vị Hoàng hậu xứ Assaka.

Đại thần Nandisena ban thưởng cho đoàn quân hộ tống bốn nàng công chúa, cho họ ra về với lời dặn rằng:

- Các người hãy về thưa với Đại vương Kāliṅga rằng: "Bốn nàng công chúa nay là Hoàng hậu xứ Assaka rồi".

Được tin này, vua Kāliṅga vui mừng rằng:

- Vua Assaka không biết sức mạnh của ta, ta sẽ cho xứ Assaka biết sức mạnh của vua Kāliṅga.

Vua Kāliṅga kéo đại quân hùng mạnh tiến đánh nước Assaka. Nghe đại quân của vua Kāliṅga kéo đến, đại thần Nandisena gửi sứ giả đến vua Kāliṅga rằng:

- Vua Kāliṅga chớ có xâm lấn vào nước Assaka, sẽ gây thương vong cho chúng thường dân. Chúng ta sẽ chiến tranh ở vùng biên giới.

Nghe vậy, vua Kāliṅga cho đóng quân dọc theo biên giới, Đại thần Nandisena cũng kéo đại hùng binh đi đến vùng biên giới để chiến đấu với vua Kāliṅga.

Bấy giờ Bồtát là một ẩn sĩ đang nhiệt tâm tu tập ở khoảng đất nằm giữa hai nước.

Vua Kālinga suy nghĩ rằng: "Các ẩn sĩ thường có thắng trí, biết trước được bên nào thắng, bên nào bại. Ta hãy đến hỏi vị ẩn sĩ ấy".

Vua Kāliṅga đi đến yết kiến Bồtát, sau khi đảnh lễ Bồtát xong rồi, ngồi xuống một bên, hỏi rằng:

- Thưa Ngài, cuộc chiến sẽ khởi lên giữa hai nước Kāliṅga và Assaka. Ai sẽ là người chiến thắng, ai sẽ là kẻ chiến bại?

- Thưa Đại vương, tôi không thể biết trước được cuộc chiến này ai là người thắng, ai là kẻ bại. Nhưng vua Trời Đế Thích biết được, ngày mai Đại vương đến đây tôi sẽ hỏi vua Trời Đế Thích, rồi cho Đại vương biết.

Đêm ấy, vua Trời Đế Thích đến viếng Bồtát, Bồtát hỏi:

- Thưa Thiên vương Đế Thích, cuộc chiến giữa hai nước Kāliṅga và Assaka, ai là người thắng, ai là kẻ bại?

- Thưa ẩn sĩ, vua Kāliṅga sẽ thắng, vua Assaka sẽ bại.

- Thưa Thiên vương, vì sao biết được như thế?

- Thưa Ẩn sĩ, thần hộ trì của vua Kāliṅga là con voi trắng, thần hộ trì vua Assaka là coi voi đen, Vị thần hộ trì nào mạnh thì nước ấy sẽ thắng, hiện nay con voi trắng mạnh hơn con voi đen.

- Thưa Thiên vương, có ai thấy được hai vị thần hộ trì ấy chăng?

- Thưa Ẩn sĩ, khi hai nước lâm chiến, chỉ có vua hai nước thấy được hai vị thần hộ trì ấy, người khác không thấy được.

Sáng hôm sau, khi vua Kāliṅga đến hỏi, Bồtát nói rằng:

- Thưa Đại vương, vua Trời Đế Thích nói rằng: Vua Kāliṅga thắng, còn vua Assaka bị bại".

Nghe vậy, vua Kāliṅga hân hoan từ giả Bồtát rồi ra về, không hỏi thêm điều chi khác.

Tin "Ẩn sĩ tiên đoán vua Kāliṅga sẽ thắng" loan ruyền khắp chiến trường, đại quân Assaka hoang mang, vua Assaka cho mời đại thần Nandisena đến, nói rằng:

- Này Nandisena, người ta nói rằng "ẩn sĩ tiên đoán vua Kāliṅga sẽ thắng, chúng ta sẽ thua". Chúng ta phải làm sao đây?

- Thưa Đại vương, việc ai thắng ai bại chưa thể nói trước được, xin Đại vương chớ lo lắng về tin đồn ấy.

Sau khi trấn an vua Assaka, Đại thần Nandisena đến yết kiến Bồtát, sau khi đảnh lễ Bồtát, ngồi xuống một bên, Đại thần Nandisena hỏi:

- Thưa Ẩn sĩ, nghe nói Ngài tiên đoán rằng "vua Kāliṅga sẽ thắng, vua Assaka sẽ bại", điều ấy có thật vậy chăng?

- Thưa gia chủ, điều ấy do vua Trời Đế Thích cho tôi biết là như vậy.

- Thưa Ẩn sĩ, dựa vào đâu mà vua Trời Đế Thích biết được điều này?

- Thưa gia chủ, vua Trời Đế Thích cho biết : Khi chiến tranh hai vị thần hộ trì của hai nước sẽ chiến đấu với nhau, vị thần nào mạnh, nước ấy sẽ thắng.

- Thưa Ẩn sĩ, hai vị thần hộ trì hai nước ấy như thế nào? Ai là người thấy được hai vị thần ấy?

- Thưa gia chủ, khi hai nước giao tranh hai vị thần hộ trì ấy sẽ xuất hiện. Vị thần hộ trì vua Kāliṅga là con voi trắng, vị thần hộ trì vua Assaka là con voi đen, hiện nay con voi trắng mạnh hơn con voi đen, nên vua Kāliṅga sẽ thắng. Khi giao tranh chỉ có hai vị vua thấy được hai vị thần hộ trì ấy, ngoài ra không ai thấy được.

Nghe vậy, Đại thần Nandisena đảnh lễ Bồtát rồi ra về.

Đại thần Nandisena tuyển chọn một ngàn dũng sĩ gan dạ, đưa họ lên đỉnh núi cao, rồi hỏi rằng:

- Này các dũng sĩ, các người có sẵn sàng hy sinh mạng sống cho Đức vua Assaka chăng?

- Thưa chủ, chúng tôi sẵn sàng.

- Vậy các ngươi hãy gieo mình xuống vực đi.

Các dũng sĩ toan làm theo lời của Đại thần Nandisena, Đại thần Nandisena ngăn lại, nói rằng:

- Ta đã tin các người là những người bạn trung kiên của vua Assaka rồi. Khi giao chiến với vua Kāliṅga, khi vua Assaka chi hướng nào, các người hãy cùng đâm vào hướng ấy, đồng thời dùng thân mình bảo vệ Đức vua Assaka.

- Vâng , thưa chủ.

Đại thần Nandisena thưa với vua Assaka những lời đàm luận của mình với Bồtát, rồi nói rằng:

- Thưa Đại vương, khi lâm trận Đại vương đừng quan tâm đến sống chết của mình, đã có ngàn dũng sĩ bảo vệ Đại vương rồi. Đại vương sẽ thấy con voi trắng, Đại vương hãy dùng giáo dài đâm vào con voi trắng, ngàn dũng sĩ dùng thân bảo vệ Ngài, họ sẽ dùng giáo dài đâm thẳng vào nơi Ngài đâm để trợ giúp Ngài. Chúng ta sẽ chiến thắng vua Kāliṅga.

Thế rồi, Đại thần Nandisena gửi chiến thư định ngày giao tranh, vua Kāliṅga vẫn yên chí: "Ta sẽ thắng", nên chấp nhận giao chiến nơi biên giới.

Khi hai bên dàn quân xong, rồi lâm chiến, Đại thần Nandisena hỏi vua Assaka rằng:

- Đại vương có thấy hai vị thần bảo hộ không?

- Có, ta thấy hai con voi một trắng, một đen đang giao tranh với nhau. Con voi trắng đang lấn thế hơn con voi đen.

- Vậy Đại vương hãy rời khỏi lưng ngựa Sindhu dũng mãnh khôn ngoan của mình, Đại vương đừng quan tâm đến an nguy vì đã có ngàn dũng sĩ bảo vệ rồi, Đại vương hãy chạy đến con voi trắng đâm vào nó đi.

Vua Assaka lảm theo lời của Đại thần Nandisena, khi vua Assaka đâm giáo dài vào voi trắng thì cả ngàn dũng sĩ cũng chẳng quan tâm đến quân Kāliṅga, dùng giáo dài đâm vào nơi vua Assaka vừa đâm.

Voi trắng trúng hằng trăm mũi giáo, nên yếu sức dần, vua Assaka cứ nhắm vào voi trắng đâm giáo đến chẳng màng đến sinh mạng của mình.

Ngàn dũng sĩ vừa bảo vệ vua Assaka vừa dùng giáo dài đâm theo hướng vua Assaka vừa đâm, voi trắng liên tục trúng thương, đồng thời bị voi đen kềm chế, cuối cùng voi trắng ngả quỵ xuống chết.

Lập tức quân Kāliṅga mất phương hướng tấn công, chỉ trong phút chốc bị đánh tan tác, vua Kāliṅga kinh hoàng bỏ chạy khỏi trận địa.

Vua Kāliṅga chạy ngang qua nơi ẩn cư của Bồtát, trách rằng:

- Các vị ẩn sĩ mà còn nói dối, tiên đoán rằng: "Vua Kāliṅga sẽ thắng", giờ đây chúng ta bị thảm bại như vầy.

Rồi vua Kāliṅga chạy thẳng một mạch về kinh thành Dantapura của mình.

Ít ngày sau, vua Trời Đế Thích đến viếng Bồtát, Bồtát trách rằng:

- Thưa Thiên vương, điều quý nhất của các thiên nhân là "sự chân thật". Các thiên nhân chẳng hề nói dối, thế mà Ngài nói dối, làm ta bị vua Kāliṅga trách cứ là "ẩn sĩ mà còn nói dối".

Vua Trời Đế Thích đáp rằng:

- Thưa ẩn sĩ Bàlamôn, Ngài chẳng biết rằng: "Các thiên nhân thường kính phục những người dũng cảm, những bậc kiên cường dám chống lại những nghịch cảnh hay sao?". Vua Assaka đã chiến thắng vua Kāliṅga nhờ vào sự dũng cảm kiên cường, chiến thắng ấy rất đáng thán phục.

Thưa ẩn sĩ, Ta ta không hề nói dối, chỉ vì đại thần Nandisena có tài trí cùng sự dũng mãnh nên đã làm đảo ngược kết quả.

Sau trận chiến, với chiến thắng oai hùng, vua Assaka thu được rất nhiều chiến lợiphẩm.

Đại thần Nandisena gửi thư đến vua Kāliṅga đòi của hồi môn của bốn nàng công chúa, cùng với lời rằng:

- Nếu vua Kāliṅga không trao của hồi môn cho bốn nàng công chúa, ta sẽ biết cách làm thế nào với vua Kāliṅga.

Nghe vậy, vua Kāliṅga lập tức gửi của hồi môn của bốn nàng công chúa đến vua Assaka. Từ đó hai nước sống hoà thuận với nhau.

Đức Thế Tôn nhận diện bổn sanh rằng: "Bốn công chúa con vua Kāliṅga, nay là bốn nữ du sĩ, Đại thần Nandisena nay là Xálợiphất; Ẩn sĩ thời ấy nay là Đấng Như Lai"[1].

6'- Thiên cung Kuṇḍalī.

Một thời Đức Xálợiphất, Đức Mụckiềnliên cùng chư Tăng du hành đến xứ Kāsi. Các Ngài đến tu viện thì mặt trời đã lặn, nhận được tin này, một cận sự nam là người chăm sóc vườn hoa cho tu viện, đi đến đảnh lễ Đức Xálợiphất, Đức Mụckiềnliên cùng chư Tăng, rồi mang nước đến để các Ngài rửa chân, mang dầu đến để thoa xức cho các Ngài.

Sau đó cận sự nam sữa soạn giường, sàng toạ, thắp đèn sáng , lau chùi sàn nhà ... Rồi thỉnh hai Ngài cùng các Tỳkhưu nnhận vật thực cúng dường vào ngày mai.

Hôm sau, cận sự nam cúng dường vật thực đến hai Ngài cùng các Tỳkhưu. Thọ thực xong, Đức Xálợiphất phúc chúc đến cận sự nam ấy.

Về sau, cận sự nam mệnh chung, tái sinh về cõi "Ba mươi ba" (Tāvatiṃsa), là chủ một thiên cung bằng vàng cao 12 do tuần[2].

7'- Một số du sĩ ở thành Vương xá.

Có lần Đức Xálợiphất, sau khi đắp y tề chỉnh tay cầm y bát đi vào thành Vương xá để khất thực.

Đức Xálợiphất nhận thấy trời còn quá sớm, nên đi đến vườn của các du sĩ. Sau khi đến, với những lời chào hỏi thân hữu, Đức Xálợiphất ngồi xuống một bên. Các du sĩ hỏi rằng:

- Này hiền giả Xálợiphất, có một số Samôn, Bàlamôn chủ trương về nghiệp, tuyên bố "khổ do mình làm".

Này hiền giả Xálợiphất, có một số Samôn, Bàlamôn chủ trương về nghiệp, tuyên bố "khổ do người khác làm".

Này hiền giả Xálợiphất, có một số Samôn, Bàlamôn chủ trương về nghiệp, tuyên bố "khổ do mình làm và khổ do người khác làm".

Này hiền giả Xálợiphất, có một số Samôn, Bàlamôn chủ trương về nghiệp, tuyên bố "khổ không do mình làm, không do người khác làm; khổ do tự nhiên sinh".

---

[1]- JA. Chuyện số 301. Tiểu vương Kāliṅga (Cullakāliṅga jātaka).

[2]- Vv. vi. 8; VvA. 295 .

Ở đây, này hiền giả Xálợiphất, Samôn Gotama thuyết như thế nào, tuyên bố như thế nào? Và chúng tôi trả lời như thế nào để đáp đúng lời Samôn Gotama tuyên bố, chúng tôi không xuyên tạc Samôn Gotama ...

- Này chư hiền, Đức Thế Tôn đã nói "khổ do duyên sinh, do duyên gì? Do duyên xúc". Nói như thế là đáp đúng lời Đức Thế Tôn, không xuyên tạc Đức Thế Tôn ...

Nghe được sự đàm luận này, Đức Ānanda trình lên Đức Phật. Đức Thế Tôn xác nhận là "đúng pháp", rồi Đức Thế Tôn giảng giải cặn kẻ thêm [1].

8'- Trưởng lão ni Bhaddā Kuṇḍalakesā.

Tiền sự.

Cách hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời thế gian rực sáng với hào quang của Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa).

Một nữ cận sự con của một gia tộc đại trưởng giả trong thành Haṃsavatī, nàng chứng kiến Đức Phật Padumuttara ban cho Trưởng lão ni Subhā địa vị "đệ nhất về thắng trí nhạy bén" (*khippābhiññā)*, nữ cận sự ấy ước muốn có được địa vị ấy trong thời Đức Chánh giác tương lai.

Nữ cận sự cúng dường đến Phật Padumuttara cùng Tăng chúng trọn 7 ngày. Vào ngày thứ 7, sau khi Đức Phật cùng Tăng chúng thọ thực xong rồi, nữ cận sự quỳ đảnh lễ dưới chân Đức Phật Padumuttara ước nguyện "đạt địa vị tối thắng về Thắng trí nhạy bén".

Đức Phật Padumuttara tiên tri rằng: "Sau 100 ngàn kiếp trái đất, kể từ kiếp này. Ước nguyện của nữ cận sự này sẽ thành tựu như ý trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác có Hồng danh Gotama".

Sau khi luân chuyển trong vòng sinh tử 100 ngàn kiếp trái đất giữa hai cõi nhân thiên, khi ở thiên giới nàng là thiên hậu của vua trời cõi ấy, khi là người thì ở ngôi Hoàng hậu của quốc độ ấy. Như kệ ngôn:

649- Yathā yathūpapajjāmi tassa kammassa vāhasā;

Tattha tattheva rājūnaṃ mahesittamakārayiṃ.

"Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sinh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua chính tại các nơi ấy"[2].

Vào hiền kiếp này, khi thế gian rực sáng với Phật quang của Đức Phật Kassapa (CaDiếp), hậu thân nữ cận sự tái sinh vào dòng Hoàng tộc, là cô công chúa thứ tư của Đức vua Kikī, trị vì vương quốc Kāsi, có kinh thành là Bārāṇasī (Balanại).

Đức vuaKikī có 8 nàng công chúa là: Nàng Uracchadā đắc Thánh quả Alahán vào lúc 16 tuổi và viên tịch ngay trong ngày[3], 7 nàng công chúa còn lại lần lượt là:

- Nàng Samaṇī (tiền thân của Thánh nữ Alahán Khemā).
- Nàng Samaṇā (tiền thân của Thánh nữ Alahán Uppalavaṇṇā).
- Nàng Guttā (tiền thân của Thánh nữ Alahán Paṭācārā).
- Nàng Bhikkhudāsikā (tiền thân của Thánh nữ Alahán Bhaddā Kuṇḍalakesā).
- Nàng Dhammā (tiền thân của Thánh nữ Alahán Kisāgotamī).
- Nàng Sudhammā (tiền thân của Thánh nữ Alahán Dhammadinnā).
- Nàng Saṅghadāsī (Tiền thân của Thánh nữ Dự lưu Visākhā)[4].

Cả 7 nàng công chúa đều sống độc thân suốt 20 ngàn năm tuổi thọ, sáu nàng công chúa chị xuất gia sống đời sống Phạm hạnh.

Đức vua có một người con trai trưởng là Thái tử Paṭhavindhara (hay Puthuvindhara), về sau nối ngôi vua (tiền thân của Đức Rāhula)[5].

---

[1]- Xem S.ii, 32. Aññatitthiya sutta.

[2]- ĐĐ Indacando (d). Ap.iii, 21. Ký sự về Kuṇḍalakesā (Kuṇḍalakesāpadānaṃ).

[3]- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 1).

[4]- JA.iv, 481. Trong Ap.iii, 21, các tên được ghi nhận là: Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhadāyikā, Dhammā, Sudhammā, Saṅghadāasī. Đồng thời nói rằng: "Các nàng công chúa này sống độc thân. Trong tập Mtu.i, 303 có nói đến một cô công chúa nữa là Mālinī Kisāgotamī.

[5]- ThagA. i. 151.

Một người cháu nội là Suyāma, con của Thái tử Suyāma là Kikī Brahmadatta (xem Trưởng lão Ekadhamma Savaṇiya)[1].

Đức vua Kikī là "nam cận sự tối thắng hộ độ" (*aggupaṭṭhāka)* của Đức Thế Tôn Kassapa (CaDiếp)[2].

Khi Đức Thế Tôn Kassapa viên tịch, vua Kikī xây dựng một cổng đền thờ Xálợi của Đức Phật Kassapa, cổng đền này dài 1 dotuần[3].

Kinh điển Sanskrit gọi nhà vua là Krkī và có đề cập một cung điện mang tên Kolanada của đức vua[4].

Vào thời Đức Phật Gotama còn tại thế, hậu thân của nàng công chúa Bhikkhudāsikā tái sinh về nhân giới, là con gái của đại trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương xá), có tên gọi là Bhaddā (Hiền thiện).

Vào ngày nàng sinh ra, gia đình của vị Đại thần tế lễ trong thành Vương xá cũng sinh ra một người con trai, những vật dụng bằng kim khí trong thành Vương xá đều chiếu sáng kỳ lạ.

Sáng sớm hôm sau, vị đại thần tế lễ vào yết kiến Đức vua Bìnhsa, vấn an Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, Đại vương có được an lạc chăng?

- Này đại thần tế lễ, làm sao ta có thể an lạc được. Hôm qua tất cả những vật dụng bằng kim loại cùng vũ khí đều sáng rực một cách lạ kỳ, điều này khiến ta lo lắng cho quốc độ.

- Thưa Đại vương, xin Ngài đừng lo âu, chẳng có chi tai hại đến quốc độ cả. Đó là do gia đình thần vừa sinh ra một bé trai, tất cả mọi vật bằng kim khí trong kinh thành này đều rực sáng một cách lạ kỳ như thế.

- Này đại thần tế lễ, vì sao có hiện tượng như thế?

- Thưa Đại vương, đây là điềm báo hiệu "đứa bé trai này sẽ là kẻ thù của kinh thành", nó trở nên một tên trộm của kinh thành Vương xá. Đại vương có muốn loại bỏ đứa bé này chăng?

- Này Đại thần, nếu không có tai hại nào đến quốc độ. Cũng không làm hại đến ta hay hoàng tộc thì không có lý do gì ta loại trừ đứa bé ấy. Hãy nuôi dưỡng và dạy dỗ đứa bé ấy.

- Vâng, thưa Đại vương.

Đại thần tế lễ đặt tên cho con trai là Sattuka (kẻ thù) như nhắc nhở hài tử đừng trở thành "kẻ thù".

Nhưng hài tử khi được 3 tuổi, bất kỳ nơi nào cậu ta đến, cậu ta đều lén đánh cắp bất cứ vật nào ở trong tầm tay, mang về phòng của mình.

Vị Đại thần tế lễ răn đe Sattuka, nhưng tính cách "lấy trộm đồ" của người khác, Sattuka không hề từ bỏ.

Đến khi Sattuka trưởng thành, vị Đại thần tế lễ thấy rằng:" Đứa con trai hư hỏng, thật sự ở ngoài vòng dạy bảo của ta rồi. Tốt nhất ta nên từ bỏ nó, kẻo gia tộc này sẽ nhục nhã vì đứa con hư hỏng này".

Đại thần tế lễ gọi Sattuka đến bảo rằng:

- Này Sattuka, ngươi hãy rời khỏi gia tộc này đi. Gia tộc này không thể chấp nhận ngươi, vì ngươi thật sự trở thành "kẻ trộm" rồi. Nếu ngươi còn ở trong gia tộc này, danh giá của gia tộc sẽ bị hoại vì hành động "trộm cắp" của ngươi.

Đại thần tế lễ cho Sattuka "hai vuông lụa đen để bao mặt khi trộm cắp vào ban đêm, một vật dụng bén để khoét vách tường, những lá chắn cùng chiếc thang dây", bảo rằng:

---

[1]- Ap.ii, 359.
[2]- AA.i, 420.
[3]- SnA.i, 194.
[4]- Mtu. i. 325; Divy. 22f.; Avadānaś i. 338, ...

- Này Sattuka, hãy lấy những vật dụng này để tự sinh sống, xem như quà tặng cuối cùng của gia tộc này đối với ngươi. Này Sattuka, hãy đi đi.

Kể từ khi ấy, Sattuka trở thành tên trộm "thiện xảo", khoét vách thành thạo, dùng thang dây leo vào những dinh thự của những gia tộc giàu có để lấy tài sản, y để lại dấu hiệu là "bàn tay đỏ", tuy mọi người biết "Sattuka là kẻ trộm", nhưng không thể bắt được Sattuka.

Một lần nọ, Đức vua Axàthế (Ajātasattu) dạo quanh thành Vương xá, thấy những lỗ hỏng do Sattuka "khoét vách" để lại.

Ngạc nhiên, Đức vua Axàthế hỏi người đánh xe rằng:

- Này người đánh xe, vì sao các nhà này đều có lỗ hỏng như vậy?

- Thưa Đại vương, đó là vết tích do tên trộm Sattuka "bàn tay đỏ" để lại. Cư dân trong thành Vương xá không thể ngủ yên khi đêm về, vì tên trộm nổi tiếng trong kinh thành sẽ viếng gia đình họ bất cứ lúc nào, để trộm tài sản của họ.

Đức vua Axàthế cho gọi đại thần giữ thành Vương xá đến hỏi rằng:

- Này Đại thần, vì sao tên trộm Sattuka không bị bắt?

- Thưa Đại vương, không ai bắt được tên trộm "bàn tay đỏ" ấy. Hắn như "bóng ma" thoạt ẩn thoạt hiện nhanh chóng và khéo léo.

- Vậy thì, này đại thần: "Hoặc là hôm nay tên trộm "bàn tay đỏ" bị bắt, hay chính sinh mạng ngươi bị đe doạ, gia sản của ngươi sẽ được tước đoạt để đền bù tài sản cho những người bị mất trộm.

Vì ngươi không hoàn thành nhiệm vụ của mình đối với cư dân trong thành Vương xá này".

Do sinh mạng cùng tài sản bị đe doạ, Đại thần giữ thành Vương xá ra lịnh cho đoàn "thám tử" bí mật đi khắp kinh thành Vương xá tìm cho ra nơi ẩn trú của Sattuka, ngay hôm ấy Sattuka bị phát giác và quân lính đến bao vây khu vực của Sattuka đang ẩn núp, cuối cùng Sattuka bị bắt.

Đại thần giữ thành Vương xá đi đến Hoàng cung yết kiến vua Axàthế, thưa rằng:

- Thưa Đại vương, tên trộm "bàn tay đỏ" Sattuka đã bị bắt, giờ phải làm gì với tên trộm ấy

- Hãy tử hình têm trộm Sattuka, hãy làm yên tâm cư dân trong, ngoài thành Vương xá. Hãy dẫn hắn đi khắp 4 cổng thành, đánh trống truyền rao rằng: "Tên trộm "bàn tay đỏ" Sattuka đã bị bắt, hắn sẽ bị tử hình ở cổng thành phía Nam".

- Vâng, thưa đại vương.

Quan quân trói quặt tay Sattuka ra sau, đưa Sattuka đi khắp đường phố trong thành Vương xá. Sattuka vừa đi vừa nhận những đòn roi quất vào người, người hắn như tẩm ướt những giòng máu đỏ tươm ra từ thân của hắn, rồi quan quân đưa hắn ra cửa thành phía Nam để tử hình.

Khi dẫn Sattuka đi qua mọi con đường trong kinh thành Vương xá, khi đi ngang quan nhà nàng Bhaddā, tiếng ồn ào náo động do đoàn người căm phẫn Sattuka theo sau, làm nàng Bhaddā tò mò, nàng đứng bên cửa sổ hình sư tử, vén rèm nhung nhìn ra, thấy Sattuka bị trói tay quặt ra sau, lính dẫn đi đánh những ngọn roi vào người đến toé máu, Sattuka oằn oại dưới những ngọn roi da, (theo bản Sớ giải kinh Pháp cú thì nàng Bhaddā được cha mẹ cho trú ngụ ở lầu 7, nàng từ trên cao vén rèm nhìn xuống[1]).

Nàng Bhaddā xúc động, cảm thương "tên tù nhân" bị hành hạ khốc liệt (do trong quá khứ tiền thân nàng Bhaddā từng là vợ của tiền thân Sattuka, nên ái luyến trong quá khứ còn tiềm ẩn trong tâm của nàng).

Nàng cảm thấy thương yêu "tên trộm" mãnh liệt, nên buồn rầu đi vào phòng nằm "thương nhớ tên tử tù".

---

[1]- DhpA. Câu số 102-103.

Là người con duy nhất của ông bà trưởg giả, Bhaddā là trung tâm sự chú ý của gia đình, một sự buồn phiền nhỏ xuất hiện trên gương mặt của cô "nữ chủ", đủ để làm lo lắng cho ông bà trưởng giả.

Bà trưởng giả đi đến nơi nàng Bhaddā nằm, hỏi về sự phiền muộn của nàng. Không giấu diếm những cảm xúc của mình, nàng còn mở rộng nỗi niềm của mình, nàng thú thật là "cảm thương tên tử tù, nếu y chết thì nàng cũng chẳng tha thiết sống"; cha mẹ nàng cùng những người thân cố gắng khuyên can nàng, nhưng vô ích.

Cuối cùng đành phải chiều theo ý nàng, "đưa con gái mình làm vợ gã tử tù, còn hơn để nàng chết".

Ông trưởng giả đến lo lót cho người đao phủ 1.000 đồng vàng, trì hoản việc hành hình cho đến khi mặt trời lặn, rồi thay thế Sattuka bằng một tử tội khác, bí mật đưa Sattuka trốn thoát về tư gia của ông trưởng giả. Sattuka được tắm rữa sạch sẽ bằng nước thơm, mặc y phục xinh đẹp, rồi đưa đến gặp nàng Bhaddā.

Và nàng Bhaddā vui sướng khi gặp lại Sattuka, nàng trang diểm thật xinh đẹp, trang sức nhiều loại nữ trang quý đắc, chìu chuộng Sattuka, cố gắng làm hài lòng Sattuka.

Vài ngày sau, Sattuka nhìn thấy những trang sức quý giá của nàng Bhaddā, y nảy sinh ý ác là: "Ta sẽ chiếm đoạt hết những tài sản của nàng này". Sattuka tỏ vẻ buồn rầu, nàng Bhaddā hỏi rằng:

- Này anh thân yêu, vì sao anh phiền muộn như vậy?

- Này nàng Bhaddā thân yêu, khi ta bị bắt, ta có khấn với thần núi "Kẻ cướp" (Corapabbata) (đây là nơi tử hình những tên trộm, cướp, rồi ném xác xuống vực thẳm, dân chúng gọi là "núi kẻ cướp") rằng: "Nếu thần núi "Kẻ cướp" bảo vệ được mạng sống của tôi, tôi sẽ đến núi Kẻ cướp tạ lễ. Nay nghĩ đến việc phải tạ lễ thần núi, nên ta lo lắng.

- Này anh thân yêu, việc ấy có khó khăn gì, chúng ta sẽ đến núi Kẻ cướp để tạ lễ thần núi.

- Thật là tốt đẹp, vậy nàng hãy trang điểm thật xinh đẹp, mang hết trang sức đeo vào người. Ta cùng nàng sẽ đến núi Kẻ cướp tế thần núi.

- Vâng, thưa anh thân yêu.

Nàng Bhaddā sắm sữa lễ vật tươm tất, trang điểm xinh đẹp, trên người trang sức những loại nữ trang quý đắc, cùng với Sattuka đi xe đến chân núi Kẻ cướp. Sattuka thuyết phục nàng Bhaddā rằng:

- Hãy để các người hầu ở lại, chúng ta cùng lên đỉnh núi để tế lễ, vì thần núi không thích đông người.

- Vâng, thưa anh thân yêu.

Rồi hai người bỏ xe cùng những người hầu đi lên đỉnh núi, nàng Bhaddā đội trên đầu những lễ vật được chuẩn bị chu đáo.

Khi đến gần đỉnh núi, Sattuka lộ ra bản chất cố hữu của mình, những lời ngọt dịu trước đây trở thành những lời thô lỗ cộc cằn, nàng Bhaddā nhạy bén hiểu ngay "sự ác độc" của Sattuka, nhưng nàng nghĩ thầm "nơi đây vắng vẽ, ta đơn độc không thể chống lại người chồng ác độc này. Ta hãy giả vờ mềm yếu để tự cứu mình".

Khi đến đỉnh núi, Sattuka ra lịnh với giọng khô khan đầy ác ý rằng:

- Này Bhaddā, hãy cởi hết trang sức ra, dùng vải gói lại.

Như không biết ý ác của Sattuka, nàng Bhaddā giả vờ ngây thơ, với giọng ngọt ngào hỏi rằng:

- Thưa anh thân yêu, vì sao phải làm như vậy?.

- Này cô gái ngu ngốc kia, nàng không còn cơ hội mang những trang sức ấy.

- Thưa anh thân yêu, em đã làm lỗi gì với anh?

- Này cô gái ngu ngốc kia, ngươi tưởng ta đến đây để tế thần núi ư? Ta còn dám mổ tim ngay cả thần núi, thì nói gì đến "tế lễ" chứ.

Ta đưa người đến đây để giết ngươi, lấy những trang sức quý giá của ngươi đấy?

Nàng Bhaddā vẫn ngọt ngào nói rằng:

- Thưa anh, em chẳng phải là vợ anh sao, thân của em thuộc về anh, thì những trang sức này cũng thuộc về anh. Nếu muốn anh hãy lấy những trang sức này đi.

- Ngươi nói gì thế? Ngươi là vợ ta sao? Ta chỉ biết những trang sức này là của ngươi, ngươi và ta chẳng liên quan gì cả.

- Vậy anh hãy lấy hết những trang sức này đi, hãy tha chết cho em. Anh hãy xem em như đã chết, em nguyện làm nô lệ của anh.

Nàng nói lên kệ ngôn:

Ime suvaṇṇakeyurā;
Sabbe veḷuriyā mayā.
Sabbañca gaṇha bhaddante.
Mamaṃ dāsiñca sāvayāti.
"Tất cả trang sức bằng vàng;
Được cẩn với ngọc quý.
Anh hãy lấy tất cả đi;
Hãy gọi em là nữ nô lệ của anh".

Nghe vậy, Sattuka nói:

- Làm sao ta tha chết cho ngươi được, ngươi sẽ báo cho gia đình ngươi, rồi gia đình ngươi sẽ đi báo quan, làm sao ta có thể thoát được sự truy lùng của quan quân.

Tốt nhất ta giết ngươi, cha mẹ ngươi tưởng rằng "ta cùng ngươi đã bỏ trốn", cha mẹ ngươi sẽ không đi báo quan, ta không bị quan quân truy nả vì nghĩ rằng "ta đã chết lâu rồi".

Sattuka nói kệ ngôn rằng:

Mā bāḷhaṃ paridesesṣ
Khippaṃ bhaṇḍakaṃ bandhāhi.
Na tuyhaṃ jīvitaṃ atthi;
Sabbaṃ gaṇhāmi bhaṇḍakanti.
"Đừng than van, kể lể;
Nhanh chóng cởi trang sức, gói lại.
Mạng sống ngươi không còn;
Ta sẽ lấy mọi trang sức của ngươi"[1].

Nàng Bhaddā vẫn ngọt ngào rằng:

- Thưa anh thân yêu, em vẫn luôn thương yêu anh. Nếu ý anh đã quyết giết em, em đành chịu, không oán hờn anh chi cả. Em chỉ xin anh một điều là: "Trước khi chết, anh cho em bày tỏ tình thương của em đối với anh, anh hãy cho em hôn anh: Trước mặt, hai bên và sau lưng đi, em chết cũng vui lòng".

Sattuka miễn cưỡng rằng: "Được thôi".

Nàng Bhaddā đi đến trước mặt Sattuka đảnh lễ rồi hôn Sattuka, nàng đi sang bên phải đảnh lễ rồi hôn, đi sang bên trái đảnh lễ rồi hôn, rồi đi vòng ra phía sau như đảnh lễ, dùng hết sức xô mạnh Sattuka.

Sattuka rơi xuống vực thẳm, cắm đầu vào một khe núi, rồi lao xuống vực, trên đường lao xuống vực thẳm, thân thể hắn va chạm vào vách núi, hay những cành cây mọc ven vách núi, xé toạc thân hắn ra từng phần.

Ở đây cần phân tích như sau: Khi nàng Bhaddā phát giác ý độc ác của Sattuka, nàng tìm cách tự bảo vệ mình, khi ấy chỉ có tâm thiện, chưa có ý sát sinh.

Khi Sattuka cương quyết giết chết, nàng Bhaddā với ý muốn "bảo toàn mạng sống" đã chuyển thành tâm sân xen lẫn với tâm thiện có trí, nhờ tâm thiện có trí cùng với ý "bảo toàn mạng sống" nàng mới nghĩ ra cách "tự cứu mình", tâm thiện có trí ấy được gọi là Upāya kosalla ñāṇa.

Khi xô Sattuka rơi xuống vực thẳm, đó là tâm sân cường mãnh với "cố ý sát sinh".

---

(1)- DhpA. Câu số 102-103.

Vị thần núi chứng kiến trí thông minh cùng sự can đảm đáng kinh ngạc của nàng Bhaddā, đã tán thán trí tuệ của nàng qua hai kệ ngôn:

a-Na hi sabbesu ṭhānesu;
Puriso hoti paṇḍito.
Itthīpi paṇḍitā hoti;
Tattha tattha vicakhaṇāti
"Không phải bất kỳ nơi nào;
Nam nhân là bậc trí.
Nữ nhân cũng là bậc trí;
Khôn ngoan ở nơi này, nơi khác".
b- Na hi sabbesu ṭhānesu;
Puriso hoti paṇḍito.
Itthīpi paṇḍitā hoti;
Lahuṃ atthavicintakā.
"*Không phải bất kỳ nơi nào;*
Nam nhân là bậc trí.
Nữ nhân cũng là bậc trí;
Nhạy bén khi nghĩ đến lợi ích"[1].

Sau khi xô Sattuka rơi xuống vực thẳm, nàng Bhaddā suy nghĩ: "Giờ đây ta không thể về nhà được rồi. Dầu ta có nói lên sự thật, cha mẹ ta cũng chẳng tin, hãy để cha mẹ ta nghĩ rằng "ta đã bỏ trốn theo Sattuka" vậy. Những trang sức quý giá này là "kẻ sát thủ âm thầm", cũng vì những trang sức quý này mà Sattuka đã "đoạn tình đoạn nghĩa", ta mang chúng trên người là tự mang lấy hiểm hoạ. Người khác thấy những trang sức này, sẽ tìm cách sát hại ta để chiếm lấy chúng, vậy ta hãy ném bỏ chúng.

Nàng Baddā cởi bỏ những trang sức, theo đường khác xuống núi, nàng suy nghĩ : "Giờ ta đến nơi nào? Làm sao ta tự sinh sống được?".

Ý niệm xuất gia làm du sĩ nảy sinh trong tâm nàng, nàng Bhaddā tìm đến một nữ tu viện của Niganṭha xin được xuất gia. Các nữ du sĩ hỏi:

- Cô xuất gia theo cách nào, thượng, trung hay hạ?
- Thưa các Ngài, xuất gia theo cách thượng, trung, hạ ấy ra sao?
- Này cô, xuất gia theo cách hạ là: cạo tóc bằng dao hay kéo, bậc trung là cạo tóc bằng lá cây thốt nốt, cách thượng là "nhổ từng sợi tóc".
- Tôi xin được xuất gia theo cách thượng.

Các nữ du sĩ nhổ từng sợi tóc của nàng (đây là cách cạo tóc đau nhất), khi tóc nàng mọc ra, họ xoắn lại như những vòng đeo tai nhỏ. Do đó nàng Bhaddā có biệt hiệu là Kuṇḍalakesā (người nữ tóc xoắn).

Nàng Bhaddā học được 1.000 đề tài tranh luận từ các nữ du sĩ ấy. Với trí tuệ bẩm sinh, nàng thấy rằng chúng không có cốt lỏi, nàng xin các nữ du sĩ ra đi tìm người luận chiến, mục đích của nàng là "tìm học những giáo lý cao siêu hơn". Những vị thầy của nàng dạy rằng:

- Nếu luận chiến thua người nam nào, nếu là tại gia hãy là vợ người ấy, nếu là bậc xuất gia hãy tôn vị ấy là thầy.

Khi đến nơi nào, trước khi đi vào cổng thành, nữ du sĩ Kuṇḍalakesā vun cao một đống cát, cắm vào đó "một nhánh trâm (jambu)", như là một dấu hiệu "thách luận chiến". Nếu ai bằng lòng cùng nàng luận chiến, sẽ nhổ "nhánh trâm" liệng đi, nàng sẽ tìm đến người ấy để luận chiến.

Nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā chỉ mặc một y, đi khắp nơi tìm người luận chiến, nhưng chưa gặp được đối thủ, danh tiếng nàng nổi lên rực rỡ. Khi nàng đi đến thành Xávệ (Sāvatthi), trước cổng thành nàng vun cao đống cát cắm "nhánh trâm" trên đó,

---

[1]- ThigA. Chương năm kệ, Trưởng lão ni Bhaddā Kuṇḍalakesā..

nói rằng: "Ai muốn luận chiến cùng ta, hãy nhổ nhánh trâm này ném bỏ", rồi đi vào thành.

Sáng hôm đó, Đức Xálợiphất đi vào thành Xávệ khất thực, sau khi thọ thực xong rồi, Ngài trở ra đến cổng thành thấy đống cát vun cao có cắm "nhánh trâm", Ngài hỏi những cư dân nơi ấy rằng:

- Này các gia chủ, đó là cái chi thế

- Thưa Samôn, đây là dấu hiệu "thách luận chiến của nàng Kuṇḍalakesā". Nàng tuyên bố rằng: "Ai muốn luận chiến cùng nàng, hãy nhổ nhánh trâm, ném bỏ".

- Vậy hãy "nhổ nhánh trâm", ném bỏ đi. Ta nhận lời "thách chiến" cùng với nàng Kuṇḍalakesā.

Đức Xálợiphất bảo những đứa bé nhổ bỏ nhánh trâm, cùng với lời dặn rằng: "Hãy bảo nàng Kuṇḍalakesā vào buổi chiều đến Đại tự Kỳviên tìm ta".

Nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā ra cổng thành, thấy nhánh trâm của mình bị nhổ lên và ném bỏ, đã hỏi rằng:

- Ai đã nhổ nhánh trâm của ta?

- Thưa nữ du sĩ, đó là Samôn Xálợiphất, đệ tử của Samôn Gotama. Vị ấy còn nói rằng: "Hãy bảo nàng Kuṇḍalakesā vào buổi chiều đến Đại tự Kỳviên tìm ta".

- Tốt thôi.

Nàng Kuṇḍalakesā đi vào thành Xávệ, cho người truyền rao khắp nơi trong thành rằng: "Chiều hôm nay sẽ có cuộc luận pháp giữa nữ du sĩ Kuṇḍalakesā cùng samôn Xálợiphất tại Đại tự Kỳviên, đại chúng hãy đến chứng kiến".

Vào chiều hôm ấy, đại chúng theo sau nữ du sĩ Kuṇḍalakesā rất đông, trong đại chúg có hai nhóm: Nhóm cận sự nam nữ suy nghĩ rằng: "Đức Xálợiphất của chúng ta sẽ nhiếp phục nữ du sĩ kiêu mạn này", nhóm người ngoại giáo nói rằng: "Chúng ta sẽ chứng kiến đại đệ tử của Samôn Gotama bại trận trước nữ du sĩ danh tiếng này".

Nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā cùng đại chúng đi đến Đại tự Kỳviên, tìm đến nơi trú ngụ của Đức Xálợiphất, bấy giờ Đức Xálợiphất đã an toạ trên chỗ ngồi của mình ở bên ngoài liêu thất, trước liêu thất của Đức Xálợiphất là khoảng sân rộng. Nữ du sĩ cùng đại chúng đảnh lễ Ngài Xálợiphất, rồi ngồi xuống một bên.

Nữ du sĩ hỏi:

- Thưa Tôn giả Xálợiphất, có phải Tôn giả bảo những đứa trẻ nhổ bỏ nhánh trâm của tôi?

- Này nữ du sĩ, thật sự là như vậy.

- Thưa Tôn giả Xálợiphất, Tôn giả chấp nhận cùng tôi luận pháp?

- Này nữ du sĩ, đúng như vậy.

- Thưa Tôn giả Xálợiphất, ai sẽ là người hỏi trước?

- Này nữ du sĩ, theo luật "thách chiến" ta sẽ là người hỏi trước. Nhưng ta nhường lại cho cô đấy, này nữ du sĩ, cô hãy hỏi đi.

- Vâng, thưa Tôn giả.

Nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā hỏi Đức Xálợiphất 1.000 câu hỏi với mọi đề tài. Đức Xálợiphất trả lời thông suốt tất cả, cho đến khi nữ du sĩ không còn câu hỏi nào. Bấy giờ, Đức Xálợiphất hỏi rằng:

- Này nữ du sĩ, cô còn câu hỏi nào nữa chăng?

- Thưa Tôn giả, tôi đã hết câu hỏi rồi. Giờ Tôn giả hãy hỏi tôi đi, nếu biết tôi sẽ trả lời.

- Vậy thì, này du sĩ, "Ekaṃ nāma kiṃ? *Thế nào gọi là* ***một***?"[1].

Nữ du sĩ thú thật là "không thể trả lời được", nàng hỏi Đức Xálợiphất rằng:

- Thưa Tôn giả Xálợiphất, câu hỏi trên thuộc vấn đề gì?

---

[1]- Câu hỏi này đùng cho tất cả chúng sinh, nhưng cũng nên hiểu rộng là: "Tất cả pháp đều cần phải có một pháp, một pháp đó là gì? Chính là "vật thực" (āhāra)". Cho dù là hữu tình hay vô tình như cây cỏ, đất, đá ... đều cần có "vật thực" để tồn tại.

- Này nữ du sĩ, đó là Phật ngôn (Buddhamantā). Câu hỏi này, ngay cả một Sadi (sāmaṇera) trẻ trong Giáo pháp này cũng trả lời thông suốt, nhưng cô lại không biết.

Là người có trí được tích luỹ sâu dày trong quá khứ, nữ du sĩ Bhaddā Kuṇḍalakesā nhận thức ngay "trí tuệ của người đối diện", đồng thời nhận ra "Giáo pháp vô cùng vi diệu" này, nên nàng quỳ xuống đảnh lễ Đức Xálợiphất với cách "năm chi chạm đất", bạch rằng:

- Thưa Tôn giả, xin Ngài từ bi nhận con là đệ tử. Xin Ngài hãy là Tế độ sư của con.

Đức Xálợiphất suy nghĩ: "Nữ du sĩ này là người có trí nhạy bén, ta hãy đưa nàng đến yết kiến Đức Thế Tôn". Đức Xálợiphất đáp rằng:

- Này nữ du sĩ, cô không nên nhận ta là Tế độ sư. Cô hãy đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, nhận Ngài là Đấng Đạo sư của mình.

- Vâng thưa Tôn giả, con xin vâng theo lời Ngài chỉ dạy.

Nữ du sĩ nói với đại chúng rằng: Này đại chúng, ta sẽ đến yết kiến Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn sẽ là Tế độ sư của Ta. Nhưng ta không thể "với hình thức" này đến yết kiến Ngài. Hãy cho ta tấm y choàng khoác thân đi.

Một nam cận sự bố thí cho nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā một tấm y choàng, nàng khoác vào người, che kín mình, đi đến Giảng pháp đường.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ngồi trên Pháp toạ, giảng pháp đến đại chúng, nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā đến đảnh lễ Đức Thế Tôn với ":năm chi chạm đất", rồi ngồi vào nơi hợp lẽ.

Với Phật trí, Đức Thế Tôn thấy được duyên lành Alahán của nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā đã đến thời chín mùi, Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn:

102- Yo ca gāthāsataṃ bhāse;
Anatthapadasañhitā.
Ekaṃ gāthāsataṃ seyyo;
Yaṃ sutvā upasammati.
"Dầu nói trăm câu kệ;
Nhưng không gì lợi ích.
Tốt hơn một câu pháp.
Nghe xong được tịnh lạc" (HT. TMC dịch).

103- Yo sahassaṃ sahassena;
Saṅgāme mānuse jine.
Ekañca jeyyamattānaṃ;
Sa ve saṅgā majuttamo.
"Dầu tại bãi chiến trường;
Thắng ngàn ngàn quân địch.
Tự thắng mình tốt hơn;
Thật chiến thắng tối thượng" (HT. THM dịch) [1].

Nghe dứt hai kệ ngôn trên, nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā chứng đạt Thánh quả Alahán cùng với Tuệ phân tích.

Nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā đi đến trước Đức Thế Tôn xin được xuất gia trong Giáo pháp này. Đức Thế Tôn dạy:

- Này Bhaddā, hãy đi đến Ni viện, để được xuất gia trong Ni đoàn.

Bà Thánh nữ Uppalavaṇṇā (Liên Hoa sắc) đã tế độ nàng Bhaddā trở thành vị sadi ni [2].

Một lần nọ, khi rời Ni viện, nàng sadi ni Bhaddā đi đến núi Kên kên (Gijjhakūṭa) đảnh lễ Đức Thế Tôn, chính nơi đây, Đức Thế Tôn ban cho nàng Bhddā thọ giới Tỳkhưu ni, bằng cách gọi tên: "Ehi Bhadde: Hãy đến đây, này Bhaddā".

---

[1]- Dhp. Câu số 102-103.

[2]- AA. i. 200. Theo Luật Tỳkhưu ni, muốn thọ giớiTỳkhưu n, sadi ni phải qua 2 năm giữ giới "học nữ" (sikkhāmānā), tức là giữ "5 giới Bốtát đầu" và giới "không ăn phi thời". Nên nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā không thể "thọ Tỳkhưu ni" ngay.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú do Đại trưởng lão Pháp Minh dịch, có chi tiết khác biệt là: Sau khi được thọ giới Tỳkhưu ni, mấy hôm sau nàng Bhaddā Kuṇḍalakesā mới chứng đạt Thánh quả Alahán.

Bản Ký sự (Apadāna) cũng ghi nhận chi tiết khác biệt là:

676- Tato haṃ uggahetvāna nisīditvāna ekikā;
samayaṃ taṃ vicintesiṃ sutvāno mānussaṃ karaṃ.
677- Chinnaṃ gayha me pātayitvā apakkami;
disvā nimittamalabhiṃ hatthaṃ taṃ puḷavākulaṃ.

(676-677) *"Tôi đã học xong (giáo lý) ấy từ họ. Tôi đã ngồi xuống mỗi một mình và đã suy xét về (giáo lý) ấy. Có con chó tha bàn tay người đã bị đứt lìa và đã đánh rơi ở cạnh tôi rồi bỏ chạy. Sau khi nhìn thấy cảnh tượng (ấy), tôi đã nhặt lấy bàn tay có đầy dòi bọ ấy".*

678- Tato vuṭṭhā saṃviggā apucchiṃ sahadhammike;
Te avocuṃ "vijjānanti tamatthaṃ'sakyabhikkhavo.

"Sau khi từ chỗ ấy đứng dậy, bị chấn động, tôi đã hỏi những người đồng đạo. Họ đã nói rằng "những vị Tỳkhưu dòng Sakya biết rõ ý nghĩa ấy".

679- Sāhaṃ tamatthaṃ pucchissaṃ upetvā buddhasāvake;
te mamādāya gacchiṃsu buddhaseṭṭhassa santikaṃ.

"(Nghĩ rằng)"Ta sẽ hỏi ý nghĩa ấy", tôi đã đi đến các vị Thánh thinh văn của Đức Phật. Sau khi đón nhận tôi, các vị ấy đã đi đến bên Đức Phật tối thượng".

680- So me dhammadesesi khandhāyatanadhātuyo,
Asubhāniccā dukkhāti anattāti ca nāyako.

"Và Đấng Lãnh Đạo ấy, đã thuyết pháp cho tôi về: "Uẩn, xứ, giới, bất mỹ, vô thường, khổ và vô ngã".,

681- Tassa dhammaṃ suṇitvā'haṃ dhammacakkhum.'visodhayim.,
tato viññātasaddhammā pabbajjaṃ upasampadaṃ.
682- Āyāciṃ so tadā āha "ehi bhadde" ti nāyako;
tadā'haṃ upasampannā parittaṃ toyamadāsaṃ.

(681-682)- *"Sau khi lắng nghe Giáo pháp của vị ấy, tôi đã làm cho Pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã yêu cầu sự xuất gia và tu lên bậc trên. Khi ấy, Đấng Lãnh Đạo ấy đã nói rằng: "Hãy đến, này Bhaddā". Khi ấy tôi đã được tu lên bậc trên. Tôi đã nhìn thấy một ít nước.*

683- Pādapakkhālanenāhaṃ ñatvā sa-udayaṃ vayaṃ;
tathā sabbepi saṅkhārā iti saṃcintayiṃ tadā.

"*Với sự rửa sạch bàn chân, tôi biết được là có sự tiêu hoại với nước. Khi ấy, tôi đã tự suy xét rằng : "Tất cả các hành cũng là tương tự như thế".*

684- Tato cittaṃ vimucci me anupādāya sabbaso ;
khippābhiññānamaggaṃ maṃ tadā paññāpavī jino.

"Do đó, tâm tôi đã được giải thoát trọn vẹn, không còn chấp thủ. Khi ấy, Bậc Chiến Thắng đã tuyên bố là đứng đầu trong số các vị ni có thắng trí nhạy bén"[1].

Bản Sớ giải "Kệ ngôn Trưởng lão ni" ghi nhận: "Đức Thế Tôn cho nàng Baddā Kuṇḍalakesā thọ giới Tỳkhưu ni"[2].

Khi đến thời thích hợp, giữa hàng Tứ chúng, Đức Thế Tôn dạy rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikānaṃ bhikkhunīnaṃ khippābhiññānaṃ yadidaṃ bhaddā kuṇḍalakesā.

"Này các Tỳkhưu, trong hàng Tỳkhưu ni đệ tử của Ta, "đệ nhất về thắng trí nhanh lẹ, là Bhaddā Kuṇḍalakesā"[3].

---

[1]- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân Ký sự III (Ap, iiii). Ký sự Trưởng lão ni Kuṇḍalakesā (Kuṇḍalakesāpadānaṃ).
[2]- ThigA.i. 99.
[3]- A.i, 25. Chương một pháp. Phẩm người tối thắng (Etadaggavaggo).

Trong "Kệ ngôn Trưởng lão ni" (Therīgāthā) có ghi nhận năm kệ ngôn của bà Bhaddā Kuṇḍalakesā như sau:

107- Lūnakesī paṅdhakārī;
ekasātī pure cariṃ.
Avajje vajjamatinī;
vajje cāvajjadassinī.
"Cạo tóc, thân làm nhơ bẩn;
trước giữ hạnh một y.
Không lỗi cho là lầm lỗi;
Và có lỗi, nhìn thấy không lỗi."
108- Disvāvihārā nikkhamma;
gijjhakūṭamhi pabbate.
Addasaṃ virajaṃ buddhaṃ;
bhikkhusaṅghapurakkhatam.
"Ban ngày lìa bỏ tự viện;
Trên đỉnh núi Kên kên.
Nhìn thấy Đức Phật không dính bụi;
Đang dẫn đầu các Tỳkhưu".
109- Nihacca jāṇuṃ vanditvā;
sammukhā añjaliṃ akaṃ.
"ehi bhadde'ti" maṃ avaca;
sā me āsūpasampadā.
"Ta quỳ xuống đảnh lễ Đức Phật.
trước mặt Ngài, ta chấp tay.
Ngài gọi ta "hãy đến này Bhaddā";
như thế, ta được thọ giới trọn vẹn".
110- Cinnā aṅgā ca magadhā;
vajjī kāsī ca kosalā.
Anaṇā paṇṇāsavassāni;
raṭṭhapi piṇḍaṃ abhuñjahaṃ.
"Ta đi khắp Aṅga, Makiệtđà.
Vajjī, Kāsī và Kiêutấtla.
Năm mươi năm không mang nợ;
Dùng vật thực quốc độ".
111- Puññaṃ vata pasavi bahuṃ;
Sappañño vatāyaṃ upāsako.
Yo bhaddāya cīvaraṃ adāsi;
Vippamuttāya sabbaganthehī'ti.
"Thực hành nhiều phước báu;
Thật vậy, cận sự nam có trí .
Đã cho Bhaddā chiếc y,
Thoát ra khỏi mọi trói buộc"[1].

Soạn xong, ngày 5-10 năm Canh dần.
Ngày 10 tháng 11 năm 2010.

[1]-Thig. Kệ ngôn Trưởng lão ni Bhaddā Kuṇḍalakesā (Bhaddā Kuṇḍalakesātherīgāthā).

Danh từ riêng Pāli.
-o-o-o-

A.
Aṅga.
Aṅgīrasa.
Ajātasattu (Axàthế).
Aññā Koṇḍañña.
Atthaka.
Atthadassī.
Adhimuttaka.
Anādhapiṇḍika (Cấp cô độc).
Anuruddha.
Anotatta.
Apacara.
Abhaya.
Alīnacitta.
Avanti.
Avavādakā.
Assaka.
Asoka (Adục).
Ā.
Ānanda.

Ālambālayana.

Āḷavaka.

I.
Indra.
Isipatana.
U.
Uggasenananda.
Ucchukaṇḍika.
Ujjeni.
Uttarā.
Uttarā Nandamātā.
Udāyibhadda.
Upasāḷha.
Upāli.
Uposatha (Bốtát).
Uppalavaṇṇā (Liên Hoa sắc).
Uracchadā.
E.
Ekanālā.
K.
Kaṇhadinna.
Kadaraka.
Kapilavatthu (Catỳlavệ).
Kampalavasabha.
Kasī – Bhāradvāja.
Kassapa (CaDiếp).
Kassapagotta.

Kākavaliya.
Kātiyāna
Kānāmātā.
Kāraṇḍiya.
Kālavaka.
Kāliṅga.
Kāsi.
Kāḷāsoka.
Kikī.
Kisāgotamī.
Kuṇḍathāna.
Kuṇḍalī.
Kuṇḍiyā.
Kumā.
Kusika.
Kelāsa.
Kevaṭṭananda.
Kevatta.
Koliya.
Koliyaputta.
Kosala (Kiều tất la).
Kosiya.
Kosiyagotta.
Kh.
Khujjuttarā.
Khemā.
G.
Gaggarā.
Gañgeyya.
Gandha.
Gandhamādana (Hương sơn).
Gambhira.
Gijjhakūṭa.
Giribbajja.
Guttila.
Gotama (Cồ Đàm).
Gopālamātādevī.
Govisānakananda.
C.
Caṇḍa Pajjota.
Candagutta.
Candana.
Campaka.
Campā.
Cāṇakka.
Cundī.
Cūḷānāthapiṇḍika.
Cūḷekasātaka.
Citta.
Chaddanta.
J.
Jaṭila.

Jīvaka.
Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên).
Jotika.
T.
Takkasilā.
Tapodā.
Tampadāṭhika
Tāmaba.
Tissa.
Tissāmātā.
Tusita (Đẩusuất).
Tekicchakāni.
Th.
Thullanandā.
D.
Dakkhiṇāgiri (Nam sơn).
Dantapura.
Dasasiddhakananda.
Dāsaka.
Devagabha.
Devadatta (Đềbàđạtđa).
Dh.
Dhanañjāni.
Dhanananda.
Dhammadinnā.
Dhammapāla.
Dhammasava.
Dhammasavapitā.
Dhammā.
Dhāraṇīruha.
N.
Nakulapitā.
Nakulamātā.
Nanda.
Nanda Kumāputta.
Nandamātā.
Nandā.
Nandisena.
Nalinika.
Nāgadāsaka.
Nārada.
Nāḷaka.
Nigrodha.
P.
Paṅkathā.
Paṭācārā.
Paṭibhāniya.
Paṇḍita.
Paṇḍugatinanda.
Paṇḍhara.
Pathavindhara.
Padumā.

Padumuttara (Liên Hoa).
Pandukananda.
Pabbata.
Pasūra.
Pasenadi (Patưnặc).
Pāṭaliputta (Hoa thị thành).
Piyaka.
Pīṅgala.
Pukkusati.
Puṇṇa.
Puṇṇasīha.
Puṇṇā.
Purāṇa.
Pessa.
Potana.

B.

Bandhumatī.
Bandhumā.
Bandhura.
Bārāṇasī (Balanại).
Bāhiya Dārucīriya.
Bāhuna.
Bindusāra.
Bimbisāra (Bình sa).
Bimbī.
Buddhaghosa (Phật Âm).
Bojjhā.
Brahmadatta.

Bh.

Bhagu.
Bhattabhatika.
Bhaddā.
Bhaddākapilānī.
Bhaddā Kuṇḍalakesā.
Bhalliya.
Bhāradvāja.
Bhujaka.
Bhūtagaṇa.
Bhūtapālananda.
Bhūridatta.

M.

Magadha (Makiệtđà).
Maṅgala.
Macchariya Kosiya.
Majjhima.
Mañjūsaka.

Manujā.

Manosilātala.

Mallikā.

Mahā Kassapa.

Mahā Koṭṭhita.
Mahāgavaccha.
Mahāduggata.
Mahāpaduma.
Mahāratha.
Mahāli.
Mahā Saṅgharakkhita.
Mahāsena.
Mahāsammata.
Mahinda.
Mahiyaṅgana.
Māyā.
Māhissati.
Migadāya (rừng Nai).
Mittavindaka.
Mithilā.
Muṇḍa.
Muttā.
Meṇḍaka.
Metteyya.
Moggallāna (Mục kiền liên).
Moriya.
Y.
Yasodharā (Daduđàla).
Yamataggī.
Yāma.
R.
Ratthapālananda.
Rājagaha (Vương xá).
Rādha.
Rāhula (Lahầula).
Rūpī.
Revata.
Roruka.
L.
Licchavī.
Lomasakaṅgiya.
Lolā.
Losaka.
Losakatissa.
V.
Vaṅganta.
Vaṅgisa.
Vajjiyamāhita.
Vajjī.
Vanavāsī.
Vanavāsītissa.
Varuna.
Vasulokī.
Vaṃsa.
Vānaka.
Vāmadeva.

Vāsula.
Vāseṭṭha.
Vidūdabha.
Videhā.
Vipassī (TỳBàThi).
Visākhā.
Vedisa.
Vedisagiri.
Vesāli.
Vessantara.
Vessāmitta.
Vessavana.
Veḷukaṇṭa.
Veḷukaṇṭakī.
Veḷukaṇṭakī Nandamātā.
Veḷuvana (rừng Trúc).
Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm).

S.

Sakka (ThíchCa).
Saṅkicca.
Saṅghadāsī.
Saṅghamittā.
Saccaka.
Saccā.
Sajjanela.
Sañchi.
Sattuka.
Sabbosatha.
Sandaka.
Samaṇā.
Samaṇī.
Samiddhi.
Sarabhū.
Sāgala.
Sāmāvatī.
Sālavatī.
Sālindiya
Sāriputta (Xálợiphất).
Sārī.
Sāvatthi (Xávệ).
Sikhī.
Siddhattha.
Sineru (Tudi).
Sirimā.
Silavatī.
Sihasena.
Sīvali.
Sukha.
Sudanta.
Sudassana (Thiện Kiến).
Suddhodana (Tịnh Phạn).
Sudhammā.

Sudhānā.
Suppabuddha (Thiện Giác).
Suppavāsā.
Suppiya.
Suppiyā.
Subāhu.
Subuddha.
Sumana.
Sumānā.
Suyāma.
Surādha.
Suvaccha.
Suvaṇṇabhūmi.
Susunāga.
Soṇadaṇḍa.
Sonāmātā.
Sopāka.
Sobhita.
Somā.
Sovira.

H.

Hatthāḷavaka.
Hatthipura.
Haṃsavatī.
Hema.

Mục lục.
-o-o-o-

Trang.

C- Đệ tử của Đức Xálợiphất.
1- Trưởng lão Rādha.
- Bổn sanh Ālīnacitta (Tâm thu phục).
- Trưởng lão Surādha
- Vua Brahmadatta.
a- Thanh niên Brahmadatta
b- Trưởng lão Brahmadatta
c- Đức Phật Độc giác Brahmadatta
2- Trưởng lão Losaka.
- Bổn sanh Losaka.
- Kiếp sống cuối cùng.
3- Trưởng lão Samiddhi.
- Làng Silavatī.
- Trưởng lão Bandhura.
4- Trưởng lão Kosiya.
- Họ tộc Kosiya.
5- Trưởng lão Kaṇhadinna
- Trưởng lão Bhāradvāja.
6- Trưởng lão Saṅkicca.
- Chuyện ngạ quỷ Voi.
- Nam cư sĩ.
- Trưởng lão Adhimuttaka.
-Bốn vị Sadi bị bỏ đói.
7- Trưởng lão Sīvali.
- Nàng Suppiyā
- Tiền sự của Ngài Sīvali.
- Một tiền sự khác.
- Thiên tử Nāgadatta.
- Núi Kelāsa.
- Núi Gandhamādana.
- Nàng Suppavāsā.
- Bổn sự Asātarūpa.
8- Vị đệ tử ...
- Bổn sự Nanda.
- Dakkhiṇāgiri.
- Thành phố Vedisa.
- Bàlamôn Kāsi – Bhāradvāja,
- Trưởng lão Dhammasava.
- Trưởng lão Dhammasavapitā.
- Trưởng lão Purāṇa
- Cận sự nữ Veḷukaṇṭakī.
- Nàng Sirimā.
- Trưởng lão Nanda Kumāputta.
- Trưởng lão Sudanta.
9- Trưởng lão Sarabhū.
10- Sadi Vanavāsī Tissa.
- Bổn sự Upasāḷha.
- Trưởng lão Vanavāsī khác.

- Trưởng lão Tekicchakāni.
- Phụ lục.
- Susunāga.
11- Sadi Paṇḍita.
12- Sadi Sukha.
D- Đức Xálợiphất với hàng tại gia.
- Trưởng giã Cấp cô độc.
- Gia chù Nakulapitā.
-Gia chủ Citta.
- Bổn sự Kāraṇḍiya.
1'- Trưởng lão Mahāgavaccha.
2'- Đao phủ Nanh đồng.
3'- Một bà lão nghèo.
- Bổn sự "ngụa quý ăn cám gạo đỏ".
4'- Các cư sĩ ở Campā.
- Kinh thành Campā.
- Du sĩ Kandaraka.
- Gia chủ Vajjiyamāhita.
- Trưởng lão Kassapagotta.
- Trưởng lão Kassapagotta (2).
- Trưởng lão Kassapagotta (3); (4).
- Thiên cung Thiên tử "Ếch".
5'- Các nữ du sĩ ...
- Bổn sự Tiểu vương Kāliṅga.
6'- Thiên cung Kuṇḍalī.
7'- Một số du sĩ.
8'- Trưởng lão ni Bhaddā Kuṇḍalakesā.